

A L V I N
T O F F L E R

CÚ SỐC TƯƠNG LẠI

F U T U R E S H O C K



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

CÚ ĐỐC TƯƠNG LAI

Vì điều kiện không liên hệ trực tiếp được với các dịch giả,
Chúng tôi xin thành thật xin lỗi. Xin kính mời các dịch giả
liên hệ với Nhà xuất bản thanh niên để nhận nhuận bút
Xin chân thành cảm ơn.

ALVIN TOFFLER

CÚ SỐC TƯƠNG LAI

Người dịch: NGUYỄN VĂN TRUNG
Người hiệu đính: HOÀNG MẠC THUY

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bạn đọc đã từng biết đến Alvin Toffler với bộ ba tác phẩm *Thăng trầm quyền lực*, *Cú sốc tương lai*, *Làn sóng thứ ba* do Nhà xuất bản Thông tin lý luận xuất bản lần đầu cách đây một thập kỷ, lần này chúng tôi xin được giới thiệu lại với bạn đọc những tác phẩm nổi tiếng đã đưa tác giả lên vị trí “Nhà tương lai học lừng danh” đó.

Với dung lượng thông tin đầy ắp và những dẫn chứng cụ thể, có sức thuyết phục, ba tác phẩm đã miêu tả, phân tích và nhận định về xã hội trong khung cảnh những đổi thay đến mức kỳ lạ, làm đảo lộn lối sống, đưa người đọc vượt qua những phát kiến hấp dẫn của “*Thời kỳ bùng nổ*” để đến với những giải pháp nhiều mặt về vật chất và tinh thần, về khoa học xã hội, về mỗi cá nhân và cả cộng đồng...

Mặc dù vậy, nhiều luận điểm nêu trong ba cuốn sách trên, mà cụ thể trong tay bạn là cuốn *Cú sốc tương lai* vẫn cần phải bàn luận do nhân sinh quan và thế giới quan của tác giả. Nhưng để

phục vụ yêu cầu nghiên cứu của bạn đọc, Nhà xuất bản Thanh Niên xuất bản ba tác phẩm trên để cung cấp cho bạn đọc những thông tin dưới dạng *TÀI LIỆU THAM KHẢO*.

Mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI GIỚI THIỆU

Đây là cuốn sách về những gì xảy ra cho người ta khi sự thay đổi áp đảo họ. Nó cũng nói về những cách mà chúng ta thích nghi hoặc không thích nghi với tương lai.

Tương lai đã được viết rất nhiều. Tuy nhiên hầu hết những cuốn sách viết về thế giới ngày mai nghe như nốt nhạc kim loại chói tai. Ngược lại những trang sách này liên quan đến khía cạnh con người ngày mai. Hơn thế nữa, chúng liên quan đến những giai đoạn mà chúng ta dường như sẽ đạt đến ngày mai. Chúng giải quyết những vấn đề thông thường hàng ngày - những sản phẩm chúng ta mua và vứt bỏ, những nơi chốn chúng ta ra đi và bỏ lại phía sau, những công ty chúng ta ở, những người đi rất nhanh qua cuộc đời của chúng ta. Tương lai của tình bạn và cuộc sống gia đình được thăm dò. Những nền văn hoá và cách sống mới kỳ lạ được điều tra cùng với một dãy những chủ đề khác từ chính trị và sân chơi đến nhảy dù rơi tự do và tình dục.

Những gì liên kết những điều trên - trong sách cũng như trong cuộc sống là dòng thay đổi nhộn nhịp, quá mạnh đến nỗi nó lật nhào thể chế, di chuyển những giá trị của chúng ta và làm héo hon gốc rễ của chúng ta. Thay đổi là qui trình nhờ đó tương lai xâm chiếm cuộc sống của chúng ta, do đó phải xem xét kỹ nó, không những chỉ từ viễn cảnh của lịch sử, mà còn từ ưu thế của những cá nhân sống thử, nếm mùi nó.

Sự gia tăng thay đổi trong thời đại của chúng ta là một lực cốt yếu. Sức đẩy gia tăng này có những hậu quả cá nhân, tâm lý cũng như là xã hội học. Trong những trang tiếp theo, những ảnh hưởng gia tăng này lần đầu tiên được khai thác, một cách có hệ thống. Tôi hy vọng cuốn sách chỉ rõ một cách thuyết phục là phải nhanh chóng kiểm soát tốc độ thay đổi trong công việc của con người cũng như là trong xã hội nói chung trừ phi con người không muốn bị kết án chết vì sự sụp đổ thích nghi tập thể.

Năm 1965, trong một bài viết đăng trên báo *Horizon*, tôi đặt ra cụm từ "Cú sốc tương lai" để diễn tả Stress làm đảo lộn và sự mất phương hướng mà chúng gây ra cho cá nhân bằng cách bắt họ phải chịu quá nhiều thay đổi trong một thời gian quá ngắn. Bị khái niệm này quyến rũ, trong 5 năm sau đó tôi đã làm việc với các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, các cơ quan chính phủ, đọc rất nhiều báo chí và

báo cáo khoa học, phỏng vấn hàng trăm chuyên gia về những khía cạnh khác nhau của sự thay đổi, về thái độ đối phó với tương lai. Những người được giải Nobel, hippie, những nhà tâm thần học, bác sĩ, thương gia, những người theo thuyết vị lai chuyên nghiệp, những nhà triết học, và các nhà giáo đã nói lên sự quan tâm của họ về sự thay đổi, những mối lo âu của họ về thích nghi, những mối sợ hãi của họ về tương lai. Tôi rời bỏ kinh nghiệm này với hai nhận thức bối rối.

Đầu tiên, rõ ràng cú sốc tương lai không còn là mối nguy hiểm tiềm tàng xa cách, nhưng là một căn bệnh thật sự mà một số lớn người tăng lên đã chịu đau khổ. Trạng thái tâm sinh lý này có thể được diễn tả theo từ ngữ y học và tâm lý học. Đây là căn bệnh của sự thay đổi.

Thứ hai, tôi dần dần kinh sợ vì thấy sự thích nghi được biết quá ít, hoặc từ những người đáng lẽ phải giúp chúng ta đối phó với những thay đổi này. Các nhà tri thức đứng đắn đã can đảm nói về “giáo dục về sự thay đổi” hoặc “chuẩn bị con người cho tương lai”. Nhưng chúng ta hầu như không biết một tí gì về việc phải làm điều đó như thế nào? Trong môi trường thay đổi nhanh mà con người đã bị phơi bày ra, chúng ta vẫn không biết một cách đáng thương hại về việc làm thế nào con thú người phải đối phó.

Các nhà tâm lý học và chính trị của chúng ta bối rối do sự chống cự dường như của một số cá

nhân hoặc tập thể đang gánh chịu sự thay đổi. Người đứng đầu công ty muốn tổ chức lại một phòng ban, nhà giáo dục muốn giới thiệu một phương pháp dạy mới, viên thị trưởng muốn thực hiện sự hòa hợp chủng tộc ôn hòa trong thành phố của chúng ta - tất cả lúc này hay lúc khác, đều gặp phải sự chống cự mù quáng này. Vì chúng ta biết rất ít về nguồn gốc của nó. Thêm vào đó, tại sao có một số người hăng hái làm tất cả với khả năng của họ để tạo ra sự thay đổi, trong khi những người khác trốn tránh? Không những tôi chẳng tìm thấy câu trả lời cho những câu hỏi đó, mà còn phát hiện ra rằng chúng ta thiếu một lý thuyết đầy đủ về thích nghi, không có nó thì chúng ta chẳng bao giờ tìm ra câu trả lời.

Do đó mục đích của cuốn sách này là giúp chúng ta quan hệ với tương lai - giúp chúng ta đối phó có hiệu quả hơn với sự thay đổi xã hội và cá nhân bằng cách làm tăng thêm sự hiểu biết của chúng ta về việc làm thế nào con người đáp lại sự thay đổi đó. Cuối cuốn sách, một lý thuyết mới bao quát về thích nghi sẽ được đưa ra.

Có sự phân biệt quan trọng cần chú ý, mặc dù nó hay bị xem thường. Hầu hết nghiên cứu các hậu quả thay đổi tập trung về điểm đến mà sự thay đổi đưa chúng ta tới hơn là tốc độ hành trình. Trong cuốn sách này, tôi cố gắng chứng minh rằng tốc độ thay đổi có bao nhiêu hàm ý hoàn toàn ngoài hướng thay đổi ra, đôi khi tốc độ thay đổi quan

trọng hơn hướng thay đổi. Không thể hiểu được sự thích nghi nếu sự thật này không được nắm bắt. Bất kỳ cố gắng nào định nghĩa “nội dung” thay đổi phải gồm cả hậu quả tốc độ đi như là một phần của nội dung.

William Ogburn, với lý thuyết nổi tiếng của ông ta về lệch pha văn hoá, đã chứng minh làm thế nào những Stress xã hội phát sinh ra từ các tốc độ thay đổi thất thường trong những lĩnh vực khác nhau của xã hội. Khái niệm về cú sốc tương lai - và lý thuyết thích nghi rút ra từ đó - đề nghị phải có sự cân bằng, không phải chỉ giữa các tốc độ thay đổi trong các lĩnh vực khác nhau, mà còn là giữa nhịp độ thay đổi đúng cho nhiều cuốn sách (mặc dù các tác giả không thích nói đến).

Tuy nhiên sự lỗi thời số liệu có ý nghĩa đặc biệt ở đây, được dùng như để chứng minh luận thuyết riêng của cuốn sách về sự nhanh chóng của thay đổi. Theo thời gian các tác giả rất khó theo kịp với thực tế. Chúng ta chưa học để nhận thức, nghiên cứu, viết và in ấn “theo thời gian thực”. Do đó độc giả phải tự nhận thức nhiều với chủ đề chung hơn là với chi tiết.

Một hạn chế khác có liên quan đến trạng từ “sẽ”. Không có nhà theo thuyết vị lai nghiêm túc nào buôn bán “lời tiên tri”. Việc này dành cho các nhà tiên tri vô tuyến truyền hình và các nhà chiêm tinh học báo chí. Ngay cả những người quen thuộc với độ phức tạp của công việc dự báo cũng không có

ai cho rằng đã hiểu biết tuyệt đối ngày mai. Trong những dòng chữ mĩa mai ngọt ngào dường như là câu châm ngôn Trung Quốc: “Tiên đoán cực kỳ khó - đặc biệt đối với tương lai”.

Điều này có nghĩa là mỗi lời phát biểu về tương lai phải được một dãy từ hạn định đi theo - những “nếu”, những “và”, những “nhưng”, và những “mặt khác”. Do đó nếu xác định chất lượng một cuốn sách loại này thì chỉ chôn độc giả dưới hàng loạt từ “có thể” dồn dập. Thay vì làm việc đó, tôi có quyền nói chắc chắn, không một chút do dự, tin rằng độc giả thông minh sẽ hiểu vấn đề văn phong. Chữ “sẽ” phải luôn luôn được đọc như là nó được đi trước bằng các chữ “có thể” hoặc “theo ý tôi”. Tương tự như thế, tất cả ngày tháng áp dụng cho các biến cố tương lai cần phải được hiểu ngầm với một chút phán xét.

Tuy nhiên, sự bất lực không thể nói chắc chắn và chính xác về tương lai không phải là lời cáo lỗi cho sự im lặng. Dĩ nhiên, các “số liệu cứng” có sẵn, phải được đưa vào để xem xét. Nhưng khi chúng không có, người viết có trách nhiệm - ngay cả nhà khoa học - có quyền và nghĩa vụ dựa trên những loại bằng chứng khác, gồm cả các số liệu thuộc trường phái ấn tượng và giai thoại và ý kiến của những người được thông tin đầy đủ. Tôi đã làm việc đó trong cả cuốn sách và không cần phải xin lỗi về chuyện đó.

Khi giải quyết về tương lai, ít nhất cho mục

đích có thể với tới được, rất quan trọng phải có óc tưởng tượng và sâu sắc hơn là một trăm phần trăm đúng. Lý thuyết không cần phải “đúng” để có thể là có ích. Ngay cả sai lầm cũng có chỗ dùng được. Các bản đồ thế giới do các nhà vẽ bản đồ thời Trung cổ vẽ đầy sai lầm, làm cho những người ngày nay mỉm cười khi toàn bộ mặt địa cầu được vẽ trên hải đồ. Nhưng những nhà thám hiểm lớn không bao giờ có thể phát hiện ra Tân Thế Giới nếu không có chúng. Ngay cả những bản đồ chính xác hơn và tốt hơn ngày nay sẽ không được vẽ, nếu với những bằng chứng giới hạn có sẵn, con người không dám đặt trên giấy những khái niệm can đảm về thế giới mà họ chưa bao giờ thấy.

Chúng tôi thám hiểm tương lai giống như những người làm bản đồ xưa kia, và đó là tinh thần mà khái niệm cú sốc tương lai và lý thuyết thích nghi được trình bày ở đây - không phải như là lời cuối cùng, mà là sự phỏng chừng đầu tiên về những thực tế mới đầy nguy hiểm và hứa hẹn do sức đẩy gia tăng tạo ra.

PHẦN MỘT

CÁI CHẾT CỦA SỰ VĨNH CỬU

Chương 1:

QUẢNG ĐỜI THỨ 800 CỦA LỊCH SỬ NHÂN LOẠI

Trong ba thập kỷ từ nay đến thế kỷ thứ XXI, hàng triệu người tâm lý bình thường sẽ đối diện sự xung đột thình lình với tương lai. Công dân của các quốc gia giàu nhất và kỹ thuật tiên tiến nhất sẽ thấy khó theo kịp yêu cầu không dừng về thay đổi là đặc tính của thời đại chúng ta. Đối với họ, tương lai đến quá sớm.

Cuốn sách này nói về sự thay đổi và làm thế nào chúng ta thích nghi với nó. Nó cũng nói về những người dường như phát triển nhanh nhờ thay đổi, cũng như là về những người chống lại hoặc chạy trốn khỏi sự thay đổi. Nó nói về khả năng thích nghi của chúng ta. Nó cũng nói về tương lai và cú sốc đó mang đến.

Xã hội phương Tây trong 300 năm qua nằm trong cơn bão lửa của sự thay đổi. Cơn bão này thay vì yếu đi thì nay dường như đang gia tăng cường độ. Sự thay đổi quét qua các nước công nghiệp cao với tốc độ ngày càng tăng và tác động

chưa hề có từ trước. Nó sinh sôi nảy nở đủ loại cây cỏ xã hội kỳ lạ - từ nhà thờ ma túy và “trường đại học tự do” đến thành phố khoa học ở Bắc Cực và câu lạc bộ trao đổi vợ ở Califoocnia.

Nó cũng phát sinh ra những nhân vật kỳ quặc: trẻ con 12 tuổi không còn là trẻ con nữa; người lớn 50 tuổi như trẻ con 12 tuổi. Người giàu giả vờ nghèo khổ, chương trình computer phụ thuộc vào chất gây ảo giác. Những người vô chính phủ dưới vỏ áo sơ-mi hoa hoè bắn thủ là những người tuân thủ tàn bạo, và những người tuân thủ dưới vỏ áo quần nghiêm túc là những người vô chính phủ, vô nhân đạo. Có linh mục cưới vợ và mục sư vô thần và các hoà thượng Do Thái. Chúng ta cũng còn có nhạc dân gian... opêra... nghệ thuật chiếu bóng... hội playboy... rạp chiếu bóng đồng tính luyện ái... thuốc Bengedrine và thuốc giảm thống... sự tức giận, sự giàu có và sự lãng quên. Quá nhiều sự lãng quên.

Có cách nào giải thích quang cảnh quá lạ lùng mà không cần đến các biệt ngữ phân tâm lý học hoặc những lời nói sáo tối tăm của chủ nghĩa hiện thực không? Một xã hội mới lạ lùng dường như đang hình thành giữa chúng ta. Có cách nào hiểu được nó không? Định hình sự phát triển của nó không? Làm thế nào chúng ta quan hệ với nó?

Những gì bây giờ đối với chúng ta khó hiểu có thể hiểu hơn, nếu chúng ta có cái nhìn mới vào tốc

độ thay đổi, đôi khi chính tốc độ này làm thực tế giống như cảnh nhiều màu sắc lung tung. Vì sự gia tăng thay đổi không phải chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến công nghiệp hay quốc gia. Đây là một lực cụ thể đi sâu vào đời sống riêng của chúng ta, buộc chúng ta phải giữ vai trò mới để khỏi bị căng thẳng thần kinh, làm chúng ta đương đầu với một căn bệnh tâm lý mới và rất khó chịu. Căn bệnh mới này có thể được gọi là *cú sốc tương lai*, sự hiểu biết về nguồn gốc và triệu chứng của nó giúp giải thích được nhiều điều mà không thể phân tích một cách có lý lẽ được.

NGƯỜI KHÁCH KHÔNG ĐƯỢC CHUẨN BỊ ĐỂ ĐÓN TIẾP

Danh từ “cú sốc văn hoá” đã bắt đầu thành từ ngữ phổ biến. Cú sốc văn hoá là hậu quả của sự nhận chìm vào một nền văn hoá xa lạ mà người khách không được chuẩn bị trước gặp phải. Cú sốc văn hoá là những gì mà một người du lịch thấy mình ở một nơi lắt léo có nghĩa là đồng ý, nơi mà “giá cố định” có nghĩa là mặc cả được, nơi mà cười có nghĩa là tức giận. Đây là những gì xảy ra khi các hành động tâm lý quen thuộc của một cá nhân trong xã hội hàng ngày bị thay thế đột ngột bởi các hành động mới xa lạ và không hiểu được.

Cú sốc văn hoá gây ra sự bối rối, tâm trạng

thất vọng, và sự mất phương hướng trong việc đối xử với các xã hội khác. Nó cũng gây ra sự thất bại về thông tin, hiểu sai thực tế, mất khả năng đối phó. Tuy nhiên cú sốc văn hoá vẫn còn nhẹ so với căn bệnh nghiêm trọng hơn nhiều là cú sốc tương lai. Cú sốc tương lai là sự mất phương hướng đến choáng váng do tương lai đến quá sớm. Nó có thể là căn bệnh quan trọng nhất của ngày mai.

Cú sốc tương lai không thể tìm thấy trong mục lục y học hoặc trong bất kỳ danh mục các hiện tượng tâm lý không bình thường nào. Thế nhưng nếu không có những phương pháp thích hợp chống lại nó thì hàng triệu con người sẽ thấy họ dần dần bị mất phương hướng, dần dần mất khả năng thích nghi với môi trường xung quanh. Tình trạng khó chịu loạn thần kinh chức năng tập thể, sự phi lý và bạo động thả nổi đã xuất hiện trong đời sống hiện nay là dấu hiệu báo trước trừ phi chúng ta hiểu và chữa trị được căn bệnh này.

Cú sốc tương lai là hiện tượng thời gian, sản phẩm của tốc độ gia tăng lớn về thay đổi trong xã hội. Nó sinh ra từ việc đặt một văn hoá mới chồng lên trên cái cũ. Đó là cú sốc văn hoá của riêng từng xã hội. Nhưng hậu quả của nó xấu hơn nhiều.

Nếu đưa một cá nhân ra khỏi nền văn hoá riêng của anh ta và thành linh đặt anh ta vào một môi trường khác với cách hành động khác, nhận thức khác về thời gian, không gian, công việc, tình

yêu, tôn giáo v.v... và cắt đứt mọi hy vọng của anh ta trở về xã hội quen thuộc, thì sự chuyển chỗ mà anh ta phải chịu đựng nặng nề gấp đôi. Hơn thế nữa, nếu nền văn hoá mới này luôn luôn bị rối loạn, và những giá trị của nó không ngừng thay đổi, thì ý thức mất phương hướng càng được tăng cường. Do đó nạn nhân có thể nguy hiểm cho chính anh ta và cho những người khác.

Bây giờ tưởng tượng không phải một cá nhân mà là toàn thể một xã hội, toàn thể một thế hệ - gồm cả những thành viên yếu nhất, kém thông minh nhất, và vô lý nhất - thỉnh linh được chuyển vào một thế giới mới. Kết quả là sự mất phương hướng tập thể, cú sốc tương lai trên quy mô lớn. Đây là viễn cảnh mà con người sẽ đối mặt.

CẮT ĐỨT VỚI QUÁ KHỨ

Có thể nào nói chúng ta đang sống trong “cuộc cách mạng công nghiệp thứ hai” không? Câu nói có vẻ gây ấn tượng mạnh cho chúng ta về tốc độ và tính sâu sắc của sự thay đổi xung quanh ta. Nhưng thực sự là câu nói quá tầm thường và lảm lẩn. Những gì đang xảy ra ngày nay là lớn hơn, sâu đậm hơn và quan trọng hơn cuộc cách mạng công nghiệp. Thực vậy, rất nhiều nhà khoa học và kỹ thuật đã chứng nhận điều đó. George Thomson, nhà vật lý Anh đã được giải Nobel, nói trong cuốn sách *Tương lai có thể thấy trước được rằng* những

gì xảy ra ngày nay không phải là cuộc cách mạng công nghiệp mà là “sự phát minh ra nông nghiệp trong thời đại đồ đá mới”. John Diebold, chuyên viên tự động hoá Mỹ, cảnh cáo rằng “hậu quả cuộc cách mạng kỹ thuật thời chúng ta đang sống sẽ sâu đậm hơn bất kỳ sự thay đổi xã hội nào mà chúng ta đã trải qua.”

Không phải chỉ các nhà khoa học và kỹ thuật có quan điểm trên. Herbert Read, nhà triết học nghệ thuật, cho rằng chúng ta đang sống “trong cuộc cách mạng vô cùng cơ bản mà chúng ta phải tìm sự tương xứng trong các thế kỷ đã qua. Có thể, chỉ có so sánh với sự thay đổi đã xảy ra giữa thời kỳ đồ đá cũ và mới”. Kurt W. Marek với tên thường gọi là C.W. Ceram, tác giả của cuốn sách nổi tiếng *Thượng đế, mô mả và học giả*, cho rằng ở thế kỷ XX “chúng ta không phải đang sống vào thời kỳ La Mã trước khi bắt đầu Công nguyên, mà là chúng ta đang ở vào năm 3000 trước Công nguyên. Chúng ta mở to mắt giống như người thời tiền sử, chúng ta đang thấy một thế giới hoàn toàn mới”.

Một trong những lời phát biểu sâu sắc về đề tài này là của Kenneth Boulding, nhà kinh tế học và nhà tư tưởng xã hội. Khi biện minh về quan điểm thời điểm hiện nay là một bước ngoặt quyết định trong lịch sử nhân loại, ông ta cho rằng “thế giới ngày nay khác xa với thế giới lúc tôi mới sinh cũng như khác với thế giới thời Jules Caesar. Quá

20

nhiều việc xảy ra từ khi tôi sinh ra đến bây giờ cũng bằng những gì đã xảy ra trong toàn bộ thời gian dài trước khi tôi sinh ra."

Lời phát biểu làm mọi người phải sửng sốt này có thể được diễn giải bằng nhiều cách. Thí dụ nếu 50.000 năm sau cùng của lịch sử nhân loại được chia thành các quãng đời với 62 năm một, thì đã có chừng 800 quãng đời như thế. Trong 800 quãng đời thì 650 quãng ở trong hang động.

Chỉ trong khoảng 70 quãng đời sau cùng mới có thể thông tin từ quãng đời này đến quãng đời khác nhờ chữ viết. Chỉ trong 6 quãng đời sau cùng người ta mới thấy chữ in. Chỉ trong 4 quãng đời sau cùng mới có thể đo chính xác thời gian. Chỉ trong 2 quãng đời sau cùng mới có động cơ điện. Hầu hết hàng hoá chúng ta dùng hàng ngày hiện nay được phát triển trong quãng đời thứ 800 này.

Quãng đời thứ 800 này đánh dấu sự cắt đứt rõ ràng với quá khứ lịch sử nhân loại, vì trong quãng đời này mối quan hệ của con người với những nguồn tài nguyên đã đảo ngược. Điều này rất rõ ràng trong lĩnh vực phát triển kinh tế. Nông nghiệp, cơ sở nguồn gốc văn minh, đã mất tính ưu thế từ nước này sang nước khác trong vòng một quãng đời. Ngày nay trong 12 nước lớn chỉ 15% số người ở tuổi lao động làm về nông nghiệp.

Hơn thế nữa, nếu nông nghiệp là giai đoạn

dầu của sự phát triển kinh tế và công nghiệp là giai đoạn thứ hai, bây giờ chúng ta thấy một giai đoạn khác là giai đoạn thứ ba. Đó là giai đoạn những người lao động giống như công chức hoặc tư chức như kinh doanh, hành chính, thông tin, nghiên cứu, giáo dục và các loại dịch vụ. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, xã hội không những chỉ phá bỏ gông xiềng nông nghiệp mà cần phải quyết phá bỏ gông xiềng lao động tay chân trong vòng vài thập kỷ. Kinh tế dịch vụ đầu tiên của thế giới đã được sinh ra.

Từ đó, những nước công nghiệp phát triển nước này tiếp nước kia đã đi theo cùng hướng. Ngày nay, trong những nước này với nền nông nghiệp giảm xuống mức 15% hoặc thấp hơn, những người lao động giống như công chức đã đông hơn số công nhân ở Thụy Điển, Anh, Bỉ, Canada và Hà Lan. 10.000 năm nông nghiệp. Một hoặc hai thế kỷ công nghiệp. Và bây giờ là siêu công nghiệp. Trong thời đại siêu công nghiệp, tài nguyên không còn giới hạn quyết định mà chính quyết định làm ra tài nguyên. Đây là sự thay đổi cách mạng cơ bản - có thể là sự thay đổi cách mạng nhất mà nhân loại biết đến. Sự đảo ngược vĩ đại này xảy ra trong quãng đời thứ 800.

Quãng đời này cũng khác với những quãng đời khác vì sự phát triển lạ lùng về quy mô và phạm vi thay đổi. Rõ ràng đã có những quãng đời khác mà những biến đổi thời đại đã xảy ra. Nhưng

những cú sốc và biến đổi này chỉ ảnh hưởng đến một xã hội hoặc các xã hội lân cận. Phải trải qua hàng thế hệ, ngay cả hàng thế kỷ, sự tác động của chúng mới vượt qua khỏi biên giới.

Trong quãng đời của chúng ta, các biên giới đã bị phá vỡ. Ngày nay mạng lưới liên kết xã hội đan nhau chặt chẽ đến nỗi hậu quả của các biến cố hiện đại toả ngay tức thì khắp thế giới. Cuộc chiến tranh Việt Nam thay đổi nhưng liên kết chính trị cơ bản ở Bắc Kinh, Matxcova, và Oasinhtơn, làm nổ ra biểu tình ở Stốckhôm, ảnh hưởng công việc kinh doanh tài chính ở Zurich, gây ra những hoạt động ngoại giao mật ở Alger.

Thực vậy, không phải chỉ những biến cố hiện đại lan tràn ngay lập tức - bây giờ chúng ta có thể nói là cảm nhận được tác động của các biến cố quá khứ theo cách nói mới. Một biến cố ảnh hưởng đến một nhóm người vào thời điểm xảy ra trong quá khứ có thể có những hậu quả qui mô lớn ngày nay. Chúng ta bị kẹt trong cái có thể là "bước nhảy thời gian". Bất kỳ dấu vết tác động nào của biến cố đặt dấu ấn trên cấu trúc gen, tư tưởng và giá trị của những người ở lục địa này ngày nay có thể được họ mang đi khắp nơi trên trái đất ảnh hưởng tới những người ở lục địa khác. Như thế, những biến cố của quá khứ giống như đã nhảy qua các thế hệ và các thế kỷ đang thúc dục để ám ảnh và thay đổi chúng ta ngày nay.

Những gì xảy ra cho một số người trong quá khứ thì ngày nay hầu như ảnh hưởng tới tất cả

mọi người. Điều này không phải luôn luôn đúng. Tóm lại, tất cả lịch sử đang đuổi kịp chúng ta, và chính sự khác nhau này, rất nghịch lý, nhấn mạnh sự cắt đứt của chúng ta với quá khứ. Như thế phạm vi thay đổi về cơ bản đã bị biến đổi. Đi qua không gian và thời gian, sự thay đổi có sức mạnh và tác động đến quãng đời thứ 800 này mà chưa bao giờ xảy ra từ trước.

Nhưng sự khác nhau cuối cùng về chất giữa quãng đời này và tất cả những quãng đời trước có thể nhận ra dễ dàng. Vì chúng ta không những chỉ mở rộng qui mô và phạm vi thay đổi, chúng ta đã biến đổi cơ bản tốc độ của nó. Trong thời đại ngày nay, chúng ta đã giải phóng một lực xã hội hoàn toàn mới - dòng thay đổi được tăng nhanh đến nỗi nó ảnh hưởng đến sự nhận thức của chúng ta về thời gian, cách mạng hoá nhịp điệu cuộc sống hàng ngày, và ảnh hưởng đến chính cái cách mà chúng "cảm", "thấy" thế giới xung quanh chúng ta. Chúng ta không còn "cảm thấy" cuộc sống như người trong quá khứ. Vì sự gia tăng này nằm sau tính không vĩnh viễn - tính nhất thời - thâm nhập và nhuộm màu nhận thức của chúng ta, ảnh hưởng một cách cơ bản cái cách chúng ta quan hệ với những người khác, quan hệ với sự vật, quan hệ với toàn bộ tư tưởng, nghệ thuật và giá trị.

Để hiểu những gì xảy ra cho chúng ta khi chúng ta đi vào thời đại siêu công nghiệp, chúng ta phải phân tích những quá trình gia tăng và đổi

mặt với khái niệm nhất thời. Nếu gia tăng là một lực lượng xã hội mới, tính nhất thời là sự đối trọng tâm lý, nếu không hiểu vai trò nó giữ trong cách xử thế của con người hiện đại, tất cả những lý thuyết của chúng ta về nhân tính, tất cả những tâm lý của chúng ta, vẫn là ở thời kỳ tiền hiện đại. Tâm lý không có khái niệm nhất thời thì không thể hiểu được những hiện tượng hiện đại đặc thù.

Bằng cách thay đổi quan hệ của chúng ta với nguồn tài nguyên xung quanh ta, bằng cách mở rộng không khí phạm vi thay đổi, và quan trọng nhất là bằng cách gia tăng tốc độ thay đổi, chúng ta tuyệt đối cắt đứt với quá khứ. Chúng ta đã đặt giai đoạn cho một xã hội hoàn toàn mới và chúng ta đang chạy về nó. Đây là điểm then chốt của quãng đời thứ 800. Và điều này làm nảy sinh vấn đề khả năng thích nghi của con người - con người đi như thế nào trong xã hội mới này? Con người có thể thích nghi với những điều bắt buộc của nó không? Nếu không thì con người có thể biến đổi những điều bắt buộc này không?

Trước khi trả lời những câu hỏi như thế, chúng ta phải tập trung vào hai lực: gia tốc và nhất thời. Chúng ta phải biết làm thế nào chúng ta biến đổi cách cấu tạo của sự hiện hữu, đưa cuộc sống và tâm lý của chúng ta vào các dạng mới không quen thuộc. Chúng ta phải hiểu thế nào và tại sao chúng đối mặt với chúng ta lần đầu tiên với tiềm năng bùng nổ của cú sốc tương lai.

Chương 2

SỨC ĐẨY GIA TĂNG

Rải rác đây đó đã có trường hợp trẻ con chết vì bệnh già trước tuổi. Trường hợp già trước tuổi rất hiếm. Nhưng theo nghĩa ẩn dụ thì tất cả các xã hội công nghiệp cao đều bị cơn bệnh đau đớn kỳ lạ này. Những xã hội này không phải trở thành già hoặc lão suy. Nhưng chúng đang chịu đựng tốc độ siêu bình thường về thay đổi. Nhiều người chúng ta có cảm giác mơ hồ là mọi việc đi nhanh hơn. Bác sĩ và các nhà quản lý than phiền là họ không thể theo kịp những phát triển mới nhất của ngành họ. Trong số họ và những người khác đều có tâm trạng khó chịu - họ nghi ngờ sự thay đổi đã thoát khỏi kiểm soát.

Tuy nhiên không phải tất cả mọi người đều chia sẻ mối lo lắng này. Hàng triệu người mộng du trên đường đời tưởng như chẳng có gì thay đổi từ năm 1930 và sẽ không có gì thay đổi. Mặc dù đang sống trong những giai đoạn thú vị nhất của lịch sử nhân loại, nhưng họ cố tình quên đi. Họ tìm kiếm sự “yên ổn riêng biệt”, một loại miễn dịch ngoại giao chống lại sự thay đổi. Người ta có thể thấy họ khắp nơi: người già đang cố gắng tránh bằng bất cứ giá nào sự xâm nhập của cái mới. Đã có những người già 35 tuổi và 45 tuổi, bực dọc về sự nổi loạn của sinh viên, tình dục, thuốc gây ảo giác LSD, váy

ngắn, họ tự thuyết phục rằng xét cho cùng thì thanh niên luôn luôn nổi loạn, và rằng những gì đang xảy ra ngày hôm nay không khác gì trong quá khứ. Ngay cả trong thanh niên chúng ta cũng thấy sự không hiểu được về thay đổi: sinh viên không biết gì về quá khứ đến nỗi họ thấy chẳng có gì không bình thường hiện nay cả.

Sự việc đáng bối rối là một số lớn người có giáo dục và thạo đời thấy tư tưởng về thay đổi quá nguy hiểm đến nỗi họ chối bỏ sự hiện diện của nó. Ngay cả nhiều người biết rõ là sự thay đổi đang gia tăng, họ không chịu tiếp thu kiến thức đó, họ không chú ý đến bước ngoặt này của xã hội trong việc lập kế hoạch cho riêng cuộc đời của họ.

THỜI GIAN VÀ THAY ĐỔI

Làm thế nào chúng ta biết rằng thay đổi đang gia tăng? Xét cho cùng thì không có cách gì tuyệt đối để đo thay đổi. Trong sự phức tạp của vũ trụ, ngay cả nằm trong bất kỳ xã hội nào, một số hầu như vô tận của các dòng thay đổi xảy ra đồng thời cùng một lúc. Tất cả “vật thể” từ con vi khuẩn bé tí tẹo đến dải ngân hà khổng lồ, trong thực tế không phải là vật thể mà là quá trình. Không có điểm tĩnh, không có nơi giống như thiên đường không thay đổi nhờ đó làm chuẩn để đo thay đổi. Do đó, sự thay đổi thiết yếu là tương đối.

Nếu tất cả quá trình xảy ra cùng một tốc độ,

hoặc ngay cả nếu chúng gia tăng hay chậm lại đều nhau, vẫn không thể so sánh thay đổi. Tuy nhiên tương lai xâm lấn hiện tại bằng các tốc độ khác nhau. Như thế có thể so sánh tốc độ của các quá trình khác nhau khi chúng bộc lộ. Chính xác là nhờ tính thất thường của sự thay đổi nên có thể đo được.

Tuy nhiên chúng ta cần một tiêu chuẩn để có thể so sánh các quá trình đa dạng cao, và tiêu chuẩn này là thời gian. Không có thời gian, sự thay đổi không có ý nghĩa. Và không có thay đổi, thời gian sẽ dừng lại. Thời gian có thể được xem như là khoảng cách trong đó các biến cố xảy ra. Thời gian cho phép chúng ta so sánh các quá trình không giống nhau.

Nếu biết được tính thất thường của sự thay đổi và tiêu chuẩn so sánh thời gian, chúng ta vẫn còn có khó khăn khi đo thay đổi. Khi chúng ta nói về tốc độ thay đổi, chúng ta nói đến số biến cố chen lẫn nhau trong một khoảng thời gian cố định trung gian. Như thế chúng ta cần định nghĩa "biến cố". Chúng ta cần chọn chính xác khoảng thời gian. Chúng ta cần cẩn thận về những kết luận chúng ta rút ra được từ những sự khác nhau mà chúng ta quan sát. Hơn thế nữa, trong việc đo thay đổi, ngày nay chúng ta đo quá trình vật lý dễ hơn đo quá trình xã hội. Thí dụ, chúng ta biết làm thế nào đo tốc độ máu chảy qua cơ thể dễ hơn là đo tốc độ tin đồn truyền trong xã hội.

NHỮNG THÀNH PHỐ DƯỚI LÒNG ĐẤT

Nhịp điệu tiến trình nhân loại trong lịch sử được ghi lại nhanh hơn ít nhất 100.000 lần nhịp điệu tiến trình trước khi có loài người. Trong thời kỳ đồ đá cũ, những phát minh và cải tiến cần 50.000 năm để hoàn thành thì khi kết thúc thời đại đồ chỉ cần 1000 năm. Khi có văn minh định cư, thời gian đó chỉ cần 1 thế kỷ. Tốc độ thay đổi gia tăng trong suốt 5000 năm qua, đáng chú ý nhất trong 300 năm cuối cùng. Tốc độ thay đổi gia tăng đến mức trí tưởng tượng của chúng ta không thể theo kịp.

Chúng ta hãy cùng xem sự thay đổi trong quá trình con người thành lập thành phố. Chúng ta đang chịu sự đô thị hoá nhanh và rộng rãi mà thế giới chưa bao giờ thấy. Năm 1850 chỉ có 4 thành phố trên mặt đất có dân số trên 1 triệu người. Năm 1900 con số đó tăng lên 19. Nhưng đến năm 1960 con số đó là 1441, và ngày nay dân số đô thị thế giới tăng theo tốc độ 6,5% hàng năm. Điều đó có nghĩa là đã gấp đôi dân số thành phố của trái đất trong vòng 11 năm.

Nói cách khác để hiểu được ý nghĩa sự thay đổi là tưởng tượng nếu tất cả các thành phố đang hiện diện, thay vì mở rộng ra thì giữ nguyên diện tích hiện nay. Nếu là như thế thì để chứa hàng triệu con người mới, chúng ta phải xây dựng một thành phố giống hệt như thành phố đã có cho hàng trăm thành phố hiện nay trên trái đất. Nghĩa là

một Tokyo mới, một Hamburg mới, một Rome mới... Tất cả phải được làm trong vòng 11 năm. (Điều này giải thích tại sao các nhà qui hoạch thành phố người Pháp đã vẽ các thành phố dưới lòng đất các cửa hiệu, viện bảo tàng, nhà kho, nhà máy phải được xây dựng dưới đất, và tại sao một kiến trúc sư người Nhật đã phác thảo một thành phố xây dựng trên các cột ngoài biển).

Cùng một khuynh hướng gia tăng như thế trong việc con người sử dụng năng lượng. Tiến sĩ Homi Bhabha, nhà khoa học nguyên tử Ấn Độ, chủ tọa Hội nghị quốc tế đầu tiên về việc sử dụng hoà bình năng lượng nguyên tử, một lần đã phân tích khuynh hướng trên. "Chúng ta dùng chữ Q là đơn vị năng lượng có được từ việc đốt 33.000 triệu tấn than. Trong 18,5 thế kỷ sau Công nguyên, toàn bộ năng lượng tiêu thụ trung bình ít hơn 1/2 Q cho mỗi thế kỷ. Đến năm 1850, tỉ lệ lên đến một Q một thế kỷ. Ngày nay, tỉ lệ đó là chừng 10Q một thế kỷ". Nói nôm na, điều này có nghĩa là một nửa năng lượng con người tiêu thụ trong 2000 năm qua đã được tiêu thụ trong 100 năm cuối cùng.

Cũng có bằng chứng gây ấn tượng sâu sắc khác là sự gia tăng phát triển kinh tế trong các quốc gia hiện nay đã theo hướng siêu công nghiệp. Mặc dù những nước này bắt đầu từ nền tảng công nghiệp lớn, số tăng phần trăm hàng năm trong sản xuất rất kinh khủng. Và tốc độ gia tăng tự nó cũng tăng.

Thí dụ nước Pháp trong 29 năm từ 1910 đến

sau Chiến tranh Thế giới thứ II, sản xuất công nghiệp chỉ tăng 5%. Thế mà trong 17 năm từ 1948 đến 1965, sản xuất công nghiệp tăng lên 220%. Ngày nay tỉ lệ tăng từ 5% đến 10% hàng năm rất phổ biến trong số các quốc gia công nghiệp lớn nhất. Dĩ nhiên có những thăng trầm, nhưng hướng thay đổi không thể nhầm lẫn được. Một thí dụ khác là trong 21 nước thuộc tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế, tỉ lệ tăng trung bình hàng năm của tổng sản xuất thu nhập quốc dân từ năm 1960 đến năm 1968 là 4,5% và 5%. Nước Mỹ tăng 4-5% và nước Nhật tăng 9-8% trung bình hàng năm.

Những con số như thế muốn nói đến sự gấp đôi toàn bộ hàng hoá và dịch vụ trong các xã hội tiên tiến trong thời gian 15 năm, và thời gian gấp đôi ngắn lại. Điều này có nghĩa là nếu một đứa bé đạt đến tuổi 13 thì nó được bao quanh những thứ mới do con người làm ra nhiều gấp hai lần so với lúc nó mới đẻ. Khi đứa bé này đạt đến tuổi 30, một sự gấp đôi khác xảy ra. Và trong quãng đời 70 năm của nó, có thể có 5 lần gấp đôi như thế. Điều này có nghĩa là khi một cá nhân đạt đến tuổi già thì xã hội xung quanh cá nhân đó sẽ sản xuất gấp 32 lần so với thời điểm cá nhân đó sinh ra.

Những thay đổi như thế trong tỉ lệ giữa cũ và mới có tác động nhanh trên thói quen, lòng tin, thần tượng riêng của hàng triệu người. Chưa bao giờ trong lịch sử có tỉ lệ bị biến đổi quá cơ bản trong một thời gian quá ngắn như thế.

ĐỘNG CƠ CÔNG NGHIỆP

Đằng sau những sự kiện kinh tế phi thường như thế là động cơ lớn đang gầm rú của sự thay đổi - công nghiệp. Không thể nói công nghiệp là nguồn thay đổi độc nhất trong xã hội. Thế nhưng không thể bàn cãi nếu nói rằng công nghiệp là lực chính đằng sau sức đẩy gia tăng. Đối với hầu hết mọi người thì từ “công nghiệp” gợi lên hình ảnh nhà máy thép với cột khói mù mịt hoặc tiếng máy móc lách cách. Biểu tượng cổ điển của công nghiệp có thể vẫn là dây chuyền sản xuất do Henry Ford tạo ra cách đây nửa thế kỷ. Tuy nhiên, hành ảnh này luôn luôn không đầy đủ và nhầm lẫn vì công nghiệp không phải chỉ là nhà máy và máy móc mà còn nhiều hơn thế nữa. Công nghiệp gồm cả kỹ thuật cũng như là các máy móc có thể hoặc không có thể áp dụng chúng. Công nghiệp cũng gồm cả cách tạo ra phản ứng hoá học, cách nuôi cá, cách gây rừng, cách thắp sáng nhà hát, cách đếm phiếu bầu hoặc cách dạy lịch sử.

Biểu tượng cũ của công nghiệp càng làm cho lầm lẫn hơn ngày nay, khi những quy trình công nghệ tiên tiến nhất được tiến hành ở những nơi không có dây chuyền sản xuất hoặc các lò luyện kim. Thực vậy trong công nghiệp điện tử, trong công nghiệp vũ trụ, trong hầu hết kỹ nghệ mới, sự im lặng tương đối và xung quanh sạch sẽ là đặc tính thiết yếu. Bản thân dây chuyền sản xuất là

một sự lỗi thời. Đã đến lúc biểu tượng công nghiệp của chúng ta phải thay đổi để đuổi kịp những thay đổi nhanh trong công nghiệp.

Lấy thí dụ sự tiến bộ trong ngành giao thông vận tải để minh họa - 6.000 năm trước Công nguyên, phương tiện vận chuyển nhanh nhất là lạc đà với tốc độ 12 km/giờ, 1.600 năm trước Công nguyên, xe ngựa được sử dụng với tốc độ 30km/giờ. Kỷ lục về vận tốc này giữ nguyên cho đến năm 1925 khi đầu máy xe lửa hơi nước ra đời với vận tốc 20km/giờ, và nhờ sự cải tiến kỹ thuật nên đến năm 1980 đầu máy xe lửa đạt đến tốc độ 160km/giờ. Nhân loại cần hàng triệu năm mới đạt đến tốc độ đó. Nhưng chỉ cần 58 năm để tăng gấp 4 lần tốc độ đó, nghĩa là vào năm 1938 máy bay do con người sản xuất đạt đến tốc độ 640 km/giờ. Sau đó chỉ cần 20 năm để tăng gấp đôi vận tốc trên. Đến năm 1960, máy bay tên lửa đạt đến tốc độ 6.400 km/giờ và con người trong các con tàu vũ trụ bay với tốc độ 30.000 km/giờ.

Dù chúng ta khảo sát khoảng cách đi, độ cao đạt đến, mỏ được khai thác, hoặc làm chủ được năng lượng nguyên tử, khuynh hướng gia tăng vẫn rõ ràng. Hàng nghìn năm hoặc hàng thế kỷ trôi qua, và rồi thì trong thời đại chúng ta, diễn ra sự phá vỡ đột ngột những giới hạn, sự chạy nước rút diệu kỳ về phía trước. Lý do của việc này chính là tự công nghiệp nuôi nó. Công nghiệp tạo ra thêm công nghiệp, như chúng ta có thể thấy nếu chúng

ta nhìn vào quá trình đổi mới. Đổi mới công nghiệp gồm 3 giai đoạn, nối với nhau trong một chu kỳ tự tăng cường. Đầu tiên là sáng kiến, ý kiến thực hiện được. Thứ hai là áp dụng cụ thể. Thứ ba là sự phổ biến ra xã hội.

Quá trình đã hoàn thành, vòng chu kỳ khép lại, khi sự phổ biến công nghiệp biểu hiện một tư tưởng mới sẽ tạo ra những ý kiến sáng tạo mới. Ngày nay, rõ ràng thời gian giữa các đoạn trong chu kỳ này đã bị rút ngắn lại. Thời gian giữa khái niệm đầu tiên và đưa vào sử dụng bị giảm đi một cách cơ bản. Đây là sự khác nhau rõ nhất giữa chúng ta và tổ tiên chúng ta. Bằng sáng chế đầu tiên về máy đánh chữ của Anh được cấp vào năm 1714, nhưng phải mất gần 150 năm máy đánh chữ mới đưa ra sử dụng. Một thế kỷ trôi qua giữa thời gian Nicholas Appent phát minh ra cách đóng hộp thức ăn và thời gian cách đóng hộp trở thành quan trọng trong kỹ nghệ thực phẩm.

Ngày nay những sự chậm trễ như thế giữa sáng kiến và áp dụng hầu như không chấp nhận được. Không phải chúng ta ít lười biếng hơn tổ tiên chúng ta, nhưng với thời gian trôi đi chúng ta đã phát minh ra đủ loại phương sách xã hội để đẩy nhanh quá trình. Như thế chúng ta thấy thời gian giữa giai đoạn thứ nhất và thứ hai trong chu kỳ đổi mới - giữa sáng kiến và áp dụng - đã bị cắt giảm cơ bản. Nhưng nếu cần ít thời gian hơn để đưa sáng kiến mới ra thị trường, thì cũng cần ít

thời gian hơn để sáng kiến này phổ biến khắp xã hội. Như thế khoảng thời gian giữa giai đoạn hai và giai đoạn ba của chu kỳ - giữa áp dụng và phổ biến - dường như bị rút ngắn lại và tốc độ truyền bá tăng nhanh với tốc độ đáng ngạc nhiên.

Tốc độ đẩy mạnh về phát minh, khai thác và phổ biến đến lượt chúng lại gia tăng toàn bộ chu kỳ đi xa hơn nữa. Vì những máy móc mới hoặc kỹ thuật mới không chỉ là một sản phẩm, mà là một nguồn, của những sáng kiến mới. Mỗi một máy móc hoặc kỹ thuật mới thay đổi tất cả những máy móc hoặc kỹ thuật sẵn có bằng cách cho phép chúng ta đặt chúng lại với nhau thành sự phối hợp mới. Số phối hợp có thể có được tăng theo lũy thừa với số máy hoặc kỹ thuật mới tăng theo số học. Thực vậy, mỗi một phối hợp mới tự nó có thể được xem như là một siêu máy móc.

Hơn thế nữa cũng cần phải hiểu là sự đổi mới công nghiệp không phải chỉ phối hợp và tái phối hợp máy móc và kỹ thuật. Những máy móc quan trọng nhiều hơn là chỉ làm hoặc buộc thay đổi trong những máy khác, chúng đưa ra những giải pháp đổi mới về xã hội, triết lý, ngay cả những vấn đề cá nhân. Chúng biến đổi toàn bộ môi trường tri thức của con người - cách họ nghĩ và nhìn về thế giới. Gần đây máy tính đã gây ra một cơn bão những tư tưởng mới về cách con người như là một phần tác động qua lại của một hệ thống lớn, về sinh lý học của họ, về cách họ học, về cách họ nhớ,

về cách họ lấy quyết định. Và như thế chu kỳ đổi mới, tự nó nuôi lấy nó, đang tăng tốc.

Tuy nhiên, nếu công nghiệp được xem như là một động cơ lớn, một máy gia tốc cực mạnh, thì kiến thức phải được xem như là nhiên liệu.

KIẾN THỨC NHƯ LÀ NHIÊN LIỆU

Tốc độ con người ghi lại những kiến thức có ích về nhân loại và vũ trụ lên đến 10.000 năm. Tốc độ này có bước nhảy vọt khi phát minh ra chữ viết, nhưng vẫn còn rất chậm đến hàng thế kỷ. Bước nhảy vọt vĩ đại tiếp theo khi Gutenberg phát minh ra chữ in vào thế kỷ XV. Trước năm 1.500, châu Âu sản xuất sách với tốc độ 1.000 cuốn mỗi năm. Điều này có nghĩa là cần một thế kỷ để sản xuất 100.000 cuốn sách. Vào năm 1950, bốn thế kỷ rưỡi sau đó, tốc độ tăng vọt với 120.000 cuốn sách hàng năm ở châu Âu. Vào năm 1960, chỉ một thập kỷ sau, tốc độ đã thực hiện một bước nhảy có ý nghĩa khác, những gì cần một thế kỷ để thực hiện thì nay chỉ cần 7 tháng rưỡi. Và vào giữa những năm 60, số sách xuất bản trên thế giới là 1.000 cuốn mỗi ngày. Có thể nói số sách vở in ra tương đương với tốc độ con người phát hiện ra kiến thức mới.

Có lý do tin rằng tốc độ đó vẫn còn tăng nhanh. Ngày nay số lượng tạp chí và bài báo khoa học đang gấp đôi, giống như sản xuất kỹ nghệ ở các

nước tiên tiến, trong thời gian 15 năm. Hiện nay riêng chính phủ Mỹ tạo ra 100.000 báo cáo hàng năm, 450.000 bài báo, sách và báo chí. Trên thế giới, số lượng báo chí, sách vở khoa học và kỹ thuật tăng với tốc độ 600.000.000 trang mỗi năm. Số lượng trên cùng với máy tính và các phương tiện phân tích khác đã cho phép chúng ta quan sát vũ trụ vô hình xung quanh ta, nhờ đó tốc độ tiếp thu kiến thức cũng tăng lên với tốc độ kinh khủng.

Francis Bacon đã nói “Kiến thức là sức mạnh”. Câu này có thể được diễn giải theo từ ngữ hiện đại. Trong môi trường xã hội của chúng ta, “kiến thức là thay đổi” - và việc gia tăng tiếp thu kiến thức là nguồn cung cấp nguyên liệu cho động cơ kỹ thuật có nghĩa là gia tăng thay đổi.

DÒNG TÌNH HÌNH

Sức đẩy gia tăng là một trong những lực quan trọng nhất và được hiểu ít nhất của tất cả các lực xã hội. Tuy nhiên, điều này chỉ là một nửa vấn đề. Vì sự đẩy nhanh thay đổi cũng là một lực tâm lý. Mặc dù nó bị tâm lý học hầu như quên hoàn toàn, tốc độ gia tăng thay đổi trong thế giới xung quanh ta gây rối loạn sự cân bằng nội tâm của chúng ta, biến đổi chính cái cách chúng ta đang sống.

Điều này có thể minh họa nếu chúng ta nghĩ về một cuộc đời cá nhân như là một con kênh lớn mà kinh nghiệm chảy ra. Dòng kinh nghiệm này

gồm vô số “tình hình”. Sự gia tăng thay đổi trong xã hội xung quanh làm biến đổi mạnh mẽ dòng tình hình chảy qua con kênh này. Không có định nghĩa rõ ràng về một tình hình. Trong khi đường ranh giới giữa những tình hình có thể là không phân biệt được, mỗi tình hình có một sự “nguyên vẹn” nào đó về nó, một sự hợp nhất nào đó.

Vì sự gia tăng thay đổi làm ngắn lại khoảng thời gian của nhiều tình hình, điều này không những chỉ biến đổi “mùi vị” của chúng mà còn đẩy nhanh sự đi qua của chúng trên con kênh kinh nghiệm. So với cuộc sống trong một xã hội thay đổi ít nhanh hơn, nhiều tình hình chảy qua con kênh trong bất kỳ khoảng thời gian nào đã cho - và điều này bao hàm những thay đổi sâu đậm trong tâm lý con người. Hơn thế nữa, dòng chảy tăng tốc tình hình đòi hỏi nhiều công việc từ cơ cấu tập trung phức tạp nhờ đó chúng ta di chuyển sự chú ý của chúng ta từ một tình hình này sang tình hình khác. Càng có nhiều sự di chuyển tới lui thì lại càng có ít thời gian kéo dài hoặc chú ý về một vấn đề hoặc tình hình cùng một lúc. Điều này nằm sau cảm tưởng mơ hồ là “sự việc di chuyển nhanh hơn”. Chúng di chuyển nhanh hơn thật xung quanh chúng ta và qua chúng ta.

Tuy nhiên sự gia tăng thay đổi biến đổi cơ bản tính cân bằng giữa những tình hình quen thuộc. Tốc độ thay đổi tăng buộc chúng ta không những chỉ thích nghi với dòng chảy nhanh hơn,

38

nhưng còn thích nghi với nhiều tình hình mà kinh nghiệm cá nhân trước đây chưa hề gặp phải. Khi sự việc bắt đầu thay đổi bên ngoài, chúng ta sẽ có một sự thay đổi song song xảy ra bên trong. Tính chất của những thay đổi nội tâm này rất sâu đậm đến nỗi khi sức đẩy bắt đầu tăng tốc, thì nó sẽ thử khả năng sống của chúng ta trong các thông số xác định con người và xã hội.

Để sống còn, để tránh cái mà chúng ta gọi là “cú sốc tương lai”, cá nhân phải thích nghi nhiều hơn và có nghị lực nhiều hơn trước. Họ phải tìm ra những cách hoàn toàn mới để bám chặt, vì tất cả những gốc rễ cũ như tôn giáo, quốc gia, cộng đồng, gia đình hoặc nghề nghiệp, tất cả đều bị bật tung dưới tác động bão táp của sức đẩy gia tăng. Tuy nhiên, trước khi làm được như thế, họ phải hiểu được làm thế nào những ảnh hưởng gia tăng có thể thâm nhập vào cuộc sống cá nhân của họ, len vào cách xử thế của họ và thay đổi chất lượng cuộc sống của họ. Nói cách khác, họ phải hiểu được tính nhất thời.

Chương 3

NHỊP ĐIỆU CUỘC SỐNG

Nhịp điệu cuộc sống thường được những người bình thường bình luận. Tuy nhiên rất lạ là hầu như chẳng có nhà tâm lý hoặc xã hội học nào

chú ý đến nó cả. Đây là lỗ hổng lớn trong khoa học hành vi, vì nhịp điệu cuộc sống ảnh hưởng sâu sắc đến cách xử thế, gợi lên những phản ứng mạnh và tương phản từ nhiều người khác nhau.

Thực vậy, không có gì nhiều để nói rằng nhịp điệu cuộc sống chia cắt chúng ta thành 2 phía, gây ra sự hiểu nhầm đau khổ giữa cha mẹ và con cái, giữa đàn ông và đàn bà, giữa người Mỹ và người châu Âu, giữa Đông và Tây.

NHỮNG NGƯỜI TƯƠNG LAI

Nhân loại trên trái đất được chia không những chỉ theo chủng tộc, quốc gia, tôn giáo hoặc ý thức hệ, mà còn theo vị trí của họ trong thời gian. Hiện nay trên thế giới vẫn còn các nhóm nhỏ sống, đi săn và tìm thức ăn như con người đã làm mấy nghìn năm trước đây. Những người khác, chiếm đa số, phụ thuộc vào nông nghiệp. Họ sống như tổ tiên họ đã sống hàng thế kỷ trước đây. Hai nhóm trên gộp lại chiếm 70% dân số thế giới. Họ là những người của quá khứ.

Ngược lại, chừng hơn 25% dân số thế giới sống ở các xã hội kỹ nghệ hoá. Họ sống cuộc sống hiện đại. Họ là sản phẩm của nửa phần đầu thế kỷ XX, do cơ khí hoá và giáo dục tập thể nặn ra, lớn lên với trí nhớ rơi rớt lại của quá khứ nông nghiệp đất nước họ. Họ là những người của hiện tại.

Còn lại 2 hoặc 3% dân số thế giới là những

người đang sống cách sống tương lai. Họ đã hình thành một quốc gia quốc tế của tương lai ngay trong giữa chúng ta. Họ là những phần tử tiên bộ của nhân loại, công dân mới nhất của xã hội siêu kỹ nghệ đang ở thời kỳ sinh đẻ.

Những gì làm họ khác với mọi người khác? Chắc chắn họ giàu hơn, được giáo dục tốt hơn, năng động hơn đa số chủng tộc nhân loại. Họ cũng sống lâu hơn. Nhưng nét đặc biệt nhất cho những người của tương lai là họ có nhịp sống mới và tăng nhanh. Họ “sống nhanh hơn” những người xung quanh họ.

Một số người bị nhịp điệu cuộc sống nhanh này hấp dẫn, họ cảm thấy lo lắng, căng thẳng khó chịu khi nhịp điệu chậm lại. Họ luôn luôn muốn ở những nơi “có hành động”. Đây là lý do tại sao có một số sự chuyển động. Hiểu được sự hấp dẫn mạnh mẽ mà một nhịp điệu cuộc sống nào đó có thể tác động lên cá nhân giúp giải thích được những hành động không giải thích được hoặc không có mục đích gì cả.

Nhưng nếu có một số người phát triển nhịp điệu mới và nhanh, thì cũng có người khác bị nhịp điệu cự tuyệt. Ràng buộc với xã hội siêu công nghiệp đang nổi lên có nghĩa là ràng buộc với thế giới thay đổi của họ. Đó có thể là những người hippie to mồm phát biểu mối ác cảm của họ về những giá trị văn minh công nghiệp. Không phải ngẫu nhiên khi họ diễn tả xã hội như là “sự chạy đua của chuột”- một danh từ trình bày đặc

biệt về nhịp điệu. Những người già phản ứng mạnh mẽ hơn chống lại bất kỳ sự gia tăng thay đổi nào. Có cơ sở toán học chặt chẽ để chứng minh rằng tuổi tác thường tương ứng với bảo thủ. Thời gian trôi qua nhẹ nhàng hơn cho người già. Cũng có thể có cơ sở sinh học để giải thích những khác nhau trong phản ứng chủ quan đối với thời gian. Liên quan đến sự làm chậm lại nhịp điệu sinh học của riêng họ, thế giới dường như di chuyển nhanh hơn đối với người già mặc dù không phải như thế. Khi tốc độ thay đổi trong xã hội tăng lên, càng có nhiều người già cảm thấy sự khác nhau rõ ràng. Họ bị bỏ rơi, rút lui vào trong môi trường riêng tư của họ, cắt đứt càng nhiều quan hệ càng tốt với thế giới đi nhanh bên ngoài, và cuối cùng sống một cuộc đời vô vị cho đến chết. Chúng ta có thể chẳng bao giờ giải quyết vấn đề tâm lý cho tuổi già trừ phi chúng ta tìm được các cách - bằng sinh hoá học hoặc bằng cải tạo lại - để biến đổi ý thức thời gian của họ, hoặc cung cấp cho họ những vùng đệm trong đó nhịp điệu cuộc sống được kiểm soát và điều chỉnh theo nhận thức chủ quan riêng của họ về thời gian.

Nhiều sự xung đột không hiểu được - giữa các thế hệ, giữa cha mẹ và con cái, giữa chồng và vợ - có thể được vạch ra cho từng phản ứng khác nhau đối với sự gia tăng nhịp điệu cuộc sống. Điều này cũng đúng cho những va chạm giữa các

nền văn hoá. Nhịp điệu cuộc sống đã làm cho người nước này đối với người nước kia khác nhau, ngay cả trong cùng một nước đã có sự khác nhau. Thí dụ người miền Bắc nước Mỹ xem những người miền Nam nước Mỹ là chậm chạp, người Bắc nước Ý xem những người đảo Sicile sống với nhịp điệu rề rà của nông nghiệp. Người trung lưu da đen ở Mỹ kết án những người da đen công nhân ở Mỹ sống theo nhịp điệu như của người da trắng...

MONG CHỜ THEO THỜI GIAN.

Để hiểu tại sao gia tăng trong nhịp điệu cuộc sống có thể là đồ võ và khó chịu, cần phải hiểu được khái niệm “mong chờ theo thời gian”.

Nhận thức của con người về thời gian liên kết chặt chẽ với nhịp điệu nội tâm của họ. Nhưng sự phản ứng của họ về thời gian lại tùy thuộc vào văn hoá. Một phần của sự tùy thuộc này gồm việc xây dựng cho đứa trẻ một loạt sự mong chờ về khoảng thời gian của biến cố, quá trình hoặc mối quan hệ. Thực vậy, một trong những dạng kiến thức quan trọng nhất mà chúng ta truyền cho đứa trẻ là kiến thức về sự việc sẽ kéo dài trong bao lâu. Kiến thức này được dạy theo các cách tế nhị, không chính thức và thường là vô ý thức. Nếu không có sự mong chờ theo thời gian thích hợp, chẳng có ai có thể thành công cả.

Khi còn bé, trẻ con biết là bố mẹ đi làm vào buổi sáng và không trở về nhà trước chiều tối. Đứa trẻ cũng biết giờ ăn không phải là một phút hoặc 5 giờ mà thường chỉ kéo dài từ 15 phút đến 1 giờ. Nó cũng biết đi xem phim kéo dài từ 2 đến 4 giờ, nhưng đi đến bác sĩ khoa nhi chỉ kéo dài dưới một tiếng. Nó cũng biết giờ đi học hàng ngày chỉ kéo dài nhiều nhất 6 tiếng. Nó biết mối quan hệ với thầy giáo chỉ trong năm học, nhưng mối quan hệ với ông bà lâu hơn. Thực vậy, một số mối quan hệ có thể kéo dài suốt cả cuộc đời. Trong cách xử thế của người lớn, hầu hết chúng ta như thế cả, đều dựa trên một số mệnh danh công khai hoặc hiểu ngầm về khoảng thời gian.

Chính những mong chờ theo thời gian này, khác nhau trong mỗi xã hội trừ việc được dạy từ nhỏ và sau đó ăn sâu vào tiềm thức, bị đánh thức dậy khi nhịp điệu cuộc sống biến đổi. Điều này giải thích sự khác nhau quyết định giữa những người không thích nghi được với nhịp điệu cuộc sống gia tăng và những người phát triển mạnh nhờ nó. Sức đẩy gia tăng ẩn ngầm rằng có ít nhất một vài loại tình huống bị nén theo thời gian. Cá nhân đã tiếp thu được nguyên lý gia tăng - nghĩa là họ biết sự việc di chuyển nhanh trong thế giới xung quanh họ - sẽ tự điều chỉnh vô ý thức theo sự nén thời gian.

Tóm lại, nhịp điệu cuộc sống là một biến cố tâm lý quan trọng nhưng không được biết đến.

Trong những thời đại xưa kia, khi thay đổi trong xã hội bên ngoài chậm chạp, con người đã không biết đến biến cố này. Trong suốt cả một cuộc đời, nhịp điệu có thể thay đổi rất ít. Tuy nhiên, sức đẩy gia tăng biến đổi nhịp điệu cuộc sống một cách quyết liệt. Vì chính xác là thông qua sự gia tăng trong nhịp điệu cuộc sống mà sự thay đổi xã hội, công nghiệp và khoa học tự nó tác động ngược lại trong cuộc sống cá nhân. Một số lớn hành vi nhân loại bị thúc đẩy bởi sự hấp dẫn hoặc sự phản kháng đối với nhịp điệu cuộc sống tác động lên cá nhân từ xã hội mà họ phụ thuộc. Nếu không hiểu được nguyên lý này thì không thể giáo dục hoặc chuẩn bị tâm lý cho con người thích nghi trong xã hội siêu công nghiệp.

KHÁI NIỆM VỀ TÍNH NHẤT THỜI

Khái niệm về tính nhất thời cung cấp mối liên kết bị thiếu giữa lý thuyết xã hội học về thay đổi và tâm lý con người cá nhân. Tính nhất thời là sự “tạm thời” mới trong cuộc sống hàng ngày. Nó là kết quả từ tâm trạng, từ cảm giác về tính vĩnh cửu. Các nhà triết học và thần học đều biết con người là phù du. Theo nghĩa này, tính nhất thời luôn luôn là một phần cuộc sống.

Chúng ta có thể nghĩ về tính nhất thời như là tốc độ chuyển giao những loại quan hệ khác nhau trong cuộc sống một cá nhân. Đó là những quan hệ

của con người với sự việc, nơi chốn, con người, tổ chức và tư tưởng. Chính mối quan hệ rõ ràng của cá nhân đối với mỗi thành phần trên làm ra tình hình.

Đối với một số người, cuộc sống đánh dấu bằng tốc độ chuyển giao chậm hơn những người khác. Những người trong quá khứ và hiện nay sống cuộc đời tương đối “nhất thời chậm”- các mối quan hệ của họ có khuynh hướng lâu dài. Nhưng những người của tương lai sống trong điều kiện “nhất thời cao” - điều kiện trong đó khoảng thời gian quan hệ bị cắt ngắn lại, đầu ra các mối quan hệ rất nhanh. Trong cuộc sống của họ, sự việc, nơi chốn, con người, tư tưởng và tổ chức tất cả trở thành cũ kỹ rất nhanh.

Điều này ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức thực tế, ý thức gắn bó, và khả năng hoặc sự bất lực đối phó. Nếu đó là sự thông qua nhanh cộng với việc tăng cái mới và độ phức tạp trong môi trường, điều đó sẽ làm căng thẳng khả năng thích ứng và tạo ra mối nguy hiểm của cú sốc tương lai. Nếu chúng ta có thể chứng minh rằng mối quan hệ của chúng ta với thế giới bên ngoài càng ngày càng nhất thời, thì chúng ta có bằng chứng để giả thiết rằng dòng tình hình cũng đang tăng tốc. Do đó, chúng ta hãy cùng khai thác cuộc sống trong một xã hội có tính nhất thời cao.

PHẦN HAI

TÍNH NHẤT THỜI

Chương 4

ĐỒ VẬT: XÃ HỘI DÙNG XONG VỨT ĐI

Công dân của thế giới siêu công nghiệp ngày mai sẽ học một bài học cơ bản về xã hội mới. Các mối quan hệ của con người với đồ vật càng ngày càng tạm thời. Đại dương đồ vật con người làm ra bao quanh chúng ta được đặt nằm trong một đại dương lớn hơn của đồ vật thiên nhiên. Nhưng chính môi trường do công nghiệp tạo ra có ý nghĩa cho cá nhân. Đồ vật do con người làm ra thâm nhập và tô màu ý thức của họ. Số lượng của chúng phát triển dữ dội cả về tương đối và tuyệt đối so với môi trường tự nhiên. Điều này sẽ đúng trong xã hội siêu công nghiệp hơn ngày nay.

Các nhà chống lại duy vật có khuynh hướng phủ nhận sự quan trọng của đồ vật. Thế nhưng đồ vật có ý nghĩa rất lớn, không phải chỉ vì lợi ích của chúng, mà cũng còn vì tác động tâm lý của chúng. Chúng ta phát triển các mối quan hệ với đồ vật. Đồ vật ảnh hưởng tới nhận thức của chúng ta về sự liên tục và bất liên tục. Chúng giữ vai trò trong

cấu tạo tình huống và việc rút ngắn lại mối quan hệ của chúng ta với đồ vật làm tăng nhịp điệu cuộc sống .

ÁO CƯỚI GIẤY

Các xã hội công nghiệp tiên tiến ngày càng sử dụng nhiều hơn các đồ vật làm bằng giấy để dùng ngắn hạn hoặc chỉ dùng một lần: tã lót cho trẻ em, yếm dãi, khăn trải bàn, khăn mặt, khăn tay, lọ đựng nước ngọt v.v...

Gần đây việc đưa quần áo làm bằng giấy hoặc giống như giấy đã đưa khuynh hướng dùng xong một lần rồi vứt bỏ càng đi xa hơn. Các cửa hàng một trưng bày áo cưới giấy, áo khoác ngoài giấy, quần áo ngủ giấy...

Dĩ nhiên giá cả là nhân tố quyết định đằng sau sự bùng nổ đồ vật làm bằng giấy. Nhưng việc đưa văn hoá dùng xong vứt đi có những hậu quả tâm lý quan trọng hơn cả vấn đề kinh tế. Chúng ta phát triển tinh thần dùng xong vứt đi để phù hợp với sản phẩm dùng xong vứt đi của chúng ta. Tinh thần này sinh ra một loạt giá trị bị biến đổi cơ bản đối với vấn đề sở hữu. Nhưng sự lan truyền tính dùng xong vứt đi trong xã hội ẩn ngấm việc giảm khoảng thời gian trong mối quan hệ người - đồ vật. Thay vì gắn liền với một vật trong một khoảng thời gian dài, chúng ta gắn với các đồ vật lần lượt nối tiếp nhau trong một khoảng thời gian ngắn.

SIÊU THỊ MẤT TÍCH.

Sự dịch chuyển hướng về tính nhất thời biểu lộ rõ hơn trong kiến trúc, chính xác đó là phần môi trường vật lý mà trong quá khứ đã đóng góp nhiều nhất cho nhận thức con người về tính vĩnh cửu. Chúng ta san bằng các mốc ranh giới. Chúng ta xé tan các con đường và thành phố để dựng lên con đường mới, thành phố mới với tốc độ làm tê công trí óc.

Michael Wood, một nhà văn Anh, bình luận: “Người Mỹ đã xây dựng thế giới của họ ngày hôm qua và họ biết nó tạm thời như thế nào. Các toà nhà ở New York biến mất qua đêm, và bộ mặt thành phố có thể thay đổi hoàn toàn trong một năm”. Nhà văn tiểu thuyết Louis Auchincloss than phiền rằng “Sự khủng khiếp ở New York là sống trong một thành phố không có lịch sử. Tổ tiên tôi tám đời sống trong một ngôi nhà và chỉ còn ngôi nhà đó vẫn đứng đấy, những nhà xung quanh biến mất hết. Đây là điều tôi gọi là “quá khứ biến mất”. Đúng “quá khứ biến mất” là một hiện tượng thật, và nó dường như đang trở thành phổ biến, ngay cả hiện nay nó đang nhấn chìm nhiều thành phố đầy lịch sử của châu Âu.

Cách đây không lâu, vợ tôi bảo con gái tôi 12 tuổi đi đến siêu thị cách ngôi nhà của chúng tôi ở phố Manhattan vài con đường. Trước đây con gái tôi đã đến đấy một hay hai lần. Nửa giờ sau nó trở về

với thái độ lúng túng. Nó nói “chắc siêu thị đã bị phá bỏ. Con không thể tìm ra”. Không phải như thế. Xung quanh chúng tôi thay đổi quá nhiều và quá nhanh nên nó không tìm đúng chỗ. Nhưng vì nó sống trong thời đại tính nhất thời nên nó nghĩ ngay là toà nhà đã bị phá bỏ và đã được thay thế, đây là cách suy nghĩ tự nhiên cho một đứa trẻ 12 tuổi lớn lên ở Mỹ vào thời điểm đó. Những suy nghĩ như thế không thể có ở một đứa trẻ cách đây nửa thế kỷ. Môi trường vật lý thời đấy quá lâu bền và môi liên kết của chúng ta với môi trường ít nhất thời hơn.

KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC VỀ TÍNH TẠM THỜI

Trong quá khứ, tính vĩnh cửu là lý tưởng. Dù gia công làm một đôi giày hoặc xây dựng một nhà thờ, tất cả năng lượng sáng tạo và sản xuất của con người đã hướng về việc tối ưu hoá độ bền vững của sản phẩm. Con người đã xây dựng để tồn tại. Họ bắt buộc phải như thế. Xã hội xung quanh họ tương đối không thay đổi thì mỗi đồ vật có những nhiệm vụ được xác định, và logic kinh tế đã áp đặt chính sách vĩnh cửu. Ngay cả đôi khi cần được sửa chữa, đôi giày giá 50 đô-la và dùng được trong 10 năm vẫn rẻ hơn đôi giày giá 10 đô-la dùng trong nửa năm. Tuy nhiên, vì tốc độ thay đổi chung trong xã hội gia tăng, nền kinh tế chính trị học của sự vĩnh cửu phải được thay thế bằng nền kinh tế chính trị học của sự nhất thời.

Đầu tiên, việc làm công nghiệp tiến nhanh có khuynh hướng làm giảm giá thành sản xuất nhanh hơn giá thành sửa chữa. Cái này được tự động hoá, cái kia vẫn còn là thủ công. Điều này có nghĩa là thay thế rẻ hơn sửa chữa. Tạo ra những đồ vật rẻ, không cần sửa chữa và dùng xong vứt đi, mặc dù chúng có thể không dùng được lâu như đồ vật sửa chữa được.

Thứ hai, việc làm công nghiệp tiến nhanh tạo ra khả năng cải tiến đồ vật cùng với thời gian trôi qua. Máy tính thế hệ thứ hai tốt hơn máy tính thế hệ thứ nhất, và máy tính thế hệ thứ ba tốt hơn thế hệ thứ hai vì càng ngày càng cần ít thời gian hơn, nếu về vấn đề kinh tế thì sản xuất ngắn hạn hay hơn là sản xuất dài hạn.

Thứ ba, khi sự thay đổi gia tăng và lan tràn khắp mọi ngóc ngách của xã hội, tính dễ đổi về những nhu cầu tương lai cũng tăng. Thừa nhận sự thay đổi không tránh được, nhưng không chắc chắn về những nhu cầu, chúng ta do dự sử dụng những nguồn tài nguyên lớn cho các đồ vật cố định dùng cho những mục tiêu không thay đổi. Tránh việc dính vào những dạng và chức năng cố định, chúng ta xây dựng để sử dụng ngắn hạn và do đó cố gắng làm cho sản phẩm tự nó thích nghi.

SÂN CHƠI DI CHUYỂN ĐƯỢC

Có những phản ứng khác ngoài việc dùng

xong vút đi mà nó cũng đưa đến cùng hậu quả tâm lý. Thí dụ chúng ta đang chứng kiến việc tạo ra những đồ vật qui mô lớn được thiết kế phục vụ cho một loạt các mục đích ngắn hạn. Những đồ này không phải thứ vút đi. Chúng thường quá lớn và quá đắt nên không thể vút bỏ. Nhưng chúng được xây dựng để có thể tháo rời ra và mang đi chỗ khác sau mỗi lần dùng.

Các mái nhà do đặc, nhà triển lãm, bóng plastic thổi phồng bằng khí dùng làm nơi chỉ huy hoặc trụ sở xây dựng, cả một dãy cấu trúc tạm thời tháo và di chuyển được đưa ra từ các bản vẽ của các kỹ sư và kiến trúc sư. Ở thành phố New York, sở công viên quyết định xây dựng 12 "sân chơi di chuyển được" - đó là những sân chơi nhỏ và tạm thời sẽ được lắp đặt ở những khu nghỉ ngơi của thành phố, cho đến khi những nơi khác có nhu cầu thì sân chơi được tháo ra và di chuyển đến chỗ mới.

"SÂN KHẤU GIẢI TRÍ" MÔĐUN

Môđun hoá có thể được định nghĩa như là sự cố gắng thêm vào toàn bộ cấu trúc tính vĩnh cửu nhiều hơn với cái giá làm cho các cấu trúc phụ ít vĩnh cửu hơn. Cần phải nhấn mạnh ở đây rằng sự phân biệt giữa tính có thể vút đi và tính cơ động là không rõ ràng từ quan điểm khoảng thời gian quan hệ. Ngay cả khi các môđun không bị vút đi nhưng

được sắp xếp lại, kết quả thu được là một hình thể mới, một thực thể mới. Đây giống như một cấu trúc vật lý bị vứt đi và một cấu trúc mới được tạo ra, mặc dù một số hoặc tất cả thành phần vẫn giữ nguyên.

Như thế nhiều toà nhà hiện nay được xây dựng trên cơ sở vĩnh cửu nhưng phía trong được xây dựng theo kế hoạch môđun, nghĩa là các bức tường được di chuyển để tạo thành các dạng phòng mới ở phía trong tùy theo ý thích. Tuy nhiên đôi khi sự môđun hoá kết hợp trực tiếp với sự vứt đi. Thí dụ điển hình là bút bi. Vỏ bút bi thì giữ nguyên, nhưng ruột bút dùng xong vứt đi và thay bằng ruột mới. Bút bi được tạo ra trên cơ sở nguyên lý môđun, toàn bộ cấu trúc được sử dụng lâu dài, nhưng cấu trúc phụ được thay thế thường xuyên.

Một trong những thí dụ cực đại về kiến trúc được thiết kế theo nguyên tắc môđun là “sân khấu giải trí” của nhà đạo diễn sân khấu người Anh Joan Littlewood. Bà ta muốn có một nhà hát linh hoạt đến tối ưu để bà ta có thể trình diễn từ buổi kịch bình thường đến hội nghị chính trị, từ buổi khiêu vũ đến trận đấu vật. Kết quả là một kế hoạch kỳ lạ cho “sân khấu giải trí” được biết với cái tên “sân khấu cơ động khổng lồ đầu tiên của thế giới”. Hàng ngày trước buổi biểu diễn, người ta lắp ráp các phần di chuyển được lại với nhau - tường, sàn nhà, cầu thang, lối đi, thang máy, chỗ ngồi, mái nhà, sân khấu, màn ảnh, hệ thống ánh sáng và âm thanh, toilet, phòng triển lãm, quán giải

khát v.v... Sau buổi diễn tất cả lại được tháo ra và chuyên chở đi nơi khác hoặc chứa vào nhà kho.

Những người đề xướng cái được biết là kiến trúc “lắp ráp” đã thiết kế cả thành phố dựa trên tư tưởng “kiến trúc nhất thời”. Phát triển những khái niệm mà “Sân khấu giải trí” đã được thiết kế, họ đề nghị xây dựng các kiểu môđun khác nhau có thời gian sử dụng khác nhau. Như thế cái khung một toà nhà có thể được thiết kế để sử dụng trong 20 năm, nhưng các phòng ghép vào chỉ được xây dựng để sử dụng trong 3 năm. Họ còn muốn thiết kế những toà nhà chọc trời không phải đứng trên đất cố định mà nằm trên dàn máy hoveraft, tựa trên một cái nệm không khí, được cấp năng lượng nguyên tử, và thay đổi dạng nội thất bên trong nhanh hơn.

Dù những viễn tượng này có trở thành hiện thực hay không, sự việc là xã hội đang di chuyển theo hướng đó. Sự phát triển nền văn hoá dùng xong vứt đi, sự tạo ra những cấu trúc ngày càng tạm thời, sự phổ biến môđun hoá đang tiến triển nhanh chóng, và tất cả đều hướng về cùng một mục tiêu tâm lý: sự phù du hoá mối quan hệ của con người với đồ vật xung quanh họ.

CÁCH MẠNG THUÊ MƯƠN

Một phát triển khác thay đổi dữ dội mối quan hệ con người - đồ vật: cách mạng thuê mượn. Sự

bành trướng việc thuê mượn, đặc tính của xã hội đang tiến về siêu công nghiệp, gắn với những khuynh hướng đã trình bày ở trên.

Sự tăng thuê mượn là sự rời bỏ cuộc sống dựa trên sở hữu và nó phản ánh sự tăng trong cách làm và cách tồn tại. Nếu những người tương lai sống nhanh hơn những người trong quá khứ, họ cũng phải linh hoạt hơn. Họ giống như người chạy đua maratông bị mệt và dừng lại nghỉ thì phải tháo bỏ những sở hữu mang trên người. Họ muốn lợi ích của sự giàu có và công nghiệp mới nhất giúp họ nhưng họ, không muốn có trách nhiệm đi theo do tích lũy sở hữu. Họ thừa nhận muốn sống còn trong những biến động thay đổi nhanh, họ phải học cách đi mà trên người không có gì nặng.

Trước năm 1955, số căn hộ cho thuê ở Mỹ chỉ chiếm 8%. Đến năm 1961 con số đạt đến 24%. Vào năm 1969, lần đầu tiên số nhà thuê mượn vượt quá con số nhà riêng. Song song với việc thuê nhà là thuê ô tô. Có thể thuê bất kỳ loại ô tô nào từ vài giờ đến vài tháng. Ngoài ra còn có các cửa hàng bách hoá chỉ cho thuê chứ không bán. Ngày nay, mọi sản phẩm đều có thể được thuê, từ cái thang đến máy cắt cỏ, áo lông cừu, áo dạ hội, đồ trang sức, v.v... dụng cụ cắm trại, máy điều hoà v.v...

Tuy nhiên dù ảnh hưởng rộng lớn thế nào đi nữa, việc thuê mượn làm ngắn lại khoảng thời gian mỗi quan hệ giữa người và đồ mà họ sử dụng. Điều

này rõ ràng hơn bằng câu hỏi: có bao nhiêu xe ô tô - thuê, mượn hoặc sở hữu - đã đi qua tay một người Mỹ trung bình trong cuộc đời anh ta? Câu trả lời là số xe anh ta sở hữu là 20 đến 50 xe, số xe anh ta thuê là chừng 200 xe.

Việc thuê mượn có kết quả rõ ràng là làm tăng số người có mối quan hệ nối tiếp với cùng một đồ vật, và do đó làm giảm thời gian quan hệ như thế. Khi chúng ta phát triển nguyên lý này cho tất cả sản phẩm, rõ ràng việc thuê mượn tăng đã củng cố tác động của các đồ vật dùng xong vứt đi, cấu trúc tạm thời và môđun hoá.

NHỮNG NHU CẦU TẠM THỜI

Ở đây cần phải nói về khái niệm lỗi thời. Vì sợ sản phẩm lỗi thời nên các nhà kinh doanh cải tiến sản phẩm, đồng thời nó cũng khiến cho người tiêu thụ có khuynh hướng thuê mượn các sản phẩm dùng xong vứt đi hoặc tạm thời. Rõ ràng, sự lỗi thời xảy ra theo 3 điều kiện. Nó xảy ra khi sản phẩm hầu như hư hỏng hoàn toàn không dùng được nữa và do đó phải thay thế. Đây là lỗi thời do không hoàn thành chức năng.

Sự lỗi thời cũng xảy ra khi một số sản phẩm mới thực hiện chức năng có hiệu quả hơn những sản phẩm cũ. Các máy tính mới chắc chắn rẻ hơn, tốt hơn, làm việc nhanh hơn các máy cũ. Đây là lỗi thời do sự tiến bộ công nghiệp.

Nhưng sự lỗi thời cũng xảy ra khi nhu cầu người tiêu dùng thay đổi, khi những chức năng của đồ vật tự nó bị biến đổi. Một đồ vật có thể được đánh giá theo nhiều thông số khác nhau. Thí dụ xe ô tô là sự biểu hiện cá nhân tính của người dùng, biểu tượng về trạng thái, nguồn thích thú có từ tốc độ, sự thoả mãn của người tiêu dùng từ những nhân tố đó có thể hơn cả sự thoả mãn của anh ta về xe ngốn ít xăng hơn hoặc công suất mạnh hơn.

Khái niệm cổ điển cho rằng mỗi đồ vật phải có chức năng rõ ràng, nay đã bị phá tan với tất cả những gì mà chúng ta biết về tâm lý nhân loại, về vai trò của giá trị trong khi lấy quyết định. Bây giờ tất cả mọi sản phẩm phải đa năng.

Trong xã hội khan hiếm, nhu cầu tương đối phổ thông và không thay đổi. Vì chúng hoàn toàn liên quan đến những chức năng chủ yếu. Khi sự phồn vinh tăng lên, nhu cầu con người trở thành ít gắn bó trực tiếp với sự sống còn sinh học nhưng lại cá nhân hoá nhiều hơn. Hơn thế nữa, trong xã hội bị sự thay đổi nhanh và phức tạp ảnh hưởng, nhu cầu của cá nhân nảy sinh ra từ mỗi tác động qua lại với môi trường bên ngoài, cũng thay đổi với tốc độ tương đối nhanh. Xã hội càng thay đổi nhanh bao nhiêu thì nhu cầu càng tạm thời bấy nhiêu. Được ở trong một xã hội phồn thịnh mới bao nhiêu, con người càng say mê những nhu cầu ngắn hạn bấy nhiêu.

Người tiêu dùng có cảm tưởng mơ hồ rằng anh ta muốn thay đổi, mặc dù họ chưa rõ ràng nhu cầu gì họ cần. Quảng cáo khuyến khích và đầu tư vào cảm tưởng này, nhưng điều này chẳng có ích gì cả nếu như chỉ được làm một chiều. Khuynh hướng tiến về những khoảng thời gian quan hệ ngắn như thế được xây dựng sâu đậm hơn dựa vào cấu trúc xã hội, chứ không dựa vào những lý luận về sự lỗi thời lập theo kế hoạch. Sự thay đổi nhanh nhu cầu người tiêu dùng cũng biểu lộ rõ trong việc người mua từ bỏ những sản phẩm và nhãn hiệu quen thuộc.

GUỒNG MÁY - TRÒ THÍCH THÚ KỲ CỤC

Hiện tại đã cung cấp cho chúng ta mùi vị của tương lai. Những trò thích thú kỳ cục đang quét qua các xã hội công nghiệp cao hết đợt này đến đợt khác. Những năm vừa qua ở Mỹ, châu Âu, Nhật, chúng ta thấy sự nổi lên thành linh và nhanh chóng biến mất của “đầu tóc kiể Bardot”, “cái nhìn của Cléopatre”, James Bond 007, người dơi, chụp đèn Tiffany, Super Ball, thánh giá sắt, phù hiệu với những khẩu hiệu phản đối, áp-phích ảnh Allen Ginherg hoặc Humphrey Bogart v.v...

Nhờ khối thông tin đại chúng và khối nghiên cứu thị trường phức tạp ủng hộ, những trò thích thú kỳ cục như thế bùng lên rất nhanh và cũng biến mất rất nhanh. Kinh doanh trò thích thú kỳ

58

cục chuẩn bị trước những sản phẩm có chu kỳ sống ngày càng ngắn đi.

Những trò chơi kỳ cục cơ khí hoá không phải là mới trong lịch sử. Nhưng từ trước chưa bao giờ chúng đi qua nhận thức với tốc độ nhanh và với sự dồi dào như thế, và cũng chưa bao giờ có sự phối hợp nhịp nhàng giữa những người tạo ra trò chơi kỳ cục, thông tin đại chúng phổ biến nó với các công ty phục vụ khai thác tức thì những trò chơi đó.

Một guồng máy tạo ra và phổ biến trò chơi kỳ cục bây giờ là một phần của kinh tế hiện đại. Phương pháp của họ được những người khác chấp nhận vì họ thừa nhận việc không tránh được về những sản phẩm chu kỳ ngắn. Ranh giới giữa trò chơi kỳ cục và sản phẩm bình thường ngày càng mập mờ. Chúng ta đang tiến về kỷ nguyên sản phẩm tạm thời, do những phương pháp tạm thời tạo ra, để phục vụ những nhu cầu tạm thời. Tất cả đều hướng về một mục tiêu của xã hội siêu công nghiệp. Sự phù du hoá không tránh được của mối quan hệ người - đồ vật.

Chương 5

NƠI CHỐN NHỮNG NGƯỜI DU MỤC MỐI.

Chưa bao giờ trong lịch sử khoảng cách lại ít có nghĩa như thế. Chưa bao giờ mối quan hệ của con người với nơi chốn lại nhiều, mỏng manh và

tạm thời như thế. Trong xã hội công nghiệp tiên tiến với những người của tương lai, việc đi lại đều đặn, việc đi xa, và việc di chuyển chỗ ở thường xuyên đã trở thành tính chất thứ hai. Theo nghĩa bóng, chúng ta tận dụng nơi chốn và bỏ chúng cùng cách như ta vứt bỏ khăn tay bằng giấy hay hộp bia lon. Chúng ta đang chứng kiến sự suy thoái lịch sử của nơi chốn trong cuộc sống nhân loại. Chúng ta đang nuôi dưỡng một giống dân du mục mới.

HỘI 3 TRIỆU DẶM.

Năm 1914, một người Mỹ trung bình đi lại bằng chân, bằng xe hoặc bằng ngựa với khoảng đường 1640 dặm một năm. Nghĩa là cả cuộc đời người đó đi được 88.560 dặm. Ngược lại, ngày nay một người Mỹ trung bình đi lại bằng ô tô khoảng đường dài 10.000 dặm một năm, thế có nghĩa là cả cuộc đời người đó đi được 3 triệu dặm, hoặc gấp 30 lần số dặm người Mỹ năm 1914. Con số tổng hợp cũng rất khủng khiếp. Năm 1967, 108 triệu người Mỹ đã thực hiện 360 triệu chuyến đi cách xa nhà 100 dặm để ở lại qua đêm. Chỉ những chuyến đi này đã lên đến 312.000.000.000 người dặm. Nhìn theo cách khác thì con số này còn khủng khiếp hơn: số người dặm đi lại trong nước Mỹ hàng ngày tính cho một năm tăng gấp 6 lần nhanh hơn so với dân số được sinh ra trong ít nhất 25 năm.

Cùng với sự gia tăng trong việc di chuyển hàng ngày giữa nhà và một số nơi khác gần đó, cũng có sự tăng đáng kể trong việc đi công tác và du lịch. Chừng 1.500.000 người Đức nghỉ ở Tây Ban Nha mùa hè năm 1970, hàng trăm nghìn người khác tắm biển ở Hà Lan và Italia. Thụy Điển chào đón hàng năm chừng 1.200.000 người từ các nước khác. Hơn 1 triệu người nước ngoài viếng thăm Mỹ và hơn 4 triệu người Mỹ đi ra nước ngoài hàng năm.

Việc di chuyển bận rộn của con người trên mặt đất là một trong những đặc tính của xã hội siêu công nghiệp. Ngược lại, các quốc gia tiên công nghiệp dường như đóng băng, tê cứng, dân của họ gắn liền với một nơi ở. Sự tương phản này có những hậu quả kinh tế sâu đậm, nhưng nó cũng còn có những hậu quả tâm lý, văn hoá. Vì những người di trú, người đi lại và du mục không cùng loại với những người ở yên tại một chỗ

NHẠC FLAMENCO Ở THỤY ĐIỂN

Có thể vấn đề có ý nghĩa nhất về tâm lý của việc di động mà một cá nhân thực hiện là định vị lại về địa lý ngôi nhà của anh ta. Dạng cơ động địa lý rất rõ nét ở Mỹ và các quốc gia tiên tiến khác. Giữa tháng 3 năm 1967 và tháng 3 năm 1968, 36.600.000 người Mỹ đã thay đổi chỗ ở. Số người đó đông hơn dân số của các nước sau đây gộp lại:

Campuchia, Gana, Goatemala, Hondurat, Irắc, Ixraen, Mông Cổ, Nicaragua và Tuynidi. Giống như toàn bộ dân số của các nước trên thành lập định cư lại. Và sự di chuyển qui mô lớn xảy ra hàng năm ở Mỹ.

Ở Anh, Pháp, Đức, Italia, Hà Lan, Thụy Điển cũng có tốc độ di trú tăng hàng năm. Ngoài ra, sự thịnh vượng kinh tế ở Bắc Âu đã tạo ra sự thiếu hụt nhân công và đã thu hút số đông nông dân từ các nước Angiêri, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Nam Tư và Thổ Nhĩ Kỳ. Các đây không lâu, ở Stóckhôm, chúng tôi đến ăn ở quán ăn Vivel là nơi gặp gỡ của những ngoại kiều Tây Ban Nha đến thưởng thức nhạc Flamenco trong bữa ăn tối của họ. Không người Thụy Điển nào, ngoại trừ vài người Angiêri và chúng tôi, tất cả mọi người nói tiếng Tây Ban Nha. Do đó chẳng có gì ngạc nhiên khi các nhà xã hội học Thụy Điển tranh cãi nhau về việc hoặc để người công nhân nước ngoài được hoà nhập vào văn hoá Thụy Điển, hoặc khuyến khích họ giữ nguyên truyền thống văn hoá của họ - chính xác là cùng lý luận về “sự hỗn hợp chủng tộc và văn hoá khác nhau” mà các nhà xã hội học Mỹ đã tranh cãi trong thời kỳ nhập cư mở rộng vào nước Mỹ.

DI TRÚ VỀ TƯƠNG LAI

Có sự khác nhau giữa những người di chuyển

ở Mỹ và những người di trú ở châu Âu. Ở châu Âu, hầu hết sự di động mới có thể gán cho việc chuyển tiếp liên tục từ nông nghiệp sang công nghiệp; từ quá khứ sang hiện tại. Chỉ một số nhỏ liên quan với việc chuyển tiếp từ công nghiệp sang siêu công nghiệp. Ngược lại, ở Mỹ sự phân phối lại liên tục về dân số không phải do suy thoái việc làm nông nghiệp. Nó nảy sinh từ việc tự động hóa và cách sống mới liên quan đến xã hội siêu công nghiệp, cách sống của tương lai.

Sẽ rất sai lầm nghiêm trọng nếu cho rằng tỷ lệ cao về sự di động địa lý chỉ tương quan với nghèo khổ, thất nghiệp hoặc dốt nát. Thực ra chính những người có bằng cấp, có nghiệp vụ là những người di chuyển nhiều và di chuyển xa hơn những người không có bằng cấp, không có nghiệp vụ. Chúng ta cũng thấy chính những nhóm này - nghiệp vụ, kỹ thuật, quản lý - làm tăng cả trong số lượng tuyệt đối và tỷ lệ lực lượng lao động toàn bộ của xã hội siêu công nghiệp.

Giống như hàng triệu người nông dân nghèo khổ và thất nghiệp di chuyển từ nông thôn ra các thành phố kỹ nghệ hiện nay ở châu Âu, những nhà khoa học, kỹ sư, kỹ thuật châu Âu đang di chuyển về Mỹ và Canada là những quốc gia siêu công nghiệp.

Nhưng cũng có sự chảy "chất xám" ngay trong nước Mỹ, với hàng nghìn nhà khoa học và kỹ sư di chuyển tới lui như những phân tử, nguyên tử. Có

hai dòng lưu động chính, một dòng từ phía bắc và dòng kia từ phía nam, cả hai dòng đều quy tụ ở California và ở các tiểu bang bờ biển Thái Bình Dương với trạm trung chuyển ở Denver. Một dòng khác từ phía nam hướng về Chicago, Cambridge, Princeton, Long Island. Ngược lại một dòng người xuống làm việc trong các khu công nghiệp điện tử và vũ trụ ở Florida.

Ngoài các nhóm lớn người quản lý, kỹ thuật và nghiệp vụ di chuyển thường xuyên và di chuyển xa, còn có các nhóm khác như gia đình các quân nhân, công nhân xây dựng, sinh viên và những người di chuyển trong cùng tiểu bang. Đối với hàng triệu người như thế và đặc biệt đối với những người của tương lai, “nhà là bất cứ nơi nào có thể tìm thấy”.

TỰ TỬ VÀ ĐI NHỜ XE ÔTÔ

Việc phá bỏ khoảng cách địa lý mở ra một dạng tự do làm hồ hởi hàng triệu người. Đối với nhiều người tốc độ, di chuyển và định vị cùng nghĩa với tích cực. Điều này giải thích cho sự gắn bó tâm lý của người Mỹ và người châu Âu đối với xe ô tô - hiện thân công nghiệp của sự tự do không gian. Xe ô tô trở thành biểu tượng hiện đại của sự khởi đầu.

Đối với một gia đình người Mỹ gặp khó khăn về tài chính thì đồ vật cuối cùng họ phải bán là xe

ô tô. Sự trừng phạt nặng nhất đối với thanh niên là không được cha mẹ cho lái xe đi chơi. Sự say mê sâu đậm về ô tô của thanh niên Mỹ đã gây ra nhiều thảm kịch như một thanh niên 17 tuổi đã tự tử ở bang Wisconsin vì cha anh ta không cho lái xe nữa sau khi bằng lái của anh ta bị thu vì vượt quá tốc độ cho phép.

Tự do đối với vị trí địa lý cố định, khi con người siêu công nghiệp cảm thấy bị gò bó trong xã hội, phản ứng đầu tiên của họ là di chuyển đi nơi khác. Tư tưởng này ít khi xảy ra đối với người nông dân lớn lên trong làng hoặc với người thợ mỏ làm việc cực nhọc trong các mỏ sâu.

Sự biểu lộ cực độ của nhu cầu di chuyển được thấy ở các cô gái đi nhờ xe ô tô, họ bắt đầu thành lập một loại xã hội học thừa nhận của chính riêng họ. Họ đi nhờ xe ô tô khắp cả châu Âu, đi đến đâu họ làm việc để kiếm tiền sống và khi đủ tiền thì họ lại đi tiếp. Họ trở về nhà sau 6 hoặc 8 tháng, rồi sau đó lại đi tiếp.

Nói tóm lại, những nước đang ở giai đoạn chuyển tiếp sang siêu công nghiệp và trong số người của tương lai, di động là một cách sống, một sự giải phóng ra khỏi những giới hạn của quá khứ, một bước đi vào tương lai thịnh vượng.

NHỮNG NGƯỜI DI CHUYỂN BUỒN THẮM.

Ngược lại với thái độ trên là thái độ của những

người bất động. Không phải chỉ những người nông dân ở Ấn Độ hoặc Iran ở tại một chỗ suốt cuộc đời họ, mà còn có hàng triệu công nhân, đặc biệt là những người trong các nền công nghiệp lạc hậu. Sự thay đổi công nghiệp kéo theo sự thay đổi kinh tế đã làm cho các nền kỹ nghệ cũ bị lỗi thời và tạo ra những nền kỹ nghệ mới, hàng triệu công nhân không có tay nghề buộc phải di chuyển. Kinh tế đòi hỏi tính cơ động, hầu hết các chính phủ phương Tây như Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch và Mỹ đã sử dụng số tiền lớn để khuyến khích công nhân phải được đào tạo lại và di chuyển theo việc làm.

Phản ứng của những người này rất rõ ràng. Họ cảm thấy mất mát đau khổ, lòng mong mỏi kéo dài, giọng nói suy sụp, có triệu chứng đau khổ tâm lý hoặc xã hội, ý thức vô dụng, và khuynh hướng lý tưởng hoá nơi ở cũ của họ.

Có một loại người khác cũng không thích ứng như những người trên là người nhập cư. Tâm lý của họ phát triển qua ba giai đoạn. Giai đoạn đầu là tìm việc làm, kiếm tiền và tìm nơi ở, tâm lý trong giai đoạn này nói chung là họ cảm thấy bất an. Giai đoạn hai là sự bận khoăn và suy sụp tăng; tự họ làm cho họ bận rộn; họ ẩn mình không ra ngoài xã hội, ngược lại với giai đoạn đầu; họ bắt đầu biểu lộ hận thù và nghi ngờ. Tâm lý giai đoạn này là không cảm thấy thoải mái và bị rối loạn. Giai đoạn này kéo dài từ một đến vài tháng. Sau đấy là giai đoạn ba. Hoặc họ tự điều chỉnh theo môi trường mới hoặc họ

66

phát triển thần kinh không bình thường và xa rời thực tế. Nói tóm lại, một số người không bao giờ tự điều chỉnh để thích ứng.

BẢN NĂNG TRỞ VỀ NHÀ.

Dù cho những người trên thích nghi được với môi trường mới, họ cũng không phải là họ như trước nữa. Họ phải phá bỏ hoàn toàn mối quan hệ cũ và xây dựng những mối quan hệ mới. Chính sự phá bỏ này nếu lặp lại nhiều lần sẽ tạo ra tâm lý “mất sự ràng buộc”. Những người hay di chuyển quá bận rộn nên không định cư lâu dài ở một nơi được. Do đó họ không muốn tham gia vào các hoạt động địa phương, và bị phê phán là làm mất lý tưởng truyền thống của nền dân chủ. Nếu một người thôi tham gia hoạt động xã hội, từ chối gia nhập tổ chức, từ chối quan hệ mật thiết với những người láng giềng, nói tóm lại là từ chối bị ràng buộc, việc gì sẽ xảy ra cho cộng đồng và bản thân người đó? Cá nhân hoặc xã hội có thể sống còn không, có ràng buộc không?

Sự ràng buộc rất đa dạng. Một trong những dạng đó là sự gắn bó với nơi chốn. Chúng ta có thể hiểu ý nghĩa của sự cơ động khi chúng ta thừa nhận sự tập trung vào một chỗ cố định trong kiến trúc tâm lý của con người truyền thống. Sự tập trung này phản ánh trong văn hoá chúng ta bằng nhiều cách. Thực vậy, văn minh tự nó bắt đầu với

nông nghiệp, nghĩa là sự định cư của những người du mục thời tiền sử. Chính từ ngữ “bén rễ” bắt nguồn từ nông nghiệp. Khái niệm nguồn gốc có ý nghĩa là chốn cố định, một ngôi nhà bám chặt vào đất. Trong thế giới đầy nguy hiểm, nhà là nơi trú ẩn an toàn, là nơi ở của thế hệ này sang thế hệ khác, là môi liên hệ của một người với thiên nhiên và quá khứ. Sự bất động của ngôi nhà được đảm bảo và được văn chương ca ngợi.

Trong thế giới nổi sóng vì cách mạng công nghiệp, không có lực nào có thể giữ con người của tương lai ở một chỗ cố định cả.

CHUYỂN NHƯỢNG VỀ ĐỊA LÝ

Người du mục thời quá khứ di chuyển qua những trận bão tuyết và cái nóng ran của sa mạc, luôn luôn bị cái đói theo đuổi, nhưng anh ta mang theo mình cái lều, gia đình và những người trong cùng bộ lạc. Anh ta mang môi trường xã hội và cấu trúc vật lý mà anh ta gọi là nhà. Ngược lại, những người du mục mới ngày nay bỏ tất cả cấu trúc vật lý lại phía sau, bỏ môi trường xã hội vừa mới làm quen. Họ bỏ lại tất cả trừ gia đình họ.

Nơi chốn không còn là nguồn chủ yếu về di động. Sự khác nhau giữa con người không còn tương quan chặt chẽ với nguồn gốc địa lý. Nhiều người không ở lâu tại một nơi để biết được đặc tính khu vực hoặc địa phương. Trước đây các trường đại

học chỉ tuyển sinh viên tại địa phương của tiểu bang, họ xem sinh viên từ các bang khác đến là trái tuyến. Ngày nay vấn đề đó không còn tồn tại nữa, các trường đại học vẫn tuyển sinh viên tại tiểu bang, nhưng để tìm tính đa dạng họ phải tuyển mộ khắp nơi.

Sự di động đã xáo trộn tất cả đến nỗi những điểm khác nhau giữa con người không còn liên quan đến nơi chốn nữa. Sự suy thoái về ràng buộc với nơi chốn cũng đồng cảnh như thế. Đối với nhiều người lòng trung thành đối với thành phố, đối với nhà nước kém hơn cả lòng trung thành đối với công ty, với nghề nghiệp hoặc với các hội tự nguyện. Như thế có thể nói rằng những mối ràng buộc đang dịch chuyển từ cấu trúc xã hội liên quan đến nơi chốn (thành phố, tỉnh, quốc gia hoặc láng giềng) sang những cấu trúc cơ động và không có nơi chốn (công ty, nghề nghiệp, bạn hữu).

Tuy nhiên sự ràng buộc dường như tương quan với khoảng thời gian quan hệ. Đã được đào tạo từ nhỏ với sự mong chờ theo thời gian, chúng ta đều biết đầu tư tình cảm cho những mối quan hệ thường xuyên hoặc lâu dài, trong khi kìm nén tình cảm càng nhiều càng tốt cho những mối quan hệ ngắn hạn. Sự suy thoái về ràng buộc với nơi chốn không những chỉ liên quan với tính cơ động mà chính là người đồng hành với sự cơ động. Khi một người chấm dứt mối quan hệ với của anh ta với ngôi nhà, cũng có nghĩa là chấm dứt mối quan hệ

của anh ta với các loại nơi chốn láng giềng. Anh ta thay đổi siêu thị, nơi mua xăng, nơi cắt tóc... như thế là cắt bỏ mối quan hệ với nơi chốn khác cùng với cắt bỏ mối quan hệ với ngôi nhà.

Chúng ta đã thấy rõ ràng hơn làm thế nào sức đẩy gia tăng trong xã hội ảnh hưởng đến cá nhân. Vì sự thâm tóm các mối quan hệ của họ với đồ vật. Trong cả hai trường hợp, cá nhân bắt buộc phải tạo ra và cắt bỏ mối quan hệ càng nhanh càng tốt. Trong cả hai trường hợp, mức độ tính nhất thời tăng lên. Trong cả hai trường hợp, họ có nhịp điệu cuộc sống nhanh hơn.

Chương 6

CON NGƯỜI: NGƯỜI MÔĐUN

Sự tụ hợp nhất thời của một số đông người có thể tạo ra sự đa dạng về các mối quan hệ tạm thời giữa người với người. Và chính sự tạm thời này mô tả đặc điểm, mối quan hệ con người khi chúng ta tiến về nền siêu công nghiệp. Vì giống như đồ vật và nơi chốn đi qua cuộc sống của chúng ta với tốc độ nhanh thì con người cũng vậy.

CÁI GIÁ DÍNH LÍU

Thay vì dính líu quá sâu đậm với toàn bộ cá nhân tính của mỗi cá nhân chúng ta gặp, chúng ta

chỉ duy trì mối quan hệ hời hợt và từng phần với một số người. Chúng ta chỉ quan tâm đến khả năng của người bán giày đáp ứng được nhu cầu của chúng ta, chúng ta không quan tâm gì đến việc bà vợ của ông ta là người nghiện rượu.

Điều này có nghĩa là chúng ta thành lập những mối quan hệ dính líu giới hạn với hầu hết mọi người xung quanh ta. Có ý thức hay không chúng ta xác định mối quan hệ của chúng ta với hầu hết mọi người theo chức năng. Chừng nào mà chúng ta không dính líu với các vấn đề của người bán giày ở nhà ông ta, thì đối với chúng ta ông ta hoàn toàn có thể thay thế được với những người bán hàng khác có cùng khả năng. Như thế chúng ta đang áp dụng nguyên lý môđun cho các mối quan hệ con người. Chúng ta đã tạo ra người có thể vứt bỏ được: người môđun.

Mỗi cá nhân có thể hình dung được cấu tạo bằng hàng nghìn khối môđun để làm thành cá nhân tính của mỗi con người. Như thế người này không thay thế bằng người khác được. Nhưng một số môđun thay được. Vì chúng ta chỉ cần mua giày chứ không cần tình bạn, sự ghét bỏ v.v... do đó chúng ta không cần liên quan gì đến những môđun khác của người bán giày làm thành cá nhân tính của anh ta. Quan hệ của chúng ta được giới hạn an toàn. Có trách nhiệm pháp lý cho cả hai bên. Mối quan hệ kéo theo cách cư xử và thông tin chấp nhận được. Cả hai bên đều hiểu

giới hạn và luật pháp. Khó khăn sẽ sinh ra khi một bên vượt qua giới hạn đã được hiểu ngầm, bên kia nối với một số môđun vượt ra ngoài chức năng sẵn có.

Bất kỳ mối quan hệ nào cũng ẩn giấu những đòi hỏi và mong chờ lẫn nhau. Mối quan hệ càng dính líu thân mật bao nhiêu, thì áp lực càng nặng cho cả hai bên mong muốn bên kia thực hiện điều mong muốn bấy nhiêu. Mối quan hệ càng chặt chẽ và toàn diện bao nhiêu thì càng nhiều môđun được đưa ra sử dụng, và càng nhiều đòi hỏi phải được đáp ứng. Trong mỗi quan hệ môđun, những đòi hỏi bị giới hạn chặt chẽ. Chúng ta không đòi hỏi người ta phải thế này thế kia, phải tin này tin kia v.v... Ngược lại họ cũng không đòi hỏi gì ở ta ngoài chức năng môđun vừa thực hiện xong. Điều này không thể có trong mỗi quan hệ toàn diện. Đến một mức độ nào đó, sự chia thành từng mảnh và sự tự do đi chung với nhau.

Quay trở lại với mối quan hệ toàn diện chính là quay trở lại sự cầm tù của quá khứ, một quá khứ mà cá nhân phải gắn chặt với người này người khác, nhưng đồng thời cũng gắn chặt với các quy định xã hội, các giới hạn chính trị và tôn giáo.

KHOẢNG THỜI GIAN NHỮNG MỐI QUAN HỆ CON NGƯỜI.

Tất cả chúng ta đề cập đến mối quan hệ con

người, như chúng ta đề cập đến nhưng loại quan hệ khác, với một sự mong chờ theo thời gian. Chúng ta hy vọng rằng một số loại quan hệ sẽ kéo dài hơn những mối quan hệ khác. Thực vậy, có thể xếp loại các mối quan hệ với người khác theo khoảng thời gian mong muốn. Dĩ nhiên những mối quan hệ này thay đổi theo văn hoá và theo con người. Tuy nhiên, thông qua các tầng lớp dân số khác nhau của các xã hội công nghiệp tiên tiến, thứ tự phân loại có thể như sau:

Quan hệ lâu dài: Quan hệ chặt với gia đình, quan hệ ít hơn với bà con họ hàng, mỗi quan hệ suốt cả cuộc đời của hai bên. Mỗi quan hệ này có thể bị phá bỏ do ly dị. Nó có còn là sự mong đợi thực tế và đúng mực hay không trong xã hội có tính nhất thời cao thì còn phải tranh luận nhiều. Tuy nhiên sự việc vẫn tồn tại là mỗi quan hệ gia đình hy vọng được dài hạn, nếu không nói là cả cuộc đời, và được gán cho là có tội đối với những người muốn phá vỡ mỗi quan hệ như thế.

Quan hệ thời gian vừa phải: Đó là những mối quan hệ với bạn bè, với láng giềng, với đồng nghiệp và với những thành viên của nhà thờ, câu lạc bộ và các tổ chức tự nguyện.

Từ xưa mỗi quan hệ bạn bè được xem lâu dài như mỗi quan hệ gia đình. Văn hoá ca ngợi tình bạn cũ và khiển trách những ai bỏ rơi tình bạn bè.

Quan hệ láng giềng không còn được xem như là quan hệ lâu dài. Quan hệ chỉ kéo dài trong

khoảng thời gian cá nhân ở tại một chỗ, khi họ di chuyển sang chỗ ở khác thì mối quan hệ cũng chấm dứt.

Quan hệ đồng nghiệp kéo dài trong khoảng thời gian làm ở một nơi. Khi chuyển chỗ làm việc thì quan hệ này cũng thay đổi.

Quan hệ thành viên là mối quan hệ với những người trong nhà thờ hoặc các tổ chức dân sự, đảng phái chính trị v.v... Quan hệ kéo dài khi thành viên cảm thấy tổ chức đó không gây nguy hiểm gì cho họ.

Quan hệ ngắn hạn: Hầu hết quan hệ dịch vụ rơi vào trong loại này. Đây là mối quan hệ với người bán hàng, người bán xăng, người cắt tóc v.v... Sự chuyển giao trong các mối quan hệ này tương đối nhanh và không cảm thấy phạm tội khi cắt đứt quan hệ. Trừ các loại dịch vụ nghề nghiệp như bác sĩ, luật sư, kế toán... có những mối quan hệ lâu dài hơn.

Những loại quan hệ trên không phải là cứng nhắc. Trong mỗi mối quan hệ đều có trường hợp ngoại lệ. Nhưng nói chung, mỗi quan hệ trung bình giữa người với người trong cuộc sống của chúng ta càng ngày càng ngắn hơn theo thời gian.

ĐÓN CHÀO NHANH LÊN

Tiếp tục đô thị hoá là một trong những áp lực đưa chúng ta tiến về "tạm thời hoá" trong mối

quan hệ con người của chúng ta. Việc đô thị hoá đưa một số lớn người ở cạnh nhau, do đó làm tăng số tiếp xúc với nhau. Tuy nhiên, quá trình này được tăng cường bằng sự di động địa lý. Sự di động địa lý không những chỉ làm tăng số nơi chốn trong cuộc đời chúng ta, mà nó còn làm tăng dòng người đi qua cuộc đời chúng ta.

Việc đi lại tăng lên cũng làm tăng những mối quan hệ nhất thời với hành khách, với nhân viên khách sạn, với người lái xe taxi, với đồng nghiệp, với bạn của của bạn, với nhân viên hải quan v.v... Một cá nhân càng di động nhiều bao nhiêu thì số lượng gặp mặt đối mặt, tiếp xúc trực tiếp càng nhiều bấy nhiêu, mối quan hệ vô cùng ngắn ngủi và bị nén theo thời gian. Con người di động đến chỗ ở mới và bắt đầu làm lại tất cả các mối quan hệ nhất thời. Tuy nhiên, quá trình quan hệ với láng giềng và bạn mới được đẩy nhanh nhờ sự có mặt của một số người chuyên làm nghề gọi là “môi giới hoà nhập”.

Những người “môi giới hoà nhập” này viếng thăm những người mới đến, trả lời những câu hỏi về cộng đồng, để lại tờ quảng cáo về các cửa hiệu, đôi khi là món quà nhỏ. Những người khác trong cộng đồng cũng giúp đẩy nhanh quá trình hình thành mối quan hệ mới cho những người mới đến. Các tổ chức địa phương như nhà thờ, các đảng phái chính trị, tổ chức phụ nữ cũng giữ phần quan trọng trong việc giúp cá nhân hoà nhập nhanh vào cộng đồng.

TÌNH BẠN TRONG TƯƠNG LAI

Mỗi lần gia đình di chuyển, họ có khuynh hướng bỏ một số bạn bè thường. Sự chia tay không có nghĩa chấm dứt mọi quan hệ. Chúng ta vẫn giữ liên lạc với một hay hai người bạn ở chỗ cũ, và chúng ta có khuynh hướng giữ liên lạc không thường xuyên với họ hàng. Nhưng với mỗi lần di chuyển là có sự tiêu hao chết người. Đầu tiên là thư từ tới lui, đôi khi còn có thăm viếng hoặc điện thoại. Nhưng dần dần những việc trên giảm chu kỳ. Sau cùng, tất cả chấm dứt.

Sự ổn định dựa trên những mối quan hệ thân thiết sẽ không có hiệu quả do sự di động nhiều, do khoảng quyền lợi quá rộng, và do khả năng thay đổi để thích nghi trong các thành viên của một xã hội tự động hoá cao. Cá nhân sẽ phát triển khả năng thành lập các mối quan hệ bạn thân trên cơ sở có chung quyền lợi hoặc liên kết nhóm nhỏ, và họ cũng dễ dàng bỏ những tình bạn này khi họ di chuyển đến nơi khác. Họ lại bắt đầu từ đầu. Quyền lợi sẽ thay đổi nhanh. Khả năng thành lập rồi bỏ rơi, hoặc hạ thấp mối quan hệ thân thiết nhanh chóng do việc di động tăng, sẽ giúp cho cá nhân có thêm nhiều bạn hơn hiện nay. Tình bạn trong tương lai sẽ cung cấp sự thoả mãn khi thay thế tình bạn lâu dài bằng tình bạn thân thiết ngắn hạn.

BẠN TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU

Sự chuyên môn hoá làm tăng số lượng các nghề nghiệp khác nhau. Cùng lúc đó sự đổi mới công nghiệp làm giảm tuổi thọ của bất kỳ nghề nghiệp nào đã cho. Sự nổi lên và suy thoái nghề nghiệp quá nhanh đến nỗi người ta luôn luôn không có lòng tin vào nghề nghiệp. Ngay cả khi tên của nghề nghiệp vẫn giữ nguyên, nội dung của công việc thường xuyên bị biến đổi, và người làm công việc đó luôn luôn thay đổi. Tuy nhiên việc chuyển giao công việc không phải là hậu quả trực tiếp của sự thay đổi công nghiệp. Nó phản ánh sự hoà nhập xảy ra khi kỹ nghệ khắp nơi tự tổ chức và tổ chức lại để thích nghi với môi trường thay đổi nhanh, để theo kịp thị hiếu của người tiêu dùng.

Ngày nay, vì mục đích tính toán nhân công, người làm việc được xếp loại theo công việc hiện nay của họ như “vận hành máy”, “người bán hàng”, “người viết chương trình máy tính”... Hệ thống này sinh ra từ giai đoạn ít năng động, hiện nay không còn đủ và đúng nữa. Xếp loại người làm việc không phải chỉ theo công việc hiện nay của họ, nhưng còn phải theo quỹ đạo đặc biệt mà nghề nghiệp của họ sẽ đi theo. Khi được hỏi “Anh làm nghề gì?”, người của kỷ nguyên siêu công nghiệp sẽ trả lời không phải theo công việc hiện nay (nhất thời) nhưng theo quỹ đạo công việc của anh ta, dạng tổng thể của tiểu sử công việc của

anh ta. Những tên công việc như thế phù hợp với thị trường việc làm siêu công nghiệp hơn là cách diễn tả thụ động hiện nay. Cách này không tính đến những gì cá nhân đã làm trong quá khứ, hoặc những gì sẽ làm trong tương lai.

Bất kỳ sự thay đổi nào trong công việc cũng kéo theo một số *stress*. Cá nhân phải bỏ những thói quen cũ, cách đối phó cũ, và học cách mới để làm việc. Ngay cả khi công việc tương tự, nhưng ở môi trường khác. Cũng giống như trường hợp chuyển nhà đến chỗ mới, người mới đến bị áp lực thành lập nhanh những mối quan hệ mới. Đối với công việc cũng thế, có người “môi giới hoà nhập” để giúp người mới đến hoà nhập ngay vào chỗ làm mới. Cá nhân cũng tìm cách gia nhập tổ chức - thường là không chính thức và là loại bè phái hơn là hệ thống tổ chức - của công ty. Biết rằng không có công việc nào là “thường xuyên” có nghĩa là các mối quan hệ tạo thành là có điều kiện, môđun và tạm thời.

NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC TUYỂN MỘ VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐÀO NGŨ

Nhóm đầu tiên thay đổi công việc nhiều nhất là những người nghèo, không có tay nghề. Vì nền kinh tế càng tiến lên đòi hỏi tay nghề cao nên những người nghèo chuyển từ việc làm này sang việc làm khác giống như quả bóng bàn. Họ là những người được tuyển mộ sau cùng và bị sa thải trước tiên.

Nhóm thứ hai thay đổi công việc ngày càng nhiều là nhóm đại diện cho ngày mai - các nhà khoa học và kỹ sư, những người có nghiệp vụ cao và kỹ thuật viên, các nhà quản trị và quản lý. Lý do họ thay đổi công việc rất dễ phát hiện. Công nghiệp thay đổi kéo theo sự lỗi thời về kiến thức, thay đổi càng nhanh thì lỗi thời càng nhanh, nên các nhà khoa học và kỹ sư trong công nghiệp nghiên cứu và phát triển đã thay đổi công việc nhiều gấp đôi so với các ngành công nghiệp khác. Ngành công nghiệp thông tin đại chúng, đặc biệt là quảng cáo, cũng chịu sự thay đổi người làm việc cao. Điều đó phản ánh sự thay đổi nhanh trong thị hiếu người tiêu dùng, trong nghệ thuật và trong sản phẩm.

Nhưng có lẽ sự thay đổi gây ấn tượng sâu sắc nhất là ở hàng ngũ các nhà quản lý. Lần đầu tiên trong lịch sử, sự lỗi thời dường như là vấn đề sắp xảy ra cho công tác quản lý vì ưu điểm tương đối về kinh nghiệm đối với kiến thức đang giảm nhanh trong thị hiếu người tiêu dùng, trong nghệ thuật và trong sản phẩm.

Nhưng có lẽ sự thay đổi gây ấn tượng sâu sắc nhất là ở hàng ngũ các nhà quản lý. Lần đầu tiên trong lịch sử, sự lỗi thời dường như là vấn đề sắp xảy ra cho công tác quản lý vì ưu điểm tương đối về kinh nghiệm đối với kiến thức đang giảm nhanh. Bởi vì cần nhiều thời gian để đào tạo công tác quản lý hiện đại và sự đào tạo này tự nó trở thành lỗi thời sau một thập kỷ giống như đào tạo kỹ sư, nên đã có

người đề nghị lập kế hoạch đi xuống chứ không phải đi lên như hiện nay. Nghĩa là đặt người vừa mới tốt nghiệp quản lý vào vị trí cao nhất rồi sau đó hạ thấp vị trí của họ dần dần hoặc cho ra ngoài.

Tỷ lệ gia tăng thay đổi công việc trong nghề quản trị đi theo những dạng đặc thù của nó. Một nhà quản trị chủ chốt đào ngũ không chỉ kéo theo một loạt thay đổi công việc quản trị, mà còn thường kéo theo một loạt thay đổi phụ. Khi thủ trưởng rời đi, ông ta thường được cấp dưới đề nghị cho đi theo, và kết quả là một loạt thay đổi người làm việc ở mọi cấp.

THUÊ - MỘT NGƯỜI

Mỗi công việc thay đổi ẩn giấu sự tăng số người đi qua cuộc đời của chúng ta, và khi tỷ lệ thay đổi công việc tăng lên, khoảng thời gian quan hệ giảm xuống. Điều này ở Mỹ chừng 1 trên 100 người lao động làm việc cho các công ty gọi là “dịch vụ giúp đỡ tạm thời”, các công ty này thuê họ làm việc cho các công ty kỹ nghệ cao có nhu cầu tạm thời.

Ngày nay chừng 500 cơ quan giúp đỡ tạm thời cung cấp cho công nghiệp chừng 750.000 người lao động ngắn hạn từ thư ký, thương trực, đến kỹ sư quốc phòng. Những người làm việc tạm thời được sử dụng trong các cuộc bầu cử chính trị để sử dụng điện thoại hoặc máy in rôbô. Họ cũng được gọi cho những nhiệm vụ khẩn cấp trong nhà máy in, bệnh viện và phân xưởng.

Việc thuê người làm việc tạm thời cho những nhu cầu tạm thời giống như thuê một đồ vật, đang phát triển nhanh trong các nước công nghiệp hoá. Đối với những người làm việc tạm thời này, điều quan trọng nhất là họ có thể làm việc nhiều ở đâu và khi nào họ muốn. Đối với một số thì đây là cách mở rộng mối quan hệ xã hội của họ

LÀM THẾ NÀO ĐỂ MẤT BẠN.

Việc tăng tỷ lệ thay đổi công việc và sự phát triển việc thuê người làm việc tạm thời sẽ làm tăng nhịp điệu mà mối quan hệ con người được thành lập và bị quên. Tuy nhiên việc gia tăng này ảnh hưởng đến các nhóm khác nhau trong xã hội với những cách khác nhau. Như thế, cá nhân giai cấp lao động có khuynh hướng sống gần nhau hơn, phụ thuộc vào người thân nhiều hơn nhóm giai cấp trung lưu và thượng lưu. Người giai cấp lao động thường ít tinh thông trong việc thích nghi với những mối quan hệ tạm thời. Họ cần nhiều thời gian hơn để có mối quan hệ và miễn cưỡng mất quan hệ. Điều đó giải thích tại sao họ miễn cưỡng di chuyển hay thay đổi công việc. Họ đi khi phải đi, nhưng không phải do chọn lựa.

Ngược lại, các nhà khoa học, nghiệp vụ và giai cấp thượng lưu chỉ có những mối quan hệ quyền lợi trong khoảng không gian vật lý rộng rãi nên có thể nói họ có nhiều mối quan hệ chức năng.

Những người di động dễ dàng lập mối quan hệ mới và quan hệ quyền lợi là đặc tính của nhóm này.

Những người có khả năng tạo ra mối quan hệ và cắt đứt mối quan hệ dễ dàng là những người được hưởng sự giàu có trong xã hội.

Những thành phần quan trọng nhất của cá nhân thành công như quản lý và quản trị công ty là việc xác định tình cảm sâu đậm với đại gia đình của họ đã bị tan rã, họ không còn quan hệ gì với quá khứ và do đó họ có khả năng tự quan hệ dễ dàng với hiện tại và tương lai. Họ là những người bỏ nhà theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Tự họ có thể liên quan hoặc không liên quan với những người khác dễ dàng. Khi họ di chuyển, họ bỏ lại phía sau cha mẹ, anh chị em, bạn bè, bà con.

BAO NHIÊU BẠN?

Nhiều hoạt động xã hội của cá nhân có thể được diễn tả như là đi tìm bạn mới thay thế cho những người cũ hoặc những người không còn chung quyền lợi. Việc tìm những người có chung quyền lợi hoặc khuynh hướng để tình bạn có thể nở hoa là không dễ dàng gì trong một xã hội mà sự chuyên môn hoá mọc lên nhanh chóng. Sự chuyên môn hoá này không phải chỉ cho công việc mà còn cho sự giải trí. Tính đa dạng trong công việc và trong giải trí càng lớn bao nhiêu thì càng khó tìm được đúng bạn bấy nhiêu. Theo các điều tra cho

thấy đối với những người có nghiệp vụ cao thì trong 1 triệu người may ra họ tìm được chừng 20 người bạn đáng quan tâm.

ĐÀO TẠO TRẺ CON CHO VIỆC THAY ĐỔI.

Khi cha mẹ di động sang nơi làm việc khác, điều tất yếu là con cái của họ phải đi theo. Giống như cha mẹ chúng, chúng cũng phải tạo ra những mối quan hệ mới với trường, lớp, thầy cô v.v... Tác động của sự di động như thế rất nặng nề cho cả thầy giáo và cho cả học sinh, vì thầy giáo cảm thấy bị ăn cắp tình cảm trong việc quan sát đứa trẻ phát triển trong sự đào tạo của họ. Ngày nay vấn đề đó lại tăng thêm do có tỷ lệ cao về việc thay đổi nơi làm việc của các thầy cô giáo.

Chương 7

TỔ CHỨC: HỆ THỐNG LÂM THỜI SẮP ĐẾN

Nếu những lời phê bình xã hội chính thống là đúng trong việc dự đoán một tương lai siêu quan liêu hoá và được tổ chức thành từng đoàn, chúng ta phải dựng hàng rào cản, đục lỗ trong thẻ máy tính IBM, lợi dụng mọi cơ hội để làm sụp đổ guồng máy tổ chức. Tuy nhiên, nếu chúng ta bỏ ra ngoài

những khái niệm rỗng tuếch của chúng ta và thay vào đó là nhìn thẳng vào sự việc, chúng ta phát hiện rằng hệ thống quan liêu, chính hệ thống được giả thiết sẽ đè nát chúng ta dưới sức nặng của nó, tự nó cũng đang rên rỉ với sự thay đổi.

Những loại tổ chức mà các lời phê bình dự đoán trong tương lai là những lợi tổ chức dường như không thể thống trị trong tương lai. Vì chúng ta đang chứng kiến không phải là sự chiến thắng, mà là sự đổ vỡ của hệ thống quan liêu. Thực vậy, chúng ta đang chứng kiến sự nổi lên của một hệ thống tổ chức mới đang tăng dần sự thách đố và sau cùng hất cẳng hệ thống quan liêu. Đây là tổ chức của tương lai, tôi gọi nó là “hệ thống lâm thời”.

Con người sẽ gặp vô vàn khó khăn trong vấn đề thích nghi với loại tổ chức mới này. Nhưng thay vì bị bẫy vào trong cơ chế không thay đổi và phá hoại nhân tính, con người sẽ thấy họ được giải phóng trong một thế giới tự do mới của tổ chức động lực học. Trong bối cảnh lạ này, vị trí của họ không ngừng thay đổi và biến đổi. Những mối quan hệ tổ chức của họ, giống như những mối quan hệ với đồ vật, nơi chốn và con người, sẽ thay đổi theo tốc độ gia tăng dữ dội.

CÔNG GIÁO, BÈ PHÁI VÀ GIỜ NGHỈ GIẢI LAO

Trước kia chúng ta có thể hiểu được ý nghĩa của chữ “hệ thống lâm thời”, chúng ta cần phải

công nhận rằng không phải tất cả tổ chức là quan liêu. Có nhiều cách khác nhau để tổ chức con người. Hệ thống quan liêu, như Max Weber đã chỉ rõ, không trở thành phương thức ưu việt về tổ chức con người ở phương Tây cho đến khi hệ thống công nghiệp xuất hiện. Cuốn sách này không diễn tả chi tiết các đặc tính của hệ thống quan liêu, nhưng chúng ta cần chú ý đến ba sự việc cơ bản. Đầu tiên, trong hệ thống tổ chức đặc biệt này, cá nhân chiếm một vị trí rõ ràng trong tổ chức lao động. Thứ hai, họ phải khớp với cấp bậc tôn ti, trật tự ngành dọc, dây chuyền lệnh từ thủ trưởng xuống người phục vụ thấp nhất. Thứ ba, quan hệ tổ chức của họ có khuynh hướng lâu dài, như Weber đã nhấn mạnh.

Do đó, mỗi cá nhân giữ một vị trí cụ thể, một vị trí cố định trong một môi trường ít nhiều cố định. Họ biết chính xác vị trí đơn vị họ ở đâu, ranh giới giữa tổ chức và đơn vị của họ được xác định rõ ràng tại chỗ. Khi được nhận vào trong một tổ chức, cá nhân chấp nhận tuân theo một số nghĩa vụ cố định để được đền đáp lại bằng sự ban thưởng. Những nghĩa vụ và ban thưởng này vẫn giữ nguyên trong một khoảng thời gian rất lâu. Như thế cá nhân đi vào trong mạng quan hệ thường trực - không phải chỉ với người khác (mà họ cũng có khuynh hướng giữ nguyên trong một khoảng thời gian dài) - mà với khung tổ chức, cơ chế.

Một số cơ chế này kéo dài lâu hơn những cơ chế khác. Nhà thờ Công giáo là một khung thép kéo dài

2000 năm với một số tổ chức bên trong hầu như không thay đổi hàng thế kỷ. Ngược lại, đảng phát - xít Nazi của Đức đã đưa châu Âu vào bể máu thì tổ chức của nó chỉ kéo dài ít hơn 1/4 thế kỷ.

Giống như tổ chức tồn tại trong thời gian dài hoặc ngắn, mối quan hệ của cá nhân với bất kỳ cơ chế tổ chức cụ thể nào cũng thế. Như thế mối quan hệ của cá nhân với phòng, cục, đảng chính trị, đoàn thể, câu lạc bộ, hoặc các đơn vị khác cùng loại có sự bắt đầu và kết thúc theo thời gian. Cũng thế nếu họ là thành viên của tổ chức như nhóm, bè phái, nhóm giải trí v.v... Mối quan hệ của họ bắt đầu khi gia nhập tổ chức và có nghĩa vụ với tổ chức. Mối quan hệ chấm dứt khi họ rời bỏ hoặc bị sa thải, hoặc chính tổ chức không còn tồn tại.

Đĩ nhiên, đây là điều xảy ra khi tổ chức tan rã chính thức. Nó xảy ra khi các thành viên thấy không còn có quyền lợi gì và không đến nữa. Nhưng tổ chức cũng có thể không còn tồn tại theo nghĩa khác. Nói cho cùng thì tổ chức không là gì ngoài việc tập hợp nhưng mục tiêu, hy vọng và nghĩa vụ của con người. Nói cách khác, nó là cấu trúc nhiệm vụ do con người thực hiện. Khi tổ chức biến đổi cấu trúc này bằng việc xác định lại và phân phối lại những nhiệm vụ này, chúng ta có thể nói rằng tổ chức cũ đã chết và tổ chức mới thay thế. Điều này cũng đúng ngay cả nếu nó giữ nguyên tên cũ và có cùng thành viên như trước. Sự sắp xếp lại nhiệm vụ tạo ra một cơ chế mới giống

86

như việc sắp xếp lại các bức tường di động được trong một toà nhà, biến đổi toà nhà thành một cấu trúc mới.

Do đó mối quan hệ giữa một người và một tổ chức bị cắt đứt hoặc do họ bỏ đi, hoặc do giải tán tổ chức, hoặc do việc biến đổi bằng sự tổ chức lại. Khi tổ chức mới hình thành, cá nhân cắt đứt mối quan hệ với cấu trúc cũ, quen thuộc nhưng không còn tồn tại, và bắt đầu quan hệ với cấu trúc mới thay thế cái cũ.

Ngày nay có bằng chứng là khoảng thời gian mối quan hệ với tổ chức của cá nhân đang co lại, và những mối quan hệ này đang chuyển giao với tốc độ ngày càng nhanh. Chúng ta sẽ thấy một số lực có uy quyền lớn đang tiêu diệt chế độ quan liêu.

SỰ BIẾN ĐỘNG TỔ CHỨC

Đã có một thời khi sơ đồ tổ chức trình bày rõ ràng các ô, mỗi ô có một người phụ trách và các đơn vị phụ thuộc anh ta. Mỗi cơ chế quan liêu của bất kỳ cấp nào, dù là công ty, trường đại học hoặc cơ quan nhà nước đều có sơ đồ tổ chức riêng, trình bày những người quản lý với mạng lưới tổ chức chi tiết. Một khi đã được vẽ, sơ đồ như thế trở thành một phần tổ chức thay đổi thường xuyên đến mức một sơ đồ quá 3 tháng được xem như là đồ tạc tác lịch sử.

Tổ chức thay đổi nội thể thường xuyên, chức

vụ thay đổi hàng tuần, công việc bị biến đổi, trách nhiệm bị dịch chuyển. Cơ cấu tổ chức rộng lớn bị tách rời ra từng phần, sắp xếp theo dạng mới, rồi lại sắp xếp. Các phòng ban xuất hiện rồi lại biến mất trong tổ chức khác. Sự cải tổ này nổi lên từ đợt sóng nhập vào và tách ra đang quét qua nền công nghiệp của Mỹ và Tây Âu. Cuối những năm 60 đã thấy sự nổi lên của các công ty khổng lồ đa dạng. Những năm 70 có thể thấy làn sóng gạt bỏ vì các công ty củng cố các chi nhánh và bán bớt các chi nhánh gây phiền phức. Tổ chức nội bộ dĩ nhiên cũng không tránh khỏi sau khi có sự hoà nhập như thế, nhưng việc tổ chức nội bộ cũng có thể do từ những lý do khác. Hầu hết các công ty không muốn để cho công chúng biết những xáo trộn trong tổ chức nội bộ của họ.

Các cơ quan nhà nước cũng không tránh khỏi sự xáo trộn. Rất hiếm có Bộ nào quan trọng trong các nước công nghiệp tiến tiến lại không chịu sự thay đổi tổ chức nối tiếp nhau trong những năm gần đây. Những thay đổi như thế trong tổ chức chính phủ rất dễ nhận thấy, vì sự chấn động tổ chức ảnh hưởng tới các cơ quan cấp dưới giống hệt như thế. Hầu hết các tổ chức có kết cấu được thiết kế để giải quyết vấn đề không còn tồn tại nữa. Tổ chức tự đổi mới là tổ chức thay đổi thường xuyên kết cấu của nó để đáp ứng những nhu cầu thay đổi.

Thay đổi tổ chức hoặc tự đổi mới là một đáp ứng cần thiết và không tránh được đối với sự gia

tăng thay đổi. Đối với những cá nhân trong các tổ chức này, sự thay đổi tạo ra không khí mới và vấn đề mới. Sự chuyển giao thiết kế tổ chức có nghĩa là mối quan hệ cá nhân với bất kỳ cấu trúc nào được cắt ngắn theo thời gian. Với mỗi thay đổi, họ phải tự định hướng lại. Kết quả là những mối quan hệ tổ chức của con người ngày nay có khuynh hướng thay đổi với nhịp điệu nhanh hơn trước. Mối quan hệ trung bình ít thường trực hơn, nhiều tạm thời hơn trước kia.

BAN LÂM THỜI MỚI

Tỷ lệ chuyển giao cao được biểu tượng bằng sự tăng nhanh của cái mà các nhà quản trị gọi là quản lý “đề án” hoặc “đặc nhiệm”. Các đội được tập hợp để giải quyết các vấn đề cụ thể ngắn hạn có thể chỉ vài ngày, hoặc có thể vài năm. Sau đó họ bị giải tán và thành phần con người được chỉ định việc khác. Nhưng không giống như các ban, vụ, cục của tổ chức quan liêu truyền thống, đội đề án hoặc đặc nhiệm là tạm thời theo thiết kế.

Lực lượng đặc nhiệm và các nhóm lâm thời khác đang nảy nở trong chế độ quan liêu của chính phủ và kinh doanh, cả ở Mỹ và ở nước ngoài. Các đội lâm thời mà thành viên được tụ họp để giải quyết vấn đề cụ thể và sau đó chia tay, là một đặc trưng của khoa học, được tạo ra để kiểm tra chất lượng động lực học của cộng đồng khoa học. Các

thành viên liên tục di động theo tổ chức nếu không nói là theo địa lý.

Rõ ràng không có gì mới về khái niệm tập hợp một nhóm làm việc giải quyết một vấn đề cụ thể, sau đó giải tán nó khi công việc hoàn thành. Cái mới là chu kỳ mà các tổ chức phải nhờ vào các tổ chức tạm thời như thế. Các kết cấu đường như thường trực của nhiều tổ chức lớn thường vì họ chống lại sự thay đổi, bây giờ bị thâm nhập nặng nề bởi các đội lâm thời đó.

Bề ngoài thì việc gia tăng tổ chức tạm thời dường như không có ý nghĩa. Thế nhưng cách làm này tàn phá khái niệm truyền thống về tổ chức là gồm ít nhiều kết cấu thường trực. Các tổ chức dùng xong vứt đi, các đội hoặc ban lâm thời không cần thiết thay thế các kết cấu chức năng thường trực, nhưng chúng buộc các tổ chức thường trực thừa nhận chúng và lấy người cùng quyền lực của các tổ chức đó. Ngày nay, trong khi các bộ phận chức năng tiếp tục hiện hữu, ngày càng có nhiều đội đề án, đặc nhiệm và các cấu trúc tổ chức tương tự nổi lên giữa các bộ phận chức năng, rồi sau đấy biến mất. Và con người, thay vì ngồi ở vị trí cố định trong tổ chức chức năng, thì di chuyển qua lại với tốc độ cao. Họ thường giữ chỗ ở cơ sở chức năng của họ, nhưng thường xuyên tách ra để phục vụ các đội tạm thời.

Chừng nào mà xã hội tương đối ổn định và không thay đổi, các vấn đề dường như là thủ tục và

có thể đoán trước được. Các tổ chức trong một môi trường như thế có thể là tương đối thường trực. Nhưng khi sự thay đổi gia tăng, ngày càng có nhiều vấn đề mới lần đầu tiên xuất hiện, và các hình thức tổ chức truyền thống chúng tỏ không có hiệu quả đối với những điều kiện mới. Các cấu trúc tổ chức chức năng truyền thống được tạo ra để đối phó với những điều kiện dự kiến được và không có gì mới, chúng tỏ không có khả năng đáp ứng một cách có hiệu quả đối với những thay đổi cơ bản trong môi trường. Như thế các cấu trúc nhiệm vụ tạm thời được tạo ra khi toàn bộ tổ chức đang chiến đấu để sống còn và phát triển. Quy trình này tương tự như hệ thống môđun trong kiến trúc. Chúng ta đã định nghĩa hệ thống môđun là sự cố gắng làm cho tuổi thọ của toàn bộ cấu trúc kéo dài hơn bằng cách làm ngắn tuổi thọ của các thành phần của nó. Điều này cũng áp dụng cho tổ chức, nó giúp giải thích sự tăng các thành phần tổ chức ngắn hạn hoặc sử dụng xong giải tán ngay.

Tóm lại, vị trí tổ chức của xã hội siêu công nghiệp có thể được hy vọng trở thành động lực hơn với sự rối loạn và thay đổi. Môi trường càng thay đổi nhanh bao nhiêu thì tuổi thọ của các hình thức tổ chức càng ngắn. Trong cấu trúc hành chính cũng như trong cấu trúc kiến trúc, chúng ta đang chuyển từ hình thức lâu dài sang hình thức tạm thời, từ vĩnh cửu sang nhất thời. Chúng ta đang chuyển từ quan liêu sang lâm thời.

Theo cách này, sức đẩy gia tăng tự nó biến thành tổ chức. Tính bất biến là một trong những đặc tính định danh của hệ thống quan liêu đang bị phá bỏ, và chúng ta phải đi đến kết luận: mỗi quan hệ của con người với vị trí vô hình của tổ chức chuyển giao càng ngày càng nhanh, giống như mỗi quan hệ của họ với đồ vật, nơi chốn và con người.

SỰ SỤP ĐỔ CỦA HỆ THỐNG CẤP BẠC

Có cái gì đó cũng đang xảy ra: sự dịch chuyển cách mạng trong quan hệ quyền lực. Các tổ chức lớn không những bị bắt buộc phải thay đổi cấu trúc nội bộ của họ và tạo ra các đơn vị tạm thời, mà họ còn thấy khó khăn trong việc duy trì hệ thống điều hành truyền thống của họ.

Trong hệ thống cấp bậc quan liêu, trật tự quan liêu thống trị. Con người làm cùng một việc ngày này qua ngày khác. Những người lãnh đạo điều hành mọi tình huống. Mỗi người biết chính xác họ đứng đâu trong hệ thống cấp bậc dọc đi từ người thấp nhất đến các nhà quản trị cao cấp. Tin tức, báo cáo đi từ dưới lên dần từng cấp. Lệnh đi ngược lại từ trên xuống dưới.

Hệ thống này dựa trên sự thừa nhận ngầm là cấp thấp không thể quyết định. Chỉ những người cao hơn trong hệ thống cấp bậc được tin cậy có phán đoán hoặc suy xét thận trọng. Các viên chức trên cao ra quyết định, người ở dưới thì hành quyết

định. Một nhóm đại diện bộ óc của tổ chức, nhóm kia là cánh tay của tổ chức. Sự sắp xếp quan liêu tiêu biểu này rất lý tưởng trong việc giải quyết những công việc thường làm hàng ngày với nhịp điệu trung bình. Nhưng khi sự việc tăng tốc, hoặc khi vấn đề không còn là thủ tục nữa, rối loạn nổ tung ra ngay. Rất dễ thấy nguyên nhân tại sao.

Đầu tiên, sự gia tăng nhịp điệu cuộc sống có nghĩa là mỗi phút chờ lệnh ban xuống phải trả giá đầu ra bị chậm hơn trước. Sự chậm trễ là tai hại. cùng lúc đó, sự thay đổi nhanh do số lượng các vấn đề đột xuất và mới gia tăng đòi hỏi số lượng thông tin cần thiết nhiều lên. Cần nhiều tin tức để đối phó với vấn đề mới hơn là tin tức để giải quyết các vấn đề thường làm hàng ngày. Cộng thêm với nhu cầu cần nhiều tin tức hơn với tốc độ nhanh hơn nên đã gây ra sự phá bỏ hệ thống cấp bậc dọc là đại diện cho hệ thống quan liêu.

Để giải quyết những hậu quả tai hại do hệ thống cấp bậc gây ra, cần phải vượt cấp. Vượt cấp đang được sử dụng ngày càng nhiều trong hàng nghìn nhà máy, văn phòng, phòng thí nghiệm, ngay cả trong quân sự. Kết quả tích lũy của những thay đổi nhỏ như thế là sự dịch chuyển ô ạt hệ thống thông tin từ ngành dọc sang phân bên với mục đích làm thông tin tăng nhanh hơn. Tuy nhiên quy trình được nâng cấp này biểu hiện một cơn lốc thổi vào hệ thống cấp bậc quan liêu thần thánh, và nó đục một lỗ hổng lớn chồm trong sự

tương tự “óc và tay”. Vì khi hệ thống lệnh ngành dọc bị vượt cấp, chúng ta thấy “cánh tay” cũng bắt đầu quyết định.

Sự rối loạn âm thầm nhưng có ý nghĩa này trong hệ thống cấp bậc đang xảy ra ở cấp quản trị cũng như ở cấp thấp, được tăng cường do sự xuất hiện trên sân khấu của các chuyên gia trong những ngành trọng yếu quá hẹp đến nỗi các ông to ở trên không thể hiểu được. Dần dần các nhà quản lý phải dựa trên sự phán đoán của các chuyên gia này. Ngày nay các nhà quản lý đang mất độc quyền ra quyết định.

Sẽ còn rất lâu trước khi hệ thống cấp bậc quan liêu bị xoá sạch. Vì hệ thống quan liêu rất phù hợp cho những công việc đòi hỏi một số lớn người có văn hoá trung bình thực hiện những công việc hàng ngày, và chắc chắn những công việc như thế sẽ tiếp tục được con người thực hiện trong tương lai. Nhưng chính những công việc đó do máy tính và thiết bị tự động thực hiện tốt hơn người. Rõ ràng là trong xã hội siêu công nghiệp, nhiều công nghiệp như thế sẽ do các hệ thống máy móc tự điều khiển đảm nhiệm và do đó không cần đến tổ chức quan liêu. Thay vì giúp cho hệ thống quan liêu kìm kẹp chặt hơn, sự tự động hoá sẽ vứt bỏ hệ thống quan liêu đi.

Khi máy móc đảm nhiệm công việc hàng ngày và sức đẩy gia tăng làm tăng số lượng sự đổi mới trong môi trường, càng ngày năng lượng xã hội (và

tổ chức của nó) phải hướng về cách giải quyết các vấn đề đột xuất. Điều này đòi hỏi mức độ tương tượng và óc sáng tạo mà cơ chế quan liêu với tổ chức người đứng vị trí, với cấu trúc thường trực và với hệ thống cấp bậc, sẽ không còn phù hợp nữa. Không có gì ngạc nhiên khi thấy rằng bất kỳ nơi nào mà tổ chức theo kịp dòng thay đổi công nghiệp hoặc xã hội, nơi nào mà nghiên cứu và phát triển là quan trọng, nơi nào mà con người phải đối phó với những vấn đề lần đầu tiên gặp phải, thì nơi đó sự suy thoái của các hình thức quan liêu rõ nét nhất. Để tồn tại, tổ chức phải phá bỏ cơ chế quan liêu làm họ bất động, làm họ kém nhạy cảm và làm họ phản xạ chậm đối với sự thay đổi.

Con người siêu công nghiệp, thay vì giữ vị trí được xác định rõ ràng và thường xuyên, thực hiện những nhiệm vụ hàng ngày dần dần theo lệnh cấp trên, thấy rằng họ phải đảm nhiệm trách nhiệm quyết định, và phải làm như thế trong cấu trúc tổ chức thay đổi được xây dựng trên những mối quan hệ con người nhất thời.

VƯỢT QUA HỆ THỐNG QUAN LIÊU

Mỗi thời kỳ sinh ra một hình thức tổ chức thích hợp cho nhịp điệu riêng của nó. Trong thời kỳ dài của văn minh nông nghiệp, xã hội được đánh dấu bằng tính nhất thời chậm. Sự chậm trễ trong thông tin và giao thông làm chậm tốc độ tin tức di

chuyển. Nhịp điệu cuộc sống cá nhân tương đối chậm rãi. Xã hội ít khi phải thực hiện những quyết định nhanh.

Thời kỳ công nghiệp mang một nhịp điệu nhanh hơn cả đời sống cá nhân và tổ chức. Chính xác vì lý do này mà hình thức quan liêu được cần đến. Đối với chúng ta, chúng dường như ì ạch và không hiệu quả, nhưng nói chung, chúng có khả năng quyết định nhanh hơn các tổ chức mơ hồ và tiêu vẹo đi trước chúng. Với tất cả những điều lệ được lập ra, với tất cả những nguyên tắc cứng nhắc chỉ biết làm thế nào xử lý những vấn đề công việc khác nhau, dòng quyết định được gia tăng để theo kịp nhịp độ cuộc sống nhanh hơn do công nghiệp mang đến.

Vậy thì những đặc tính của tổ chức xã hội siêu công nghiệp là gì? Chìa khoá cho tổ chức này là "tạm thời". Sẽ có những hệ thống tạm thời thích ứng và thay đổi nhanh. Vấn đề sẽ được các đội đặc nhiệm giải quyết, đội này gồm những người hơi xa lạ đại diện cho những khả năng nghề nghiệp khác nhau.

Các nhà quản trị và quản lý trong hệ thống này sẽ hành động như những người phối hợp giữa các nhóm công tác lâm thời khác nhau. Họ được đào tạo để hiểu được biệt ngữ của các nhóm chuyên gia khác nhau, họ thông tin với các nhóm, diễn giải và dịch ngôn ngữ nhóm này vào ngôn ngữ của nhóm kia. Con người trong hệ thống này sẽ khác

biệt không phải theo ngành dọc tùy theo cấp bậc và nhiệm vụ, nhưng là linh hoạt và theo chức năng tùy theo tay nghề và đào tạo nghiệp vụ.

Vì có sự di chuyển qua lại tốc độ cao từ một nhóm lâm thời sang nhóm khác, nên sự ràng buộc giữa các nhóm công tác giảm đi nhiều. Trong khi sự khéo léo trong tác động qua lại giữa con người trở thành quan trọng hơn cho những nhu cầu hợp tác trong các nhiệm vụ phức tạp, sẽ có sự suy giảm trong tính cố kết của nhóm. Người ta sẽ phải học cách phát triển những mối quan hệ nhanh, và học cách chịu đựng sự mất mát các mối quan hệ công việc lâu dài.

Đây là hình ảnh của hệ thống lâm thời sắp đến, di chuyển nhanh, giàu tin tức, tổ chức động lực của tương lai, gồm các nhóm lâm thời và các cá nhân cơ động. Hơn thế nữa, từ viễn cảnh này có thể suy diễn một số đặc tính của con người trong các tổ chức mới này, những con người mà hiện nay đã có thể tìm thấy trong các tổ chức mẫu. Cái nổi rõ nhất là sự khác biệt với con người của chế độ quan liêu hiện nay. Vì sự gia tăng thay đổi và đổi mới trong môi trường, nên một hình thức tổ chức mới đòi hỏi một loại người mới.

Ba đặc tính nổi bật nhất của hệ thống quan liêu là tính lâu dài, hệ thống cấp bậc và sự phân chia lao động.

Tính lâu dài - sự công nhận rằng mối quan hệ giữa con người và tổ chức kéo dài theo thời gian -

đưa đến việc ràng buộc với tổ chức. Con người này ở lâu với tổ chức bao nhiêu thì họ thấy quá khứ của họ được đầu tư cho tổ chức, và họ càng thấy tương lai của họ hoàn toàn phụ thuộc vào tổ chức. Thâm niên sinh ra lòng trung thành. Trong tổ chức, khuynh hướng tự nhiên được củng cố mạnh mẽ bởi sự nhận thức là sự chấm dứt mối quan hệ của một người với tổ chức thường có nghĩa là mất quyền lợi kinh tế. Trong một thế giới còn nhiều thiếu thốn thì công việc là rất quý giá. Nhà quan liêu trở thành bất động và có thiên hướng nặng nề về an toàn kinh tế. Để giữ công việc của họ, họ sẵn sàng hiến dâng quyền lợi và nhận thức riêng của họ cho tổ chức.

Hệ thống cấp bậc quyền lợi bắt mọi người trong tổ chức phải ở đúng vị trí. Biết rằng mối quan hệ của họ với tổ chức tương đối dài lâu, con người tổ chức dựa vào hệ thống cấp bậc để được sự phê chuẩn. Ban thưởng và hình phạt đi xuống tận cá nhân, do đó cá nhân muốn ngoi lên cấp bậc trên vị trí hiện tại bắt buộc phải phục tùng. Do đó: con người tổ chức nhặt phèo - con người không có nhận thức. Đây là giá phải trả cho sự phục tùng.

Sau cùng, con người tổ chức cần thiết phải biết vị trí của họ, họ ngồi ở vị trí được xác định, và họ được đánh giá theo tiêu chuẩn của điều lệ đặt ra. Đối diện với những vấn đề công việc hàng ngày, họ được khuyến khích tìm những câu trả lời theo thủ tục. Sự lách lẹ, tính sáng tạo, tính mạo hiểm

không được khuyến khích vì chúng phá hoại sự đoán biết trước được của tổ chức.

Hệ thống lâm thời chưa phát triển của ngày nay yêu cầu vũ trụ quan rất khác về đặc tính con người. Thay cho tính lâu dài là tính nhất thời, sự cơ động cao giữa các tổ chức không ngừng thay đổi tổ chức trong tổ chức, sự tạo ra và suy tàn của các nhóm công tác tạm thời. Không có gì ngạc nhiên là chúng ta đang chứng kiến sự suy thoái về tính trung thành kiểu cũ đối với tổ chức. Sự trung thành cũ mà con người tổ chức cảm thấy dường như đang biến thành mây khói. Thay vào đó chúng ta đang chứng kiến sự gia tăng lòng trung thành với nghề nghiệp. Trong tất cả xã hội công nghiệp có sự tăng không ngừng số lượng nghề nghiệp cao, kỹ thuật và các chuyên ngành khác.

Ngay cả chữ “nghề nghiệp” tự nó cũng có nghĩa mới, giống như hệ thống cấp bậc dọc của cơ chế quan liêu sụp đổ dưới tác động tổng hợp của công nghiệp mới, kiến thức mới và thay đổi xã hội, hệ thống cấp bậc ngang cho đến bây giờ chia cắt kiến thức con người cũng bị sụp đổ. Con người thấy những vấn đề mới chỉ có thể được giải quyết bằng cách vượt qua khỏi chuyên ngành hẹp của họ.

Nhà quan liêu truyền thống sẽ đặt kỹ sư điện vào một phòng và nhà tâm lý học vào phòng khác. Thực vậy, viên kỹ sư và nhà tâm lý học trong tổ chức nghiệp vụ riêng của họ đã có sự phân biệt giữa vũ trụ kiến thức và năng lực. Tuy nhiên, ngày

nay trong công nghiệp vũ trụ, trong giáo dục, và trong những lĩnh vực khác, các viên kỹ sư và nhà tâm lý học thường làm việc chung trong các đội làm thời. Những tổ chức mới phản ánh sự hoà nhập tri thức này đang tăng dần xung quanh những nghề nghiệp cơ bản, do đó chúng ta thấy bắt đầu có các tiểu tổ toán - sinh học, dược sư - tâm lý, kỹ sư - thư viện và máy tính - nhạc sĩ. Sự phân biệt giữa các chuyên ngành không biến mất, nhưng nó trở thành mờ nhạt và luôn luôn có qui trình cải tổ.

Như thế chúng ta thấy nổi lên một loại mới về con người tổ chức - một người mặc dù có nhiều liên kết, nhưng không dính líu vào bất kỳ tổ chức nào. Họ sẵn sàng sử dụng tay nghề và năng lượng sáng tạo của họ để giải quyết vấn đề cùng với nhóm tạm thời do tổ chức lập ra. Nhưng họ chỉ làm đến chừng nào vấn đề mà họ quan tâm. Họ chỉ bị ràng buộc vào nghề riêng của họ, vào sự tự hoàn thành nhiệm vụ của họ.

Ngày nay danh từ “trợ lý” xuất hiện khắp nơi kể cả các công ty lớn và chính quyền Nhà nước “Trợ lý giám đốc thị trường”, “trợ lý nghiên cứu”, “Trợ lý quản trị”, “trợ lý cục trưởng” v.v... Danh từ “trợ lý” ẩn giấu sự bằng nhau chứ không phải là cấp dưới, và nó phản ánh sự di chuyển từ dọc và theo cấp bậc sang dạng ngang. Những gì mà trong hệ thống cấp bậc quan liêu bắt người ta phải phục tùng thì người trợ lý hoàn toàn không phụ thuộc

vào những điều đấy. Chính sự tạm thời trong mối quan hệ của người trợ lý với tổ chức giải phóng họ khỏi những ràng buộc do cơ chế quan liêu áp đặt. Sự nhất thời theo nghĩa này đang được giải phóng.

Chương 8

TIN TỨC: HÌNH ẢNH ĐỘNG LỰC

Trong xã hội mà thức ăn dùng ngay được, giáo dục tức thì, thành phố chốc lát là hiện tượng hàng ngày, nhưng không có sản phẩm nào được tạo ra nhanh và bị phá huỷ tàn nhẫn hơn sự nổi tiếng chốc lát. Các quốc gia đang tiến về nền siêu công nghiệp đang đẩy mạnh rõ rệt những sản phẩm kinh tế - tâm lý này. Sự nổi tiếng chốc lát chợt xuất hiện trong nhận thức của hàng triệu người như quả bom hình ảnh.

Twiggy, Beatles, John Glenn, Billie Sol Estes. Bob Dylan, Jack Ruby, Norman Mailer, Eichmann, Jean Paul Sartre, Georgi Malenkov, Jacqueline Kennedy - hàng ngàn "nhân vật" diễu hành qua sân khấu của lịch sử hiện đại. Những con người thật được thông tin quảng đại quần chúng khuếch đại và chiếu lệ, họ được chứa như là hình ảnh trong đầu óc của hàng triệu người chưa bao giờ gặp họ, chưa bao giờ nói chuyện với họ, chưa bao giờ thấy họ bằng người thật. chúng ta thành lập mối quan hệ với "những người đại diện" này như là

chúng ta làm với bạn bè, láng giềng và đồng nghiệp. Và cũng giống như càng có nhiều người đi qua cuộc đời chúng ta thì khoảng thời gian của mối quan hệ của chúng ta với họ càng giảm, trường hợp mối quan hệ của chúng ta đối với “những người đại diện” cũng thế.

Những con người đại diện này, cả người thật và người tưởng tượng, giữ một vai trò có ý nghĩa trong cuộc đời chúng ta, cung cấp cho chúng ta những mô hình về cách xử thế, hành động, về những vai trò và tình hình từ đó chúng ta có thể rút ra kết luận cho cuộc sống riêng của chúng ta. Chúng ta học từ sự chiến thắng và đau khổ của họ. Họ làm cho chúng ta thử những vai trò hoặc cách sống khác nhau và không phải chịu những hậu quả giống như họ trong cuộc sống thực. Sự trôi qua gia tăng của những người đại diện chỉ đóng góp thêm vào độ mất ổn định của các dạng cá tính trong những người thật đang gặp khó khăn trong việc tìm kiếm một cách sống thích hợp.

Những người đại diện này không phải độc lập với nhau. Họ thực hiện vai trò của họ trong một “màn kịch dân gian” được tổ chức phức tạp và rộng lớn, sản phẩm của công nghiệp thông tin mới. Màn kịch dân gian này được đưa lên sân khấu và thay thế sự nổi danh với một tốc độ gia tăng, có hậu quả làm cho hình ảnh lãnh đạo càng không ổn định hơn. Có thể nói đó là sự chuyển giao nhanh chóng sự lãnh đạo biểu tượng.

Những gì đang xảy ra không phải chỉ là sự chuyển giao người thật hoặc tính chất tưởng tượng, mà còn là sự chuyển giao nhanh hình ảnh và cấu trúc hình ảnh trong óc của chúng ta. Quan hệ của chúng ta với những hình ảnh thực này, mà trên đó chúng ta đặt làm cơ sở cho cách xử thế của chúng ta, đang tăng càng ngày càng nhất thời hơn. Toàn bộ hệ thống kiến thức trong xã hội đang chịu sự biến động dữ dội. Chính những khái niệm và đạo lý đang chuyển giao với nhịp điệu gia tăng và dữ dội. Chúng ta đang tăng tốc độ mà chúng ta phải thành lập và quên hình ảnh thực tế của chúng ta.

TWIGGY VÀ MEZON. K

Mỗi người mang trong đầu họ một mô hình tinh thần của thế giới một sự trình bày chủ quan của thực tế bên ngoài. Mô hình này gồm hàng chục ngàn hình ảnh. Những hình ảnh này có thể đơn giản như hình ảnh tinh thần của đám mây bay theo chiều gió xuyên qua bầu trời. Hoặc chúng có thể là điều suy luận trừu tượng về cái cách mà sự việc được tổ chức trong xã hội. Chúng ta có thể nghĩ về mô hình thần kinh này như là nhà kho phía trong, một cửa hàng lớn hình ảnh mà chúng ta chứa chân dung của Twiggy, Charles De Gaulle hoặc Cassius Clay cùng với những lời tuyên bố như “con người cơ bản là tốt” hoặc “Thượng đế đã chết”.

Bất kỳ mô hình tinh thần nào cũng chứa một

số hình ảnh gần giống thực tế, cùng với những hình ảnh méo mó hoặc không chính xác. Nhưng để cho con người hoạt động, ngay cả để sống còn, mô hình phải giống với thực tế. Không có mô hình thực tế nào của con người là đơn thuần sản phẩm cá nhân. Trong khi một số hình ảnh của họ dựa trên các thông tin của thông tin đại chúng và của những người xung quanh chúng ta. Như thế mức độ chính xác trong mô hình của họ đến mức độ nào đó phản ánh trình độ kiến thức chính xác trong xã hội, những khái niệm mới, cách suy nghĩ mới, thay thế, phủ nhận và làm cho lỗi thời những tư tưởng cũ và những quan điểm thế giới.

Nếu xã hội đứng yên tại chỗ, có thể có ít áp lực vào cá nhân để họ hiện tại hoá nguồn hình ảnh của họ, để đưa hình ảnh theo đúng kiến thức mới nhất trong xã hội. Chừng nào mà xã hội họ đang sống ổn định hoặc thay đổi chậm, thì những hình ảnh mà họ dựa vào để xử thế cũng có thể thay đổi chậm. Nhưng để hành động trong một xã hội thay đổi nhanh, để đối phó với sự thay đổi nhanh và phức tạp, cá nhân phải bỏ kho hàng hình ảnh riêng của họ với tốc độ tương quan với nhịp điệu thay đổi nhanh. Mô hình của họ phải được hiện đại hoá. Nếu mô hình đi chậm, phản ứng của họ đối với thay đổi trở thành không phù hợp, họ dần dần trở thành bị ngăn trở, vô tác dụng. Như thế có áp lực dữ dội lên cá nhân để theo kịp với nhịp điệu phổ biến.

Ngày nay thay đổi trong xã hội công nghiệp nhanh và tàn nhẫn đến mức chân lý ngày hôm qua thành linh trở thành điều tưởng tượng ngày hôm nay, và những thành viên thông minh và có tay nghề cao của xã hội thừa nhận sự khó khăn theo kịp với sự dồn dập của kiến thức mới, ngay cả với những ngành hẹp. Kiến thức mới tăng lên ép buộc chúng ta vào những chuyên ngành hẹp hơn và khiến chúng ta xem xét lại hình ảnh nội tâm của chúng ta về thực tế với tốc độ chưa bao giờ nhanh như thế. Không phải nó chỉ đúng cho các tin tức khoa học khó hiểu về vật thể vật lý hoặc cấu trúc gen, mà nó cũng đúng cho các loại kiến thức khác nhau đang ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của hàng triệu người.

LÀN SÓNG FREUD

Một trong những thí dụ là sự thay đổi cơ bản kế tiếp nhau về hình ảnh trẻ con trong xã hội và trong lý thuyết nuôi dạy trẻ con của chúng ta. Ở Mỹ cuối thế kỷ trước, lý thuyết có ưu thế phản ánh sự tin tưởng khoa học về tính ưu việt di truyền trong việc xác định tư cách đạo đức. Các bà mẹ nuôi con theo cách liên quan đến những quan điểm thế giới của Darwin và Spencer. Những quan điểm thế giới này được phản ánh trong sự tin chắc của hàng triệu người dân bình thường là “trẻ con xấu là kết quả của dòng dõi

xấu”, “tội ác là di truyền” v.v...

Vào những thập kỷ đầu của thế kỷ, những thái độ trên lùi bước trước sự tiến bước của chủ nghĩa hoàn cảnh. Sự tin tưởng rằng hoàn cảnh định hình nhân tính, rằng những năm đầu rất quan trọng, đã tạo ra một hình ảnh mới về trẻ con. Các bà mẹ lại bắt đầu đối xử cách khác, từ chối không cho trẻ bú khi trẻ đòi, từ chối bế khi trẻ đòi, từ chối bế trẻ khi chúng khóc, cai sữa sớm để tránh sự phụ thuộc kéo dài.

Rồi vào đầu những năm 30, hình ảnh khác về đứa trẻ lại thăng tiến. Những khái niệm của Freud tràn vào như làn sóng và cách mạng hoá cách nuôi dạy. Các bà mẹ đột ngột nghe về “quyền trẻ con” và “nhu cầu” ban thưởng bằng lời nói. Sự dễ dãi trở thành trọng tâm. Song song với hình ảnh Freud về trẻ con là hình ảnh của các nhà phân tâm lý học. Họ trở thành anh hùng văn hoá. Phim ảnh, tivi, truyện, báo chí ca ngợi họ như những tâm hồn nhiệt tình và khôn ngoan, những người có khả năng làm lại nhân tính bị hỏng. Nhưng đến giữa những năm 60, họ trở thành các sinh vật khô hải. Đối với những người thời xưa, việc nuôi dạy trẻ con ổn định hàng thế kỷ, đối với những người thời nay và tương lai, lý thuyết nuôi dạy trẻ con trở thành vũ đài trên đó các làn sóng hình ảnh nối tiếp nhau đang đánh nhau, nhiều hình ảnh xuất phát từ nghiên cứu khoa học. Điều này cũng đúng cho nhiều ngành khác.

Theo cách này, kiến thức mới thay đổi kiến thức cũ. Phương tiện thông tin quảng đại quần chúng ngay tức khắc phổ biến những hình ảnh mới, và những cá nhân bình thường cố gắng theo kịp trong khi tìm kiếm sự giúp đỡ để đối phó với môi trường xã hội phức tạp. Cùng lúc đó, các biến cố cũng phá bỏ cấu trúc hình ảnh cũ của chúng ta. Chạy nhanh qua màn ảnh chú ý của chúng ta, chúng quét những hình ảnh cũ và tạo ra những hình ảnh mới. Trong chính trị, trong giáo dục, trong lý thuyết kinh tế, trong y học, trong các vấn đề quốc tế, làn sóng này tiếp theo làn sóng khác của các hình ảnh mới thâm nhập vào sự phòng thủ của chúng ta, làm hoạt động những mô hình tinh thần về thực tại. Kết quả của việc bắn phá hình ảnh này là sự tan rã gia tăng những hình ảnh cũ, sự thông qua tri thức nhanh hơn, và một ý thức mới, sâu đậm về tính tạm thời của kiến thức.

TRẬN BÃO TUYẾT CỦA NHỮNG CUỐN SÁCH BÁN CHẠY NHẤT

Khi kiến thức trở thành nhiều hơn và ít lâu bên hơn, chúng ta đang chứng kiến sự biến mất hầu hết các sách bìa cứng và được thay bằng sách bìa dày bở túi. Tự cuốn sách trở thành nhất thời hơn giống như tin tức nó chứa trong đó. Sự phát triển không tưởng tượng nổi của kiến thức ẩn ngầm rằng mỗi cuốn sách chứa đựng một phần

nhỏ của những gì được biết. Và cuộc cách mạng sách bỏ túi nhằm làm cho sách được bán khắp nơi rơi vào đúng lúc sự lỗi thời gia tăng nhanh về kiến thức đã làm giảm giá trị tin tức lâu dài trong sách. Như thế ở Mỹ, sách bỏ túi xuất hiện cùng một lúc ở hơn 100.000 điểm bán sách báo, và chỉ bị quét bằng một đợt phát hành khác sau đó 30 ngày. Sách đang tiến về sự nhất thời của tạp chí hàng tháng. Thực vậy, nhiều cuốn sách chẳng khác gì tạp chí ra một lần.

Cùng lúc đó, mối quan tâm của quần chúng đối với cuốn sách cũng suy giảm theo thời gian. Trong những năm 1953-1956, tuổi thọ của các cuốn sách bán chạy nhất in trên tờ *Thời báo New York* là 18-8 tuần. 10 năm sau, nghĩa là từ 1963-1966, tuổi thọ này tụt xuống 15-7 tuần. Như thế tuổi thọ trung bình của các cuốn sách bán chạy nhất bị giảm đi 1/6 trong vòng một thập kỷ.

Tóm lại, chúng ta đang tạo ra và vứt bỏ tư tưởng cùng hình ảnh với nhịp độ ngày càng nhanh hơn. Kiến thức, giống con người, nơi chốn, đồ vật và hình thức tổ chức, đang trở thành loại dùng xong vứt đi.

BẢN TIN ĐƯỢC THIẾT KẾ.

Nếu hình ảnh nội tâm về thực tại của chúng ta dường như chuyển giao càng ngày càng nhanh, một lý do có thể là việc tăng tốc độ bản tin hình ảnh

108

đang phóng thẳng vào nhận thức của chúng ta.

Những bản tin được thiết kế này khác với các loại tin tình cờ hoặc tự tạo ở một điểm quan trọng: thay vì mơ hồ, bản tin được thiết kế có khuynh hướng chặt chẽ hơn, cô đọng hơn, ít dư thừa. Nó có dụng ý cao, được xử lý trước để loại bỏ sự lặp lại không cần thiết, được thiết kế có ý thức để tối đa hoá nội dung tin tức. Bản tin được thiết kế là “giàu tin tức” như các nhà lý thuyết thông tin đã nói.

Như thế, vì radiô, tivi, báo chí, tạp chí, truyền lan tràn khắp xã hội, vì tỷ lệ bản tin được thiết kế do cá nhân thu nhận tăng lên, chúng ta đang chứng kiến sự thay đổi sâu sắc: Sự tăng đều đặn trong nhịp điệu trung bình mà bản tin tạo ra hình ảnh được trình bày cho cá nhân. Lượng thông tin xung quanh họ đi thẳng vào nhận thức của họ vô cùng khẩn trương, từ đó sinh ra ý thức vội vàng trong công việc hàng ngày. Nhưng nếu kỷ nguyên công nghiệp được đánh dấu bằng sự tăng tốc thông tin, sự chuyển tiếp sang kỷ nguyên siêu công nghiệp được đánh dấu bằng những cố gắng mãnh liệt để đẩy nhanh quy trình xa hơn những đợt sóng tin tức hình ảnh đang đi thẳng vào hệ thần kinh của chúng ta.

MOZART ĐANG CHẠY

Trong một cố gắng truyền tin tức giàu hình ảnh hơn với tốc độ nhanh hơn, các nhà thông tin,

nghệ sĩ và những người khác làm việc một cách có ý thức để làm cho hình ảnh xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng mang những tin tức phong phú và tình cảm. Như thế chúng ta thấy việc sử dụng mở rộng và gia tăng của hệ thống biểu tượng cho tin tức súc tích. Ngày nay, những người quảng cáo trong một cố gắng có dụng ý nhằm nhồi nhét nhiều tin tức vào đầu con người trong một chốc thời gian, đang sử dụng nhiều về kỹ thuật biểu tượng của nghệ thuật. Những trang quảng cáo của tạp chí thương mại như Printer's Ink đẩy các bài báo kỹ thuật phức tạp về cách sử dụng biểu tượng hình ảnh và từ ngữ để gia tăng dòng hình ảnh. Thực vậy, ngày nay nhiều nghệ sĩ phải học ở các nhà quảng cáo phương pháp mới về gia tăng hình ảnh.

Nếu những người quảng cáo phải trả tiền cho mỗi giây trên radio và tivi, phải chiến đấu để thu hút sự chú ý của độc giả trên tạp chí và báo chí, thì họ cũng đang bận rộn tìm cách thông tin hình ảnh tối đa trong khoảng thời gian tối thiểu, cũng có bằng chứng cho thấy một số người trong dân chúng đạt một sự tăng tốc độ nhận tin và hình ảnh xử lý. Điều này giải thích sự thành công của các lớp đọc nhanh cho các nhà quản trị, chính trị, sinh viên v.v... Dù tốc độ đọc nhanh có đạt được hay không, sự việc rõ ràng là tốc độ thông tin đang gia tăng. Những người bận rộn cố gắng tiếp thu càng nhiều thông tin càng tốt. Sự đọc nhanh nhằm giúp họ

110

giải quyết vấn đề này.

Ngay cả trong âm nhạc cùng sức đẩy gia tăng cũng biểu lộ rõ ràng. Một hội nghị các nhà soạn nhạc và chuyên gia máy tính được tổ chức ở San Francisco cách đây không lâu đã được thông báo rằng trong vài thế kỷ, âm nhạc đã chịu sự gia tăng trong khối lượng tin tức thính giác truyền đi trong một khoảng thời gian đã cho, và cũng có bằng chứng các nhạc sĩ ngày nay chơi nhạc MOZART, BACH và HAYDN với một nhịp điệu nhanh hơn so với thời điểm bản nhạc được soạn. Chúng ta đang làm cho MOZART phải chạy.

SHAKESPEARE CHỈ BIẾT MỘT NỬA

Ngôn ngữ cũng đang rối loạn. Những chữ chúng ta đang dùng thay đổi nhanh hơn ngày nay, không phải chỉ ở lĩnh vực tiếng lóng mà ở tất cả mọi lĩnh vực. Tốc độ các chữ đến và đi được gia tăng đáng kể. Điều này dường như không phải chỉ đúng cho tiếng Anh, mà các tiếng Pháp, Nga, Nhật cũng thế.

Trong 450.000 từ thông dụng của tiếng Anh ngày nay thì William Shakespeare chỉ hiểu được chừng 250.000 từ. Nếu Shakespeare xuất hiện thành linh ở Luân Đôn hoặc ở New York hôm nay, ông ta chỉ có khả năng hiểu được 5 trên 9 chữ trong từ ngữ của chúng ta. Ông Bord chỉ biết một nửa. Điều này có nghĩa là nếu ngôn ngữ có cùng số chữ vào

thời Shakespeare cho ngày nay, ít nhất 200.000 chữ hoặc nhiều hơn đã biến mất và bị thay thế trong khoảng 4 thế kỷ trôi qua đó. Hơn thế nữa, sự thay thế này chỉ xảy ra trong vòng 50 năm vừa qua, như thế số chữ bị bỏ và được thay thế với tốc độ ít nhất nhanh hơn 3 lần so với khoảng thời gian 1564 - 1914.

Tốc độ thay thế cao này phản ánh thay đổi trong đồ vật, quy trình và chất lượng trong môi trường. Một số chữ mới đến trực tiếp từ thế giới sản phẩm tiêu thụ và công nghiệp. Những chữ khác phát sinh ra từ các tiêu đề báo chí. Ở lĩnh vực tiếng lóng, tốc độ thay thế quá nhanh đến nỗi nó bắt buộc các nhà làm từ điển phải thay đổi tiêu chuẩn để đưa tiếng lóng vào từ điển.

Đã có một thời khi con người học ngôn ngữ của xã hội họ và sử dụng ngôn ngữ đó trong suốt cuộc đời của họ. Mỗi "quan hệ" của họ với mỗi chữ hoặc cử chỉ đã học được là lâu bền. Ngày nay, mỗi "quan hệ" đó không còn lâu bền nữa đến mức độ đáng ngạc nhiên.

NGHỆ THUẬT - CÁC NHÀ HOẠ SĨ LẬP THỂ VÀ CÁC NHÀ ĐỘNG LỰC HỌC

Nghệ thuật giống như cử chỉ là một hình thức diễn tả không bằng lời nói và là nguồn sơ thủy truyền hình ảnh. Ở đây những bằng chứng về sự phù du hoá rất rõ nét. Nếu chúng ta xem

112

mỗi trường phái nghệ thuật như là một ngôn ngữ dựa trên chữ, chúng ta đang chứng kiến sự thay thế nối tiếp nhau không phải chữ, mà là toàn bộ ngôn ngữ đồng thời cũng một lúc. Trong quá khứ, rất hiếm thấy sự thay đổi cơ bản trong phong cách nghệ thuật trong cả cuộc đời của con người. Một phong cách hoặc trường phái kéo dài hàng mấy thế hệ cùng một lúc. Ngày nay, nhịp điệu chuyển giao trong nghệ thuật đang nhoe đi, người xem hiếm thấy một trường phái phát triển, hiểu được ngôn ngữ của nó trước khi nó biến mất.

25 năm cuối của thế kỷ XIX thấy xuất hiện trường phái ấn tượng. Nó đến cùng một lúc với nền công nghiệp đang nổi lên, cùng với đó là sự gia tăng trong nhịp điệu cuộc sống hàng ngày. Trường phái ấn tượng thống trị từ năm 1875 đến 1910, nghĩa là 35 năm. Từ đó không có trường phái hoặc phong cách nào như từ trường phái vị lai đến trường phái siêu hiện thực, đã thống trị quang cảnh lâu như thế. Trường phái biểu hiện trỗi dậy kéo dài trong 20 năm từ 1940 đến 1960, sau đó được thay thế bằng các trường phái lạ kỳ như "POP" trong 5 năm "OP" trong 3 năm, và cuối cùng là sự nổi lên của "Nghệ thuật động lực" mà "lý do tồn tại (raison d'être)" là nhất thời.

Dĩ nhiên có nhiều bàn cãi về các trường phái trên, nhưng dù thái độ của một người đối với nghệ thuật hiện đại thế nào đi chăng nữa, thì tính nhất

thời vẫn là một thực tế không thể làm dịu được, một khuynh hướng xã hội và lịch sử nằm giữa thời đại của chúng ta không thể bị quên được. Và rõ ràng là các nhà nghệ sĩ đang đáp lại điều đó. Nghệ thuật động lực và điêu khắc động lực có thể được xem như là hiện thân mỹ học của hệ thống môđun. Mỗi quan hệ của con người với hình ảnh biểu tượng ngày càng tạm thời.

ĐẦU TƯ TINH THẦN

Một hình ảnh mới được chứa nơi nào đó trong bộ nhớ không gây khó khăn gì cho chúng ta nếu nó vẫn nằm ở chỗ nào đó. Thế nhưng nếu hình ảnh là mơ hồ, là mâu thuẫn, hoặc tệ hơn nữa nó bay nhảy trước mặt những kết luận về trước của chúng ta, thì mô hình thần kinh phải được xem xét lại. Một số lớn hình ảnh có thể được xếp loại, cải tổ, thay đổi cho đến khi sự tổng hợp thích hợp được tìm ra. Đôi khi cả một nhóm cấu trúc hình ảnh phải bị phá bỏ để xây lại.

Như thế mô hình tinh thần không được xem như là thư viện hình ảnh bất động, nhưng như là một thực thể sống động, luôn được cấp năng lượng và hoạt động. Nó không “được cho” khi chúng ta thu nhận thụ động từ bên ngoài, nó là những gì mà chúng ta xây dựng đi xây dựng lại một cách tích cực từ lúc này sang lúc khác. Bằng cách quét không ngừng thế giới bên ngoài với

giác quan của chúng ta, tìm tin tức cần thiết cho nhu cầu và mong muốn của chúng ta, chúng ta tiến hành một quá trình liên tục sắp xếp và hiện đại hoá.

Vào bất kỳ thời điểm nào, vô số hình ảnh bị lãng quên, những cái khác đi vào hệ thống, được xử lý và sắp xếp. Cũng cùng lúc đó, chúng ta lấy hình ảnh ra, sử dụng chúng và chứa vào lại hồ sơ có thể là ở chỗ khác. Chúng ta liên tục so sánh hình ảnh, kết hợp chúng, ta tiến hành một quá trình liên tục sắp xếp và hiện đại hoá.

Vào bất kỳ thời điểm nào, vô số hình ảnh bị lãng quên, những cái khác đi vào hệ thống, được xử lý và sắp xếp. Cũng cùng lúc đó, chúng ta lấy hình ảnh ra, sử dụng chúng và chứa vào lại hồ sơ có thể là ở chỗ khác. Chúng ta liên tục so sánh hình ảnh, kết hợp chúng, tham khảo chúng theo cách mới và rồi thì đặt lại chúng vào bộ nhớ. Đây là những gì mà chữ “hoạt động tinh thần” muốn nói. Và giống như hoạt động cơ bắp, đây là một hình thức làm việc. Nó cần năng lượng cao để giữ cho hệ thống hoạt động.

Để duy trì sự cân bằng thích nghi của chúng ta, để giữ khoảng cách nằm trong tỷ lệ quản lý được, chúng ta liên tục làm mới những hình ảnh của chúng ta, giữ hình ảnh mới nhất, và học lại thực tại. Như thế lực đẩy gia tăng bên ngoài chúng ta tìm thấy sự gia tăng tương ứng trong việc cá nhân thích nghi. Cơ chế xử lý ảnh của

chúng ta được hoạt động với tốc độ càng ngày càng cao hơn. Điều này có những hậu quả mà chúng ta hay xem thường. Vì khi chúng ta xếp loại hình ảnh, bất kỳ hình ảnh nào, chúng ta cần sự đầu tư năng lượng cho dạng tổ chức đặc biệt trong não chúng ta. Hiểu biết cần năng lượng, hiểu biết lại cần nhiều hơn.

Bằng cách tăng nhanh sự thay đổi trong thế giới bên ngoài, chúng ta buộc cá nhân phải hiểu biết lại môi trường của họ vào bất kỳ lúc nào. Điều này tự nó đặt một yêu cầu mới cho hệ thống thần kinh. Những người trong quá khứ, thích nghi với môi trường tương đối ổn định, duy trì mối quan hệ kéo dài này với nhận nội tâm riêng của họ về “cái cách sự việc phải như thế”. Trong khi chúng ta đang tiến về xã hội nhất thời cao, chúng ta bắt buộc phải cắt bỏ những mối quan hệ này. Giống như chúng ta phải tạo ra và cắt bỏ những mối quan hệ của chúng ta với đồ vật, nơi chốn, con người và tổ chức theo một nhịp điệu nhanh hơn, chúng ta cũng phải thay thế nhận thức của chúng ta về thực tại, thay thế những hình ảnh tinh thần của thế giới với khoảng thời gian ngày càng ngắn hơn.

PHẦN BA

NHỮNG VIỆC MỚI LẠ

Chương 9

QUỸ ĐẠO KHOA HỌC

Chúng ta đang tạo ra một xã hội mới. Không phải một xã hội được thay đổi. Không phải kiểu kéo dài, lâu hơn đời sống của xã hội hiện nay của chúng ta. Nhưng là một xã hội mới.

Tiền đề đơn giản này chưa nhuộm màu ý thức của chúng ta. Trừ phi chúng ta hiểu được điều này, chúng ta tự huỷ diệt trong việc đối phó với ngày mai.

Một cuộc cách mạng làm đảo lộn cơ chế và quan hệ quyền lực. Đó chính là những gì đang xảy ra ngày nay trong tất cả các quốc gia công nghiệp cao. Sinh viên ở Beclin, New York, Turin, Tokyo bắt giữ hiệu trưởng, dùng các nhà máy giáo dục lại, và thậm chí hăm dọa lật đổ chính phủ. Cảnh sát bao vây các khu nhà ổ chuột ở New York, Washington và Chicago khi các luật lệ sở hữu cổ bị xâm phạm công khai. Các tiêu chuẩn tình dục vứt bỏ. Các thành phố lớn bị tê liệt vì đình công, mất điện, nổi loạn, liên minh cường quốc quốc tế bị

lung lay. Các nhà lãnh đạo tài chính và chính trị run lẩy bẩy không phải vì sợ các nhà cách mạng cộng sản (hoặc tư bản) hất cẳng họ, mà sợ toàn bộ hệ thống đang thoát khỏi sự kiểm soát.

Đây là những dấu hiệu không phải bàn cãi về một cơ chế xã hội bệnh hoạn, một xã hội không có thể thực hiện cả những nhiệm vụ cơ bản của nó theo cách bình thường. Đây là xã hội đang lo âu khắc khoải về sự thay đổi cách mạng. Trong những năm 1920 và 1930, cộng sản thường nói về cuộc đại khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản. Bây giờ rõ ràng rằng những người cộng sản suy nghĩ quá bé nhỏ. Những gì đang xảy ra hiện nay không phải là cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, mà là của chính xã hội công nghiệp dù hình thức chính trị của nó là gì đi nữa. Chúng ta đang chịu đồng thời cùng một lúc cách mạng tuổi trẻ, cách mạng tình dục, cách mạng chủng tộc, cách mạng thuộc địa, cách mạng kinh tế, và cuộc cách mạng công nghiệp nhanh chóng nhất, sâu đậm nhất trong lịch sử. Chúng ta đang sống trong cuộc đại khủng hoảng của chế độ công nghiệp. Nói tóm lại, chúng ta đang ở giữa cuộc cách mạng siêu công nghiệp.

Nếu không nắm bắt được sự việc này, người ta sẽ không hiểu được hiện tại, nó cũng làm cho những người thông minh trở thành hoàn toàn đần độn khi họ nói về tương lai. Nó khuyến khích họ nghĩ hết sức đơn giản. Thấy những bằng chứng về chế độ quan liêu ngày nay, họ ngáy thơ giả thiết

rằng ngày mai còn quan liêu hơn. Những sự phóng chiếu như thế mô tả đặc điểm hầu hết những gì được nói hoặc viết về ngày mai. Và nó khiến chúng ta phải lo lắng về những điều sai.

Người ta cần sự tưởng tượng để đối đầu với cách mạng. Vì cách mạng không di chuyển theo đường thẳng. Nó đẩy mạnh thành linh, lượn vòng và rút lui. Nó đến theo dạng bước nhảy lượng tử và đảo ngược biện chứng. Chỉ bằng cách chấp nhận tiên đề là chúng ta đang tiến về một giai đoạn hoàn toàn mới của sự phát triển kinh tế - công nghiệp - giai đoạn siêu công nghiệp - chúng ta mới có thể giải phóng trí tưởng tượng của chúng ta để vật lộn với tương lai.

Cách mạng ẩn ngấm sự đổi mới. Nó mang những điều mới lạ vào cuộc sống của vô số cá nhân, đối đầu với những cơ chế không quen thuộc và tình hình lần đầu tiên mới gặp. Những thay đổi lớn lao trước mắt sẽ đi sâu vào cuộc sống cá nhân của chúng ta, sẽ biến đổi cơ cấu gia đình cổ truyền và thái độ giới tính. Chúng sẽ nghiền nát những mối quan hệ truyền thống giữa già và trẻ. Chúng sẽ vứt bỏ những giá trị của chúng ta đối với tiền bạc và thành công. Chúng sẽ thay đổi công việc, giải trí và giáo dục vượt qua khỏi sự nhận biết. Và chúng sẽ làm tất cả những điều ấy trong một bối cảnh của sự tiến bộ khoa học kỳ diệu, nhưng rất đáng sợ.

Nếu tính nhất thời là chìa khoá đầu tiên để

hiếu xã hội mới, thì sự đổi mới là chìa khoá thứ hai. Tương lai sẽ trải ra như là sự nối tiếp nhau liên tục những việc bất ngờ xảy ra đến kỳ lạ, những phát minh giật gân, những mâu thuẫn không hợp lý, và những thế khó xử mới. Điều này có nghĩa là nhiều thành viên của xã hội siêu công nghiệp sẽ không bao giờ thấy sống dễ chịu trong đó.

Cuộc cách mạng siêu công nghiệp có thể xoá bỏ nạn đói, bệnh tật, ngu dốt và thô bạo. Hơn thế nữa, chế độ siêu công nghiệp sẽ không giới hạn con người, sẽ không nghiền nát họ, dưới sự đều đặn lạnh lẽo và đau khổ. Ngược lại, nó sẽ tạo ra những cơ hội mới cho sự tiến bộ, sự vui thích, sự mạo hiểm của con người. Con người chưa bao giờ sống trong một môi trường như thế. Vấn đề đầu tiên là họ phải sống trong một nhịp điệu gia tăng khi tình hình cuộc sống ít hay nhiều quen thuộc. Phải làm như thế khi đối mặt với tình hình không quen thuộc, lạ, chưa có từ trước là vấn đề thứ hai. Bằng cách làm như thế, chúng ta gia tăng vấn đề thích nghi đến mức mới và nguy hiểm. Vì tính nhất thời và sự đổi mới là sự trộn lẫn dễ bùng nổ.

QUẦN ĐẢO ATLANTIS MỚI

Hơn 2/3 diện tích mặt trái đất là đại dương. Và chỉ 5% đất chìm dưới nước được vẽ đúng trên bản đồ. Tuy nhiên đất dưới đáy đại dương này được biết là rất giàu dầu khí, than đá, kim cương,

sunphua, côban, uranium, kẽm, phốtphát và những khoáng sản khác. Đại dương đầy cá và cây cỏ.

Cuộc chạy đua khai thác đáy đại dương sẽ được tăng cường hàng năm, với tác động ảnh hưởng của xã hội. Do việc khai thác được mở đại dương và rất lợi về kinh tế, có thể hy vọng sự cân bằng tài nguyên giữa các quốc gia sẽ dịch chuyển.

Về công nghiệp, kỹ nghệ mới sẽ tăng việc xử lý sản lượng của đại dương. Các kỹ nghệ khác sẽ sản xuất những công cụ phức tạp và đắt giá để làm việc dưới biển. Tốc độ lỗi thời trong những ngành này sẽ rất nhanh. Cạnh tranh sẽ khuyến khích cải tiến nhanh hơn nữa. Ngành trồng trọt khoa học về tài nguyên thực phẩm đại dương (Aquaculture) sẽ có chỗ đứng trong từ ngữ cạnh chữ “nông nghiệp”. Cùng với các chữ mới sẽ có những biểu tượng mới trong thơ ca, hội họa, phim ảnh và những nghệ thuật khác. Hàng dệt mới, hàng plastic mới và những vật liệu khác sẽ được phát minh. Các loại thuốc mới sẽ được tìm ra để chữa bệnh hoặc thay đổi trạng thái thần kinh.

Ngoài ra đại dương sẽ cung cấp thực phẩm làm chất dinh dưỡng cho hàng triệu người. Việc đi ra biển có thể mang cùng với nó một tinh thần biên giới mới, một cách sống tạo ra sự mạo hiểm, nguy hiểm, giàu nhanh hoặc danh tiếng cho những người thám hiểm đầu tiên.

Tuy nhiên không cần phải đẩy sự suy đoán

quá xa để chúng nhận rằng những môi trường mới mà con người sẽ bị phơi bày ra sẽ mang theo những nhận thức thay đổi, những cảm giác mới, những sự nhạy cảm mới về màu và hình thể, những cách suy nghĩ và tình cảm mới. Hơn thế nữa, việc xâm chiếm đại dương, lần sóng đầu tiên chỉ là một trong những khuynh hướng công nghiệp - khoa học bây giờ đang chạy đua về phía trước.

ÁNH SÁNG MẶT TRỜI VÀ CÁ TÍNH

Việc chinh phục đại dương nối trực tiếp với sự tiến bộ trong dự báo thời tiết là hậu quả tác động qua lại của mặt trời, không khí và đại dương. Bằng việc giám sát các dòng nước đại dương, độ mặn và các nhân tố khác, bằng việc đặt các vệ tinh thời tiết lên bầu trời sẽ tăng nhiều khả năng của chúng ta về dự báo thời tiết, dự báo bão tố, giá lạnh, hạn hán...

Nếu thời tiết có thể thay đổi được thì đây là điểm ngoặt trong lịch sử và cung cấp cho con người vũ khí có thể ảnh hưởng cơ bản tới nông nghiệp, giao thông, thông tin, giải trí - Hơn thế nữa, những hậu quả tâm lý - xã hội không biết về việc thao túng thời tiết có thể là rất lớn. Người ta có thể dễ dàng tưởng tượng việc sử dụng các gương mặt trời đặt trên quỹ đạo để thay đổi giờ chiếu sáng cho nông nghiệp, công nghiệp hoặc cả tâm lý. Thí dụ, việc đưa ngày dài hơn vào các nước Bắc Âu có thể có ảnh hưởng lớn tới nền văn hoá và cá tính của vùng đó.

TIẾNG NÓI CỦA CÁ HEO DOLPHIN

Hiện nay trong số những việc khác, con người đang học cách khai thác thú vật và cá. Các con chim câu được huấn luyện để xác định và loại bỏ các viên thuốc hỏng trong dây chuyền sản xuất của nhà máy dược phẩm. Cá heo được huấn luyện để mang dụng cụ cho các thợ lặn đang làm việc, và ngăn ngừa cá mập vào khu làm việc. Nghiên cứu thông tin giữa người và cá heo có thể rất có ích nếu con người tiếp xúc được với cuộc sống ngoài vũ trụ. Trong lúc đó, nghiên cứu cá heo cho những số liệu mới về sự khác nhau giữa bộ máy giác quan của con người với thú vật.

Dù chúng ta nuôi thú vật đặc biệt để phục vụ chính mình hoặc phát triển rô-bốt thì việc đó phụ thuộc vào cuộc chạy đua không đều nhau giữa khoa học đời sống và khoa học vật lý. Có thể chế tạo máy cho mục đích của chúng ta rẻ hơn là nuôi và đào tạo thú vật. Thế nhưng khoa học sinh lý phát triển nhanh đến nỗi sự cân bằng có thể bị lật nghiêng trong cuộc đời của chúng ta.

PHÂN XỬNG SINH HỌC:

Nuôi và đào tạo thú vật có thể đắt, nhưng việc gì xảy ra khi chúng ta đi xuống quy mô tiến trình của vi khuẩn, vi-rut và vi sinh vật? Chúng

ta có thể thuần hoá sinh vật ở dạng nguyên thủy giống như chúng ta thuần hoá ngựa. Ngày nay một khoa học mới dựa trên nguyên lý này đang nhanh chóng nổi lên và nó hứa hẹn thay đổi ngay chính tính chất công nghiệp như chúng ta biết.

Tương lai rất lớn của công nghiệp sẽ đến từ sinh học. Một trong những sự việc gây ấn tượng nhất về sự phát triển công nghiệp kinh khủng của Nhật từ sau chiến tranh không phải chỉ là công nghiệp đóng tàu, mà còn là vi sinh học. Nước Nhật hiện nay là cường quốc lớn nhất trên thế giới trong kỹ nghệ dựa trên vi sinh học. Hầu hết thực phẩm và công nghiệp thực phẩm của họ dựa trên các cách xử lý xử dụng vi khuẩn. Thế nhưng dù có sự phát triển khủng khiếp về hóa học và công nghệ hoá học, chẳng có loại thực phẩm nào do công nghệ chế tạo lại có thể so với những gì mà nông dân trồng.

Trong lĩnh vực này và trong những lĩnh vực khác, hiển nhiên hơn hẳn vẫn là con người. Khi chúng ta biết dần dần làm thế nào thiên nhiên tạo ra những thứ này, và khi chúng ta có thể bắt chước thiên nhiên, chúng ta sẽ xử lý một loại hoàn toàn mới. Những loại này sẽ thành lập cơ sở cho một loại công nghiệp mới như phân xưởng công nghệ sinh học, hoặc công nghệ sinh học. Trong tương lai chúng ta sẽ có những loại máy chế tạo bằng kim loại và bằng vật thể sống .

CƠ THỂ TIỀN THIẾT KẾ.

Năm 1962, các bác sĩ J.D Watson và F.H.Crick nhận giải thưởng Nobel về việc diễn tả phân tử ADN. Từ đó những tiến bộ về di truyền học nối tiếp nhau ra đời với nhịp độ nhanh. Sinh học phân tử dường như nổ bùng trong các phòng thí nghiệm. Kiến thức mới về di truyền học sẽ cho phép chúng ta chấp vá với sự di truyền con người và vận dụng gen để tạo ra một mô hình mới của con người. Một trong những khả năng là con người có thể tạo ra một bản sao sinh học giống hệt họ. Nhờ một quy trình được biết là “hệ vô tính”, có thể nuôi từ nhân tế bào người lớn thành một sinh vật mới có cùng đặc tính di truyền của người cho nhân tế bào. Như thế con người bản sao bắt đầu cuộc sống với tài năng di truyền giống hệt của người cho, mặc dù sự khác nhau về văn hoá sau đó có thể thay đổi sự phát triển cá tính hoặc sinh lý của bản sao con người.

Nếu điều đó thực hiện được thì nó sẽ là cột mốc vĩ đại cho sự phát triển tri thức của nhân loại. Bên cạnh đó vẫn còn rất nhiều câu hỏi đặt ra trên đủ mọi lĩnh vực của xã hội như chính trị, văn hoá, gia đình, giáo dục v.v.... Tất cả mọi vấn đề vẫn tiếp tục được bàn cãi không phải là khoa học hoặc kỹ thuật mà là vấn đề đạo đức và chính trị.

BỘ PHẬN CƠ THỂ TẠM THỜI.

Từ những năm 1960 đến nay, ngành y khoa phát triển mạnh về cấy ghép các bộ phận còn sống thay các bộ phận cơ thể bị hỏng như tim, gan, thận, tụy... Ngoài ra người ta cũng thành công cấy ghép các bộ phận nhân tạo vào cơ thể con người như tai nghe, thận nhân tạo, động mạch nhân tạo, phổi nhân tạo, hồ mắt, v.v... Những phát triển như thế sẽ dẫn đến việc thành lập kỹ nghệ kỹ thuật sinh học, các trạm sửa chữa bộ phận điện tử y học, các ngành nghề kỹ thuật mới và tổ chức lại toàn bộ hệ thống y tế. Chúng sẽ thay đổi tuổi thọ cho người, và làm cho quan điểm của con người thay đổi.

Mặt trái của vấn đề là có thể sẽ tạo ra một loại băng cướp giết người để lấy các bộ phận lành mạnh bán cho các ngành hàng chức bộ phận cơ thể để cấy ghép cho người bệnh. Mặt khác, nếu thay được cả não thì như thế nào? Hoặc những câu hỏi sau đây cần phải được trả lời: Định nghĩa cổ điển về tính con người sẽ như thế nào? Sẽ cảm thấy như thế nào nếu một phần là nguyên sinh và một phần là bán dẫn? Những giới hạn gì phải áp đặt cho các phản ứng về công việc, giải trí, tri thức, mỹ học, tình dục? Sẽ xảy ra việc gì cho thần kinh khi cơ thể bị thay đổi.

NGƯỜI CYBORGS TRONG SỐ CHÚNG TA

Cyborg là sự kết hợp tiên tiến giữa người và

máy. Có thể tổng hợp bộ óc con người với toàn bộ các giác quan nhân tạo, và bộ thu nhận và bộ hiệu ứng, và gọi các mớ lộn xộn với dây rợ và plástic là con người. Nghe thì rất kỳ lạ nhưng bước đầu tiên hướng về dạng cộng sinh người máy đã được thực hiện. Việc đó không phải chỉ do một nhà khoa học điện tiến hành, mà do hàng ngàn nhà kỹ sư, nhà toán học, nhà sinh vật học, nhà phẫu thuật, nhà hoá học, nhà thần kinh học và các chuyên viên thông tin tiến hành.

Kết quả là các rô-bốt được sinh ra và với sự phát triển của máy tính, người ta đã chế tạo được các rô-bốt thông minh. Sự tiến bộ không dừng ở đó, ngày nay người ta đang cố gắng chế tạo những người máy có hình dạng giống con người, những hệ thống mà tư tưởng con người được cung cấp tự động vào bộ nhớ của máy tính để tạo ra một loại máy tự quyết định.

TỪ CHỐI SỰ THAY ĐỔI.

Năm 1865 một tờ báo đã nói là không thể truyền tiếng nói trên đường dây và nếu có làm được đi nữa thì việc đó không có giá trị thực tế. Gần một thập kỷ sau, điện thoại xuất hiện ở phòng thí nghiệm của ông Bell và thay đổi thế giới. Cũng thế, đúng vào ngày anh em Wright cất cánh, báo chí từ chối thông báo sự kiện, đơn giản là các vị tổng biên tập không tin chuyện đó lại có thể làm được.

Không lâu sau đấy, báo chí nói về “không có gì dân dộn hơn nếu tin cái gì đấy thay thế được cỗ xe ngựa”. 6 năm sau một triệu chiếc xe ô tô Ford ra khỏi dây chuyền sản xuất. Ngay cả những người như Rutherford, nhà phát minh nguyên tử, nói vào năm 1933 rằng năng lượng hạt nhân nguyên tử không bao giờ được giải phóng. 9 năm sau: bom nguyên tử nổ.

Không biết bao nhiêu lần bộ óc con người, gồm cả những bộ óc khoa học loại ưu, đã làm ngỡ trước những khả năng mới lạ của tương lai, đã tự co lại mối quan tâm để tự an ủi chốc lát, nhưng sau đấy bị rung động dữ dội do sức đẩy gia tăng gây ra.

Điều này không có nghĩa là tất cả những dự báo tiến bộ khoa học sẽ thành hiện thực. Một số được thực hiện từ đây đến cuối thế kỷ. Một số chết ngay từ lúc bắt đầu. Một số đi theo con đường mòn cũ. Một số thành công trong phòng thí nghiệm nhưng không thực hiện được trong thực tế vì lý do này hay lý do khác. Tất cả những việc đó không quan trọng. Vì ngay cả nếu chẳng có sự phát triển nào xảy ra, những việc khác sẽ xảy ra.

Đấy là chúng ta chưa nói về cuộc cách mạng máy tính, về các cuộc thám hiểm trong vũ trụ, về lade, về các phương tiện thông tin, về các kỹ thuật mới cho hình sự và gián điệp, về kỹ thuật vũ khí chiến tranh vi trùng và hoá học, về năng lượng mặt trời, về việc tạo ra sinh vật sống trong ống thử nghiệm, về dụng cụ và kỹ thuật cho giáo dục, v.v....

một danh mục dài vô tận của các ngành khác có tác động thay đổi cao.

Trong những thập kỷ sắp đến những tiến bộ trong tất cả các ngành sẽ đưa chúng ta rời khỏi quá khứ, đẩy chúng ta vào sâu hơn trong xã hội mới. Cũng đừng mong xã hội mới này ổn định ngay lập tức. Vì cá nhân muốn sống trong thời đại của họ, muốn là một phần của tương lai, thì cuộc cách mạng siêu công nghiệp không thể đảm bảo cho họ thay đổi sẽ dừng lại.

Việc thâm nhập ào ạt và mới lạ của tốc độ vào cơ cấu xã hội sẽ bắt buộc chúng ta không những chỉ đối phó nhanh với tình hình, biến cố và việc khó xử đạo đức quen thuộc, mà còn bắt chúng ta phải đối phó với những tình hình lần đầu tiên gặp phải, không quen thuộc, không đoán trước được. Điều này sẽ thay đổi một cách ý nghĩa cán cân ưu thế trong bất kỳ xã hội nào giữa những thành phần quen thuộc và không quen thuộc trong đời sống hàng ngày của mọi người, giữa công việc thường ngày và bất thường, giữa cái tiên đoán được và cái không tiên đoán được. Mỗi quan hệ giữa hai loại thành phần cuộc sống hàng ngày có thể được gọi là "tỷ lệ mới lạ" của xã hội, và khi mức độ tính mới lạ tăng lên thì cuộc sống càng ngày càng ít phụ thuộc vào các hình thức thủ tục. Càng ngày sự mệt mỏi và tính cẩn thận trọng càng tăng, một sự suy thoái về nhận thức làm chủ của chúng ta. Càng ngày môi trường dường như càng rối loạn hơn, vượt qua khỏi

sự kiểm soát của con người. Như thế hai lực lượng lớn xã hội gặp nhau: sự chuyển động không ngừng tiến về sự nhất thời được củng cố và tỷ lệ mới lại tăng lên tạo ra môi nguy hiểm tiềm tàng.

Chương 10

NHỮNG NGƯỜI SÁNG TẠO KINH NGHIỆM

Năm 2000 gần chúng ta hơn là thời kỳ đại khủng hoảng, nhưng mà các nhà kinh tế thế giới bị thảm họa lịch sử đó làm chấn thương, vẫn giữ thái độ đóng băng của quá khứ. Các nhà kinh tế, ngay cả những người nói giọng cách mạng cũng là những người vô cùng bảo thủ. Nếu có thể dò được hình ảnh tổng thể kinh tế của họ vào năm 2025, thì hình ảnh đó giống hệt hình ảnh của năm 1970.

Được đào tạo để nghĩ theo một chiều, các nhà kinh tế gặp khó khăn trong việc tìm mô hình thay thế cho chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa tư bản. Họ chỉ thấy sự phát triển tổ chức qui mô lớn không khác gì hơn là sự bành trướng của cơ chế quan liêu cổ truyền. Họ thấy sự tiến bộ công nghiệp như là một sự kéo dài đơn giản và không cách mạng của kiến thức. Sinh ra trong thời thiếu thốn, được đào tạo để nghĩ theo cách tài nguyên giới hạn, họ nhận thức một cách khó khăn về một xã hội trong đó những nhu cầu vật chất cơ bản của con người phải được thoả mãn.

Một lý do về sự thiếu tưởng tượng của họ là khi họ nghĩ về tiến bộ kỹ thuật, họ chỉ tập trung vào các phương tiện hoạt động kinh tế. Thế nhưng cuộc cách mạng siêu công nghiệp cũng thách đố những mục tiêu đó. Nó hăm dọa thay đổi không chỉ “làm thế nào” sản xuất, mà còn là “tại sao” sản xuất? Nói tóm lại, nó sẽ biến đổi chính những mục tiêu của hoạt động kinh tế.

Trước một sự biến đổi như thế, ngay cả những công cụ phức tạp nhất của các nhà kinh tế ngày nay cũng trở thành vô dụng. Bảng thống kê nhập - xuất, các mô hình kinh tế, toàn bộ các chi tiết phân tích mà các nhà kinh tế sử dụng không thể tìm hăm các lực lượng bên ngoài - chính trị, xã hội và đạo đức - những lực lượng sẽ biến đổi cuộc sống kinh tế trong những thập kỷ sắp đến. “Năng suất lao động” hoặc “hiệu quả” có ý nghĩa gì trong một xã hội mà nghĩa vụ tâm lý có giá trị cao? Việc gì sẽ xảy ra cho một nền kinh tế khi toàn bộ khái niệm về sở hữu trở thành vô nghĩa? Kinh tế sẽ bị ảnh hưởng như thế nào do việc tăng các cơ quan kế hoạch, thuế vụ và điều phối? Quan trọng hơn là việc gì sẽ xảy ra khi “không phát triển” thay thế cho “phát triển” như là một mục tiêu kinh tế, khi tổng sản phẩm thu nhập quốc dân không còn là công cụ linh thiêng nữa?

Chỉ ra khỏi khung tư tưởng kinh tế chính thống và nghiên cứu những khả năng này thì chúng ta mới bắt đầu chuẩn bị cho tương lai. Trong

số những khả năng đó, không có khả năng nào quan trọng hơn sự dịch chuyển giá trị mà nó dường như đi theo một cuộc cách mạng siêu công nghiệp.

Trong điều kiện khan hiếm, con người chiến đấu để đạt được những nhu cầu vật chất tức thì của họ. Ngày nay trong điều kiện giàu có hơn, chúng ta đang tổ chức kinh tế để thoả mãn mức độ mới của nhu cầu con người. Từ một hệ thống được thiết kế để cung cấp sự thoả mãn vật chất, chúng ta đang nhanh chóng tạo ra một nền kinh tế gắn với sự hài lòng tâm lý. Quá trình tâm lý hoá này, một trong những chủ đề chính của cuộc cách mạng siêu công nghiệp đã bị các nhà kinh tế học xem thường. Những vấn đề do cuộc cách mạng siêu công nghiệp tạo ra sẽ làm giảm cuộc xung đột lớn của thế kỷ XX, cuộc xung đột giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, trở thành vô nghĩa. Vì những vấn đề này còn lướt xa hơn cả giáo điều kinh tế hoặc chính trị.

TÂM LÝ VỀ BÁNH NGỌT TRỘN TRÚNG

Một khi xã hội công nghiệp đạt đến giai đoạn nào đấy về sự phát triển công nghiệp, nó bắt đầu dịch chuyển sức lực vào việc sản xuất dịch vụ khác với hàng hoá. Nhiều chuyên gia thấy dịch vụ là làn sóng tương lai. Họ cho rằng không lâu nữa hoạt động dịch vụ sẽ bỏ xa sản xuất hàng hoá trong tất cả các quốc gia công nghiệp, một lời tiên đoán đang trên

con đường gần đến đích. Tuy nhiên, những gì mà các nhà kinh tế chưa làm là đặt ra câu hỏi “Nền kinh tế sắp tới sẽ đến đâu? Sau dịch vụ là gì?”

Trong những năm sắp tới, các quốc gia công nghiệp cao phải hướng tài nguyên vào việc khôi phục lại môi trường sinh thái của họ và cải thiện chất lượng cuộc sống. Các vấn đề ô nhiễm, phá rừng, đông đúc, tiếng ồn và bụi bặm sẽ hấp thụ sức lực rất lớn. Nhưng chúng ta có thể thay đổi tính chất sản xuất cho đồ dùng cá nhân thêm vào những hàng hoá đã có. Những sôi nổi trong việc phát triển ngành dịch vụ đã làm chệch hướng sự chú ý về một sự dịch chuyển khác sẽ ảnh hưởng sâu đậm cả hàng hoá và dịch vụ trong tương lai. Sự dịch chuyển này sẽ đưa đến sự di động của nền kinh tế, sự nổi lên của một ngành mới dựa trên “công nghệ kinh nghiệm”. Vì vấn đề then chốt cho nền kinh tế hậu dịch vụ nằm trong việc tâm lý hoá tất cả sản phẩm bắt đầu với sản xuất.

Một trong những việc đáng tò mò về sản phẩm của tất cả các xã hội công nghiệp ngày nay là hàng hóa được thiết kế để đáp ứng yêu cầu tâm lý của người tiêu dùng. Các nhà sản xuất thêm yếu tố tâm lý vào sản phẩm của họ và người tiêu dùng vui vẻ trả tiền cho lợi ích không sờ thấy được này.

Một thí dụ cổ điển là trường hợp nhà sản xuất đồ điện hoặc ô tô thêm nút bấm, nút bật, nút xoay trên mặt máy, ngay cả khi những thứ đó không có tác dụng gì cả. Nhà sản xuất biết rằng số bộ phận

cải tiến sẽ làm cho người sử dụng máy có cảm giác điều khiển một thiết bị phức tạp như thế là làm tăng thêm cảm giác làm chủ. Kết quả tâm lý này được thiết kế vào sản phẩm.

Ngược lại, không nên tước bỏ quyền lợi tâm lý đã có của người tiêu thụ. Một công ty thực phẩm lớn của Mỹ hãnh diện tung ra thị trường một loại bột làm bánh đã trộn sẵn trứng, chỉ cần thêm nước, như thế tiết kiệm được công đánh trứng. Công ty rất ngạc nhiên khi thấy các bà không mua sản phẩm này. Bằng việc đưa trứng vào bột, công ty đã quá đơn giản hoá công việc của người nội trợ, tước bỏ ở bà ta cảm giác tham gia sáng tạo trong quá trình làm bánh. Sản phẩm bị rút khỏi thị trường ngay và các bà vui vẻ trở lại việc đập vỡ các quả trứng để làm bánh.

Những thí dụ như thế là vô số trong hầu hết các công nghệ chính, từ xà - phòng, thuốc lá đến máy rửa bát và nước ngọt. Kỹ thuật của các nhà tổ tâm lý đưa vào hàng hoá sản xuất sẽ là dấu xác nhận phẩm chất sản xuất trong tương lai - không những chỉ trong hàng hoá tiêu dùng, mà còn trong vũ khí công nghiệp. Hơn thế nữa, các nhà sản xuất chú ý nhiều hơn về cách làm giảm căng thẳng do việc dùng một số sản phẩm.

Những người tiêu thụ khá giả có thiện chí và khả năng trả tiền cho những chi tiết nhỏ đó. Khi thu nhập tăng lên, họ dần dần ít quan tâm đến giá cả, họ chú ý nhiều hơn về chất lượng. Vì đối với

134

nhiều sản phẩm, chất lượng vẫn còn được đo theo sự khéo léo, độ bền và vật liệu. Nhưng vì có nhiều loại hàng sản phẩm, sự khác nhau đó hầu như không phát hiện được. Bị mù quáng, người tiêu thụ không thể phân biệt loại hàng A với loại hàng B. Tuy nhiên họ thường tranh cãi hăng say rằng loại này tốt hơn loại kia.

Sự nghịch lý này biến mất một khi thành phần tâm lý của sản phẩm được đưa vào. Vì ngay cả khi các sản phẩm tương tự như nhau, dường như có sự khác nhau về tâm lý giữa một sản phẩm này và sản phẩm khác. Các nhà quảng cáo cố gắng đóng dấu mỗi sản phẩm với hình ảnh riêng biệt. Những hình ảnh này thuộc về chức năng; chúng thoả mãn nhu cầu về phần người tiêu thụ. Nhu cầu là tâm lý hơn là thực dụng theo nghĩa thông thường. Như thế chất lượng ẩn ngầm ý nghĩa tâm lý của sản phẩm.

Những nhu cầu vật chất cơ bản của người tiêu dùng càng được thoả mãn thì có thể tiên đoán rằng càng có thêm sức lực kinh tế được hướng về nhu cầu cá nhân, thay đổi về thể nhị của người tiêu dùng về vẻ đẹp, uy tín, cá nhân hoá và niềm khoái cảm. Thành phần tâm lý của việc sản xuất hàng hoá chắc chắn sẽ tăng thêm sự quan trọng.

“CÔ GÁI PHỤC VỤ” TRÊN KHÔNG TRUNG

Tuy nhiên, đây chỉ là bước đầu tiên tiến về

việc tâm lý hoá nền kinh tế. Bước tiếp theo là việc bành trướng thành phần tâm lý của dịch vụ. Các hãng hàng không chứng minh điều đó. Trước đây rất lâu, các hãng hàng không cạnh tranh trên cơ sở chiêu đãi viên xinh đẹp, thức ăn, môi trường tiện nghi và chiếu bóng trên đường bay. Công ty TWA mới đây tiến hành dịch vụ gọi là “giọng nước ngoài” cho các chuyến bay giữa các thành phố Mỹ. Hành khách của TWA có thể chọn thức ăn, nhạc, tạp chí, phim ảnh và các cô chiêu đãi viên với váy ngắn người Pháp. Họ có thể chọn chuyến bay “La Mã” với các cô gái mặc áo dài người La Mã xưa, họ có thể chọn chuyến bay “người Anh xưa” với các “cô gái phục vụ” và trang trí giống như tiệm rượu bia của Anh.

Rõ ràng là TWA không còn chuyên chở đơn thuần nữa mà gộp cả thành phần tâm lý được thiết kế cẩn thận. Chúng ta có thể thấy những cố gắng tạo ra màu mè vào yếu tố tâm lý trong nhiều lĩnh vực dịch vụ. Bất kỳ ai đi xuống trung tâm buôn bán mới ở New Port, Beach, California đều không thể không chú ý đến nhân tố tâm lý và mỹ thuật mà các nhà thiết kế đã chọn lựa. Đây là mô hình cho các cửa hàng bán buôn trong tương lai. Chúng ta đã đi xa hơn sự cần thiết chức năng, biến dịch vụ dù là nơi buôn bán hàng, nơi ăn, nơi cắt tóc...trở thành một kinh nghiệm tiên thiết kế. Các nhà băng, thị trường chứng khoán, công ty địa ốc, công ty bảo hiểm sẽ sử dụng cách trang trí được chọn

lựa cẩn thận, nhạc, tivi, mùi vị và cảm giác, cùng với những tạp chí, báo chí tiến bộ nhất để nâng cao yếu tố tâm lý trong kinh doanh hàng ngày. Dù dịch vụ có quan trọng đến mấy cũng sẽ không đưa ra làm ngay mà phải chờ các đội chuyên viên phân tích để cải tiến yếu tố tâm lý.

CÔNG NGHIỆP VỀ KINH NGHIỆM

Chúng ta đang chứng kiến một cuộc cách mạng phát triển một số công nghiệp mà đầu ra không phải là hàng hoá sản phẩm, hoặc dịch vụ thông thường, mà là những “kinh nghiệm” được chương trình hoá trước. Các công nghiệp kinh nghiệm có thể trở thành một trong những cột trụ của nền siêu công nghiệp, đó chính là nền tảng của kinh tế hậu dịch vụ.

Vì giàu có và nhất thời tăng lên làm giảm sự bức bách về sở hữu, người tiêu dùng bắt đầu sưu tầm kinh nghiệm giống như sưu tầm đồ vật. Như thí dụ về các hãng hàng không cho thấy, kinh nghiệm được bán kèm theo dịch vụ thông thường. Nói nôm na, kinh nghiệm giống như phủ kem lên mặt bánh ngọt. Tuy nhiên, khi chúng ta tiến vào tương lai, ngày càng có nhiều kinh nghiệm sẽ được bán theo giá trị riêng của chúng, giống như chúng là đồ vật.

Tỉ lệ tăng nhanh thấy rõ của một số công nghiệp bắt đầu sản xuất kinh nghiệm vì quyền lợi của họ. Nghệ thuật là một thí dụ. Nhiều công

nghiệp văn hoá chuyên tạo ra kinh nghiệm tâm lý đặc biệt. Ngày nay chúng ta thấy nghệ thuật dựa trên “công nghiệp kinh nghiệm” mở bung ra trong hầu hết các xã hội công nghiệp. Điều đó cũng đúng cho các lĩnh vực giải trí cá nhân, giải trí tập thể, giáo dục và một số dịch vụ tâm lý, tất cả đang tham gia vào cái có thể, gọi là sản xuất kinh nghiệm. Một thí dụ, khi công ty “Câu lạc bộ Địa Trung Hải” làm dịch vụ nghỉ mát cho các cô thư ký trẻ người Pháp đi nghỉ một hai tuần ở Tahiti hoặc Itxraen, công ty đã sản xuất kinh nghiệm cho họ rất cẩn thận và có hệ thống giống như công ty Renault sản xuất xe ô tô. *Trụ sở chính ở Pháp*, “Câu lạc bộ Địa Trung Hải” hiện có chừng 30 làng nghỉ mát trên khắp thế giới.

MÔI TRƯỜNG MÔ PHỎNG.

Một loại sản phẩm kinh nghiệm sẽ dựa trên môi trường mô phỏng tạo cho khách hành mùi vị phiêu lưu, nguy hiểm hoặc các thú vui khác mà không gây nguy hiểm cho cuộc sống thực hoặc danh tiếng của họ. Các chuyên gia máy tính, người máy, nhà thiết kế, nhà sử học, và các chuyên gia viện bảo tàng sẽ tạo ra vùng kinh nghiệm để sản xuất theo khả năng kỹ thuật hiện nay về sự huy hoàng của La Mã xưa, về tráng lệ của triều đình nữ hoàng Elizabeth, về hấp dẫn của thanh lâu Nhật thế kỷ XVIII, v.v... khách

138

hàng đi vào những nhà này phải thay quần áo mặc trên người của họ bằng quần áo lễ phục theo đúng thời đại đó, sau đó đi qua một dãy các hoạt động để hình dung thực tế thời đấy như thế nào. Thực vậy, họ được mời sống trong quá khứ hoặc ngay cả trong tương lai.

Sản xuất những kinh nghiệm như thế tạo ra cảm giác gần thực tế thời đó hơn người ta tưởng. Nó báo trước kỹ thuật tham gia trong nghệ thuật. Khán giả thay vì ngồi xem kịch thì nay được mời tham gia vào vở kịch. Các nghệ sĩ bắt đầu tạo ra những tác phẩm nghệ thuật mà khán giả có thể thâm nhập vào những điều xảy ra. Ngày nay, các nghệ sĩ trẻ và các nhà môi trường đang thực hiện việc nghiên cứu và phát triển cho các công ty tâm lý của ngày mai.

MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG

Kiến thức tiếp thu được từ nghiên cứu này sẽ cho phép tạo ra những mô hình mô phỏng kỳ diệu, nhưng nó cũng mang đến những môi trường sống động phức tạp làm cho khách hàng có những cảm tưởng về nguy hiểm và khen thưởng. Những người thiết kế kinh nghiệm trong tương lai có thể tạo ra các sòng bạc trong đó khách hàng chơi không phải có tiền bạc, nhưng cho sự thưởng phạt, thí dụ như nếu thắng thì có cuộc hẹn hò với một cô gái xinh đẹp, nếu thua thì bị phạt cô đơn trong một ngày

Hoặc người thua phải làm nô lệ cho người thắng trong vài ngày. Nhờ đó nhiều vấn đề tâm lý dồn nén có thể được cởi bỏ, như trong mấy ngày đó người thắng có thể quát tháo, nhạo báng, mắng nhiếc người thua. Tiền đánh cược càng cao thì càng nhiều thưởng phạt tưởng tượng được nghĩ ra.

Các công ty tâm lý của ngày mai không phải chỉ bán những kinh nghiệm riêng biệt, họ còn tạo ra các dãy kinh nghiệm để khi đặt cạnh nhau sẽ đóng góp màu sắc, hài hoà hoặc tương phản cho những người thiếu những phẩm chất đó. Về đẹp, sự kích thích, mối nguy hiểm hoặc cảm xúc dễ chịu sẽ được chương trình hoá để bổ sung cho nhau. Bằng cách tạo ra cho những dãy kinh nghiệm như thế, các công ty tâm lý cung cấp một phần bối cảnh cho những người đang sống lộn xộn và không có kết cấu. Tính đa dạng của những kinh nghiệm mới bày trước mặt khách hàng sẽ là công việc của những người thiết kế kinh nghiệm - những người sáng tạo nhất của xã hội.

Chúng ta có thể phác hoạ những đường nét mờ mờ của nền kinh tế siêu công nghiệp, nền kinh tế hậu dịch vụ của ngày mai. Nông nghiệp và sản xuất hàng hoá sẽ trở thành sự tù túng kinh tế, sử dụng ngày càng ít người đi. Nhờ tự động hoá cao nên việc sản xuất hàng hoá tương đối đơn giản. Việc thiết kế những hàng hoá mới và việc khoác cho chúng các yếu tố tâm lý sẽ thách đố sự chân thật của người giỏi nhất và sáng tạo nhất.

Ngành dịch vụ sẽ được mở rộng, và sự thiết kế về khen thưởng tâm lý sẽ chiếm nhiều thời gian, năng lực và tiền bạc của ngành. Sau cùng, sự thành lập các công ty mới, cả có lãi và không có lãi, để thiết kế, đóng góp và phân phối những kinh nghiệm đã được lập kế hoạch hoặc được lập chương trình. Các ngành nghệ thuật sẽ phát triển trở thành người hầu của công nghiệp. Các công ty tâm lý và các ngành kinh doanh khác sẽ thuê diễn viên, giám đốc, nhạc sĩ và nhà thiết kế làm việc cho họ. Công nghiệp giải trí sẽ tăng khi toàn bộ tính chất giải trí được xác định lại theo nghĩa kinh nghiệm. Giáo dục sẽ trở thành một trong những công nghiệp kinh nghiệm then chốt, đã bắt đầu sử dụng các phương pháp kinh nghiệm để truyền bá kiến thức và giá trị cho sinh viên. Công nghiệp giao thông và máy tính sẽ thấy trong sản xuất kinh nghiệm một thị trường lớn cho máy móc và cho phần mềm của họ. Nói tóm lại, các công nghiệp đó bằng cách này hay cách khác kết hợp với công nghiệp xử thế, các công nghiệp đó sẽ vượt qua khỏi sự sản xuất hàng hoá và dịch vụ truyền thống để phát triển nhanh hơn. Các nhà sáng tạo kinh nghiệm sẽ thành lập một ngành của nền kinh tế. Qui trình tâm lý hoá sẽ hoàn thành.

KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC VỀ SỰ ĐÚNG MỤC.

Tính thiết yếu của nền kinh tế ngày mai sẽ là

tâm quan trọng về nội tâm cũng như về nhu cầu vật chất của cá nhân và của tập thể. Tâm quan trọng mới này không phải chỉ từ yêu cầu của người tiêu dùng, mà chính là từ nhu cầu của kinh tế để tồn tại. Trong một quốc gia với khả năng sản xuất đáp ứng được một nửa hoặc 3/4 nhu cầu vật chất thiết yếu, sự điều chỉnh cơ bản phải được tiến hành để nền kinh tế luôn thịnh vượng. Những áp lực từ người tiêu dùng và những người muốn giữ nền kinh tế phát triển, sẽ đẩy các xã hội công nghiệp hướng về sản xuất kinh nghiệm trong tương lai.

Sự di chuyển theo hướng này có thể bị chậm lại. Những người nghèo khổ của thế giới không đứng yên để xem một ít người ưu đãi của thế giới tiến về lạc thú tâm lý. Có cái gì đó rất khó chịu về đạo đức khi một nhóm đang tìm cách tự làm vừa lòng về tâm lý, theo đuổi những thú vui mới, trong khi đa số nhân loại sống trong cảnh nghèo khổ và thiếu thốn. Các xã hội công nghiệp có thể làm chậm sự xuất hiện của chủ nghĩa kinh nghiệm, có thể duy trì kinh tế thường lâu hơn bằng cách tối ưu hoá sản xuất truyền thống, sử dụng tài nguyên vào việc kiểm soát chất lượng môi trường, và sau đó đẩy mạnh các chương trình chống nghèo đói và viện trợ.

Bằng việc cho bớt phần sản xuất dư thừa, các nhà máy có thể tiếp tục hoạt động, dư thừa nông nghiệp cũng được cho bớt đi, xã hội có thể tiếp tục

tập trung về sự thoả mãn nhu cầu vật chất. Một chương trình 50 năm xoá bỏ nạn đói trên thế giới không những chỉ tạo ra tinh thần đạo đức mà còn giúp các nước công nghiệp rút ngắn thời gian chuyển tiếp sang nền kinh tế tương lai.

Việc gì xảy ra khi một nền kinh tế trong việc tìm kiếm mục đích mới, bắt đầu đi vào sản xuất kinh nghiệm, mà những kinh nghiệm này làm mờ ảo sự phân biệt giữa thay thế và không thay thế, sự mô phỏng và sự thật? Một trong những định nghĩa về sự đúng mực là khả năng phân biệt cái thật trong cái không thật. Chúng ta phải bắt đầu suy nghĩ về những vấn đề này vì nền kinh tế dịch vụ cuối cùng sẽ chiến thắng nền kinh tế sản xuất, và nền kinh tế kinh nghiệm sẽ chiến thắng nền kinh tế dịch vụ. Sự phát triển nền kinh tế kinh nghiệm là kết quả không tránh được của sự thịnh vượng. Vì sự thoả mãn những nhu cầu vật chất cơ bản của con người sẽ mở ra con đường cho sự hài lòng mới, phức tạp hơn. Chúng ta đang di chuyển từ một nền kinh tế “bụng dạ” sang nền kinh tế “tâm lý”. Sự dịch chuyển của chúng ta về việc tâm lý hoá các hàng hoá được sản xuất đi theo hướng thặng dư về biểu tượng và về ý nghĩa lễ nghi, nhưng nó sẽ va chạm với sức đẩy mãnh liệt hướng về tính nhất thời đang làm các vật bị tàn lụi. Nhưng cuối cùng chúng ta sẽ vượt qua nền kinh tế dịch vụ, qua sự hiểu biết của các nhà kinh tế ngày nay; chúng ta sẽ trở thành nền văn hoá đầu tiên

trong lịch sử dùng công nghiệp cao để sản xuất sản phẩm nhất thời nhất, nhưng lâu dài: Kinh nghiệm con người.

Chương 11

GIA ĐÌNH BỊ BỂ GẦY

Con sóng mới lạ sắp đổ xuống đầu chúng ta sẽ lan tràn từ các trường đại học và trung tâm nghiên cứu đến nhà máy và văn phòng, từ thị trường và thông tin đại chúng vào trong những mối quan hệ xã hội của chúng ta, từ cộng đồng đến nhà riêng. Thâm nhập sâu vào cuộc sống riêng tư của chúng ta, nó sẽ tạo ra sự căng thẳng chưa bao giờ xảy ra từ trước vào chính gia đình.

Gia đình đã được gọi là “bộ giảm sóc khổng lồ” của xã hội - nơi mà cá nhân sẽ trở về sau khi chiến đấu với xã hội, điểm ổn định nhất trong một môi trường thay đổi liên tục. Khi cuộc cách mạng siêu công nghiệp nổ ra, cái “giảm sóc” này sẽ bị một số sóc của riêng nó. Các nhà phê bình xã hội đã có cuộc tranh luận quan trọng về gia đình. Gia đình gần bị huỷ diệt hoàn toàn. Gia đình đã chết trừ năm đầu tiên hoặc năm thứ hai nuôi đứa bé. Gia đình chỉ có nhiệm vụ đó. Các nhà bi quan đã nói với chúng ta là gia đình đang hướng về sự lãng quên, nhưng không nói cho chúng ta biết cái gì sẽ thay thế nó. Ngược lại, các nhà lạc quan cho rằng

từ lâu gia đình đã hiện hữu và sẽ tiếp tục hiện hữu. Một số còn đi xa hơn cho rằng gia đình sẽ đi vào thời đại vàng. Do giải trí tràn lan, gia đình sẽ có nhiều thời gian với nhau hơn và sẽ tìm thấy sự thoả mãn từ hoạt động chung v.v... Một quan điểm phức tạp hơn cho rằng chính sự rối loạn ngày mai sẽ làm người ta chìm sâu vào gia đình họ hơn. Người ta sẽ lấy nhau để được cấu trúc ổn định. Theo quan điểm này, gia đình như là “gốc rễ di chuyển được” của một người để chống lại cơn bão tố thay đổi. Nói tóm lại, môi trường càng tạm thời và càng mới bao nhiêu, thì gia đình sẽ trở thành quan trọng bấy nhiêu.

Có thể cả hai phía trong cuộc tranh luận này đều sai. Vì tương lai có thể mở rộng hơn là người ta hình dung. Gia đình có thể không biến mất cũng không đi vào thời đại vàng. Nó có thể chia lìa, tan vỡ, sau đó lại có trong cách mới lạ.

HUYỀN THOẠI VỀ TÌNH MẪU TỬ

Trong tương lai gần nhất, tác động của kỹ thuật sinh đẻ mới đối với gia đình rất rõ ràng. Khả năng chọn giống cho một đứa bé, chương trình hoá hệ số thông minh IQ cho nó, hình thức và nét cá tính, tất cả những điều đó phải được xem như là khả năng có thực. Cây phôi, trẻ con nuôi trong ống nghiệm, khả năng uống viên thuốc và sinh đôi, sinh ba, hoặc khả năng đến viện trẻ con và mua

phôi, tất cả những điều đó vượt quá xa bất kỳ kinh nghiệm nào trước đó của con người.

Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, hoặc của sinh học tái sinh có thể phá tan tất cả những tư tưởng chính thống về gia đình và trách nhiệm của nó trong một thời gian ngắn. Khi đứa bé được sinh trong lọ của phòng thí nghiệm thì khái niệm về tình mẫu tử như thế nào? Và hình ảnh người đàn bà trong xã hội như thế nào vì từ khi có loài người, xã hội đã dạy cho phụ nữ biết nhiệm vụ đầu tiên của họ là sinh sản duy trì giống. Nếu phụ nữ không sinh con nữa thì huyền thoại về tình mẫu tử không còn nữa.

Không phải chỉ có tình mẫu tử bị ảnh hưởng, khái niệm về tình cha mẹ có thể chịu sự xét lại cơ bản. Thực vậy, có khả năng một đứa bé có hơn hai cha mẹ sinh học. Người ta đã cấy thành công “con chuột đa phụ mẫu”, nghĩa là con chuột được cấy từ hai đôi cha mẹ khác nhau. Nếu đã có “chuột đa phụ mẫu” thì con “người đa phụ mẫu” có còn xa không? Trong trường hợp đó, ai là cha mẹ? Khi một phụ nữ mang trong tử cung của bà ta một phôi thai được thụ thai trong dạ con của một phụ nữ khác, vậy ai là mẹ? Và chính xác ai là cha?

Nếu một đôi vợ chồng có thể mua phôi thai, thì tình cha mẹ trở thành pháp lý, không phải là vấn đề sinh học. Hơn thế nữa, nếu phôi được bán, một công ty có thể mua một hay có thể mua

146

10.000? Công ty đó có thể bán lại không? Nếu không phải là công ty, phòng thí nghiệm có thể mua lại không? Nếu chúng ta mua và bán phối thai sống, có phải chúng ta đang trở lại dạng mới về nô lệ không? Những câu hỏi ác mộng như thế phải được trả lời.

Đối mặt với sự thay đổi xã hội nhanh và những mối quan hệ mật thiết của cuộc cách mạng khoa học, con người siêu công nghiệp có thể bị bắt buộc phải thí nghiệm với các kiểu gia đình mới lạ.

GIA ĐÌNH ĐƯỢC TỔ CHỨC HỢP LÝ.

Việc đơn giản họ sẽ làm là tổ chức gia đình hợp lý. Một gia đình tiền công nghiệp tiêu biểu. Không những chỉ có một số con mà còn những người phụ thuộc khác như ông bà, cô chú, cậu mợ v.v... Một đại gia đình như thế phù hợp với sự sống còn trong xã hội nông nghiệp nhịp điệu chậm. Những gia đình như thế rất khó chuyên chở hoặc chuyển đi nơi khác. Họ bất động.

Nền công nghiệp yêu cầu số đông công nhân sẵn sàng và có thể di chuyển theo công việc, và di chuyển khi cần thiết. Như thế đại gia đình bỏ dần những tải phụ và cái gọi là gia đình hạt nhân nổi lên, một gia đình di chuyển được chỉ gồm cha mẹ và một số con cái. Kiểu gia đình mới này cơ động hơn đại gia đình cổ truyền, trở thành mô hình chuẩn trong tất cả các nước công nghiệp.

Tuy nhiên, nền siêu công nghiệp, giai đoạn sắp đến về sự phát triển kinh tế công nghiệp, yêu cầu sự cơ động cao hơn. Như thế chúng ta có thể hy vọng nhiều người trong số những người tương lai sẽ tiến hành qui trình tổ chức hợp lý một bước xa hơn bằng cách không có con, hoặc rất ít (1 con). Gia đình kiểu này di chuyển dễ dàng không bị ràng buộc gì cả. Chúng ta cũng có thể tiến đến một hệ thống mà tình cha mẹ sẽ giới hạn trong một số nhỏ gia đình mà nhiệm vụ chính là nuôi nấng trẻ con, như thế sẽ làm cho những người khác tự do hoạt động như là cá nhân.

NHU CẦU TỰ DO

Chúng ta bắt đầu là trẻ con; rồi trưởng thành; chúng ta rời khỏi tổ ấm gia đình cha mẹ; chúng ta đẻ con cái và đến lượt chúng lớn lên, ra đi và bắt đầu quy trình như thế. Chu kỳ này đã kéo dài từ lâu, và với sự đều đặn tuyệt hảo, nên con người cho đó là điều tất nhiên. Đây là bối cảnh cuộc sống con người. Trước khi đạt đến tuổi dậy thì, trẻ con đã được dạy dỗ để giữ cho chu kỳ này tiếp tục quay. Sự tiếp nối gia đình này đã làm cho tất cả mọi người dù ở bất kỳ xã hội nào có ý thức về sự liên tục, một nơi trong sự sắp xếp có hệ thống của những sự việc. Chu kỳ gia đình đã là một hằng số lạnh mạnh trong sự hiện hữu của con người.

Ngày nay chu kỳ này đang gia tốc. Chúng ta trưởng thành nhanh hơn, rời nhà sớm hơn, hôn nhân sớm hơn, có con cái sớm hơn. Chúng ta tiến hành mỗi giai đoạn gần nhau hơn và hoàn thành thời gian làm cha mẹ nhanh hơn.

Nhưng nếu nền công nghiệp với nhịp điệu cuộc sống nhanh của nó đã làm gia tốc chu kỳ gia đình, thì nền siêu công nghiệp hăm dọa nghiền nát tất cả. Với khoa học sinh đẻ mới, với các kiểu gia đình mới, với sự phát triển của nghề làm cha mẹ chuyên nghiệp, với hôn nhân tạm thời và hôn nhân tiếp nhau, chúng ta không phải chỉ làm cho chu kỳ chạy nhanh hơn, chúng ta còn đưa cái mới vào chu kỳ đó.

Đĩ nhiên không có gì bắt ta phải theo những gì đã nói ở các phần trước, chúng ta tự định hình cho sự thay đổi. Chúng ta có thể chọn tương lai theo ý ta. Nhưng có một điều chắc chắn là chúng ta không thể duy trì quá khứ. Trong hình thức gia đình của chúng ta cũng như trong kinh tế, khoa học, công nghiệp, quan hệ xã hội của chúng ta, chúng ta bị bắt buộc phải đối phó với cái mới.

Cuộc cách mạng siêu công nghiệp sẽ giải phóng con người ra khỏi nhiều tình trạng mọi rợ phát sinh ra từ dạng gia đình giới hạn và không có sự lựa chọn của quá khứ và hiện tại. Nó sẽ cho mỗi người một mức độ tự do từ trước đến nay chưa được biết. Nhưng nó sẽ đòi hỏi một giá quá đắt cho sự tự do đó.

Trong bối cảnh không phải chỉ đối phó với tính nhất thời mà còn phải đối phó với sự mới lạ, chúng ta bắt buộc phải chọn lựa những khả năng khác nhau để đối phó. Đó là đặc tính thứ ba của ngày mai - sự đa dạng. Đó là điểm hội tụ sau cùng của 3 nhân tố - nhất thời, mới lạ và đa dạng - sẽ tạo ra giai đoạn cho sự khủng hoảng lịch sử về thích nghi và là chủ đề của cuốn: *Cú sốc tương lai*.

PHẦN BỐN

SỰ ĐA DẠNG

Chương 12

NGUỒN GỐC SỰ LỰA CHỌN QUÁ NHIỀU

Ngày nay trong xã hội công nghiệp có sự nhất trí cao về tương lai của tự do. Sự chọn lựa cá nhân tối đa được xem như là lý tưởng dân chủ. Do đó hầu hết các nhà văn tiên đoán rằng chúng ta còn đi xa hơn theo lý tưởng này. Họ gọi lên một ảo ảnh đen tối của tương lai, trong đó con người dường như là những sinh vật tiêu thụ dần dần, bao quanh bởi các hàng hoá sản xuất hàng loạt, giáo dục trong những trường mẫu giống nhau, hấp thụ văn hoá tập thể tiêu chuẩn hoá, và bị buộc phải chấp nhận cách sống tiêu chuẩn hoá.

Những lời tiên đoán như thế đã sinh ra một thế hệ người ghét tương lai và ghét công nghiệp. Một trong những quan điểm đó cho rằng con người tự do hơn trong quá khứ khi sự lựa chọn là khả năng có thực cho họ. Ngược lại, ngày nay con người không còn là tác nhân chọn lựa và ngày mai, con người sẽ được giao phó nhiệm vụ của thiết bị ghi. Bị tước mất sự lựa chọn, họ bị hành động chứ không

phải chủ động. Họ sẽ sống trong một chế độ chuyên chế điều hành bởi Gestapo bàn tay sắt bọc nhung. Luận điệu này - mất sự lựa chọn - nằm hầu hết trong các tác phẩm của Arnold Toynbee. Nó được mọi người lặp đi lặp lại từ hippie đến Toà án tối cao, từ người viết xã luận đến nhà triết học hiện thực. Lý thuyết về sự lựa chọn biến mất dựa trên phương pháp suy luận thô thiển: Khoa học và công nghiệp khuyến khích tiêu chuẩn hoá hơn hiện nay. Do đó: con người sẽ mất dần dần sự tự do chọn lựa của họ.

Nếu thay vì chấp nhận mù quáng suy luận này, chúng ta không phân tích nó nữa, chúng ta tìm cách phát hiện việc khác. Vì vậy không phải chỉ lôgic tự nó đã sai, mà là toàn bộ tư tưởng có tiền đề trên sự ngu dốt thực tế về tính chất, ý nghĩa và phương hướng của cuộc cách mạng siêu công nghiệp. Mĩa mai thay, người tương lai có thể không phải chịu sự mất mát về chọn lựa, nhưng bị ngợp về sự chọn lựa. Họ có thể trở thành nạn nhân của vấn đề khó giải quyết trong xã hội siêu công nghiệp: chọn lựa quá nhiều.

THIẾT KẾ XE ÔTÔ MUSTANG

Những người du lịch ở châu Âu và châu Mỹ đều có ấn tượng về sự tương tự kiến trúc của trạm bơm xăng hoặc sân bay. Người uống nước ngọt thấy lon Coca này giống hệt lon Coca khác. Rõ ràng kỹ thuật sản xuất hàng loạt, sự đồng đều của

152

một số nét môi trường vật lý của chúng ta từ lâu đã làm tổn thương các nhà tri thức. Một số phê phán sự Hilton hoá các khách sạn của chúng ta, những người khác tố cáo chúng ta đang đồng nhất hoá toàn bộ nhân loại.

Rất khó chối cãi là hệ thống công nghiệp đã có hiệu quả làm mọi thứ như nhau. Khả năng của chúng ta sản xuất hàng triệu đơn vị giống nhau là một thành tựu vinh quang của kỷ nguyên công nghiệp. Như thế khi các nhà tri thức than phiền sự giống nhau của hàng hoá, họ phản ánh chính xác tình hình hệ thống công nghiệp. Nhưng đồng thời họ cũng bộc lộ sự ngu dốt đáng kinh ngạc của họ về tính chất của nền siêu công nghiệp. Tập trung vào những cái đã qua và những cái đang trải qua của xã hội, họ bịt mắt về những gì sẽ trở thành. Vì xã hội tương lai không tạo ra hàng hoá giới hạn và tiêu chuẩn hoá, mà là sự đa dạng của hàng hoá và dịch vụ không theo tiêu chuẩn mà chưa có bất kỳ xã hội nào được thấy. Chúng ta không di chuyển theo hướng mở rộng tiêu chuẩn hoá vật chất, mà hướng về sự phủ nhận biện chứng của nó.

Sự kết thúc việc tiêu chuẩn hoá đã được nhìn thấy trong tâm mắt. Nhịp điệu thay đổi tùy theo từng nền công nghiệp, tùy theo từng quốc gia. Ở châu Âu, đỉnh tiêu chuẩn hoá chưa đạt đến. Nhưng ở Mỹ, có bằng chứng là bước ngoặt lịch sử đã đạt đến. Một vài con số minh họa: hãng thuốc lá Phillip Morris năm 1954 sản xuất 6 loại thuốc lá,

bây giờ là 16 loại. Xăng xe ô tô từ 2 loại lên 18 loại. Giữa năm 1950 và 1963, xà-phòng và bột giặt từ 65 lên 200 loại; thực phẩm đông lạnh từ 121 lên 350 loại; bột mì từ 84 lên 200 loại; thức ăn cho gia súc từ 58 lên 81 loại.

Các công ty đang phát hiện những thay đổi rộng lớn trong nhu cầu người tiêu dùng và đang sửa lại dây chuyền sản xuất của họ, để thích ứng với nhu cầu đó. Hai nhân tố kinh tế khuyến khích khuynh hướng này: đầu tiên, người tiêu thụ có nhiều tiền hơn để tiêu xài cho những nhu cầu cụ thể của họ; thứ hai, khi công nghiệp trở nên phức tạp hơn, giá thành để đưa những thay đổi vào giảm xuống. Đây là điểm mà các nhà phê bình xã hội của chúng ta hầu hết trong số họ ngây thơ về công nghiệp không hiểu được: chỉ nền công nghiệp thô sơ mới áp đặt sự tiêu chuẩn hoá. Ngược lại, sự tự động hoá mở rộng con đường đến sự đa dạng vô tận.

Sự đơn điệu cứng nhắc và những hàng dài các sản phẩm giống nhau mô tả đặc điểm nền sản xuất hàng loạt, truyền thống của chúng ta thì nay không còn quan trọng nữa. Các loạt máy điều khiển bằng số có thể chuyển sang mô hình hoặc dạng khác của một sản phẩm bằng cách thay đổi chương trình. Sản xuất sản phẩm số lượng ít trở nên thực hiện được theo nghĩa kinh tế, nghĩa là giá thành sản xuất ít trở nên thực hiện được theo nghĩa kinh tế, nghĩa là giá thành sản xuất ít cũng gần bằng giá thành sản xuất hàng loạt. Nhiều kỹ

154

sự và chuyên gia kinh doanh thấy trước ngay mà sự đa dạng không đắt hơn sự đơn điệu.

Sự phát hiện ra nền công nghiệp tiên tự động mang lại tiêu chuẩn hoá, trong khi nền công nghiệp tiên tiến cho phép sự đa dạng được xác nhận rõ ràng hơn bằng sự so sánh giữa ngành xây dựng và ngành thực phẩm. Các sản phẩm của ngành xây dựng là đơn điệu và giống nhau khắp nơi, trong khi các sản phẩm ngành thực phẩm muôn màu muôn vẻ. Lý do của sự tương phản này rất đơn giản: Nền công nghiệp thực phẩm và đóng gói thực phẩm cao hơn nhiều so với kỹ thuật xây dựng. Thực vậy, ngành xây dựng hiếm khi đạt đến mức sản xuất hàng loạt; nó vẫn giữ nguyên là nghề thủ công tiên công nghiệp. Bị hạn chế bởi những luật lệ xây dựng địa phương và bởi các công đoàn bảo thủ, tốc độ phát triển công nghiệp của ngành xây dựng thấp hơn nhiều so với các nền công nghệ khác. Công nghiệp càng tiên tiến bao nhiêu sản phẩm thay đổi đầu ra càng rẻ bấy nhiêu. Sự đơn điệu sẽ nhường chỗ cho sự đa dạng.

Ý kiến cho rằng kỹ thuật công nghiệp thô sơ khuyến khích sự đơn điệu, trong khi kỹ thuật tự động hoá tiên tiến làm dễ dàng cho sự đa dạng, đã được khẳng định thêm bằng những thay đổi mới đây trong công nghiệp xe ô tô. Việc đưa rộng rãi xe ô tô Nhật và châu Âu vào thị trường Mỹ đã mở ra nhiều khả năng chọn lựa mới cho người mua, tăng sự chọn lựa của họ từ 6 loại lên 50 loại. Đối với sự

canh tranh của nước ngoài, các công ty ô tô ở Detroit đã đưa ra một phương pháp mới gọi là “người tiêu thụ hàng loạt”. Họ thành lập không phải chỉ độc nhất một thị trường hàng loạt đơn điệu, mà là các thị trường mi-ni tạm thời. Họ cũng thành lập cái gọi là khách hàng ảo tưởng”, chẳng hạn, giống như để cho khách hàng có được chiếc xe đúng ý muốn. Hệ thống công nghiệp cũ không thể tạo ra ảo tưởng này; hệ thống mới về lắp ráp bằng máy tính hoá không những chỉ tạo ra ảo tưởng mà còn là thực tế. Như thế xe ô tô Mustang nổi tiếng đã được công ty Ford nâng lên thành “loại xe bạn tự thiết kế”. Cả người mua xe và người bán xe đều bị lúng túng do khả năng chọn lựa quá nhiều. Vấn đề chọn lựa của người mua trở thành phức tạp hơn, mỗi khả năng chọn lựa tạo ra nhu cầu cần thêm tin tức, thêm quyết định chính và quyết định nhỏ.

Tóm lại, hàng hóa vật chất trong tương lai sẽ là nhiều thứ; chúng sẽ không bị tiêu chuẩn hoá. Thực vậy, chúng ta đang đi về hướng “chọn lựa quá nhiều”, đây là điểm mà những ưu điểm của sự đa dạng và cá nhân hoá bị xoá bỏ do độ phức tạp của qui trình lấy quyết định của người mua.

MÁY TÍNH VÀ LỚP HỌC

Một số người cho rằng sự đa dạng trong môi trường vật chất là không có ý nghĩa miễn là chúng ta tiến về sự thuần nhất văn hoá hoặc tinh thần.

Quan điểm này đánh giá quá thấp tầm quan trọng của hàng hoá vật chất như là biểu tượng khác nhau của cá tính con người. Những người sợ sự đồng nhất hoá nhân loại sẽ đón chào việc huỷ bỏ tiêu chuẩn hoá hàng hoá. Vì bằng việc tăng sự đa dạng của hàng hoá sẽ có cho con người, chúng ta tăng xác suất toán học về sự khác nhau trong cái cách mà con người hiện nay đang sống.

Tuy nhiên, quan trọng hơn là chính từ tiền đề này mà chúng ta đang tiến về sự thuần nhất văn hoá, vì nếu xem kỹ vấn đề này cũng cho thấy điều ngược lại là đúng. Nói ra những điều sau đây không được lòng mọi người lắm, nhưng chúng ta đang di chuyển nhanh về sự phân đoạn và sự đa dạng không những chỉ ở hàng hoá vật chất, mà còn ở nghệ thuật, giáo dục và văn hoá quần chúng.

Sự đa dạng văn hoá trong bất kỳ xã hội nào biểu hiện bằng số lượng sách khác nhau được in trên tỉ số triệu người. Thị hiếu của quần chúng bị tiêu chuẩn hoá nhiều bao nhiêu thì số tên sách càng ít bấy nhiêu; thị hiếu càng đa dạng bao nhiêu thì số tên sách càng lớn bấy nhiêu. Việc tăng hay giảm con số này theo thời gian là dòng tư tưởng có ý nghĩa theo hướng thay số văn hoá trong xã hội. Đây là lý luận theo công trình nghiên cứu về khuynh hướng sách vở thế giới do UNESCO tiến hành.

Như thế giữa năm 1952 và 1962 danh mục đa dạng tăng lên ở 21 trên 29 nước sản xuất sách. Trong số những nước ghi nhận sự di chuyển hướng

về đa dạng văn chương là Canada, Mỹ và Thụy Điển với tỷ lệ hơn 50%. Anh, Pháp, Nhật, Hà Lan tăng từ 10% đến 25% theo hướng đó. Các nước Ấn Độ, Mêhicô, Achentina, Italia, Ba Lan, Nam Tư, Bỉ và Áo di chuyển theo hướng ngược lại, nghĩa là theo hướng tiêu chuẩn hoá văn chương. Nói tóm lại, một nước với nền công nghiệp càng tiên tiến bao nhiêu thì dường như nước đó càng đi nhiều về hướng đa dạng văn chương và tách càng xa sự đơn điệu văn chương bấy nhiêu.

Khuynh hướng tiến về đa nguyên cũng rõ ràng trong hội hoạ. Trường phái tượng trưng, trường phái biểu hiện, trường phái siêu thực, trường phái biểu hiện trừu tượng, trường phái dân gian, trường phái động lực, và hàng trăm phong cách khác được đưa vào xã hội cùng một lúc. Trường phái này hay trường phái khác có thể thống trị tạm thời phòng trưng bày, nhưng không có phong cách nào lâu dài. Đây là thị trường đa nguyên.

Khi một nền nghệ thuật phục vụ cho tôn giáo bộ lạc, người hoạ sĩ làm việc cho cả cộng đồng. Sau đó họ làm việc cho giới quý tộc. Sau đó nữa khán giả dường như là một khối đông người độc nhất. Ngày nay họ đối diện với một số lớn khán giả chia làm nhiều nhóm nhỏ. Thực vậy, những nhà nghệ sĩ từ lâu không còn sáng tác cho đại đa số quần chúng. Ngay cả khi họ nghĩ là họ đang làm như thế, họ thường đáp ứng thị hiếu và phong cách của nhóm người này hay nhóm người khác trong xã hội.

Sự đa dạng cũng gây ra xung đột trong giáo dục. Từ khi có nền công nghiệp, nền giáo dục phương Tây được tổ chức cho quảng đại quần chúng theo mô hình giáo dục tiêu chuẩn hoá cơ bản. Không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên vào đúng lúc khi người tiêu thụ đòi hỏi sự đa dạng nhiều hơn, và khi nền công nghiệp mới hứa sẽ huỷ bỏ sự tiêu chuẩn hoá, thì cũng vào lúc đó một làn sóng nổi loạn quét qua các trường đại học. Mặc dù mối liên kết không được chú ý, các biến cố ở các khu đại học và các biến cố trong thị trường người tiêu thụ có liên quan chặt chẽ với nhau.

Một trong những lời than phiền của sinh viên là họ không được đối xử như một cá nhân, rằng họ bị đối xử như một người bị phạt không phân biệt chứ không phải như là một sản phẩm cá nhân hoá. Sinh viên muốn thiết kế nền giáo dục cho họ. Sự khác nhau là trong khi công nghiệp đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, thì nền giáo dục không quan tâm đến nhu cầu sinh viên. Do đó sinh viên bắt buộc phải chiến đấu để cho nền công nghiệp giáo dục đáp ứng nhu cầu về đa dạng của họ.

Trước năm 2000, toàn bộ cấu trúc xa xưa về bằng cấp, chuyên đề và hệ số sẽ là một mớ hỗn độn. Vì sinh viên đang gây áp lực đối với nền giáo dục đại học đòi phải bỏ sự tiêu chuẩn hoá để tiến về sự đa dạng siêu công nghiệp. Thí dụ sinh viên ở Pháp biểu tình đòi phân quyền hệ thống đại học. Sự phân quyền làm cho sự đa dạng khu vực, chính

quyền địa phương thay đổi chương trình giảng dạy, quản lý hành chính và điều lệ sinh viên, tất cả trở thành đa dạng hơn.

Ngày nay, áp lực phân quyền là một cố gắng nhằm nghiền nát tư tưởng về chính sách tập trung trường về thành phố lớn. Đó là một cố gắng tạo ra sự đa dạng địa phương trong nền giáo dục bằng cách chuyển giao sự kiểm soát trường học cho chính quyền địa phương. Nói tóm lại, đó là một phần của cuộc đấu tranh lớn nhằm đa dạng hoá nền giáo dục trong một phần ba cuối cùng của thế kỷ XX. Sự thất bại đa dạng hoá nền giáo dục nằm trong hệ thống sẽ đưa đến sự phát triển những khả năng giáo dục khác nằm ngoài hệ thống.

Do đó chúng ta thấy một lực lượng văn hoá chính trong xã hội, nền giáo dục, bị thúc đẩy để đa dạng hoá đầu ra của nó, giống như là nền kinh tế đang làm. Vì ở đây, cũng giống như trong vương quốc sản xuất hàng hóa, vật chất, nền công nghiệp mới thay vì khuyến khích sự tiêu chuẩn hoá, đang đưa chúng ta tiến về sự đa dạng siêu công nghiệp.

Thí dụ máy tính giúp cho các trường lớn làm thời khoá biểu linh hoạt hơn. Chúng giúp cho các trường đối phó dễ dàng hơn với phương pháp học độc lập, với nhiều môn học rộng hơn và với nhiều hoạt động ngoại khoá hơn. Giáo dục bằng máy tính, giảng dạy bằng chương trình và những phương pháp như thế làm tăng cơ bản khả năng về đa dạng trong lớp học. Chúng ta cho phép mỗi sinh viên theo

nhịp điệu riêng của họ, có được kiến thức theo cách riêng của họ chứ không theo kế hoạch học tập cứng nhắc như trong kỷ nguyên công nghiệp cổ truyền.

Trong giáo dục cũng như trong sản xuất hàng hoá vật chất, xã hội dịch chuyển ra khỏi sự tiêu chuẩn hoá. Đây không phải là việc đơn giản tăng thêm số xe ô tô, số thuốc lá và số bột giặt khác nhau. Sức đẩy xã hội tiến về đa dạng và sự chọn lựa cá nhân tăng lên sẽ ảnh hưởng đến môi trường tinh thần và vật chất của chúng ta.

PHIM ẢNH “NỮ HOÀNG ĐƯỜNG PHỐ”

Các phương tiện thông tin đại chúng thường bị phê phán liên tục là đang đồng nhất hoá đầu óc hiện đại. Các nhà tri thức ở Mỹ và châu Âu tấn công ti-vi đang tiêu chuẩn hoá cách nói, thói quen và thị hiếu. Họ diễn tả tivi như là máy cắt cỏ đang làm phẳng sự khác nhau của các vùng, đang nghiền nát vết tích cuối cùng của sự đa dạng văn hoá. Phim ảnh và tạp chí cũng bị tấn công cùng một tội.

Trong khi một số lời buộc tội có phần đúng, các nhà phê bình xem thường khuynh hướng ngược lại đang tạo ra sự đa dạng chứ không phải sự tiêu chuẩn hoá. Tivi với giá thành sản xuất cao và số lượng kênh bị giới hạn, vẫn còn phải phụ thuộc vào số khán giả rất rộng lớn. Nhưng đối với những phương tiện thông tin đại chúng khác, chúng ta có thể thấy sự giảm đi trong việc dựa vào khán giả

đồng đảo. Khắp mọi nơi, qui trình chia đoạn thị trường đang hoạt động.

Một thế hệ trước đây, những người xem phim ở Mỹ hầu như chỉ xem phim do Hollywood sản xuất. Ngày nay trong tất cả các thành phố ở Mỹ, các loại phim đó được thay thế bằng phim nước ngoài, phim nghệ thuật, phim sex và các loại phim đặc biệt dành cho người trượt ván nước, người lái xe mô tô... Thậm chí có cả những rạp chiếu phim do người đồng tính luyến ái làm chủ chỉ chiếu những phim dành cho họ như "nữ hoàng đường phố".

Mặc dù vẫn còn hướng về thị trường đại chúng, đài phát thanh cho thấy một số dấu hiệu khác. Một số đài phát thanh Mỹ phát toàn nhạc cổ điển cho tầng lớp thượng lưu, một số đài khác chuyên phát tin tức, và một số khác nữa toàn phát nhạc Rock. Đang có khuynh hướng muốn lập đài riêng cho các nghề chuyên môn, thí dụ như y học, kỹ sư, kế toán...

Trong ngành phát hành sách báo, dấu hiệu loại bỏ tiêu chuẩn hoá bộc lộ rõ ràng. Trước khi ti vi xuất hiện, các tạp chí đại chúng đã là phương tiện thông tin đại chúng được tiêu chuẩn hoá trong hầu hết các nước. Đưa tin cho hàng triệu nhà về cùng các bài báo, về cùng những thông tin quảng cáo, các tạp chí truyền bá nhanh chóng các mốt thời đại, ý kiến chính trị và phong cách. Giống như phát thanh và phim truyện, các nhà xuất bản có khuynh hướng tìm kiếm độc giả quần chúng càng

nhiều càng tốt.

Sự cạnh tranh của tivi đã giết một số tạp chí lớn. Các tạp chí sống sót sau trận càn quét của tivi đã chuyển hướng thu thập tin tức địa phương và phân ra các lĩnh vực riêng biệt. Giữa năm 1959, và 1969, số lượng tạp chí Mỹ phát hành các đề tài đặc biệt nhảy từ con số 126 lên 235. Như thế mỗi tạp chí phát hành lớn ngày nay ở Mỹ in các bản xuất bản khác nhau một ít cho các khu vực khác nhau trong nước. Tạp chí Thời báo gửi cho bác sĩ và nhà sĩ có khác một chút so với bản gửi cho giáo sư, bản gửi cho giáo sư lại khác một chút so với bản gửi cho sinh viên. Những "lần xuất bản theo nhân khẩu" này tăng nhiều về chuyên ngành. Nói tóm lại, các nhà xuất bản tạp chí đại chúng đang bận rộn đa dạng hoá sản phẩm của họ giống như các nhà chế tạo ra xe ô tô và các nhà sản xuất hàng tiêu dùng đã làm. Hơn thế nữa, tốc độ các tạp chí mới xuất hiện tăng rất nhanh. Theo *Hội các nhà xuất bản tạp chí*, trong thập kỷ qua, cứ một tờ tạp chí chết đi thì có 4 tờ mới ra đời. Các tạp chí này chỉ nhằm các thị trường nhỏ như cho người trượt ván, cho người lặn dưới biển, cho người già cho người có thể tín dụng, cho người nhảy dù, cho người đi du lịch v.v... Đối với sách cũng thế, số lượng đầu sách tăng lên rất nhanh hàng năm, như ở Mỹ hàng năm có hơn 30.000 tên sách được in ấn.

Sự đẩy mạnh hướng về đa dạng các phương tiện thông tin đại chúng không phải chỉ dựa trên sự

giàu có, mà còn dựa trên nền công nghiệp mới. Những tiến bộ trong kỹ thuật in ôp - sét và phô-tô - copi đã làm giảm cơ bản giá thành in số lượng ít đến mức sinh viên đại học có thể bỏ tiền túi ra để in các tờ báo lưu hành nội bộ riêng của họ. Trong khi đó, các máy quay phim và thiết bị vidêô mới đang cách mạng hoá nghề phim ảnh. Nền công nghiệp mới đã chế tạo máy quay phim cho các nhà làm phim nghiệp dư, sinh viên, và các phim lưu hành nội bộ nở hoa giống như tạp chí lưu hành nội bộ.

Sự phát triển của nền công nghiệp thông tin đang huỷ bỏ sự độc quyền thông tin một cách lặng lẽ và nhanh chóng. Tivi có thể còn phải chịu sự thuần nhất hoá, nhưng những phương tiện thông tin đại chúng khác đã vượt qua tình trạng công nghiệp mà sự tiêu chuẩn hoá là cần thiết. Khi những thành tựu kỹ thuật thay đổi nền kinh tế của tivi bằng cách cung cấp thêm kênh phát và hạ giá thành sản xuất, thì sản phẩm tivi đa dạng hơn. Sự phát sinh ra phương pháp ghi vidêô điện tử, sự phát triển hệ thống tivi dây cáp, hệ thống truyền hình vệ tinh v.v... sẽ làm tăng sự đa dạng chương trình tivi. Vì bây giờ rõ ràng rằng những khuynh hướng tiến về sự đồng nhất chỉ đại diện cho một giai đoạn phát triển của bất kỳ nền công nghiệp nào.

Rất vô nghĩa khi nhấn mạnh rằng máy móc ngày mai sẽ biến chúng ta thành người máy, tước bỏ cá nhân tính của chúng ta, loại bỏ sự đa dạng văn hoá v.v... Vì nền sản xuất hàng loạt thô sơ đã

áp đặt một số đơn điệu giống nhau, nhưng không có nghĩa là máy móc của nền siêu công nghiệp cũng làm như thế. Sự việc là toàn bộ sức đẩy của tương lai sẽ đẩy xa sự tiêu chuẩn hoá, đẩy xa hàng hoá đơn điệu, đẩy xa nghệ thuật thuần nhất hoá, đẩy xa giáo dục đại chúng và đẩy xa văn hoá đại chúng. chúng ta đã đạt đến điểm ngoặt biện chúng trong sự phát triển công nghiệp của xã hội. Và công nghiệp thay vì giới hạn cá tính của chúng ta, sẽ làm tăng sự chọn lựa và sự tự do của chúng ta theo tốc độ lũy thừa.

Con người có sẵn sàng đối phó với sự lựa chọn gia tăng về vật chất và văn hoá chưa thì lại là một vấn đề hoàn toàn khác. Đã có một thời khi sự chọn lựa thay vì giải phóng con người, lại trở thành quá phức tạp, khó khăn và quá đắt nên nó đã đi hướng ngược lại. Tóm lại đã có một thời sự chọn lựa trở thành chọn lựa quá nhiều, tự do trở thành không tự do.

Chương 13

SỰ CHÁN NGÃY CÁC NỀN VĂN HOÁ THỨ CẤP

Các xã hội công nghiệp thay vì buồn tẻ và đồng nhất hoá lại bị đa dạng hoá bởi các nhóm màu mè như hippy, nhóm say mê thần trí, nhóm say mê đĩa bay, nhóm thợ lặn, nhóm nhảy dù, nhóm đồng tình luyến ái, nhóm kỹ thuật máy tính,

nhóm ăn chay, nhóm cơ thể cường tráng, nhóm Hồi giáo da đen...

Ngày nay, những cú trời giáng của cuộc cách mạng siêu công nghiệp đúng là đang làm tăng cấp số nhân những vùng đất dành riêng của xã hội, những bộ lạc và những nền văn hoá mini trong chúng ta, cũng như là chúng ta đang làm tăng cấp số nhân những khả năng xe ô tô khác nhau. Cũng chính những lực lượng đa dạng đang tạo ra sự chọn lựa cá nhân lớn hơn so với hàng hoá và văn hoá, cũng đang tạo ra sự đa dạng hoá những cấu trúc xã hội của chúng ta. Đây chính là lý do tại sao những nền văn hoá thứ cấp như hippie chỉ trong khoảnh khắc đã hiện diện ngay. Thực vậy, chúng ta đang sống trong sự bùng nổ “văn hoá thứ cấp”.

Sự quan trọng của điều này không thể được phóng đại. Vì tất cả chúng ta đều bị ảnh hưởng sâu đậm - những cá tính của chúng ta đã bị định hình bởi những nền văn hoá thứ cấp mà chúng ta chọn lựa một cách có ý thức hay không - để chúng ta có thể tự nhận ra. Rất dễ dàng cười một người hippie hoặc một thanh niên vô học tự nguyện chịu 700 mũi “xăm mình” trong cố gắng thử “tìm ra” chính họ. Cũng như những người cười bò hoặc hippie, chúng ta tất cả đều tìm sự đồng nhất bằng cách tự nổi mình với các nền văn hoá thứ cấp, với các bộ lạc hoặc các loại như thế. Sự chọn lựa càng nhiều bao nhiêu thì sự tìm kiếm càng khó bấy nhiêu.

NHÀ KHOA HỌC VÀ NGƯỜI MUA BÁN CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

Sự nảy nở các loại văn hoá thứ cấp thể hiện rõ ràng nhất trong thế giới nghề nghiệp. Nhiều văn hoá thứ cấp nổi lên xung quanh các chuyên ngành nghề nghiệp. Xã hội tiến về chuyên môn hoá bao nhiêu thì nó tạo ra sự đa dạng văn hoá thứ cấp nhiều bấy nhiêu. Thí dụ, cộng đồng khoa học đang chia ra làm những lĩnh vực nhỏ hơn. Nó nối với các tổ chức và hiệp hội mà các tạp chí chuyên ngành, hội nghị và hội thảo đang tăng theo cấp số nhân. Nhưng những sự phân biệt công khai này theo từng chuyên ngành cũng phù hợp với những sự phân biệt bí mật. Nhà nghiên cứu ung thư và nhà thiên văn học không phải chỉ làm những việc khác nhau, nói những ngôn ngữ khác nhau, có cá nhân tính khác nhau mà họ còn suy nghĩ, ăn mặc và sống khác nhau.

Các nhà khoa học trong một ngành có khuynh hướng gắn chặt với nhau với nghề riêng của họ, tự họ thành lập những ổ văn hoá thứ cấp nhỏ, nhờ đó mà họ có thể tìm sự đồng ý và uy tín, tìm sự hướng dẫn về những việc như ăn mặc, ý kiến chính trị và cách sống. Vì khoa học phát triển và các nhà khoa học tăng lên, những chuyên ngành mới sinh ra, tạo ra nhiều sự đa dạng ở lĩnh vực không chính thức hoặc bí mật này. Nói tóm lại, chuyên môn hóa để ra văn hoá thứ cấp.

Ngành tài chính cũng chịu sự phân chia nhỏ

này. Một thời phố Wall đã là một cộng đồng tương đối đồng nhất. Thực vậy, phố Wall là một nền văn hoá thứ cấp lớn của người Tin Lành gốc Anglo-Saxon da trắng (WASP), các thành viên của họ đi học cùng trường, gia nhập cùng câu lạc bộ, chơi cùng môn thể thao (tennis, golf và quần vợt), đi lễ cùng các nhà thờ (giáo hội trưởng lão và giáo hội tân giáo), và bỏ phiếu cho cùng một đảng (Đảng Cộng hoà).

Ngày nay, phố Wall đã tan vỡ ra từng mảnh, và một thanh niên đi vào kinh doanh có sự lựa chọn trong đám chi nhánh văn hoá thứ cấp đang cạnh tranh nhau. Trong ngành ngân hàng đầu tư, nhóm WASP bảo thủ vẫn còn có những tư tưởng lạc hậu như xưa. Trong khi đó ngành quỹ tương trợ, một ngành tương đối mới trong công nghiệp tài chính, người Hy Lạp, người Do Thái, người Trung Quốc có tên khắp nơi cùng với một số người da đen. Ở đây toàn bộ cách sống, giá trị ẩn ngầm của nhóm rất khác. Những người của ngành quỹ tương trợ là một bộ lạc riêng biệt.

Một nhà lãnh đạo tài chính nói: “Không ai muốn trở thành WASP nữa”. Thực vậy, nhiều thành viên trẻ và hiếu chiến phố Wall, ngay cả nguồn gốc của họ là WASP thực sự, từ bỏ nền văn hoá thứ cấp phố Wall cổ truyền và tự đồng nhất họ với một hoặc nhiều nhóm xã hội đa nguyên đang quần tụ và đôi khi va chạm với khu Lower Manhattan.

Do chuyên ngành tiếp tục phân chia, do nghiên cứu tiếp tục đi sâu vào các lĩnh vực mới và

đào sâu lĩnh vực cũ, do kinh tế tiếp tục tạo ra những công nghiệp mới và dịch vụ mới, nên các nền văn hoá thứ cấp tiếp tục phát triển. Các nhà phê bình xã hội một mặt đã kích “xã hội quần chúng” một mặt tố cáo “quá chuyên môn hoá”, sự chuyên môn hoá có nghĩa là tách xa sự giống nhau.

Không có bằng chứng gì cho thấy nền công nghiệp ngày mai hoạt động mà không cần đến đội quân các chuyên gia tay nghề cao. Chúng ta đang nhanh chóng thay đổi các kiểu chuyên ngành cần thiết. Chúng ta đang đòi hỏi nhiều “chuyên viên đa năng” (những người biết sâu một lĩnh vực, nhưng có thể hiểu được lĩnh vực khác) hơn là các “chuyên gia độc quyền” cứng nhắc. Nhưng chúng ta tiếp tục cần và tạo ra những chuyên ngành nhỏ hơn khi cơ sở kỹ thuật của xã hội gia tăng độ phức tạp. Chỉ riêng lý do này, chúng ta hy vọng sự đa dạng và số lượng các nền văn hoá thứ cấp trong xã hội tăng lên.

CÁC CHUYÊN VIÊN GIẢI TRÍ.

Ngay cả nếu nền công nghiệp giải phóng hàng triệu người khỏi nhu cầu làm việc trong tương lai, chúng ta cũng thấy cùng một sức đẩy về đa dạng tác động trong số những người được để cho tự do chơi. Vì chúng ta đã sản xuất ra một số lớn “các chuyên viên hài hước”. Chúng ta không phải chỉ tăng số loại việc làm, mà còn tăng số loại trò chơi. Số lượng trò tiêu khiển, thú riêng, trò chơi, thể thao và giải trí đang

tăng nhanh và sự phát triển một nền văn hoá thứ cấp riêng biệt xung quanh trò lướt sóng là một thí dụ chứng minh rằng sự ràng buộc với giải trí cũng là cơ sở cho toàn bộ cách sống xã hội.

Người lướt sóng có thể giới nhỏ riêng của họ, người nhảy dù, người lặn, người đua xe mô tô cũng vậy. Mỗi loại đại diện cho văn hoá thứ cấp dựa trên thời giờ rỗi rãi được tổ chức theo thiết bị công nghiệp sẵn có. Khi nền kỹ thuật mới tạo ra thành môn thể thao mới, chúng ta có thể nói trước được về sự thành lập của các trò chơi mới thay đổi.

Các trò giải trí sẽ trở thành cơ sở quan trọng nhằm xác định sự khác nhau giữa mọi người khi xã hội tự nó dịch chuyển từ định hướng công việc sang định hướng giải trí nhiều hơn. Ở Mỹ, thời gian ràng buộc với công việc đã bị giảm bớt 1/3. Đây là sự triển khai lại thời gian và năng lượng của xã hội. Vì sự ràng buộc này còn giảm nữa, chúng ta sẽ tiến vào kỷ nguyên chuyên ngành giải trí, hầu hết dựa trên nền công nghiệp phức tạp.

Chúng ta cũng có thể thấy sự thành lập về các trò chơi không gian, chữ viết tay, điều khiển thân kinh, lặn sâu dưới biển, đi tàu ngầm, trò chơi máy tính v.v... Chúng ta cũng thấy việc tạo ra một số trò chơi chống lại xã hội không phải vì vật chất, mà chỉ là thể thao muốn “trừng phạt hệ thống” như thay đổi chương trình máy tính của công ty hoặc của chính phủ, ngăn chặn và thay đổi chương trình phát thanh radio và tivi, sửa thị trường chứng khoán...

Nếu đủ thời gian, tiền bạc và tay nghề kỹ thuật khéo, người ngày mai sẽ có thể chơi những trò chơi chưa bao giờ mơ tưởng trước đây. Họ sẽ chơi trò chơi với thần kinh. Họ sẽ chơi trò chơi với xã hội. Họ sẽ thành lập các loại văn hoá thứ cấp và sau đó thay bằng những loại khác.

KHU Ổ CHUỘT THANH NIÊN

Khu ổ chuột thanh niên là những cộng đồng lớn do hầu hết sinh viên đại học ở. Giống như khu ổ chuột người da đen, khu ổ chuột thanh niên thường có đặc điểm là nhà cửa tồi tàn, tiền thuê nhà linh tinh, cơ động cao, không ổn định và hay xung đột với cảnh sát. Cũng giống như khu ổ chuột người da đen, khu ổ chuột thanh niên rất hỗn tạp với những nền văn hoá thứ cấp cạnh tranh nhau để thu hút sự chú ý và lòng trung thành của người ở trong khu.

Những người trong khu sống với nhau nhiều thời gian hơn, và họ ảnh hưởng lẫn nhau nhiều hơn. Thay vì thần tượng hoá một ông chủ nào đó, họ thần tượng hoá Bob Dylan, hoặc Donovan, hoặc bất kỳ ai mà nhóm dựng lên như là một mô hình cách sống. Như thế chúng ta thành lập không phải chỉ một khu ổ chuột sinh viên mà còn có những khu ổ chuột của các thanh thiếu niên, mỗi khu với những đặc tính bộ lạc đặc thù riêng của họ, những trò thích thú kỳ cục của họ, một của họ, anh hùng

và người dê tiện của họ.

Đồng thời chúng ta cũng chia khu cho người lớn tuổi của họ. Có những ngoại ô được các đôi trẻ với số con ít ở, hoặc đôi trung niên với thanh niên ở, hoặc các đôi già mà con cái đã ra đi ở. Chúng ta có những “cộng đồng hưu trí” được thiết kế đặc biệt cho người về hưu. Việc nổi lên của các nền văn hoá thứ cấp theo tuổi có thể được xem như là một phần của việc chuyển lịch sử trong cơ sở phân biệt xã hội. Thời gian đang trở thành quan trọng hơn như là nguồn khác nhau giữa con người; không gian trở nên ít quan trọng hơn. Trong các xã hội nguyên thuỷ và trong những thời kỳ đầu tiên của lịch sử phương Tây, sự mất liên tục tương đối nhỏ trong không gian đã dẫn đến những khác nhau lớn về văn hoá. Các xã hội bộ lạc cách nhau chừng 100 dặm có hệ thống khác nhau về biểu tượng, về huyền thoại và về lễ nghi. Tuy nhiên cùng trong xã hội đó, có sự liên tục hàng thế hệ, khác nhau lớn giữa các xã hội nhưng không khác nhau giữa các thế hệ trong cùng một xã hội. Ngày nay, không gian không còn là một nhân tố khác biệt. Sự đa dạng dịch chuyển từ không gian sang thời gian hoặc nhiều thế hệ đã xuất hiện.

Sự chuyển từ không gian sang thời gian nhờ ở sự tiến bộ của công nghiệp thông tin và giao thông đã vượt ra những khoảng cách lớn và do đó chinh phục không gian. Còn một nhân tố nữa thường bị xem thường: sự gia tốc thay đổi. Vì khi nhịp điệu

thay đổi trong môi trường bên ngoài gia tốc tăng lên, thì sự khác nhau bên trong giữa trẻ và già trở thành rõ nét hơn. Thực vậy, nhịp điệu thay đổi rõ nét đến nỗi chỉ cần cách nhau vài năm có thể tạo ra sự khác nhau lớn trong đời sống của cá nhân. Điều này giải thích tại sao anh chị em trong một nhà cách nhau chừng vài tuổi đã cảm thấy họ thuộc thế hệ khác.

BỘ LẠC HÔN NHÂN

Bị phá vỡ theo nghề nghiệp, giải trí và lứa tuổi, xã hội cũng đang bị chia theo cuộc sống gia đình. Từ trước đến nay, người ta được phân loại theo tình trạng hôn nhân là: độc thân, có vợ chồng hoặc góa vợ (chồng). Ngày nay sự phân loại theo ba cách trên không đủ. Tỷ lệ ly dị trong xã hội công nghiệp cao đến mức một nhóm xã hội mới đã nổi lên, nhóm của những người từ lâu không còn có cuộc sống vợ chồng nữa hoặc những người giữa hai thời kỳ hôn nhân, nhóm này còn được gọi là “thế giới của những người kết hôn trước đây”.

Vì các thành viên của nhóm tuyệt giao với những người bạn đã kết hôn, họ dần dần trở thành cô lập xa cách những người vẫn còn có cuộc sống gia đình, họ có khuynh hướng thành lập mảnh đất xã hội riêng với những nơi gặp gỡ của riêng họ, với thái độ riêng đối với thời gian, với những qui luật tình dục của riêng họ. Trong tương lai, loại xã hội

đặc biệt này có khả năng phình to lên Và khi điều này xảy ra, thế giới của những người kết hôn trước đây sẽ chia làm nhiều thế giới nhỏ hơn. Vì một nền văn hoá thứ cấp trở nên lớn bao nhiêu thì đường như nó lại càng bị chia nhỏ thêm bấy nhiêu để sinh ra những nền văn hoá thứ cấp mới.

HIPPI, HỢP THÀNH BỘ LẠC.

Giữa những năm 50, một nhóm nhỏ các nhà văn, nghệ sĩ và những người bám theo hợp lại ở San Francisco, ở Carmiel và Big Sur trên bờ biển California. Nhanh chóng được gọi là “những người lang thang” hoặc “hippi”, họ chấp lại với nhau thành một cách sống riêng biệt.

Các yếu tố rõ ràng nhất của họ là ca ngợi sự nghèo khổ, quần jeans, dép sandal, tấm đệm và túp lều; thích nhạc Jazz; quan tâm đến thuyết thần bí phương Đông và chủ nghĩa hiện sinh Pháp; và một mối lo lắng chung về xã hội dựa trên công nghiệp.

Mặc dù được báo chí nói nhiều, hippie vẫn là một môn phái nhỏ cho đến khi chất LSD xuất hiện. Được quảng cáo bởi dòng Chúa cứu thế, được phân phát không mất tiền cho hàng nghìn thanh niên bởi những người nhiệt tình vô trách nhiệm, LSD kèm với *marijuana* là loại ma túy mà những người hippie đã dùng từ lâu. Từ hai nguồn trên, nhóm hippie giữa những năm 50 và nhóm LSD đầu những năm 60, tạo thành một nhóm lớn hơn, một nền văn

hoá thứ cấp mới có thể được diễn tả như là sự hoà nhập của 2 loại trên: phong trào hippy.

Tuy nhiên ngay sau đấy, áp lực phát triển quá lớn cho nó. Hàng nghìn thanh niên gia nhập hippy, hàng triệu thiếu niên xem tivi, đọc tạp chí về phong trào và bày tỏ sự cảm tình; một số người lớn ở thành phố trở thành hippy cuối tuần. Nền văn hoá thứ cấp hippy buộc phải chia nhỏ ra thành các chi nhánh. Trận mưa rào con cháu sinh ra từ nền văn hóa thứ cấp hippy. Đối với những người không quan tâm thì tất cả thanh niên tóc dài đều là hippy. Thế nhưng có những đơn vị nhỏ nổi lên trong lòng phong trào.

Đoàn thể hippy phát triển quá lớn để có thể quản lý tất cả hoạt động của họ theo cách tiêu chuẩn hoá. Phải đa dạng hoá và họ đã làm điều đó. Họ đã sinh ra một cụm công ty văn hoá thứ cấp.

CHUYỂN GIAO BỘ LẠC

Qui trình tiếp diễn như dự kiến, một phong trào sinh ra và chết đi nhường chỗ cho phong trào khác, phong trào “đầu trọc” nổi lên. Những người đầu trọc có đồ trang bị riêng cho họ, dây đeo quần, giày ủng, tóc cắt ngắn và thích phá rối bạo động.

Cái chết của phong trào hippy và sự nổi lên của nhóm đầu trọc cung cấp cho một cái nhìn mới vào cấu trúc nền văn hoá thứ cấp của xã hội ngày mai. Vì chúng ta không phải chỉ đang tăng các nền

văn hoá thứ cấp của xã hội. mà chúng ta đang chuyển giao chúng nhanh hơn. Nguyên lý nhất thời cũng được áp dụng ở đây. Vì tốc độ thay đổi gia tốc trong tất cả mọi lĩnh vực của xã hội, các nền văn hoá thứ cấp cũng trở thành phù du hơn.

Việc giảm khoảng thời gian tồn tại của các phong trào văn hoá thứ cấp càng rõ ràng hơn với sự biến mất của phong trào bạo động những năm 50, băng đánh nhau đường phố. Sự biến mất của các băng bạo động thành phố không có nghĩa là có sự yên tĩnh cho thành phố. Các nhóm người Puerto Rico và da đen nghèo khổ tạo thành những tổ chức xã hội mới, các phong trào văn hoá thứ cấp và nhóm cách sống mới nổi lên trong các khu nhà ổ chuột.

Do đó những gì chúng ta nhận thức là qui trình mà các nền văn hoá thứ cấp tăng lên theo tốc độ gia tăng, và sau đó chết đi để nhường chỗ cho các nền văn hoá thứ cấp khác, mới hơn. Một loại qui trình trao đổi chất đang xảy ra trong dòng máu của xã hội, và nó cũng đang tăng tốc giống như những mặt khác của sự tác động qua lại xã hội đang nhanh hơn.

Đối với cá nhân, điều này làm nổi lên vấn đề lựa chọn theo một mức độ hoàn toàn mới. Cá nhân tìm kiếm một số ý thức phụ thuộc, tìm kiếm loại liên kết xã hội có thể ban cho một số ý thức về sự đồng nhất, họ di chuyển qua một môi trường mờ ảo trong đó những mục tiêu có thể liên kết đang chuyển động với tốc độ nhanh. Họ phải chọn trong

số đang tăng của những mục tiêu di động. Vấn đề chọn lựa thế không phải tăng theo tỷ lệ số học mà tăng theo tỷ lệ hình học.

Vào chính thời điểm khi sự lựa chọn của họ trong số hàng hoá vật chất, giáo dục, báo chí, truyền hình, thú vui và giải trí tất cả đang tăng lên, họ cũng được cho một dây lúng túng về sự chọn lựa xã hội. Và đó chính là sự chọn lựa quá nhiều về xã hội. Mức độ rối loạn, loạn thần kinh chức năng và suy sụp thần kinh cá nhân trong xã hội chúng ta, cho thấy đã có khó khăn cho nhiều người tạo ra được một kiểu cá nhân ổn định, hoà hợp và nhạy cảm. Do đó đã có bằng chứng rằng sức đẩy về sự đa dạng xã hội, cùng với sức đẩy về lĩnh vực hàng hoá và văn hoá mới chỉ bắt đầu.

NGƯỜI HOANG DÃ TÌ TIỆN

Càng có nhiều nhóm văn hoá thứ cấp trong xã hội bao nhiêu, sự tự do tiềm tàng của cá nhân càng lớn bấy nhiêu. Đó là lý do tại sao người tiền công nghiệp chịu đau khổ về sự thiếu chọn lựa. Bộ lạc tiền sử hoặc cộng đồng tiền công nghiệp thường yêu cầu sự phục tùng tuyệt đối của cá nhân đối với nhóm hơn là bất kỳ xã hội hiện đại nào đòi hỏi. Khi nhóm chọn một việc gì đó, tất cả phải nhất trí với quyết định. Đó chính là sự tuân theo.

Lý do tại sao có thể áp đặt sự tuân theo cho người tiền sử và người tiền công nghiệp là vì họ

không còn có chỗ nào khác để đi. Xã hội của họ chắc như một khối đá, chưa bị phá vỡ để cho các thành viên giải phóng. Đây là điều mà các nhà xã hội học gọi là “không khác biệt”.

Nền công nghiệp phá tan trật tự xã hội, tạo ra những văn hoá thứ cấp nổi lên và bị huỷ diệt. Toàn bộ quá trình tiến triển cho thấy có sự tiến về độ khác biệt ngày càng cao. Đường như có sự chuyển động không cưỡng lại được của con người và xã hội từ các hình thức khác biệt thấp đến hình thức khác biệt cao.

Chúng ta đang chứng kiến hai khuynh hướng song song tiến về đa dạng trong kinh tế, nghệ thuật, giáo dục, văn hoá quần chúng và trong trật tự xã hội. Những khuynh hướng này kết hợp với nhau để tạo thành một phần của quy trình lịch sử rộng lớn hơn. Cuộc cách mạng siêu công nghiệp đang đẩy sự tiến bộ của xã hội con người đến giai đoạn khác biệt cao hơn của nó. Đó là lý do tại sao xã hội của chúng ta vỡ tan ra từng mảnh. Đó là lý do tại sao mọi việc trở nên vô cùng phức tạp. Có một thời đã có 1.000 thực thể tổ chức, bây giờ có 10.000 tổ chức nối với nhau bằng sự liên kết tạm thời. Trước đây chỉ có chừng vài nền văn hoá thứ cấp, bây giờ có hàng nghìn nền văn hoá thứ cấp như thể đang đánh đấm nhau, đang va chạm nhau và sinh sôi nảy nở. Những ràng buộc đã kết hợp được xã hội công nghiệp - như ràng buộc về luật, giá trị chung, giáo dục tập trung và theo chuẩn

mục, thông tin đại chúng - tất cả đều bị vỡ tan.

Những điều đó giải thích tại sao các thành phố đột nhiên dường như không quản lý được và các trường đại học không điều khiển được. Vì những cách cũ để hợp nhất một xã hội, các phương pháp dựa trên sự đồng nhất, đơn giản và sự bất biến từ lâu đã không còn hiệu quả nữa. Một trật tự xã hội mới bị chia nhỏ, trật tự siêu công nghiệp đang nổi lên. Trật tự này dựa trên các thành phần đa dạng hơn và ngắn hạn hơn bất kỳ hệ thống xã hội nào trước đây, và chúng ta chưa biết làm thế nào nối chúng lại với nhau và hợp nhất chúng.

Những người của quá khứ và hiện tại vẫn còn đang bị khóa vào cách sống tương đối không có sự chọn lựa. Những người trong tương lai đối diện không phải sự chọn lựa mà là chọn lựa quá nhiều. Đối với họ sẽ có sự bùng nổ về tự do. Và sự tự do này đến không phải do nền công nghiệp mới tạo ra mà đến vì nền công nghiệp này. Vì nếu kỹ thuật thô sơ của nền công nghiệp đòi hỏi con người giống như rô-bốt dần dần thực hiện những nhiệm vụ lặp đi lặp lại vô tận, thì kỹ thuật của ngày mai sẽ đảm nhiệm những việc đó, giải phóng con người và để cho con người những nhiệm vụ phán xét, giao thiệp và tưởng tượng. Nền siêu công nghiệp yêu cầu, và sẽ tạo ra không phải những người giống nhau mà là những người khác nhau từ người này sang người khác, những cá nhân chứ không phải người máy.

Chương 14

ĐA DẠNG CÁC CÁCH SỐNG

Nước Mỹ bị tra tấn bởi sự mơ hồ đối với tiền bạc, tài sản, luật lệ và trật tự, chủng tộc, tôn giáo, thượng đế, gia đình và chính nước Mỹ. Không phải chỉ riêng nước Mỹ chịu đau khổ vì sự chóng mặt về giá trị, mà tất cả các xã hội công nghiệp đều bị dính vào cùng sự biến động ào ạt. Sự sụp đổ các giá trị quá khứ không phải trôi qua một cách im lặng. Hầu hết các cuộc tranh luận về thay đổi giá trị đều bế tắc vì người ta không nắm được hai điểm thiết yếu. Điểm thiết yếu đầu tiên là gia tốc.

Sự chuyển giao giá trị bây giờ nhanh hơn trước đây. Trong quá khứ, con người có thể hy vọng hệ thống giá trị của xã hội không có gì thay đổi trong cuộc đời của họ, ngày nay điều đó không có gì đảm bảo cả, trừ những xã hội tiền công nghiệp bị cô lập hoàn toàn.

Điều này ẩn ngấm tính tạm thời trong cấu trúc của các giá trị hệ thống cá nhân và cộng đồng, và bất kỳ giá trị nào nổi lên để thay thế những giá trị thời kỳ công nghiệp thì giá trị đó chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, phù du hơn những giá trị trong quá khứ. Chẳng có bằng chứng nào cho thấy hệ thống giá trị của xã hội công nghiệp sẽ quay trở lại tình trạng ổn định. Vì trong tương lai có thể nhìn thấy được, chúng ta phải thực hiện việc thay

đối giá trị nhanh hơn.

Trong bối cảnh này, khuynh hướng thứ hai mở ra. Vì xã hội tan ra từng mảnh sẽ mang cùng với nó sự đa dạng hoá các giá trị. Hầu hết các xã hội trước đây đã hoạt động với một cái lõi trung tâm rộng lớn về các giá trị chung. Cái lõi này giờ đây đang bị thu nhỏ lại, và trong tương lai không thể có việc thành lập sự nhất trí mới rộng lớn. Các áp lực đang đẩy ra ngoài hướng về sự đa dạng, chứ không phải ép vào trong hướng về sự đồng nhất.

Đối diện với các hệ thống giá trị đang va chạm, đứng trước một dãy các hàng hóa tiêu thụ mới, các dịch vụ, các khả năng về giáo dục, về nghề nghiệp và về giải trí, con người trong tương lai phải chọn lựa theo cách mới. Họ bắt đầu “tiêu thụ” cách sống giống như những người thời trước tiêu thụ những sản phẩm bình thường.

NGƯỜI ĐI XE MÁY VÀ NHÀ TRI THỨC

Trong thời kỳ nữ hoàng Elizabeth, danh từ “ngài thượng lưu” ám chỉ một cách sống, không phải ngẫu nhiên mà có. Dòng họ có thể là điều kiện đầu tiên, nhưng để trở thành “ngài thượng lưu”, người ta phải sống theo một kiểu nào đó: được giáo dục tốt hơn, cách xử thế tốt hơn, mặc quần áo đẹp hơn người thường, tham gia trò giải trí nào đó; sống trong một ngôi nhà rộng đầy đủ tiện nghi; giữ thái độ cách biệt đối với người phục

vụ; nói tóm lại, không bao giờ được quên là thuộc giai cấp thượng lưu.

Giai cấp thương nghiệp cũng có cách sống riêng của họ và nông dân cũng vậy. Những cách sống này được chấp lại với nhau từ nhiều thành phần khác nhau, như từ nhà ở, nghề nghiệp, ăn mặc đến biệt ngữ, động tác và tôn giáo. Ngày nay chúng ta vẫn còn tạo ra các cách sống của chúng ta bằng việc thành lập các thành phần. Nhưng nhiều điều đã thay đổi. Cách sống không còn là sự biểu hiện của vị trí giai cấp. Các giai cấp tự nó đang vỡ tan thành những đơn vị nhỏ hơn. Tầm quan trọng của các nhân tố kinh tế đang suy thoái. Như thế, ngày nay cơ sở giai cấp của một người không còn xác định được từ cách sống cá nhân. Một người hippy giai cấp công nhân và một người hippy nào đó có cùng cách sống, nhưng không cùng giai cấp.

Vì cách sống trở thành cái cách mà cá nhân biểu thị sự đồng nhất của họ với một nền văn hoá thứ cấp nào đó, sự gia tăng các nền văn hoá thứ cấp trong xã hội cũng đưa đến sự gia tăng các cách sống. Như thế, nếu một người nước ngoài đến xã hội Mỹ, hoặc Anh, hoặc Nhật, hoặc Thụy Điển ngày nay thì họ không phải chỉ chọn lựa trong số 4 hoặc 5 cách sống theo giai cấp, mà là trong số hàng trăm cách sống khác nhau. Ngày mai, khi các nền văn hoá thứ cấp nảy nở, con số này sẽ còn lớn hơn nữa.

Làm thế nào chúng ta chọn cách sống, và nó có ý nghĩa gì đối với chúng ta, đó là những đề tài chính của tâm lý học ngày mai. Vì sự chọn lựa một cách sống, có ý thức hay không, sẽ định hình tương lai cá nhân. Điều này được thực hiện bằng sự áp đặt thứ tự, nguyên lý hoặc tiêu chuẩn lên trên sự chọn lựa cho cuộc sống hàng ngày.

Trong khi xã hội đưa ra những sự lựa chọn không có dạng gì cả cho cá nhân; sự lựa chọn được thực hiện không theo ngẫu nhiên mà theo thị hiếu và sự ưa thích đã định từ trước của người tiêu dùng. Hơn thế nữa, không có sự chọn lựa nào là hoàn toàn độc lập. Chọn lựa sau phụ thuộc vào những chọn lựa trước.

Người đi mô tô mặc áo ngoài màu đen, đeo găng tay dài đóng đinh thép, trên cổ lồng thông một chữ thập ngược, đi ủng thô, tất cả những thứ ấy đi cùng với nhau để xác định họ thuộc loại người đó. Họ đi đứng vênh vác và lâu lâu những lời nói vô vị chống lại chính quyền. Họ biết rằng bất kỳ một hành động quý phái hoặc rõ ràng nào đều sẽ huỷ diệt toàn vẹn về cách sống của họ.

NGƯỜI DÙNG MỐT VÀ TIỂU ANH HÙNG

Tại sao người đi xe máy mặc áo khoác màu đen? Tại sao không phải là màu nâu hay màu xanh? Tại sao các nhà quản trị ở Mỹ thích cặp da hơn cặp đựng giấy tờ thông thường khác? Đường

như họ đang theo một mô hình nào đó, cố gắng đạt đến lý tưởng nào đó do trên đặt xuống. Chúng ta biết rằng những anh hùng dân tộc và những người nổi tiếng, gồm cả những người tưởng tượng, đều có gì đấy liên quan đến mô hình cách sống. Tuy nhiên chúng ta biết rằng những anh hùng dân tộc và những người nổi tiếng, gồm cả những người tưởng tượng, đều có gì đấy liên quan đến mô hình cách sống. Thí dụ, Marlon Brando vênh váo trong bộ áo khoác ngoài màu đen và lái xe mô tô, có thể là nguồn gốc một mô hình cách sống. Những anh hùng như thế giúp kết tinh một kiểu mẫu xã hội. Một trong những nhiệm vụ đầu tiên của những người được quần chúng yêu thích là làm kiểu mẫu trông thấy được, sau đấy kiểu mẫu sẽ làm cách sống mới và thị hiếu mới trông thấy được.

Người dựng một không cần thiết phải là thần tượng của phương tiện thông tin đại chúng. Họ có thể hầu như là vô danh ngoài nền văn hoá thứ cấp đặc biệt. Một bài báo của John Speicher đăng trên tạp chí *Thanh niên* liệt kê một số mẫu cách sống nổi tiếng mà thanh niên hâm mộ vào cuối những năm 60. Những mẫu đó là Ché Guevara, William Buckley, Bob Dylan, John Beez, Robert Kennedy v.v... Cái túi của thanh niên Mỹ đầy ấp anh hùng. ở đâu có anh hùng, ở đấy có người ngưỡng mộ, người tôn sùng.

Đối với những thành viên của nền văn hoá thứ cấp, những anh hùng của họ cung cấp sự cần

thiết hiện hữu quyết định về sự đồng nhất tâm lý. Dĩ nhiên điều này chẳng có lý gì mới. Những thế hệ trước đã tôn sùng Charles Lindbergh hoặc Theda Bara. Tuy nhiên những gì mới và có ý nghĩa là sự tăng nhanh thần thoại của những anh hùng và tiểu anh hùng.

CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁCH SỐNG

Trong khi các khuôn mặt có uy tín có thể trở thành người dựng một, thì các một được các hội ngầm hoặc các loại văn hoá thứ cấp sáng tạo và tung ra thị trường. Thu nhận biểu tượng chưa tinh chế từ phương tiện thông tin đại chúng, bằng cách này hay cách khác họ chấp lại với nhau quần áo, ý kiến và diễn đạt để tạo ra một mô hình cách sống. Một khi họ đã thu thập mô hình đặc biệt, họ tiến hành sản xuất và bán nó như bất kỳ công ty hàng hoá nào. Họ tìm khách hàng cho mô hình đó.

Không phải tất cả các nền văn hoá thứ cấp đều hiệu chiến và có tài năng, thế nhưng thế lực tích lũy của họ trong xã hội rất lớn. Thế lực này xuất phát từ sự tuyệt vọng hầu như phổ biến của chúng ta về sự “phụ thuộc”. Người bộ lạc nguyên thủy cảm thấy gần bó chặt chẽ với bộ lạc của họ. Họ biết rằng họ phụ thuộc vào bộ lạc, và họ không thể tưởng tượng được việc họ tách ra khỏi bộ lạc. Tuy nhiên, xã hội công nghiệp quá rộng lớn và độ phức tạp của nó vượt quá sự hiểu biết của bất kỳ cá nhân nào. Cá nhân chỉ

biết được xã hội thông qua một hay nhiều nền văn hoá thứ cấp của nó, và chỉ có thể duy trì một số ý thức về tính đồng nhất và sự tiếp xúc với toàn bộ xã hội. Nếu không đồng nhất được với các nhóm như thế sẽ đưa đến cảm tưởng cô độc, chán ghét và bất lực. Chúng ta bắt đầu tự hỏi “chúng ta là ai”.

Ngược lại, nếu ý thức được sự phụ thuộc vào một tế bào xã hội lớn hơn chúng ta (nhưng đủ nhỏ để có thể hiểu được), thì chúng ta cảm thấy bị lôi kéo sâu vào giá trị, thái độ và cách sống được ưa thích của nhóm. Tuy nhiên chúng ta sẽ được thưởng công. Vì một khi chúng ta liên kết về mặt, tâm lý với một nền văn hóa thứ cấp, nó bắt đầu tác động áp lực lên chúng ta. Chúng ta thấy rằng nó sẽ trả công cho việc đi cùng với nhóm. Nó thưởng chúng ta bằng sự niềm nở, tình bằng hữu, và sự tán thành khi chúng ta tuân theo mô hình cách sống của nó. Nhưng nó trừng phạt chúng ta một cách thô bạo bằng sự nhạo báng, sự tẩy chay hoặc những cách khác khi chúng ta tách ra khỏi nó.

Các nền văn hoá thứ cấp hò hét bắt chúng ta phải chú ý về những mô hình cách sống được ưa thích của họ. Làm như thế là họ tác động trực tiếp đến tâm lý nhạy cảm nhất của chúng ta, hình ảnh của chính chúng ta. Trong việc chọn lựa các nền văn hoá thứ cấp đang sinh sôi nảy nở nhanh, chúng ta chỉ có thể cảm thấy mơ hồ rằng sự đồng nhất của chúng ta được định hình bởi sự quyết định của chúng ta, nhưng chúng ta cảm thấy có sự

186

bức thiết về sự quyến rũ của họ. Những lời hứa tâm lý của họ khiến chúng ta chao đảo.

Những gì họ dâng không phải chỉ là bánh xà-phòng hoặc bột giặt. Họ không dâng một sản phẩm mà là một siêu sản phẩm. Đúng là họ giữ lời hứa về sự niềm nở, tình bằng hữu, sự kính trọng và ý thức cộng đồng. Nhưng quan trọng hơn là họ giúp chúng ta giảm bớt căng thẳng về sự chọn lựa quá nhiều. Vì họ không chỉ dâng cho một sản phẩm hoặc tư tưởng độc nhất, mà còn cái cách tổ chức tất cả sản phẩm hoặc tư tưởng, những lời hướng dẫn giúp cho cá nhân giảm bớt độ phức tạp trong sự chọn lựa đến mức có thể chấp nhận được.

Hầu hết chúng ta thiết tha tìm những lời hướng dẫn như thế. Trong cái mớ đạo đức hỗn độn, trong cái mớ chọn lựa quá nhiều lẫn lộn, siêu sản phẩm có ích nhất và mạnh nhất của tất cả là nguyên tắc tổ chức cho cuộc sống một người. Đây chính là những gì mà cách sống dâng cho.

QUYỀN LỰC CỦA CÁCH SỐNG

Thường thì chúng ta không biết vào lúc nào chúng ta tự ràng buộc chúng ta vào một mô hình cách sống trên tất cả những mô hình khác. Quyết định ít khi là kết quả của sự phân tích lôgic đơn thuần và cũng không nhanh chóng gì có được ngay. Hầu hết chúng ta không nghĩ về cuộc sống riêng của mình theo nghĩa cách sống, và chúng ta

thường gặp khó khăn khi nói về nó một cách khách quan. Ngay cả chúng ta sẽ gặp nhiều rắc rối khi chúng ta cố gắng ghép lại với nhau cấu trúc các giá trị ẩn ngầm trong cách sống của chúng ta. Nhiệm vụ càng khó khăn gấp đôi vì nhiều người chúng ta không chấp nhận một cách sống hợp nhất, nhưng mà lại là sự tổng hợp các thành phần được rút ra từ một số mô hình khác nhau. Khi cách sống một người là lai tạo, thường rất khó phân tích các mô hình phức tạp mà trên đó tạo nên cách sống.

Một khi chúng ta tự ràng buộc vào một mô hình đặc biệt, chúng ta chiến đấu tích cực để xây dựng nó và bảo vệ nó chống lại mọi thách đố. Vì cách sống trở thành vô cùng quan trọng cho chúng ta. Điều này còn đúng hơn nữa cho những người trong tương lai mà mối quan tâm đối với cách sống là rất nồng nhiệt. Mối quan tâm mãnh liệt đối với cách sống không phải cái mà các nhà phê bình văn chương gọi là chủ nghĩa hình thức. Nó không phải đơn giản là một sự quan tâm hình thức bên ngoài. Vì cách sống liên quan không những chỉ với hình thức xử thế bên ngoài, mà còn là giá trị ẩn ngầm trong cách xử thế đó, và người ta không thể thay đổi cách sống nếu không thay đổi nội tâm. Đây là lý do tại sao một số đồ vật nhỏ lại có ý nghĩa rất lớn cho các cách sống. Chỉ một chi tiết nhỏ của cuộc sống một người có thể có sức mạnh tình cảm rất lớn nếu nó thách đố một cách sống khó khăn lắm mới có được, nếu nó hăm dọa phá vỡ sự

nguyên vẹn của cách sống.

Tại sao cách sống lại có sức mạnh tự duy trì? Nguồn ràng buộc của chúng ta với nó là gì? Một cách sống là một cỗ xe mà thông qua nó chúng ta tự biểu hiện. Đây là cái cách nói cho mọi người biết chúng ta phụ thuộc vào nền văn hoá thứ cấp nào. Lý do thực tại sao cách sống lại vô cùng có ý nghĩa là vì sự chọn lựa một mô hình cách sống để noi gương theo là một chiến lược quan trọng trong sự chiến đấu riêng của chúng ta chống lại áp lực mạnh mẽ về sự chọn lựa quá nhiều.

Việc lựa chọn phải giống như thần tượng nào đó giúp chúng ta quyết định nhanh nhiều vấn đề trong cuộc sống. Một khi sự ràng buộc với một mô hình nào đó đã được thực hiện, chúng ta có thể huỷ bỏ nhiều hình thức ăn mặc, xử thế, tư tưởng và thái độ không phù hợp với cách sống đã được chúng ta chấp nhận. Bằng việc chọn một cách sống đặc biệt, chúng ta loại bỏ việc xem xét những khả năng khác. Người chọn cách sống mô hình cách sống người đi xe máy không quan tâm gì đến hàng trăm loại gắng tay trên thị trường có thể xâm phạm đến tinh thần cách sống của họ. Họ chỉ cần loại gắng tay nằm trong giới hạn do mô hình của họ đặt ra. Và những gì đúng cho sự chọn lựa gắng tay thì cũng đúng cho tư tưởng và mối quan hệ xã hội của họ.

Sự chọn cách sống này trên cách sống kia là một siêu quyết định. Đó là một quyết định cao cấp

hơn những quyết định cho cuộc sống hàng ngày. Đó là một quyết định làm hẹp lại những khả năng có quan hệ với chúng ta trong tương lai. Chùng nào mà chúng ta hoạt động trong ranh giới cách sống chúng ta đã chọn, những sự chọn lựa thường tương đối đơn giản nhờ những đường lối chỉ đạo rõ ràng.

Nhưng khi cách sống của chúng ta đột ngột bị thách đố, khi có cái gì đẩy buộc chúng ta phải xem xét lại cách sống, chúng ta bắt buộc phải làm một siêu quyết định khác. Chúng ta đau khổ phải biến đổi cả nội tâm của chúng ta. Việc đó đau khổ vì khi cắt bỏ sự ràng buộc của chúng ta với cách sống đã được chọn, chúng ta không còn phụ thuộc nữa. Tệ hơn nữa là những nguyên lý cơ bản của chúng ta đều bị đặt thành vấn đề và chúng ta đối diện với sự quyết định mới về cách sống một mình. Nói tóm lại, chúng ta lại đối đầu với gánh nặng chọn lựa quá nhiều.

SIÊU DƯ THỪA CÁ TÍNH

Nằm giữa hai cách sống là sự khủng hoảng của đời sống, nên những người tương lai tốn nhiều thời gian cho việc tìm kiếm cách sống hơn những người trong quá khứ hoặc hiện nay. Thay đổi cá tính trên đường đi, người siêu công nghiệp vẽ được quỹ đạo riêng qua một thế giới những nền văn hoá thứ cấp đang va chạm nhau. Đây là tính cơ động xã hội của tương lai. Không phải đơn giản sự

190

chuyển động từ một tầng lớp kinh tế này sang một tầng lớp khác. Sự chuyển động liên tục từ một nền văn hoá thứ cấp này sang một nền văn hoá thứ cấp phù du khác diễn tả quỹ đạo cuộc sống của họ.

Có nhiều lý do cho sự chuyển động liên tục này. Đó không phải chỉ là nhu cầu tâm lý cá nhân thay đổi nhiều hơn trong quá khứ. Vì lý do này hay lý do khác, khi các thành viên của một nền văn hoá thứ cấp trở nên dao động hơn, việc tìm kiếm cách sống cá nhân sẽ trở thành mãnh liệt hơn. Chúng ta lại rơi vào tình trạng buồn chán, cảm thấy không vừa lòng với cách sống hiện tại của chính mình. Vào lúc đấy chúng ta lại bắt đầu tìm kiếm nguyên tắc mới để chúng ta tổ chức sự chọn lựa của chúng ta. Chúng ta lại đến thời điểm siêu quyết định. Tốc độ thay thế các mối quan hệ với vật, chỗ, người, tổ chức, tin tức tăng vọt đột biến vào thời điểm đó. Chúng ta bắt đầu loại bỏ những tư tưởng chúng ta đã có từ trước. Chúng ta đột ngột không dính dáng vào cách sống đã áp đặt lên chúng ta. Vào lúc đó, chúng ta cảm thấy tự do nhất nhưng cũng bị mất mát nhiều nhất. Tất cả qui trình chọn cách sống mới lại bắt đầu.

Do đó khi chúng ta tiến đến nền siêu công nghiệp, chúng ta thấy người ta chấp nhận và vứt bỏ cách sống với tốc độ làm choáng những người của các thế hệ trước. Vì cách sống tự nó đã trở thành một loại dùng xong vứt đi. Đây không phải là một vấn đề nhỏ hay dễ dàng. Nó chính là sự “mất về

ràng buộc” là đặc tính của thời đại chúng ta. Khi người ta dịch chuyển từ nền văn hoá thứ cấp này sang nền văn hoá thứ cấp khác, từ cách sống này sang cách sống khác, tự họ được rèn luyện để đối phó với sự đau khổ không thể tránh được về việc từ bỏ sự dính líu. Họ học cách tự phòng thủ chống lại sự đau khổ ngọt ngào của việc ra đi.

Ngay cả khi họ dường như chấp nhận một nền văn hoá thứ cấp hoặc cách sống, họ giữ cái gì đó cho riêng họ. Họ tuân theo những lời yêu cầu của nhóm và say sưa trong sự phụ thuộc mà nhóm cho họ. Nhưng sự phụ thuộc này không còn giống như trước nữa, và họ sẵn sàng đào ngũ vào thời điểm thích hợp. Điều này có nghĩa là ngay cả khi họ dường như gắn chặt với nhóm hoặc bộ lạc của họ, họ vẫn lắng nghe tình hình của bộ lạc khác.

Như thế, tính chất thành viên của họ trong nhóm rất hời hợt. Họ luôn luôn giữ thế không dính líu, và vì không dính líu chặt chẽ với giá trị và cách sống của nhóm nào đó, họ thiếu những tiêu chuẩn mà họ cần để vượt qua mớ hỗn độn chọn lựa quá nhiều.

Cuộc cách mạng siêu công nghiệp đã đưa toàn bộ vấn đề chọn lựa quá nhiều lên một mức độ mới về lượng. Nó bắt chúng ta phải chọn lựa đời sống, không phải chỉ các thành phần của cách sống mà là toàn bộ cách sống.

Như thế cuộc cách mạng siêu công nghiệp đòi hỏi sự thay đổi cơ bản trong nhận thức của con người về chính họ, một lý thuyết mới về cá tính

gồm cả những lần gián đoạn trong cuộc sống con người cũng như là sự liên tục trong cuộc sống con người. Cuộc cách mạng siêu công nghiệp cũng đòi hỏi khái niệm mới về tự do. Bước nhảy của xã hội đến mức độ mới của sự khác biệt cũng tạo ra những cơ hội để cá nhân hoá công nghiệp mới, những hình thức tổ chức tạm thời mới.

Chính xã hội siêu công nghiệp sẽ mở rộng khoảng tự do. Người tương lai sẽ có nhiều cơ hội để tự thực hiện hơn bất kỳ nhóm nào trước đó trong lịch sử. Xã hội mới sẽ tạo những quyền thay đổi cuộc sống, và sự tự do hơn trong việc chọn những quyền này.

XÃ HỘI TỰ DO

Tranh luận cho sự chọn lựa hoàn toàn (một khái niệm vô nghĩa) hoặc tranh luận cho cá tính hoàn toàn là tranh luận chống lại bất kỳ hình thức nào về cộng đồng hoặc xã hội. Nếu mỗi người quá bận rộn cho công việc riêng của họ thì chẳng có hai người nào có cùng cơ sở để liên lạc với nhau. Mỉa mai thay chính những người than phiền to nhất rằng người ta không thể quan hệ với người khác, hoặc không thể thông tin với người khác, thì cũng chính những người đó đòi hỏi cá tính lớn nhất. Con người càng cá tính hoá nhiều bao nhiêu, thì càng khó đạt đến sự đồng nhất hoá bấy nhiêu.

Trừ phi chúng ta quay lại thời kỳ lạc hậu siêu

công nghiệp, và chấp nhận tất cả những hậu quả như một cuộc sống ngắn hơn và thô bạo hơn, nhiều bệnh tật, đau khổ, thiếu thốn, sợ hãi, mê tín, mù quáng...chúng ta phải tiến về những xã hội ngày càng khác biệt. Điều này làm nổi lên một vài vấn đề hợp nhất xã hội. Sự ràng buộc gì về giáo dục, chính trị, văn hoá mà chúng ta phải tạo thành để liên kết trật tự siêu công nghiệp lại với nhau vào trong toàn thể hoạt động? Điều này có thể thực hiện được không?

Một xã hội với những giá trị và cách sống bị chia nhỏ thách đố tất cả cơ chế hợp nhất cũ và đang đòi hỏi một cơ sở hoàn toàn mới để tổ chức lại. Chúng ta vẫn chưa tìm ra cơ sở này.

Nếu chúng ta đối diện với những vấn đề xáo trộn về sự hợp nhất xã hội, chúng ta sẽ đối đầu với những vấn đề còn đáng lo ngại hơn về sự hợp nhất cá nhân. Vì sự gia tăng các cách sống thách đố khả năng của chúng ta giữ mọi người lại với nhau.

Loại cá tính tiềm tàng nào chúng ta sẽ chọn? Dãy cá tính nối tiếp nhau nào sẽ biểu thị chúng ta? Làm thế nào chúng ta đối phó với sự lựa chọn quá nhiều về vấn đề cá nhân và vấn đề tình cảm của tất cả mọi người? Trong việc đổ xô về sự đa dạng, sự chọn lựa và tự do, chúng ta chưa bắt đầu xem xét những mối quan hệ đáng kinh sợ của sự đa dạng.

Khi sự đa dạng hợp lại với tính nhất thời và mới lạ, chúng ta đưa xã hội đến cuộc khủng hoảng lịch sử về thích nghi.

PHẦN NĂM

NHỮNG GIỚI HẠN CỦA KHẢ NĂNG THÍCH NGHI

Chương 15

CÚ SỐC TƯƠNG LAI: CHIỀU VẬT LÝ

Những kỷ địa chất trước đây, biển co lại đã ném hàng triệu sinh vật biển lên trên bãi biển vừa mới được tạo ra. Bị tước bỏ khỏi môi trường quen thuộc của chúng, chúng đã chết. Chỉ một số ít giống lưỡng cư là sống sót qua khỏi cú sốc thay đổi. Ngày nay chúng ta đang đi qua giai đoạn giống như tổ tiên của con người từ sinh vật biển thành sinh vật lục địa... Những người thích nghi sẽ tồn tại, những người không thích nghi hoặc sẽ sống sót ở nơi nào đó với mức độ phát triển thấp hoặc bị tiêu diệt.

Để xác nhận rằng con người phải thích nghi dường như không cần thiết. Con người đã tự chứng tỏ là thích nghi nhất trong các dạng sinh vật. Họ đã sống sót ở mùa hè xích đạo và mùa đông bắc cực. Họ đã sống sót ở Dachau và Vertuke. Họ đã đi bộ trên mặt trăng. Những

thành tựu như thế làm nổi lên khái niệm cho rằng khả năng thích nghi của con người là “vô tận”. Thế nhưng không có gì có thể xa hơn sự thật. Vì mặc dù với tất cả tính anh hùng và khả năng chịu đựng của họ, con người vẫn là một cơ thể sinh học, một hệ thống sinh học, và tất cả hệ thống như thế hoạt động trong những giới hạn không lay chuyển được các mức nhiệt độ, áp suất, hấp thụ calo, ôxy và khí cacbôníc, tất cả đều đặt giới hạn tuyệt đối mà con người được cấu tạo như hiện nay không thể vượt qua được. Như thế khi chúng ta phóng một người vào vũ trụ, chúng ta bao quanh họ một môi trường nhỏ duy trì tất cả những yếu tố trên trong vòng giới hạn có thể sống được. Do đó, lạ biết chừng nào khi chúng ta phóng một người vào tương lai, chúng ta chẳng khó nhọc gì để bảo vệ anh ta khỏi cú sốc thay đổi.

Chủ đề của cuốn sách này là: có những giới hạn có thể phát hiện được đối với số lượng thay đổi mà cơ thể con người có thể hấp thụ được, và bằng sự thay đổi gia tăng liên tục mà không cần xác định những giới hạn này, chúng ta có thể làm đa số người chịu phục tùng những đòi hỏi cấp bách mà họ không thể chịu đựng được. Chúng ta rất liều ném họ vào trong trạng thái đặc biệt đó mà tôi đã gọi là cú sốc tương lai.

Chúng ta có thể định nghĩa cú sốc tương lai như là tai hoạ cả về thể chất và tâm lý nổi lên từ sự quá tải của hệ thống thích nghi vật lý của cơ thể

con người và qui trình lấy quyết định của nó. Nói đơn giản hơn, cú sốc tương lai là phản ứng của con người đối với sự kích thích quá độ.

Những người khác nhau phản ứng cú sốc tương lai theo những cách khác nhau. Triệu chứng của nó cũng thay đổi theo giai đoạn và cường độ của căn bệnh. Những triệu chứng này có thể là lo lắng, thù địch, bạo động vô nghĩa, bệnh tật, suy nhược, và lãnh đạm... Nạn nhân của nó thường biểu hiện những hành động rất thất thường trong quyền lợi và lối sống, sau đó là thái độ rút lui tình cảm, tri thức và xã hội. Họ cảm thấy bị quấy rầy liên tục và muốn một cách tuyệt vọng giảm số lượng quyết định họ phải lấy.

Để hiểu được hội chứng này, chúng ta phải sử dụng những lĩnh vực như tâm lý học, thần kinh học, lý thuyết thông tin, nội tiết học, bất kỳ khoa học nào có thể nói cho chúng ta biết về khả năng thích nghi của con người. Cho đến bây giờ, không có khoa học thích nghi nào cả. Cũng không có bất kỳ danh mục có hệ thống nào về căn bệnh thích nghi. Nhưng có một số ngành phác hoạ được những đường nét đơn sơ về lý thuyết thích nghi. Vì trong khi các nhà nghiên cứu thuộc những lĩnh vực đó thường làm việc độc lập với nhau, thì công việc của họ lại phù hợp với nhau. Việc tạo thành một dạng rõ ràng và thú vị nhằm cung cấp cơ sở vững vàng cho khái niệm cú sốc tương lai.

ĐỜI SỐNG - THAY ĐỔI VÀ BỆNH TẬT.

Việc gì sẽ xảy ra đối với con người khi họ được yêu cầu thay đổi liên tục?

Để hiểu được câu trả lời, chúng ta phải bắt đầu với thân thể, cơ thể vật lý. May mắn là đã có một số thí nghiệm làm sáng tỏ mối quan hệ thay đổi đối với sức khỏe. Những thí nghiệm này cho thấy sức khỏe của cá nhân bị tiết chế mật thiết với sự đòi hỏi thích nghi do môi trường đặt lên họ. Một số thí nghiệm khác cho thấy căn bệnh không cần thiết là kết quả của bất kỳ tác nhân đặc biệt nào như vi trùng hoặc vi-rut, nhưng là hậu quả của nhiều nhân tố, gồm cả thiên nhiên của môi trường bao quanh thân thể.

Ngày nay, với việc báo động về ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, thành phố đông đúc và những nhân tố khác, càng ngày càng có nhiều nhà chức trách y tế xoay quanh khái niệm sinh thái học rằng cá nhân cần được xem như là một phần của toàn bộ hệ thống, và sức khỏe của họ phụ thuộc vào nhiều nhân tố tế nhị bên ngoài.

Bác sĩ Thomas H. Holmes đã đưa ra ý kiến cho rằng sự thay đổi - không phải sự thay đổi cụ thể mà là tốc độ thay đổi trong đời sống một con người - có thể là một trong những nhân tố môi trường quan trọng nhất. Cùng với nhà tâm lý học trẻ tuổi Richard Rahe, ông ta đã tạo ra một công cụ nghiên cứu được đặt tên là *Thang đo đơn vị*

Đời sống - Thay đổi. Đó là một thiết bị dùng để đo có bao nhiêu thay đổi mà cá nhân phải chịu trong một khoảng thời gian đã cho. Lần đầu tiên đã có thể xác định tốc độ thay đổi trong đời sống cá nhân.

Lý luận rằng những loại đời sống - thay đổi khác nhau tác động tới chúng ta với lực khác nhau, Holmes và Rahe bắt đầu liệt kê càng nhiều thay đổi mà họ có thể làm được. Sự ly dị, hôn nhân, chuyển đến nhà mới, những biến cố như thế ảnh hưởng đến chúng ta khác nhau. Hơn thế nữa, một số có tác động mạnh hơn những thay đổi khác. Thí dụ đi nghỉ mát có thể là sự thay đổi thú vị. Nhưng không thể so sánh việc đó với tác động của cái chết cha mẹ.

Sau đó Holmes và Rahe lập danh mục đời sống thay đổi để đưa cho hàng nghìn nam nữ trong các nghề nghiệp khác nhau ở Mỹ và Nhật. Mỗi người được yêu cầu đánh số thứ tự trên danh mục theo tác động của từng mục. Những thay đổi nào cần nhiều đối phó hoặc điều chỉnh? Những thay đổi nào là không quan trọng?

Holmes và Rahe hết sức ngạc nhiên thấy rằng có sự nhất trí rộng rãi về vấn đề thay đổi nào trong cuộc sống của họ đòi hỏi phải thích nghi và thay đổi nào tương đối không quan trọng. Sự nhất trí này về các biến cố cuộc đời khác nhau đã vượt qua hàng rào quốc gia và ngôn ngữ. Người ta có khuynh hướng biết và nhất trí về những thay đổi

tác động mạnh nhất.

Qua kết quả điều tra, Holmes và Rahe đã có thể chỉ định trọng số cho mỗi loại thay đổi đời sống. Như thế mỗi mục tiêu danh mục của họ được xếp theo cường độ của nó và được cho điểm phù hợp. Thí dụ, cái chết của người bạn đời được cho 100 điểm, chuyển nhà ở được cho 20 điểm, nghỉ mát được 13 điểm.

Dùng thang đo đơn vị đời sống thay đổi, Holmes và Rahe bắt đầu hỏi mọi người về dạng thay đổi hiện nay trong cuộc đời của họ. Thước đo giúp so sánh sự “thay đổi hoàn toàn” của đời sống một người với người khác. Bằng việc nghiên cứu số lượng thay đổi trong đời sống một người, chúng ta có thể biết được ảnh hưởng của thay đổi đối với sức khoẻ như thế nào.

Để tìm ra điều đó, Holmes, Rahe và các nhà nghiên cứu khác đã tổng hợp “điểm đời sống - thay đổi” của hàng nghìn cá nhân và bắt đầu công việc tỉ mỉ để so sánh số liệu này với bệnh lý của cùng cá nhân. Chưa bao giờ có cách làm tương quan giữa thay đổi và sức khoẻ trước đó. Cũng chưa bao giờ có những số liệu chi tiết như thế về các dạng thay đổi trong đời sống cá nhân. Và kết quả của thí nghiệm không có sự mơ hồ. Ở Mỹ và Nhật, trong số những người làm dịch vụ và dân sự, trong số phụ nữ có thai và các gia đình bệnh nhân bạch hầu, trong số những vận động viên điền kinh đại học và người về hưu, cùng một dạng

200

kỳ lạ đã biểu hiện: những người có số điểm thay đổi đời sống cao hơn những người khác sẽ ngã bệnh năm sau đó. Lần đầu tiên, có thể thấy rằng tốc độ thay đổi trong đời sống một người - nhịp điệu cuộc sống - có quan hệ mật thiết với tình trạng sức khoẻ của họ.

Từ đó, thang đo đơn vị Đời sống - Thay đổi và câu hỏi về thay đổi đời sống đã được áp dụng cho nhiều nhóm khác nhau từ những người da đen thất nghiệp trong Watts đến sĩ quan Hải quân ở ngoài biển. Trong mỗi trường hợp, sự tương quan giữa thay đổi và bệnh tật vẫn đúng. Những thay đổi trong cách sống cần nhiều sự điều chỉnh và đối phó, có tương quan với bệnh tật, dù những thay đổi này có nằm dưới sự kiểm soát của cá nhân hay không, có được mong muốn hay không. Hơn thế nữa, mức độ thay đổi cuộc đời càng cao bao nhiêu, thì sự rủi ro gây ra bệnh càng nặng nề bấy nhiêu. Bằng chứng này rõ đến mức có thể tiên đoán mức độ bệnh tật trong những nhóm người khác nhau.

Như thế vào tháng 8 - 1967, người ta tiến hành dự báo các dạng bệnh tật trong một nhóm 3.000 thuỷ thủ. Các câu hỏi về thay đổi đời sống được phân phát cho thuỷ thủ trên 3 tàu tuần dương hạm ở cảng San Diego. Các tàu chuẩn bị ra đi và sẽ ở trên mặt biển chừng 6 tháng. Trong khoảng thời gian đó có thể duy trì bệnh lý chính xác cho mỗi thành viên. Mỗi thuỷ thủ được hỏi về

những thay đổi đã xảy ra trong cuộc đời của họ vào năm trước đó. Các câu hỏi bao phủ hầu hết mọi vấn đề như họ có gặp rắc rối với lãnh đạo không, có thay đổi thói quen ăn và ngủ không, có thay đổi bạn bè không, có thay đổi ăn mặc, không có thay đổi giải trí không, có thay đổi hoạt động xã hội không, có thay đổi trong vấn đề tài chính không, có gặp rắc rối với bố mẹ nuôi anh chị em dâu rể không, có cãi nhau với vợ không, có con nuôi hay con đẻ và họ có đau khổ do vợ chết, bạn chết hoặc người thân chết không? Các câu hỏi còn tiếp tục như số lần họ di chuyển sang nhà mới, số lần vi phạm luật lệ giao thông, họ đi xa vì nghề nghiệp hoặc do gặp khó khăn với vợ, họ có thay đổi công việc không, họ có được khen thưởng hoặc đề bạt không, điều kiện sống của họ thay đổi do sửa nhà ở hay do gặp khó khăn với láng giềng, vợ họ bắt đầu hay nghỉ làm việc, họ có vay tiền không, họ đi nghỉ mát bao nhiêu lần, có thay đổi gì trong quan hệ của họ với cha mẹ do chết, ly dị, tái hôn nhân v.v...

Nói tóm lại, các câu hỏi chỉ nhằm tìm loại thay đổi đời sống chứ không hỏi sự thay đổi đó là tốt hoặc xấu, câu hỏi chỉ cần biết thay đổi có xảy ra hay không?

Trong 6 tháng, 3 tàu tuần dương hạm nằm trên biển. Trước khi tàu quay lại cảng một nhóm nghiên cứu mới được đưa ra tàu. Họ nghiên cứu bệnh lý của các thủy thủ. Người nào ngã bệnh?

Bệnh gì? Họ nằm trạm xá bao nhiêu ngày?

Khi máy tính so sánh dữ kiện xong, mối quan hệ giữa thay đổi và bệnh tật càng xác định những điều đã nói ở trên. Những người có số điểm thay đổi lớn ngã bệnh nhiều gấp đôi số người có số điểm thay đổi thấp. Hơn thế nữa, điểm càng cao bệnh càng nặng. Sự nghiên cứu các dạng thay đổi đời sống - với sự thay đổi (như là một nhân tố) môi trường - đóng góp vào việc đoán trước được số lượng và mức ác liệt về bệnh cho tất cả mọi người.

Lần đầu tiên chúng ta có chỉ số về thay đổi. Nếu người ta chịu nhiều thay đổi trong cuộc sống với một khoảng thời gian ngắn, điều này thách thức cơ thể của người ta. Một số thay đổi lớn trong vòng thời gian ngắn có thể áp đảo cơ chế phản ứng của cơ thể. Rõ ràng có mối liên quan giữa sự bảo vệ cơ thể và những đòi hỏi thay đổi mà xã hội áp đặt. Chúng ta đang ở trong sự cân bằng năng động liên tục. Các chất độc hại khác nhau cả trong lẫn ngoài luôn luôn tìm cách gây bệnh. Thí dụ, một số vi-rút sống trong cơ thể và chỉ gây bệnh khi sức đề kháng của cơ thể bị suy sụp. Việc tăng hệ thống bảo vệ thân thể đã chứng tỏ không đủ để đối phó với dòng thay đổi đi qua hệ thống thần kinh và nội tiết. Kết quả nghiên cứu đời sống - thay đổi cho thấy không phải chỉ đối với bệnh tật mà còn đối với cái chết, có thể có liên quan đến mức độ nghiêm trọng của những đòi hỏi thích

ngiht áp đặt lên cơ thể.

Điều này càng rõ ràng khi so sánh tỉ lệ chết của những người goá vợ, goá chồng trong năm đầu tiên sau khi mất người bạn đời là cao hơn bình thường. Đường như cảnh goá bụa làm yếu sức đề kháng bệnh tật và có khuynh hướng làm tăng bệnh lão. Như ở Anh, người ta nghiên cứu thấy có 40% trong số 4486 bà goá bị chết trong 6 tháng đầu sau khi chồng chết.

Tại sao điều này là sự thực? Có khả năng là nỗi đau buồn tự nó đưa đến bệnh lý. Thế nhưng câu trả lời không nói gì về tình trạng đau khổ, mà chỉ nói đến tác động nặng do người bạn chết, điều đó bắt buộc người còn sống phải chịu đựng những thay đổi của cuộc sống trong một thời gian ngắn sau cái chết của người bạn đời.

Tóm lại, sự thay đổi mang theo thẻ ghi giá tiền tâm lý với nó. Và sự thay đổi càng cơ bản bao nhiêu, giá càng cao bấy nhiêu.

PHẢN ỨNG SỰ MỚI LẠ

Đời sống ẩn ngấm một sự tác động qua lại liên tục giữa cơ thể và môi trường. Khi chúng ta nói về sự thay đổi do ly dị, do trong gia đình có người chết, do thay đổi công việc, hoặc do nghỉ mát, chúng ta đang nói về một biến cố chính của đời sống. Như mọi người biết, đời sống cũng gồm những biến cố nhỏ, một dòng biến cố ra vào cuộc

đời chúng ta. Bất kỳ sự thay đổi nào của cuộc đời đều là lớn vì nó bắt buộc chúng ta phải tiến hành nhiều thay đổi nhỏ, và những thay đổi này lại gồm nhiều thay đổi nhỏ hơn. Để vật lộn với ý nghĩa đời sống trong xã hội đang gia tốc, chúng ta cũng cần xem xét những gì xảy ra ở mức độ những thay đổi cực nhỏ này.

Chuyện gì sẽ xảy ra khi việc gì đó trong môi trường chúng ta bị thay đổi? Tất cả chúng ta thường xuyên nhận được tín hiệu từ môi trường của chúng ta - thị giác, thính giác, xúc giác v.v... Hầu hết những tín hiệu này đến với dạng lập đi lập lại thường xuyên. Khi việc gì đó thay đổi trong tâm giác quan chúng ta, dạng tín hiệu chạy thông qua kênh giác quan của chúng ta vào hệ thống thần kinh bị biến đổi. Những dạng lập đi lập lại thường xuyên bị ngắt, chúng ta phản ứng sự ngắt này theo cách nhạy bén đặc biệt.

Khi có gì mới kích thích chúng ta, cả thân thể và bộ óc biết hầu như ngay tức thì rằng những cái đó là mới. Dù thay đổi là gì đi nữa, một số lượng lớn bộ máy vật lý đi vào hoạt động. Khi một con chó nghe tiếng động lạ, tai nó vểnh lên, đầu nó quay. Chúng ta cũng hành động giống như thế. Sự thay đổi trong bộ phận kích thích cái mà các nhà tâm lý gọi là “phản ứng định hướng”. Phản ứng định hướng là một hoạt động có thể phức tạp. Con người mắt mở rộng. Phản ứng quang hoá xảy ra ở võng mạc. Thính

giác trở thành nhạy bén hơn. Chúng ta sử dụng không chủ tâm các cơ bắp để hướng hoặc các cơ quan thị giác về nguồn kích thích, chúng ta biết nhờ âm thanh hoặc nheo mắt để nhìn rõ hơn. Cường độ cơ bắp của chúng ta tăng lên. Có những thay đổi trong dạng sống của chúng ta. Ngón tay ngón chân của chúng ta cảm thấy lạnh hơn khi tĩnh mạch và động mạch co thắt. Lòng bàn tay của chúng ta đổ mồ hôi. Máu chạy lên đầu. Nhịp thở và nhịp tim thay đổi.

Trong tình trạng như thế, chúng ta có thể làm tất cả điều đó theo cách rõ ràng, bộc lộ những gì được gọi là “phản ứng ngạc nhiên”. Nhưng ngay cả khi chúng ta không biết việc gì đang xảy ra, những thay đổi này xảy ra mỗi lần chúng ta nhận thức cái mới trong môi trường của chúng ta. Lý do cho điều đó là chúng ta có một bộ phận đặc biệt phát hiện cái mới dường như có sẵn trong não chúng ta, bộ phận này vừa mới được các nhà thần kinh học chú ý. Nhà khoa học Liên Xô E.N.Sokolov đã đưa ra lời giải thích dễ hiểu nhất về làm thế nào phản ứng định hướng làm việc. Ông ta cho rằng các tế bào thần kinh trong não chứa tin tức về cường độ, khoảng thời gian, chất lượng, và dãy kích thích. Khi một kích thích mới xảy ra, những thông tin mới được so sánh với “mô hình thần kinh” trong vỏ não. Nếu sự kích thích là mới, chúng không phù hợp với bất kỳ mô hình thần kinh nào đã có, phản ứng

206

định hướng xảy ra. Tuy nhiên nếu quy trình so sánh thấy có sự tương tự với mô hình đã được chứa từ trước, vỏ não lệnh cho mạng lưới khởi động hệ thống hành động.

Theo cách này, mức độ cái mới trong môi trường của chúng ta có những hậu quả vật lý trực tiếp. Hơn thế nữa, cần phải biết phản ứng định hướng không phải là một công việc bình thường. Nó xảy ra chừng hàng nghìn lần mỗi ngày khi những thay đổi khác nhau xảy ra trong môi trường xung quanh chúng ta.

Phản ứng định hướng là một tặng phẩm của thiên nhiên cho con người, một trong những cơ chế thích nghi then chốt. Phản ứng định hướng có hiệu quả làm cho con người nhạy cảm để thu nhiều tin tức hơn như để thấy và nghe tốt hơn. Nó làm cho cơ bắp sẵn sàng sử dụng ngay nếu cần thiết. Nói tóm lại, nó chuẩn bị cho con người chiến đấu hoặc chạy trốn. Mỗi phản ứng định hướng đều cần có năng lượng để hoạt động.

Như thế một kết quả của phản ứng định hướng là gửi năng lượng đi trước chạy qua thân thể. Năng lượng đã chứa nằm trong những chỗ cơ bắp và tuyến mồ hôi. Khi các xung hệ thống thần kinh phản ứng lại cái mới lạ, các túi khớp thần kinh tiết ra một lượng nhỏ adrenalin và nor-adrenalin. Những chất này sẽ thả một phần năng lượng được chứa. Nói tóm lại, mỗi phản ứng định hướng rút năng lượng không phải chỉ từ nguồn

năng lượng giới hạn của cơ thể, mà còn từ bộ giải thoát năng lượng.

Cũng cần phải nhấn mạnh rằng phản ứng định hướng xảy ra không phải chỉ cho những đầu vào giác quan đơn giản. Nó xảy ra khi chúng ta nhận những tư tưởng mới, tin tức mới cũng như là hình ảnh và âm thanh mới. Chuyện tầm phào mới ở văn phòng, một khái niệm thống nhất, một câu nói đùa cũng có thể kích nó. Phản ứng định hướng càng mạnh khi một biến cố hoặc sự việc mới thách thức toàn bộ quan điểm thế giới đã được nhận thức trước của một người. Được cho một ý thức hệ phức tạp, công giáo chủ nghĩa hoặc bất kỳ cái gì, chúng ta nhanh chóng nhận ra ngay những phần tử quen thuộc, và điều này làm cho chúng ta cảm thấy dễ chịu. Thực vậy, các ý thức hệ có thể được xem như là cái tủ hồ sơ thần kinh với những ngăn sẵn sàng nhận số liệu mới. Do đó, các ý thức hệ dùng làm giảm cường độ và tần số của phản ứng định hướng.

Chỉ khi một sự việc mới không phù hợp, khi nó chống lại việc xếp hồ sơ, thì khi đó phản ứng định hướng mới xảy ra. Một thí dụ cổ điển là một tín đồ được dạy dỗ để tin vào lòng bác ái của Thượng đế và người này thành linh đối diện với sự việc gì đó giống như có quỷ sứ. Cho đến khi có sự việc mới có thể hoà giải hoặc quan điểm thế giới của anh ta thay đổi, anh ta bị kích động và lo lắng.

Phản ứng định hướng quá mạnh đến nỗi chúng ta cảm thấy như trút được gánh nặng khi nó chấm dứt. Do đó, cái mới gây ra hoạt động bùng nổ trong cơ thể, nhất là hệ thống thần kinh. Phản ứng định hướng giống như đèn nháy trong cơ thể ta, với tốc độ được xác định bởi những gì đang xảy ra ngoài cơ thể ta. Con người và môi trường đang ở trong tình trạng tác động lẫn nhau liên tục.

PHẢN XẠ THÍCH NGHI

Trong khi cái mới lạ trong môi trường làm tăng hoặc giảm tốc độ phản ứng định hướng xảy ra, một số điều kiện mới gây ra những phản ứng mạnh hơn. Chúng ta đang lái xe trên con đường lớn, nghe đài phát thanh và bắt đầu mơ mộng. Thình lình, một chiếc xe tăng tốc vượt qua ép chúng ta đi chệch hướng ra khỏi phần đường của ta. Chúng ta phản ứng một cách tự động, hầu như ngay lập tức, và phản ứng định hướng rất rõ ràng. Chúng ta có thể cảm thấy tim đập mạnh và tay run. Cần phải một lúc trước khi sự căng thẳng lắng xuống.

Những gì sẽ xảy ra nếu nó không lắng xuống? Việc gì xảy ra khi chúng ta bị đặt vào trong tình hình đòi hỏi các phản ứng tâm lý và vật lý phức tạp và áp lực tình hình giữ nguyên? Thí dụ việc gì xảy ra khi một đứa con của chúng ta bị ốm nặng? Việc gì xảy ra khi chúng ta sốt ruột chờ cú

làm ăn to?

Những tình hình như thế không thể xử lý bằng năng lượng do phản ứng định hướng cung cấp, đối với những tình hình như thế, chúng ta có cái có thể được gọi là “phản xạ thích nghi”. Phản xạ thích nghi có liên quan mật thiết với phản ứng định hướng. Thực vậy, hai qui trình gắn bó với nhau đến nỗi phản ứng định hướng có thể được xem như là một phần, hoặc là giai đoạn đầu của phản xạ thích nghi rộng lớn hơn và phức tạp hơn. Nhưng trong khi phản ứng định hướng chủ yếu dựa trên hệ thống thần kinh, phản xạ thích nghi phụ thuộc nhiều vào các tuyến nội tiết và hóc môn bắn vào trong máu. Đường phòng thủ đầu tiên là thần kinh, đường thứ hai là hóc môn.

Khi cá nhân bị buộc phải thích nghi liên tục với cái mới, và đặc biệt khi họ bị buộc phải thích nghi với một số tình hình liên quan đến xung đột và mơ hồ, một tuyến to như hạt đậu được gọi là tuyến yên tiết ra một số chất. Một trong những chất này là ACTH đi đến Adrenal. Chất này bị tạo ra chất Corticosteroid. Khi những chất này được tiết ra, chúng tăng quy trình trao đổi chất trong cơ thể. Chúng làm tăng huyết áp. Chúng đưa chất chống viêm vào trong máu để chống lại nhiễm trùng tại nơi có vết thương. Chúng biến chất mỡ và prôtêin thành năng lượng phân tán, như thế đã gõ vào bể dự trữ năng lượng của cơ thể. Phản xạ thích nghi cung cấp dòng năng lượng có hiệu

210

nghiệm và kéo dài hơn năng lượng của phản ứng định hướng.

Phản xạ thích ứng cần nhiều thời gian để hình thành và nó kéo dài lâu hơn, nhưng nó xảy ra vô số lần trong một ngày đáp ứng mọi thay đổi trong môi trường xã hội và vật lý của chúng ta, phản xạ thích ứng được biết dưới tên là “Stress” có thể được gây ra bởi những dịch chuyển và thay đổi trong môi trường tâm lý xung quanh chúng ta. Lo lắng, bối rối, xung đột, mơ hồ, sung sướng, vui vẻ, tất cả đều bắt nhà máy ACTH làm việc. Chính việc đoán trước sự thay đổi có thể khởi động phản xạ thích nghi. Nhu cầu thay đổi cách sống một người, đổi việc cũ cho việc mới, áp lực xã hội, dịch chuyển trạng thái, biến đổi lối sống, bất kỳ cái gì bắt buộc chúng ta đối đầu với điều không biết đều có thể khởi động phản xạ thích ứng.

Bác sĩ Lennart Levi, giám đốc phòng thí nghiệm Stress lâm sàng tại Bệnh viện Karolinske ở Stockholm, đã cho thấy rằng ngay cả những thay đổi nhỏ trong môi trường tình cảm hoặc trong mối quan hệ con người có thể tạo ra những thay đổi đáng chú ý trong hoá chất cơ thể. Stress thường được đo theo lượng Corticosteroid và Catecholamine có trong máu và nước tiểu. Trong một loạt thí nghiệm Levi sử dụng phim để tạo ra cảm xúc và vẽ những thay đổi hoá chất.

Một nhóm nam sinh viên y khoa được xem phim giết người, đánh nhau, tra tấn, hành hình

và đối xử độc ác với thú vật. Chất adrenalin trong nước tiểu của họ tăng lên trung bình 70% khi được đo trước và sau. Noradrenalin tăng trung bình 35%. Tiếp đến một nhóm phụ nữ trẻ làm việc ở văn phòng được cho xem 4 phim trong 4 đêm. Phim đầu tiên là du lịch thám hiểm nhẹ nhàng. Họ cảm thấy thanh thản và điềm tĩnh, chất Catecholamine giảm. Đêm thứ hai họ xem phim *Con đường vinh quang* và họ báo cáo là bị kích thích và tức giận mãnh liệt. Adrenaline vọt lên bất ngờ. Đêm thứ ba họ xem phim *Đi của Charley* và cười vang. Mặc dù có cảm giác vui vẻ và không có các cảnh bạo động, chất Catecholamine của họ vẫn tăng đáng kể. Đêm thứ tư họ xem phim "*Mặt nạ con quỷ*", một phim khủng khiếp rùng rợn. Như đã được đoán trước, chất Catecholamine quá nặng. Nói tóm lại, phản ứng tình cảm được theo sau bởi hoạt động Adrenal.

Các nhà sinh thái học và chuyên viên đã tổng hợp bằng chứng rằng chuột, nai và người bị Stress nặng cho thấy khả năng sinh sản thấp hơn những nhóm kiểm soát Stress thấp. Việc phản ứng định hướng và phản xạ thích nghi bị kích thích liên tục, bằng việc làm quá tải hệ thống thần kinh và nội tiết, là có liên quan đến những căn bệnh và vấn đề vật lý khác. Sự thay đổi nhanh trong môi trường khiến cho việc sử dụng liên tục năng lượng cung cấp của cơ thể. Điều này đưa đến việc tăng nhanh sự trao đổi chất mỡ. Sau

đấy, chất này tạo ra những khó khăn nghiêm trọng cho bệnh đái đường. Ngay cả cảm lạnh thông thường đã làm cho thấy bị ảnh hưởng bởi tốc độ thay đổi trong môi trường.

Nói tóm lại, nếu chúng ta hiểu được dây biến cố sinh học được tạo ra bởi những cố gắng của chúng ta để thích nghi sự thay đổi và mới lạ, chúng ta có thể bắt đầu hiểu được tại sao sức khoẻ và thay đổi đường như gắn chặt với nhau. Những nghiên cứu hiện nay về thay đổi đời sống hoàn toàn tương hợp với những nghiên cứu hiện nay về nội tuyến và tâm lý học thực nghiệm. Rõ ràng là không thể gia tăng tốc độ thay đổi trong xã hội, hoặc làm tăng tỷ lệ mới lạ trong xã hội mà không làm thay đổi trong hoá chất cơ thể của dân số. Bằng việc làm tăng nhịp điệu thay đổi khoa học, kỹ thuật và xã hội, chúng ta đang làm xáo trộn độ ổn định hoá học và sinh học của nhân loại.

Có những thứ tệ hơn cả bệnh tật, đó là không ai có thể sống mà không trải qua một số mức độ Stress. Để giảm phản ứng định hướng, phản xạ thích nghi sẽ làm giảm tất cả thay đổi, gồm cả sự phát triển, sự lớn lên, sự trưởng thành. Thay đổi không những chỉ cần thiết cho cuộc sống, mà nó còn chính là cuộc sống. Thêm vào đó, cuộc sống là thích nghi.

Tuy nhiên, có giới hạn về khả năng thích nghi. Khi chúng ta thay đổi lối sống của chúng ta,

khi chúng ta tạo ra và cắt đứt mối quan hệ với đồ vật, nơi chốn và con người, khi chúng ta di chuyển không ngừng qua địa lý tổ chức của xã hội, khi chúng ta biết tin tức mới và tư tưởng, chúng ta thích nghi, chúng ta sống. Thế nhưng có những giới hạn, chúng ta không phải là đàn hồi vô tận. Mỗi phản ứng định hướng, mỗi phản xạ thích ứng đều bắt phải trả giá, làm tiêu hao dần bộ máy cơ thể từng tí một cho đến khi có sự hư hỏng mô thần kinh.

Như thế cuối cùng con người giữ nguyên những gì họ bắt đầu như từ lúc ban đầu: một hệ thống sinh học với khả năng giới hạn đối với thay đổi. Khi khả năng này bị áp đảo, hậu quả là cú sốc tương lai.

Chương 16

CÚ SỐC TƯƠNG LAI: CHIỀU TÂM LÝ

Nếu cú sốc tương lai là vấn đề riêng về bệnh tật, có thể dễ dàng phòng và chữa bệnh hơn. Nhưng cú sốc tương lai cũng tấn công cả tinh thần. Cũng giống như cơ thể bị tổn thương dưới sự căng thẳng do kích thích quá độ của môi trường, trí óc và những qui trình quyết định của nó hoạt động thất thường khi quá tải. Bằng việc chạy không hề phân biệt động cơ thay đổi, chúng ta có thể đang làm hao mòn không chỉ sức khỏe

của những người thích ứng kém nhất, mà còn làm hao mòn khả năng hành động hợp lý của chính họ.

Những dấu hiệu nổi bật về sự suy sụp hỗn loạn xung quanh chúng ta - việc sử dụng tràn lan ma túy, sự nổi lên của thuyết thần bí, những bột phát tái diễn về phá hoại văn hoá và bạo động không có hướng dẫn, thuyết hư vô và nổi loạn tiếc quá khứ, sự thờ ơ bệnh hoạn của hàng triệu người - có thể được hiểu rõ hơn bằng việc nhận ra mối quan hệ của chúng với cú sốc tương lai. Những dạng phi lý xã hội này có thể phản ánh đúng sự rối loạn về việc lấy quyết định cá nhân dưới những điều kiện kích thích quá độ của môi trường.

Các nhà tâm sinh lý nghiên cứu tác động của thay đổi trên những cơ thể khác nhau đã chứng tỏ rằng sự thích nghi thành công chỉ có thể xảy ra khi mức độ kích thích - lượng thay đổi và mối lạ trong môi trường - là không thấp quá hoặc không cao quá. Giáo sư D.E.Berlyne của Trường đại học Toronto nói: "Hệ thống thần kinh trung ương của một động vật cấp cao được thiết kế để đối phó với môi trường tạo ra một tỷ lệ kích thích nào đó. Nó sẽ không thể hoạt động tốt nhất trong một môi trường làm nó quá tải". Ông ta cũng có cùng nhận xét về môi trường kích thích quá thấp của hệ thống thần kinh trung ương. Thực vậy, những thí nghiệm với nai, chó, chuột

và người tất cả đều hướng về sự hiện diện của cái có thể được gọi là “khoảng thích nghi”, trên hay dưới khoảng đó thì khả năng đối phó của con người giảm sút.

Cú sốc tương lai là sự đáp lại đối với kích thích quá độ. Nó xảy ra khi cá nhân bị bắt buộc phải hoạt động của sự thay đổi không đủ trên khả năng đối phó của con người giảm sút.

Cú sốc tương lai là sự đáp lại đối với kích thích quá độ. Nó xảy ra khi cá nhân bị bắt buộc phải hoạt động trên khoảng thích nghi của họ. Đã có nghiên cứu về tác động của sự thay đổi không đủ trên khả năng con người. Những nghiên cứu về người sống ở cực bắc, thí nghiệm về việc mất giác quan, điều tra chất lượng công việc ở nhà máy, tất cả đều cho thấy sự giảm sút về khả năng vật lý và tinh thần đối với sự kích thích quá thấp. Chúng ta có ít số liệu trực tiếp về tác động của kích thích quá độ, nhưng những bằng chứng như thế gây ấn tượng sâu sắc và làm rối loạn.

CÁ NHÂN BỊ KÍCH THÍCH QUÁ ĐỘ

Những người lính trong chiến tranh thường thấy họ bị kẹt trong những môi trường đang thay đổi nhanh, không quen thuộc và không đoán trước được. Đạn đại bác nổ khắp nơi. Tiếng đạn rít thât thường. Pháo sáng thấp sáng bầu trời. Tiếng la hét, tiếng rên rĩ và tiếng nổ ù tai. Bối cảnh thay

216

đổi nhanh. Để sống sót trong những môi trường kích thích quá độ như thế, người lính buộc phải hoạt động trong mức cao nhất của khoảng thích nghi của anh ta. Đôi khi anh ta bị đẩy vượt quá giới hạn đó.

Trong chiến tranh thế giới thứ II, một người lính Chindit trong lực lượng của tướng Wingate đang sau tuyến người Nhật ở Miến Điện, đã lăn ra ngủ khi đạn súng máy vãi xung quanh anh ta. Điều tra sau đấy cho thấy người lính này không phải chỉ phản xạ đối với sự mệt mỏi của cơ thể hoặc thiếu ngủ, mà là sự đầu hàng đối với cảm giác thờ ơ không chế ngự được.

Sự mệt mỏi đến chết rất phổ biến trong các nhóm du kích thâm nhập sau phòng tuyến của địch, mà các bác sĩ quân y người Anh đã đặt cho nó một cái tên là “Sự căng thẳng do thâm nhập vào sâu”. Một người lính ở trạng thái này trở nên bất lực khi làm một việc đơn giản nhất và dường như anh ta có trí óc của một đứa bé. Sự thờ ơ chết người này không phải chỉ hạn chế đối với các nhóm du kích. Một năm sau vụ Chindit, những dấu hiệu tương tự đã xảy ra hàng loạt cho đội quân tấn công Normandie, và các nhà nghiên cứu người Anh, sau khi khảo sát 5.000 người thương vong Anh, Mỹ, đã kết luận rằng căn bệnh thờ ơ kỷ lạ này chỉ là giai đoạn cuối cùng trong một quy trình phức tạp về sự sụp đổ tâm lý.

Sự rối loạn tinh thần thường bắt đầu bằng

sự mệt mỏi. Sau đó là sự nhầm lẫn và tính dễ bị kích thích thần kinh. Con người trở thành siêu nhạy cảm với những kích thích nhẹ nhất xung quanh họ. Họ có dấu hiệu hoang mang. Họ dường như không thể phân biệt tiếng súng nào là của địch, tiếng súng nào là của ta. Họ trở nên căng thẳng, lo lắng, và dễ nổi giận. Đồng đội của họ không bao giờ biết khi nào họ nổi giận vì một sự bất tiện nhỏ.

Sau đó là giai đoạn cuối cùng của sự kiệt sức tình cảm. Người lính dường như mất cả ý chí sống. Anh ta bỏ đánh nhau để tự cứu lấy mình, để tự rút lui khỏi chiến trường. Anh ta trở nên uể oải và thờ ơ, tinh thần và thể chất chậm chạp, lo lắng. Ngay cả khuôn mặt anh cũng ta trở nên thần thờ và lãnh đạm. Cuộc chiến đấu để thích nghi đã chấm dứt trong thất bại. Giai đoạn rút lui hoàn toàn đã đạt đến.

Khi bị ném vào những điều kiện thay đổi và mới lạ cao như hoả hoạn, lụt lội, động đất và những thiên tai khác, con người sẽ hành động một cách vô lý chống lại chính quyền lợi riêng của họ. Ngay cả những người ổn định nhất và bình thường nhất, thể chất không bị tổn thương, cũng bị lôi cuốn vào trạng thái chống lại sự thích nghi. Thường bị lâm vào tình trạng nhầm lẫn và đần độn, họ dường như không thể thực hiện được quyết định có lý cơ bản nhất.

Trong thiên tai cũng như trong chiến tranh,

cá nhân có thể bị áp đảo về tâm lý. Nguồn áp đảo đến từ sự kích thích môi trường quá cao. Nạn nhân của thiên tai thấy họ thành linh bị kẹt trong một tình hình mà ở đó đồ vật và quan hệ quen thuộc bị biến đổi. Nơi có nhà cửa của họ thì nay chỉ còn đồng gạch vụn bốc khói. Môi trường đầy thay đổi và mới lạ. Và phản ứng dĩ nhiên là sự nhầm lẫn, sự lo lắng, sự cấu kỉnh và sự thờ ơ.

Cú sốc văn hoá, sự mất phương hướng nặng nề mà người du lịch gặp phải khi họ đi vào một nền văn hoá lạ, là thí dụ thứ ba về sự suy nhược thích nghi. Trong vấn đề này, chúng ta không thấy các yếu tố rõ ràng như của chiến tranh hoặc thiên tai. Quang cảnh có thể hoàn toàn yên tĩnh và an toàn. Thế nhưng tình hình đòi hỏi sự thích nghi lặp đi lặp lại đối với những hoàn cảnh mới. Cú sốc văn hoá là một hình thức về sự điều chỉnh cá tính lệch lạc, đó là phản ứng của sự cố gắng không thành công tạm thời để điều chỉnh cho hợp với môi trường và con người mới.

Người bị cú sốc văn hoá, giống như người lính hoặc nạn nhân thiên tai, bị bắt buộc phải đối phó với những biến cố, quan hệ, đồ vật không quen thuộc và không đoán trước được. Những cách theo thói quen của họ và việc thực hiện các việc hoàn toàn không còn phù hợp. Cái xã hội xa lạ tự nó đang thay đổi rất chậm chạp, thế nhưng đối với họ thì tất cả đều mới. Tín hiệu, âm thanh có thể hiểu được ý nghĩa. Toàn bộ kinh nghiệm dường như có

về siêu hiện thực. Mỗi lời nói, hành động đều được thực hiện với sự mơ hồ.

Trong bối cảnh đó, sự mệt mỏi đến nhanh hơn bình thường. Cùng với điều đó, người du lịch bước sang một nền văn hoá khác thường chịu một cảm giác chủ quan về sự mất mát, sự cô lập và sự cô đơn. Việc không đoán trước được do cái mới gây ra sẽ phá hoại ý thức về thực tế của họ. Như thế, họ mong mỏi một môi trường mà trong đó sự hài lòng về những nhu cầu tâm lý và thể chất quan trọng có thể đoán trước được và ít mơ hồ hơn. Họ trở nên lo lắng, nhăm lẩn và thường thờ ơ. Thực vậy, cú sốc văn hoá có thể được xem như là một phản ứng đối với Stress gây ra bởi sự rút lui tình cảm và tri thức.

Rất khó hiểu được những nguyên nhân của sự suy nhược thái độ dưới những Stress khác nhau mà không biết đến những tương tự của chúng. Chắc chắn có sự khác nhau giữa một người lính đang đánh nhau, một nạn nhân thiên tai và một người đi du lịch bị cú sốc văn hoá, cả ba đều đối diện với sự thay đổi nhanh, cái mới cao, hoặc cả hai. Cả ba đều phải thích nghi nhanh và liên tục đối với sự kích thích không đoán trước được. Và giống nhau ở chỗ là cả ba đều đối phó với sự kích thích quá độ.

Đầu tiên, chúng ta có cùng bằng chứng về sự nhăm lẩn, sự mất phương hướng và sự sai lệch về thực tế. Thứ hai, có cùng dấu hiệu về sự mệt mỏi,

lo lắng, căng thẳng, hoặc sự oán giận cực độ. Thứ ba, trong tất cả mọi trường hợp đều có sự thờ ơ thoái lui tình cảm.

GIÁC QUAN BỊ TẤN CÔNG

Chúng ta biết quá ít về hiện tượng này để giải thích tại sao sự kích thích quá độ dường như tạo ra thái độ không thích ứng. Thế nhưng chúng ta sẽ hiểu được vấn đề nếu chúng ta công nhận rằng sự kích thích quá độ có thể xảy ra ít nhất ở ba cấp khác nhau: giác quan, tri thức và quyết định.

Cấp dễ hiểu nhất là giác quan. Những thí nghiệm tước bỏ giác quan với những người tự nguyện bị cắt đứt khỏi sự kích thích bình thường của giác quan họ, đã cho thấy rằng sự vắng mặt của tác nhân kích thích về giác quan nhận biết cái mới có thể đưa đến sự hoang mang và chức năng thần kinh rối loạn.

Ngoài ra, sự đưa vào chất tác nhân kích thích giác quan lộn xộn, không có dạng gì cả hoặc rối loạn cũng có cùng hậu quả tương tự. Chính vì thế mà việc tẩy não chính trị hoặc tôn giáo không những chỉ dùng phương pháp tước bỏ giác quan (thí dụ: giam biệt lập), mà còn dùng phương pháp tấn công giác quan như ánh sáng chớp nhanh, các dạng màu dịch chuyển nhanh, hiệu ứng âm thanh lộn xộn.

Sự cuồng tín và thái độ kỳ quặc của một số

hippi không chỉ do từ việc nghiện ma túy, mà còn từ việc thí nghiệm tập thể với cả sự tước bỏ giác quan và tấn công giác quan. Ở thái cực khác, chúng ta chú ý những ánh mắt dò dẫm và tê liệt, những khuôn mặt ngây ra của đám đông thanh niên tham dự nhạc Rock, nơi mà ánh sáng chớp nháy, màn ảnh mập mờ, tiếng hét, tiếng rên, tiếng hét cao độ, quần áo kỳ quái, những thân thể màu mè quần vẹo tạo ra môi trường giác quan được mô tả bằng đặc tính kích thích cao và môi lạ.

Khả năng cơ thể đối phó với đầu vào giác quan phụ thuộc vào cấu trúc sinh lý của nó. Tính chất của các giác quan và tốc độ mà xung chạy đến hệ thống thần kinh xác định những giới hạn sinh học về lượng số liệu cảm giác nó có thể chấp nhận được. Nếu chúng ta xem xét tốc độ truyền tín hiệu trong các cơ quan khác nhau, chúng ta thấy rằng mức tiến triển càng thấp thì sự di chuyển càng chậm. Thí dụ, trong quả trứng nhím biển là loại không có hệ thống thần kinh, tín hiệu di chuyển dọc theo màng với tốc độ chừng 1 cm/giờ. Rõ ràng với tốc độ như thế, cơ quan chỉ có thể phản ứng một phần rất giới hạn của môi trường. Đối với sứa là loại có hệ thống thần kinh thô sơ, tín hiệu truyền với tốc độ 36.000 lần nhanh hơn: 10 cm/giây. đối với loại côn trùng và tôm cua, xung thần kinh là 1.000 chu kỳ/giây. Đối với loại khỉ, vượn... tốc độ xung đạt đến 10.000 chu kỳ /giây. Đó là lý do tại sao nói con người là loại thích nghi

222

nhất trong các sinh vật.

Thế mà với tốc độ truyền xung thần kinh chừng 30.000 chu kỳ/giây, những giới hạn của hệ thống vẫn áp đặt được. Những giới hạn của các giác quan và hệ thống thần kinh có nghĩa là nhiều biến cố môi trường xảy ra với tốc độ quá nhanh để chúng ta có thể theo kịp, chúng ta bị biến thành loại lấy mẫu kinh nghiệm. Khi các tín hiệu đến với chúng ta đều đặn và lặp đi lặp lại, qui trình lấy mẫu này có thể tạo ra hình ảnh thực tế dự đoán được, độ chính xác của hình ảnh bị giảm xuống. Hình ảnh thực tế bị sai lệch. Điều này có thể giải thích tại sao khi chúng ta chịu sự kích thích giác quan quá độ, chúng ta bị nhầm lẫn biểu hiện bằng sự mờ ảo của đường ranh giới giữa ảo tưởng và thực tế.

LƯỢNG TIN TỨC QUÁ TẢI

Nếu sự kích thích quá độ ở cấp giác quan làm tăng độ sai lệch mà với nó chúng ta nhận thức thực tế thì sự kích thích tư duy quá độ gây trở ngại cho khả năng suy nghĩ của chúng ta. Trong khi một số phản ứng của con người đối với cái mới là vô tình, một số khác được đi trước bởi sự suy nghĩ có ý thức, và điều này phụ thuộc vào khả năng của chúng ta về việc tiếp thu, khai thác, đánh giá và lưu giữ tin tức.

Đặc biệt thái độ hợp lý phụ thuộc vào dòng số liệu liên tục từ môi trường. Nó phụ thuộc vào

khả năng của cá nhân để tiên đoán kết quả hành động của họ ít nhất là ở mức có thể chấp nhận được. Để làm điều này, có thể phải tiên đoán môi trường sẽ phản ứng lại hành động của họ như thế nào. Sự lành mạnh tinh thần xoay quanh khả năng con người để dự đoán tương lai cá nhân ngay lập tức trên cơ sở tin tức được môi trường cung cấp.

Khi cá nhân chìm trong một tình hình thay đổi bất thường và nhanh chóng, hoặc một bối cảnh đầy mới lạ, thì sự chính xác tiên đoán của họ biến mất ngay. Họ không còn có thể đánh giá chính xác điều mà thái độ hợp lý phụ thuộc. Để cân bằng việc này, để đưa độ chính xác về lại mức bình thường, họ phải lấy và xử lý thêm nhiều tin tức hơn trước. Và họ phải làm điều này với tốc độ cực nhanh. Tóm lại, môi trường càng thay đổi và mới bao nhiêu thì con người cần nhiều tin tức bấy nhiêu để xử lý lấy quyết định hợp lý và có hiệu quả.

Thế nhưng cũng giống như có giới hạn ở cấp giác quan, có sự kiềm chế về khả năng xử lý tin tức của chúng ta. Bằng việc sắp xếp lại tin tức, bằng việc trừu tượng hoá và đánh số tin tức theo những cách khác nhau, chúng ta tìm cách kéo dài những giới hạn ngoài cùng này, các nhà tâm lý và lý thuyết thông tin đã thử nghiệm cái mà họ gọi là “dung lượng kênh” của cơ thể con người. Vì lý do thí nghiệm, họ xem con người như là một kênh thông tin. Tin tức từ bên ngoài vào kênh và nó

được xử lý. Kết quả là hình thức hành động dựa trên quyết định. Tốc độ và độ chính xác của xử lý tin tức của con người có thể được đo bằng cách so sánh tốc độ đầu vào tin tức với tốc độ và độ chính xác đầu ra.

Tin tức được định nghĩa theo kỹ thuật và được đo theo đơn vị gọi là “bít”. Cho đến bây giờ, những thí nghiệm đã xác định được tốc độ cho việc xử lý liên quan đến nhiều công việc như đọc, đánh máy, chơi đàn pianô, quay số điện thoại, làm phép cộng số học. Các nhà nghiên cứu nhất trí với nhau về hai nguyên lý cơ bản: thứ nhất, con người có khả năng giới hạn, thứ hai, việc làm quá tải hệ thống đưa đến sự suy sụp nghiêm trọng về khả năng.

Thí dụ: một công nhân trong một nhà máy sản xuất khối đồ chơi trẻ con bằng dây chuyền sản xuất. Công việc của anh ta là bấm nút khi một khối màu đỏ chạy qua trên băng tải. Chừng nào mà băng tải di chuyển với tốc độ vừa phải, anh ta không gặp khó khăn. Hiệu suất của anh ta gần 100% về độ chính xác. Chúng ta biết rằng nếu tốc độ quá chậm, đầu óc anh ta sẽ nghĩ vớ vẩn và hiệu suất của anh ta sẽ giảm. Nếu tốc độ băng tải quá nhanh, anh ta sẽ dao động, bỏ sót, nhầm lẫn tăng lên. Anh ta dường như căng thẳng và cáu gắt. Ngay cả anh ta có thể đá vào máy do thất vọng. Cuối cùng, anh ta bỏ cuộc.

Trường hợp sau đây thì tin tức đơn giản

nhưng công việc phức tạp hơn. Các khối chạy trên băng tải có nhiều màu khác nhau. Nhiệm vụ của anh ta là bấm nút khi có dạng màu nào đó xuất hiện, thí dụ 1 khối màu vàng, rồi 2 khối màu đỏ, và 1 khối màu xanh. Trong nhiệm vụ này anh ta phải lấy và xử lý tin tức nhiều hơn trước khi anh ta quyết định bấm nút. Anh ta sẽ gặp khó khăn phải theo kịp khi tốc độ băng tải gia tăng.

Hai thí dụ trên cho thấy khi nào anh ta phải bấm nút. Thí dụ sau đây bắt buộc anh ta phải bấm nút nào. Nhiệm vụ của anh ta là, nếu dạng màu vàng - đỏ - đỏ - xanh thì bấm 3 lần nút số 6, v.v... Những việc như thế đòi hỏi người công nhân xử lý một số lượng lớn số liệu để thực hiện nhiệm vụ của mình. Nếu tăng tốc băng tải sẽ phá huỷ độ chính xác của anh ta nhanh hơn.

Những thí nghiệm giống như trên đã được thực hiện và cho cùng kết quả. Thí dụ: ánh sáng chớp nháy, âm nhạc, thư từ, ký hiệu, chữ, nói v.v... Kết quả cho thấy dù là công việc gì, có tốc độ mà công việc không thực hiện được, không phải chỉ vì không có sự khéo tay của cơ bắp. Tốc độ cao nhất do thần kinh áp đặt, chứ không phải do sự hạn chế cơ bắp. Những thí nghiệm này cũng cho thấy rằng số tiến trình hành động càng lớn bao nhiêu thì sự quyết định và thực hiện càng lâu bấy nhiêu.

Rõ ràng những kết quả này có thể giúp chúng ta hiểu được một vài dạng rối loạn tâm lý.

Người quản lý bị khó chịu bởi những đòi hỏi cho các quyết định phức tạp, liên tục và nhanh; học trò bị ngập trong sự việc và các bài kiểm tra liên tục; các bà nội trợ đương đầu với sự náo loạn của trẻ con, máy giặt hỏng, điện thoại reo... Những người này có thể thấy khả năng của họ suy nghĩ và hành động rõ ràng không phù hợp với làn sóng tin tức xâm chiếm giác quan của họ. Những người này cũng giống như người lính đang đánh nhau, nạn nhân thiên tai, người du lịch bị cú sốc văn hoá, tất cả đều bị lượng tin tức quá tải ảnh hưởng.

Nói tóm lại, sự suy sụp về năng suất của con người dưới ảnh hưởng của lượng tin tức quá tải có thể liên quan đến bệnh học tâm lý trong những cách mà chúng ta chưa khai thác. Mặc dù chưa hiểu được tác động tiềm tàng của nó, chúng ta đang gia tốc sự thay đổi trong xã hội. Chúng ta đang bắt mọi người thích nghi với nhịp sống mới, đối đầu với những tình hình mới và phải làm chủ chúng trong một khoảng thời gian rất ngắn. Chúng ta đang bắt họ phải chọn những khả năng khác nhau đang tăng theo cấp số nhân. Nói cách khác, chúng ta đang bắt họ phải xử lý tin tức với tốc độ nhanh hơn trong những xã hội đang tiến triển chậm chạp. Không nghi ngờ gì là chúng ta đang áp đặt vào một số người trong họ sự kích thích tư duy quá độ. Xã hội công nghiệp sẽ phải chịu hậu quả gì về mặt tinh thần.

STRESS VỀ QUYẾT ĐỊNH

Dù chúng ta có đang áp đặt lượng tin tức quá tải hay không cho con người, thì chúng ta đang tác động tới thái độ của họ bằng cách áp đặt cho họ một dạng thứ ba về sự kích thích quá độ - Stress về quyết định. Nhiều cá nhân bị kẹt trong môi trường thay đổi chậm đã phải bỏ đi tìm việc mới cần họ quyết định nhanh hơn và phức tạp hơn. Nhưng đối với những người tương lai, vấn đề lại đảo ngược. “Quyết định, quyết định...” họ nói lầm bầm khi họ chạy theo hết việc này đến việc khác. Lý do họ cảm thấy bị quấy rầy và lúng túng là sự nhất thời, sự mới lạ và sự đa dạng đặt ra những đòi hỏi mâu thuẫn và như thế đặt họ vào trong sự trói buộc đau khổ gấp đôi.

Sức đẩy gia tăng và tính nhất thời bắt buộc chúng ta làm nhanh nhịp điệu lấy quyết định riêng và công. Những nhu cầu mới, những vấn đề và khủng hoảng mới đòi hỏi đáp ứng nhanh. Thế nhưng chính cái mới trong các tình huống gây ra sự thay đổi cách mạng trong tính chất của quyết định mà họ được yêu cầu phải làm. Sự đưa nhanh cái mới vào môi trường làm đảo lộn sự cân bằng tinh tế giữa quyết định “được chương trình hoá” và “không được chương trình hoá” trong tổ chức của chúng ta và trong cuộc sống riêng của chúng ta.

Một quyết định chương trình hoá là quyết

định hay làm hàng ngày, lặp đi lặp lại và dễ dàng được ban ra. Người đi xe vé tháng hàng ngày đúng 8 giờ 5 phút là bước lên tàu. Đã quyết định từ lâu 8 giờ 5 phút là chuyển thích hợp nhất trong các giờ tàu chạy, quyết định hiện nay dễ lên tàu vào giờ đấy đã được chương trình hoá. Nó dường như là một phản xạ hơn là một quyết định. Tiêu chuẩn mà quyết định dựa vào là đơn giản và rõ ràng, và vì tất cả tình huống đều quen thuộc, anh ta rất hiếm khi phải nghĩ về nó. Anh ta không được yêu cầu xử lý quá nhiều tin tức. Theo nghĩa này, quyết định chương trình hoá là thấp theo giá tâm lý.

Trên đường đi đến thành phố, người đi xe vé tháng một ngày nào đó phải suy nghĩ xem có nên nhận việc làm mới do công ty đề nghị không? Anh ta có nên mua nhà mới không? Làm thế nào để Ban quản lý chấp nhận đề nghị của anh ta về một chiến dịch quảng cáo mới? Những câu hỏi như thế đòi hỏi những câu trả lời đột xuất. Chúng buộc anh ta phải lấy quyết định một lần đầu. Một số lượng lớn tin tức phải được xử lý. Những quyết định này là không chương trình hoá. Chúng cao theo giá tâm lý.

Đối với mỗi người chúng ta, cuộc sống là sự trộn lẫn cả hai. Nếu sự trộn lẫn quá cao trong những quyết định chương trình hoá, chúng ta không bị thách thức? Chúng ta thấy cuộc sống chán nản và không có hiệu lực. Chúng ta tìm mọi cách để đưa cái mới vào cuộc sống của chúng ta,

như thế là thay đổi sự trộn lẫn quyết định. Nhưng nếu sự trộn lẫn này quá cao trong những quyết định không chương trình hoá, nếu chúng ta gặp phải nhiều tình hình mới mà chương trình trở thành bất lực, cuộc sống trở thành lộn xộn, mệt mỏi và đầy lo lắng. Bị đẩy đến cực độ, điểm cuối cùng là chứng loạn tinh thần.

Khi không thể lập chương trình cho cuộc sống của mình thì chúng ta đau khổ. Vì trừ phi chúng ta lập chương trình kéo dài thái độ của chúng ta, chúng ta phí phạm số lượng lớn về khả năng xử lý tin tức. Đây là lý do tại sao chúng ta phải thành lập thói quen. Hãy xem một cuộc họp nghỉ ăn trưa và sau đó quay trở lại cùng phòng: hầu như tất cả mọi người ngồi đúng lại cái ghế mà họ ngồi trước đây, một sự giải thích đơn giản nằm trong sự việc là chương trình đã duy trì khả năng xử lý tin tức. Chọn cùng một ghế ngồi miễn cho ta nhu cầu giám sát và đánh giá những khả năng khác.

Trong một bối cảnh quen thuộc, chúng ta có thể xử lý nhiều vấn đề của cuộc sống chúng ta với các quyết định được chương trình hoá. Sự thay đổi và cái mới đẩy giá tâm lý của việc lấy quyết định lên. Thí dụ khi chúng ta di chuyển đến nơi ở mới, chúng ta buộc phải thay đổi những mối quan hệ cũ và thành lập những thủ tục mới hoặc thói quen. Việc này không thể làm được nếu không bỏ hết các quyết định chương trình hoá trước đây và tạo ra toàn bộ chương trình mới cho các quyết định không

chương trình hoá. Thực vậy, chúng ta được yêu cầu tự đặt chương trình lại.

Tương lai đến dưới dạng thay đổi và mới lạ làm cho những cách giải quyết công việc hàng ngày lỗi thời. Con người đột ngột phát hiện ra rằng những cách giải quyết công việc cũ chỉ làm tăng thêm những lệch lạc trong thái độ chứ không giúp họ giải quyết vấn đề. Những quyết định mới và chưa chương trình hoá được yêu cầu. Nói tóm lại, sự mới lạ làm rồi thêm việc trộn lẫn quyết định, lật đổ sự cân bằng hướng về dạng khó khăn nhất trong việc lấy quyết định.

Có một số người chịu đựng cái mới tốt hơn những người khác. Sự trộn lẫn tối ưu khác nhau cho mỗi người chúng ta. Thế nhưng số lượng và loại quyết định đòi hỏi chúng ta thực hiện lại không nằm dưới sự kiểm soát của chúng ta. Chính xã hội quyết định sự trộn lẫn quyết định mà chúng ta phải lấy và nhịp độ mà chúng ta phải tạo ra chúng. Ngày nay có xung đột ẩn ngầm trong cuộc sống của chúng ta giữa áp lực gia tăng và áp lực cái mới. Một lực bắt chúng ta phải lấy quyết định nhanh trong khi lực kia bắt buộc chúng ta lấy kiểu quyết định khó khăn nhất và tốn thời gian nhất.

Mối lo lắng do sự va chạm đối đầu nay được tăng cường bởi sự đa dạng. Bằng chứng hiển nhiên cho thấy rằng việc tăng số lượng chọn lựa cho cá nhân cũng làm tăng số lượng tin tức họ cần để xử

lý. Những chọn lựa càng nhiều thì thời gian phản ứng càng chậm. Chính sự va chạm đối đầu của 3 nhu cầu không tương hợp nhau này đang sinh ra cuộc khủng hoảng về việc lấy quyết định trong các xã hội công nghiệp. Các áp lực này tổng hợp lại sẽ làm rõ nghĩa chữ “sự kích thích quyết định quá độ” và chúng giúp giải thích tại sao một số đông người trong những xã hội này cảm thấy bị quấy rầy, vô dụng, không có thể lập kế hoạch cho tương lai riêng của họ. Vì sự gia tăng không kiểm soát được về thay đổi khoa học kỹ thuật và xã hội phá vỡ sức mạnh của cá nhân nhằm lấy những quyết định đúng cho số phận riêng của họ.

NẠN NHÂN CỦA CÚ SỐC TƯƠNG LAI

Khi chúng ta kết hợp những ảnh hưởng của Stress quyết định với độ quá tải giác quan và nhận thức, chúng ta tạo ra một dạng chung về sự thích ứng kém của cá nhân. Thí dụ, một phản ứng phổ biến đối với sự thay đổi nhanh là sự từ chối quyết liệt. Chiến lược của người từ chối là ngăn chặn thực tế không được mong muốn. Khi yêu cầu quyết định đạt tới đỉnh cao, họ từ chối nhận tin tức mới. Giống như nạn nhân thiên tai với gương mặt biểu thị sự không tin hoàn toàn, người từ chối cũng không thể chấp nhận bằng chứng của các giác quan của họ. Do đó họ kết luận rằng mọi việc thật sự như nhau, và rằng tất cả bằng chứng thay đổi

232

chỉ là hồi hợt. Họ cảm thấy an toàn trong những câu như “thanh niên luôn luôn nổi loạn”, “không có gì mới trên mặt trái đất”, “càng thay đổi bao nhiêu càng giống như cũ”.

Một nạn nhân không hiểu biết về cú sốc tương lai, họ tự dựng thảm họa cá nhân cho họ. Chiến lược của họ để đối phó sẽ làm tăng sự có thể đúng là khi họ bắt buộc phải thích nghi với sự thay đổi, họ sẽ gặp khủng hoảng cuộc sống ào ạt một lần thay vì một dãy những vấn đề có thể quản lý được.

Chiến lược thứ hai của nạn nhân cú sốc tương lai là chủ nghĩa chuyên môn. Các chuyên viên không ngăn chặn tất cả tư tưởng hoặc tin tức mới. Thay vào đó, họ nỗ lực cố gắng theo kịp với thay đổi - nhưng chỉ trong một lĩnh vực hẹp đặc biệt của cuộc sống. Như thế chúng ta thấy có những bác sĩ, những nhà kinh doanh sử dụng tất cả những đề nghị gì cho cải cách xã hội, chính trị hoặc kinh tế. Bề ngoài thì họ đối phó tốt. Nhưng chính họ đang tạo ra lệch lạc chống lại họ. Họ có thể thức dậy một buổi sáng nào đó và thấy chuyên môn của họ lỗi thời hoặc bị biến đổi vượt quá sự công nhận do những biến cố nổ ra bên ngoài tầm nhìn của họ.

Phản ứng phổ biến thứ ba đối với cú sốc tương lai là sự trở lại ám ảnh về những thủ tục thích nghi thành công trước đây mà bây giờ là không thích hợp. Người trở lại nắm chặt những quyết

định và thói quen được chương trình hoá trước đây của họ với sự tuyệt vọng giáo điều. Thay đổi càng nhiều bao nhiêu, họ lặp lại những cách hành động quá khứ càng tỉ mỉ bấy nhiêu. Quan điểm xã hội của họ là đi ngược lại. Bị cú sốc tương lai ảnh hưởng, hoặc họ đòi hỏi quay trở lại thời vinh quang của những năm xưa kia.

Nếu những người trở lại già mơ tưởng lặp lại các thị trấn nhỏ quá khứ thì những người trở lại trẻ, cánh tả mơ tưởng làm sống lại hệ thống xã hội xưa hơn. Điều đó biểu hiện với công xã nông thôn, sự lãng mạn điển viên trong ảnh ta treo tường và thơ ca của hippy, thần thánh hoá Ché Guevara (biểu tượng của núi và rừng sâu, không phải của môi trường thành phố), sự phụng thờ thái quá xã hội tiền công nghiệp và sự khinh miệt khoa học và kỹ thuật.

Cũng giống như dải băng buộc đầu người Indian của họ, áo choàng không tay thời Edward của họ, ủng da hươu và kính gọng vàng của họ bắt chước những thời đại khác nhau của quá khứ, thì tư tưởng của họ cũng thế. Khủng bố thế kỷ và vô chính phủ cờ đen đột ngột trở nên thịnh hành trở lại. Sự sùng bái Rousseau về người hoang dã quý phái lại nở hoa. Tư tưởng mác - xít cổ xưa chỉ áp dụng tốt cho công nghiệp quá khứ, bị giạt mạnh như sự đáp lại phản xạ bánh chè cho những vấn đề công nghiệp ngày mai. Chủ nghĩa trở lại giả dạng như cách mạng.

Sau cùng, chúng ta có người siêu đơn giản hoá. Với những anh hùng và cơ chế cũ đổ nhào, với đình công, bạo loạn và biểu tình làm đau đớn nhận thức của họ, họ tìm một phương trình rõ ràng giải thích tất cả những cái mới hăm dọa nhận chìm họ. Nắm sai lầm tư tưởng này hay tư tưởng kia, họ trở thành một người tin tưởng tạm thời. Người siêu đơn giản hoá mò mẫm một cách tuyệt vọng, biến mọi tư tưởng mà họ gặp thành sự thích đáng tổng quát. Tối đa hoá lợi nhuận đó là lời giải thích về nước Mỹ. Sự dễ dãi là nguồn gốc của tất cả tội lỗi.

Việc tìm kiếm một giải pháp độc nhất về mặt tri thức có hành động song song. Như thế một sinh viên lo lắng về tương lai, không tin tưởng vào cách sống hiện tại, có thể tìm cách đơn giản hoá sự hiện diện bằng LSD, ma túy.... Một cô gái chưa đến tuổi vị thành niên không thể đối phó với một mớ Stress lộn xộn hàng ngày, có thể chọn hành động siêu đơn giản hoá: có thai. Giống như việc nghiện ma túy, sự mang thai có thể làm phức tạp cuộc đời của cô ta về sau, nhưng hiện tại nó làm tất cả mọi vấn đề của cô ta thành vô nghĩa.

Bạo động là một cách đơn giản loại bỏ những phức tạp về chọn lựa và sự kích thích quá độ. Đối với thế hệ già và Nhà nước thì cảnh sát và quân đội là bài thuốc để chữa sự bất đồng một lần và lâu dài. Những người cực đoan da đen và những người thận trọng da trắng cả hai đều sử dụng bạo động

để làm giảm sự chọn lựa và làm rõ ràng cuộc sống của họ. Vì đối với những người không có một chương trình hiểu được và thông minh, không thể đối phó với cái mới và độ phức tạp của sự thay đổi, khủng bố thay thế cho tư tưởng. Khủng bố không thể lật đổ chế độ, nhưng nó giúp loại bỏ những nghi ngờ.

Hầu hết chúng ta có thể nhanh chóng xác định những dạng thái độ này của người khác mà không hiểu được lý do của chúng. Tuy vậy, các nhà khoa học tin tức đều thừa nhận sự từ chối, sự chuyên môn hoá. Sự trở lại và sự siêu đơn giản hoá là những phương pháp cổ điển để đối phó với quá tải. Tất cả những phương pháp này đều nhằm giúp cho con người trốn thoát sự phức tạp của thực tế. chúng tạo ra những hình ảnh méo mó về thực tế. Con người càng dựa vào những phương pháp này nhiều bao nhiêu thì hành động của họ càng man dại, thất thường và không ổn định bấy nhiêu.

Các nhà khoa học tin tức thừa nhận rằng một số phương pháp trên có thể cần thiết trong tình trạng quá tải. Thế nhưng, trừ phi cá nhân bắt đầu hiểu rõ ràng thực tế xác đáng, và trừ phi họ định nghĩa một cách cân đối những giá trị và ưu tiên, thì việc dựa vào những phương pháp như vậy chỉ làm nặng thêm những khó khăn thích ứng của họ.

Tuy nhiên những điều kiện trên rất khó đạt được. Do đó nạn nhân của cú sốc tương lai sử dụng

những phương pháp trên sẽ chịu rối loạn và mơ hồ. Bị đặt vào trong dòng thay đổi rối loạn, bị bắt phải lấy quyết định nhanh và có ý nghĩa, họ cảm thấy không chỉ bối rối về tri thức mà còn mất phương hướng ở mức giá trị cá nhân. Do nhịp độ thay đổi nhanh hơn, sự lẫn lộn này đượm vẻ tự nghi ngờ, lo lắng và sợ hãi. Họ thấy căng thẳng tăng lên, dễ dàng mệt mỏi. Họ có thể ngã bệnh. Khi áp lực tiếp tục tăng lên, sự căng thẳng biến thành cấu kình, tức giận và đôi khi là bạo động vô lý. Những biến cố nhỏ kích thích phản ứng lớn, những biến cố lớn đưa đến những phản ứng không đủ để đối phó.

Nhiều năm trước đây, Páp lôp đã gọi hiện tượng này là “pha nghịch lý”, con người trải qua giai đoạn này dưới tác động của sự kích động quá độ, và nó giải thích tại sao đôi khi bạo loạn xảy ra mà chẳng có sự khiêu khích nghiêm trọng nào cả. Nó cũng giải thích tại sao sự phá hoại những công trình văn hoá không hề có mục đích là một vấn đề trong tất cả các xã hội công nghiệp. Và sau cùng, sự lẫn lộn và mơ hồ do sự nhất thời, cái mới và sự đa dạng gây ra có thể giải thích sự thờ ơ hoàn toàn mà nó phi xã hội hoá hàng triệu người, già cũng như trẻ. Đây không phải là sự rút lui tạm thời, cố ý của người nhảy cảm cần phải làm chậm lại trước khi đối phó lại với những vấn đề của họ. Đây là sự đầu hàng hoàn toàn trước sự căng thẳng về việc phải lấy quyết định trong những điều kiện mơ hồ và chọn lựa quá nhiều.

XÃ HỘI BỊ CÚ SỐC TƯƠNG LAI

Không có thể tạo ra cú sốc tương lai cho một số đông người mà không ảnh hưởng đến tính hợp lý của xã hội như là một thể thống nhất. Ngày nay, nước Mỹ phơi bày những đặc tính của một cá nhân đang bị suy nhược thần kinh hoặc nội tuyến, đang tạo ra sự bệnh hoạn trong chúng ta.

Căn bệnh này phản ánh trong nền văn hoá của chúng ta, triết lý của chúng ta, thái độ của chúng ta đối với sự thật. Không lạ khi nhiều người bình thường xem thế giới như bệnh viện tâm thần hoặc chủ đề về tính không lành mạnh gần đây trở thành yếu tố chủ yếu trong văn chương, nghệ thuật, kịch và phim ảnh.

Sự xác định rằng thế giới trở thành điên, sự quan tâm đến ma túy, sự nhiệt tình về chiêm tinh và huyền bí, sự đi tìm thực tế trong cảm giác và trạng thái ngây ngất, sự dao động hướng về chủ nghĩa chủ quan cực đoan, sự tấn công khoa học, sự tin tưởng rằng lý trí làm hỏng con người, tất cả phản ánh kinh nghiệm hàng ngày của đại đa số quần chúng là những người từ lâu không đối phó được với sự thay đổi một cách hợp lý.

Hàng triệu người nhận thức bệnh lý đang toả ra khắp nơi, nhưng họ không hiểu được nguồn gốc. Những nguồn gốc này không nằm trong học thuyết chính trị này hay kia, cũng không phải ở huyền thoại cô lập được cho là của con người. Chúng cũng

không nằm trong khoa học, kỹ thuật hoặc những yêu cầu hợp pháp đòi xã hội phải thay đổi. Chúng nằm trong sự thất bại của chúng ta hướng sự phát triển về nền siêu công nghiệp một cách có ý thức và giàu trí tưởng tượng.

Sự hợp lý xã hội làm tiền đề cho sự hợp lý cá nhân và điều này lại phụ thuộc vào sự liên tục, trật tự, quy củ trong môi trường. Nó là tiền đề cho một số tương quan giữa nhịp điệu, độ phức tạp của sự thay đổi và khả năng quyết định của con người. Bằng việc tăng tốc độ thay đổi, mức độ cái mới và phạm vi chọn lựa, chúng ta đang vô ý làm lộn xộn những trạng thái môi trường này của sự hợp lý. Chúng ta đang kết án hàng triệu người phải chịu cú sốc tương lai.

PHẦN SÁU

CHIẾN LƯỢC TỒN TẠI

Chương 17

ĐỐI PHÓ VỚI NGÀY MAI

Trong vòng 30 hoặc 40 năm sắp tới, chúng ta sẽ thúc đẩy không phải chỉ một đợt thay đổi, mà là một loạt thay đổi khủng khiếp. Các bộ phận của một xã hội mới, thay vì cần làm cho ăn khớp nhau lại bị tách biệt và mâu thuẫn rõ ràng. Không có dạng tổng thể để cho chúng ta chấp nhận được. Quan trọng hơn là mức độ nhất thời tăng lên quá cao đến mức chưa từng thấy trong lịch sử. Chúng ta không có được sự thích ứng với một nền văn hoá mới, mà phải thích ứng với sự nối tiếp nhau của các nền văn hoá tạm thời. Đó là lý do tại sao đang tiến đến giới hạn cao nhất của khoảng thích nghi. Không có thể hệ nào trước đây đối diện với sự thử thách này.

Chỉ bây giờ trong quãng đời của chúng ta, và cho đến nay trong những xã hội công nghiệp, thì khả năng cú sốc tương lai tác động đến đa số quần chúng mới kết tinh. Tuy nhiên, nói đến điều này là tự chuốc lấy sự hiểu lầm nghiêm trọng. Đầu tiên,

240

bất kỳ tác giả nào kêu gọi sự chú ý đến một vấn đề xã hội đều có khả năng đào sâu thêm sự bi quan sâu đậm bao phủ các xã hội công nghiệp. Sự thất vọng bê tha là một loại hàng hoá văn chương dễ bán. Thế nhưng sự thất vọng không phải là nơi trốn tránh cho sự thiếu trách nhiệm mà nó không thể bào chữa được. Hầu hết những vấn đề bao vây chúng ta, kể cả cú sốc tương lai, không xuất phát từ những lực thiên nhiên mà từ những qui trình do con người tạo ra, ít nhất là phải chịu sự kiểm soát của chúng ta một cách tiềm tàng.

Thứ hai, có mối nguy hiểm mà những người đang trân trọng sự nguyên trạng có thể tóm lấy khái niệm cú sốc tương lai như là một lời xin lỗi về sự tạm ngừng mọi thay đổi. Bất kỳ sự cố gắng nào như thế chẳng hề đẩy lùi sự thay đổi, mà còn làm thay đổi lớn hơn, dữ dội hơn và khó quản lý hơn, đó cũng còn là sự diên rồ đạo đức. Theo bất kỳ tiêu chuẩn nào của con người, những thay đổi xã hội cơ bản nào đó đã là quá chậm. Câu trả lời cho cú sốc tương lai không phải là không thay đổi mà là một loại thay đổi khác.

Chỉ có cách duy trì bất kỳ sự giống nhau nào về cân bằng trong cuộc cách mạng siêu công nghiệp mới đáp ứng sáng tạo với sáng tạo, để thiết kế các bộ điều chỉnh thay đổi xã hội và cá nhân. Như thế chúng ta không cần chấp nhận mù quáng hoặc chống cự mù quáng, mà là các chiến lược sáng tạo để định hình, chuyển hướng, gia tốc

hoặc giảm tốc sự thay đổi cho thích ứng. Cá nhân cần những nguyên lý mới để lập kế hoạch cho cuộc đời của họ cùng với một nền giáo dục mới. Họ cũng có thể cần những sự giúp đỡ công nghiệp mới và đặc biệt để làm tăng sự thích nghi của họ. Trong khi đó, xã hội cần những thể chế và hình thức tổ chức mới.

Chắc chắn những điều này có ẩn ngấm sự thay đổi nhiều hơn nữa, nhưng theo kiểu được thiết kế ngay từ đầu để khai thác sức đẩy gia tăng, để hướng nó và để khống chế tốc độ của nó. Điều này không dễ dàng gì thực hiện được. Di chuyển nhanh vào trong một lãnh thổ xã hội không được đặc quyền, chúng ta không có thời gian để thử các phương pháp, chúng không có các phương án. Do đó, chúng ta phải thí nghiệm với một phạm vi rộng lớn những biện pháp điều chỉnh thay đổi, phát minh và loại bỏ chúng trên đường đi của chúng ta. Với tư tưởng thử nghiệm đó mà những chiến thuật và chiến lược sau đây được đề nghị như là những thí dụ về các cách đặt vấn đề mới cần phải thử thách và đánh giá. Một số cho cá nhân, số khác cho công nghiệp và xã hội. Vì cuộc chiến đấu đưa thay đổi vào khuôn khổ phải xảy ra ở tất cả mọi lĩnh vực đồng thời cùng một lúc.

Được cho điểm chính của vấn đề và kiểm soát thông minh hơn của một số quy trình then chốt, chúng ta có thể biến khủng hoảng thành thời cơ, giúp cho con người không chỉ tồn tại, mà còn đi

theo làn sóng thay đổi để phát triển, và để có ý thức mới về việc làm chủ số phận của họ.

ĐỐI PHÓ TRỰC TIẾP

Chúng ta có thể bắt đầu cuộc chiến đấu để ngăn chặn cú sốc tương lai ở mức độ cá nhân. Dù chúng ta có biết hay không, rõ ràng hầu hết thái độ hàng ngày của chúng ta là một sự cố gắng để tránh cú sốc tương lai. Chúng ta sử dụng nhiều thứ chiến thuật để giảm bớt mức độ kích thích. Tuy nhiên vì hầu hết những phương pháp này được sử dụng một cách không có chủ ý, chúng ta có thể làm tăng tính hiệu quả của chúng bằng cách đưa chúng thành nhận thức.

Thí dụ, chúng ta thỉnh thoảng hướng về nội tâm để xem xét những phản ứng cơ thể và tâm lý riêng của chúng ta đối với sự thay đổi, nghĩa là phải ngoảnh mặt lại với môi trường bên ngoài để đánh giá môi trường bên trong của chúng ta. Đây không phải là việc đắm mình trong chủ quan, mà là việc đánh giá khả năng riêng của chúng ta. Tim đập nhanh, run rẩy, mất ngủ hoặc mệt mỏi không giải thích được có thể là dấu hiệu kích thích quá độ, cũng giống như nhầm lẫn, cáu giận bất thường, mệt mỏi nặng nề và cảm giác sợ hãi rằng sự việc trượt ra khỏi sự kiểm soát là những dấu hiệu tâm lý. Bằng việc tự quan sát, nhìn lại những thay đổi trong quá khứ vừa qua của chúng ta, chúng ta có

thể xác định hoặc chúng ta đang hoạt động thích ứng trong vòng phạm vi thích nghi của chúng ta hoặc chúng ta đang đẩy vượt quá giới hạn bên trên. Nói tóm lại, chúng ta có thể đánh giá một cách có ý thức nhịp điệu cuộc sống riêng của chúng ta.

Nếu làm điều này, chúng ta có thể bắt đầu ảnh hưởng của nó - làm tăng nó lên hoặc làm chậm lại - đầu tiên đối với những sự việc nhỏ; và sau đó là những dạng lớn hơn, có cấu trúc của kinh nghiệm. Bằng việc xem xét kỹ lưỡng, chúng ta có thể biết những phản ứng không chủ tâm riêng của chúng ta đối với kích thích quá độ.

Chúng ta đóng cửa, mang kính che nắng, tránh những nơi có mùi và không chạm những bề mặt lạ khi chúng ta muốn giảm sự tiếp nhận của giác quan đối với cái mới. Tương tự như thế, khi chúng ta chọn một con đường quen thuộc từ nơi làm việc về nhà, chúng ta chọn lựa sự không mới về giác quan. Nói tóm lại, chúng ta sử dụng cách “che chắn giác quan”, có cả ngàn cách tế nhị để chặn tác nhân kích thích giác quan khi chúng gần đến giới hạn thích nghi phía trên của chúng ta.

Chúng ta sử dụng cùng những chiến thuật để kiểm soát mức độ kích thích nhận thức. Ngay cả những sinh viên giỏi nhất đôi khi cũng nhìn chằm chằm ra cửa sổ, phản đối thầy giáo, ngăn chặn không cho dòng số liệu mới vào từ nguồn thầy giáo. Ngay cả những người mê đọc sách đôi khi cũng trải qua những giai đoạn họ không thiết gì đến sách

hoặc tạp chí.

Trong những chọn lựa đặc biệt của chúng ta về giải trí như đọc sách lúc thời gian nhàn rỗi, xem phim hoặc xem tivi, đôi khi chúng ta tìm tởm cao về cái mới, về tin tức nhiều. Vào thời điểm khác, chúng ta tích cực chống lại sự kích thích nhận thức và chỉ tìm giải trí nhẹ nhàng. Chúng ta sử dụng giải trí như là một công cụ để làm tăng hoặc giảm sự kích thích, điều chỉnh lượng lấy vào của chúng ta để làm quá tải khả năng của chúng ta.

Bằng việc sử dụng có ý thức hơn về những chiến thuật như thế, chúng ta có thể tinh chỉnh môi trường vi mô của chúng ta. Chúng ta cũng có thể cắt giảm sự kích thích không mong muốn bằng cách làm nhẹ bớt gánh nặng nhận thức của chúng ta.

Cố gắng nhớ quá nhiều việc chắc chắn là một lý do chính của Stress tâm lý. Cần phải quên ngay tất cả những gì không quan trọng và ghi nhanh những số liệu có giá trị. Phương pháp này có thể giúp bất kỳ ai thực hiện sự đơn giản lớn nhất tương ứng với mức độ phức tạp của đời sống tri thức của họ.

Chúng ta cũng có thể hành động để điều chỉnh dòng quyết định. Chúng ta hoãn quyết định hoặc chuyển cho người khác khi chúng ta đang chịu sự quá tải quyết định. Đôi khi chúng ta phải làm tê liệt quyết định. Thông qua những phương pháp như thế, chúng ta cố gắng đến mức tốt nhất để có thể điều chỉnh dòng kích thích giác quan,

nhận thức và quyết định, cũng có thể theo cách phức tạp nhưng chưa biết để cân bằng chúng. Nhưng chúng ta có những cách mạnh hơn để đối phó với sự hăm dọa của kích thích quá độ. Đó là những cố gắng kiểm soát tỷ lệ nhất thời, cái mới và đa dạng trong môi trường của chúng ta.

NHỮNG VÙNG ỔN ĐỊNH CÁ NHÂN

Tỷ lệ chuyển giao trong cuộc sống của chúng ta có thể bị ảnh hưởng bởi những quyết định có ý thức. Chúng ta có thể giảm sự thay đổi và kích thích bằng việc duy trì có ý thức những mối quan hệ dài hạn với những yếu tố khác nhau của môi trường vật lý của chúng ta. Như thế, chúng ta có thể từ chối mua các sản phẩm dùng xong vứt đi, chúng ta có thể dùng áo khoác cũ cho một mùa nữa, chúng ta có thể từ chối chạy theo những mẫu mới nhất; chúng ta có thể chống lại khi người bán hàng nói với chúng ta cần phải đổi ô tô. Theo cách này, chúng ta làm giảm nhu cầu có và bỏ những vật dùng xung quanh chúng ta.

Chúng ta có thể sử dụng cùng một chiến thuật đối với người và những chiều khác của kinh nghiệm. Có những thời gian ngay cả những người sống tập thể nhất cảm thấy phi xã hội và từ chối lời mời hội họp vì sự tác động qua lại xã hội. Chúng ta cắt đứt một cách có ý thức. Cũng bằng cách như vậy, chúng ta có thể giảm bớt việc đi xa. Chúng ta

có thể phản đối việc tổ chức lại không có mục đích trong công ty, nhà thờ, các nhóm bằng hữu hoặc cộng đồng của chúng ta. Khi lấy những quyết định quan trọng, chúng ta có thể cân nhắc giá thay đổi đối với quyền lợi.

Không có điều nào ở trên cho thấy thay đổi sẽ bị dừng lại. Lý thuyết về phạm vi thích ứng cho thấy một số mức thay đổi là cần thiết cho sức khỏe cũng như là quá nhiều thay đổi làm hại sức khỏe. Một số người vì những lý do chưa rõ ràng luôn luôn gắn chặt vào mức kích thích cao hơn những người khác. Họ dường như khao khát thay đổi trong khi những người khác đang chóng mặt vì nó. Một cái nhà mới, một xe ô tô mới, một cuộc du lịch khác, một cuộc khủng hoảng khác về công nghiệp, nhiều bạn bè đến nhà, các cuộc viếng thăm, các cuộc phiêu lưu tài chính v.v... họ dường như chấp nhận tất cả những điều đó mà không bị bệnh tật gì cả.

Thế nhưng những phân tích kỹ của những người này thường cho thấy sự hiện diện của cái có thể gọi là “vùng ổn định” trong cuộc đời của họ, một số quan hệ kéo dài nào đó được duy trì cẩn thận mặc dù có tất cả những thay đổi khác. Một dạng khác của vùng ổn định là dạng thói quen mà nó đi cùng với cá nhân bất kỳ nơi nào họ đi dù cho những thay đổi khác biến đổi cuộc sống của họ như thế nào đi nữa.

Do đó, vấn đề không phải là huỷ bỏ sự thay đổi là điều không thể thực hiện được, mà phải

quản lý nó. Nếu chúng ta chấp nhận thay đổi nhanh trong một số lĩnh vực cuộc sống, chúng ta có thể cố gắng một cách có ý thức xây dựng vùng ổn định nơi khác. Việc ly dị không nên theo sau ngay việc thay đổi công việc. Vì sự ra đời của một đứa trẻ biến đổi tất cả những mối quan hệ con người trong một gia đình, nên nó không được tiến hành ngay bởi việc chuyển nhà ở là việc có thể gây ra sự chuyển giao lớn trong mối quan hệ con người bên ngoài gia đình. Phụ nữ vừa mới góa chồng không nên vội vã bán ngay nhà.

Để thiết kế các vùng ổn định nhằm biến đổi những dạng lớn hơn của cuộc sống, chúng ta cần những công cụ có hiệu lực hơn nhiều. Đầu tiên, chúng ta cần một sự định hướng mới cơ bản hướng về tương lai. Sau cùng, để quản lý thay đổi chúng ta phải liệu trước được nó. Tuy nhiên, khái niệm mà tương lai cá nhân của một người có thể lường trước được là công khai chống đối thành kiến tập tục dân gian. Hầu hết mọi người tin rằng tương lai là sự trống rỗng. Thế nhưng sự thật là chúng ta có thể chỉ định xác suất cho một số thay đổi có sẵn cho chúng ta, đặc biệt đối với một số thay đổi cấu trúc lớn, và có những cách sử dụng kiến thức này để thiết kế các vùng ổn định cá nhân.

Thí dụ chúng ta có thể tiên đoán chắc chắn rằng trừ phi cái chết xảy ra, chúng ta sẽ lớn lên, già đi, rằng con cái chúng ta, những người thân của chúng ta sẽ lớn lên và già đi và rằng đến tuổi nào

248

đấy, sức khỏe của chúng ta sẽ giảm đi. Nhưng không phải vì lời phát biểu đơn giản này mà chúng ta có thể tiên đoán nhiều về cuộc đời của chúng ta trong 1, 5 hoặc 10 năm và về số lượng thay đổi mà chúng ta hấp thụ trong khoảng thời gian quá độ đó.

Rất ít cá nhân hoặc gia đình lập kế hoạch trước một cách có hệ thống. Khi họ làm, thì điều đó thường phụ thuộc vào ngân sách. Thế nhưng chúng ta có thể tiên đoán và ảnh hưởng sự tiêu dùng của chúng ta về thời gian và tình cảm cũng giống như tiền bạc. Như thế có thể có cái nhìn lướt qua về tương lai riêng của một người, và đánh giá mức thay đổi tổng thể đang nằm ở phía trước, bằng việc chuẩn bị cái có thể được gọi là “Dự báo thời gian và tình cảm”. Đây là một cố gắng đánh giá số phần trăm năng lượng thời gian và tình cảm của đầu tư trong những lĩnh vực quan trọng khác nhau của cuộc sống và để xem làm thế nào điều này có thể thay đổi theo thời gian.

Thí dụ có thể lập danh mục những lĩnh vực cuộc sống dường như quan trọng nhất cho chúng ta: sức khỏe, nghề nghiệp, giải trí, hôn nhân, cha mẹ, con cái v.v.... Sau đó ghi bên cạnh mỗi mục lượng thời gian dành cho mục đó. Một người sử dụng phương pháp này có thể thấy 25% thời gian dành cho công việc. Nhưng tình cảm dành cho công việc có thể ít hoặc nhiều tùy theo sự hứng thú của họ đối với công việc. Nếu đi sâu hơn nữa về cuộc sống của họ như tình cảm vợ chồng, tình cảm đối

với cha mẹ, con cái họ sẽ như thế nào, sức khoẻ của họ ra sao? v.v... Có thể rất khó khăn cho họ thực hiện điều đó. Tuy nhiên ép họ dự báo cho năm nay, sang năm, 5 năm, 10 năm nữa thì những dạng thay đổi sẽ bắt đầu hiện ra. Họ sẽ thấy có một số năm có sự dịch chuyển lớn hơn và phân phối lớn hơn những năm khác. Nhưng nhờ những giả thiết hệ thống đã lập ra, họ có thể xử lý những quyết định chính vào thời điểm đã đoán trước.

Những phương pháp này là những công cụ vô cùng thô thiển cho việc lập kế hoạch cá nhân. Có lẽ các nhà tâm lý học có thể thiết kế những phương pháp sắc bén hơn, nhạy cảm hơn đối với sự khác nhau trong xác suất. Thế nhưng, nếu chúng ta chỉ tìm đầu mối hơn là sự chắc chắn, thì những phương pháp thô sơ này có thể giúp ta điều hoà hoặc chia kênh dòng thay đổi trong cuộc sống chúng ta. Vì bằng việc giúp chúng ta xác định các vùng thay đổi nhanh, chúng cũng giúp chúng ta tìm ra vùng ổn định, dạng đều đều tương đối trong dòng thay đổi áp đảo. Chúng làm tốt hơn những lệch lạc trong cuộc đấu tranh của cá nhân để quản lý thay đổi. Đây không phải là một quy trình tiêu cực nhằm huỷ bỏ hoặc giới hạn thay đổi. Vấn đề cho bất kỳ cá nhân nào cố gắng đối phó với sự thay đổi nhanh là làm thế nào tự họ duy trì trong phạm vi thích nghi, và nếu bị trượt qua phạm vi đó, làm thế nào tìm ra điểm tối ưu tế nhị mà họ có thể sống với hiệu quả cao nhất?

HỢP THÀNH NHÓM TÌNH HÌNH

Vấn đề là những chiến thuật cá nhân như thế trở thành ít hiệu quả hơn với mỗi ngày trôi qua. Khi tốc độ thay đổi tăng, cá nhân khó tạo ra những vùng ổn định mà họ cần

Để tạo ra một môi trường mà trong đó sự thay đổi làm phấn chấn và làm giàu cho cá nhân, nhưng không áp đảo họ, chúng ta phải sử dụng không chỉ những chiến thuật cá nhân mà còn những chiến lược xã hội. Nếu chúng ta phải đưa mọi người đi qua giai đoạn gia tốc, ngay từ bây giờ chúng ta phải bắt đầu xây dựng “bộ hấp thụ cú sốc tương lai” vào trong mỗi cơ cấu của xã hội siêu công nghiệp. Điều này đòi hỏi cách suy nghĩ mới về sự thay đổi và không thay đổi trong cuộc sống của chúng ta. Ngay cả phải có cách khác để phân loại mọi người.

Ngày nay chúng ta có khuynh hướng phân loại cá nhân không phải theo những thay đổi. Chúng ta xem xét một thành viên công đoàn và chưa rời bỏ công đoàn. Sự chỉ định của chúng ta không phải về việc gia nhập hoặc ra khỏi, mà là việc “không thay đổi” xảy ra giữa việc nhập và ra khỏi. Người nhận tiền phúc lợi, sinh viên, nhà quản trị v.v...tất cả đều là điều kiện của một người giữa những thay đổi.

Tuy nhiên có cách cơ bản khác để xem xét mọi người. Thí dụ, “người di chuyển sang nhà mới” là sự phân loại mà bất kỳ ngày nào cũng có chừng

100.000 người Mỹ thực hiện việc đó, thế nhưng ít khi họ được phân loại như là một nhóm. Sự phân loại “người đang thay đổi công việc”, hoặc “người đang ly dị” tất cả đều dựa trên tình trạng tạm thời, quá độ hơn là trên tình trạng kéo dài giữa những thời kỳ chuyển tiếp.

Sự dịch chuyển đột ngột này về trọng điểm từ việc nghĩ về người ta đang là gì sang việc nghĩ về họ sẽ trở thành gì, tạo ra toàn bộ cách đặt vấn đề mới về thích nghi, hay nói cách khác đó là vấn đề “hợp thành nhóm tình hình” mà triển vọng có thể trở thành một trong những dịch vụ xã hội then chốt trong tương lai. Đây là những tổ chức tạm thời cho những người đang trải qua giai đoạn chuyển tiếp đời sống tương tự vào cùng một lúc. Những nhóm tình hình như thế phải được thành lập cho những gia đình đang thay đổi nhà cửa, những người sẽ ly dị, những người có người thân chết, những người sắp sinh con, những người chuẩn bị đổi việc làm, những gia đình vừa mới di chuyển vào một cộng đồng, cho những người mà con út vừa mới lập gia đình, những người sắp về hưu - nói một cách khác cho bất cứ ai đang đối diện với sự thay đổi quan trọng trong cuộc sống. Dĩ nhiên thành viên trong nhóm chỉ là tạm thời, đủ lâu để giúp những người gặp khó khăn chuyển tiếp. Một vài nhóm có thể kéo dài trong vài tháng, những nhóm khác có thể chỉ tồn tại sau một lần gặp.

Bằng việc tập trung mọi người lại để cùng

chia sẻ kinh nghiệm thích nghi chung, chúng ta giúp họ đối phó với tình hình. Một người được yêu cầu thích nghi với tình hình cuộc sống mới sẽ mất một số cơ sở về lòng tự trọng của họ. Họ có thể bắt đầu nghi ngờ về khả năng của họ. Nếu chúng ta đưa họ cùng với những người khác đang trải qua cùng kinh nghiệm thì có nghĩa là chúng ta đã giúp họ tự củng cố lòng tin. Các thành viên của nhóm sẽ chia sẻ một số ý thức về sự tương đồng. Họ thấy vấn đề của họ khách quan hơn. Họ trao đổi tư tưởng và xem xét vấn đề sâu sắc hơn. Quan trọng nhất là họ cùng nhau bàn cách giải quyết. Nói tóm lại, họ có cơ hội để trao đổi những kinh nghiệm và tư tưởng trước khi thời điểm thay đổi đến với họ.

TU VẤN VỀ KHỦNG HOẢNG

Không phải tất cả sự giúp đỡ cho cá nhân phải đến từ các nhóm. Trong nhiều trường hợp, những gì mà người bị áp bức thay đổi cần nhất là tư vấn riêng trong thời gian khủng hoảng về thích nghi. Trong biệt ngữ tâm lý học, một cuộc khủng hoảng là bất kỳ sự chuyển tiếp nào có ý nghĩa. Nó cũng cùng nghĩa với thay đổi chính về cuộc sống.

Ngày nay những người đang bị khủng hoảng chuyển tiếp đi đến các chuyên gia khác nhau - bác sĩ, cố vấn hôn nhân, nhà tâm lý, chuyên gia nghề nghiệp và những người khác - để hỏi về lời khuyên cho cá nhân. Thế nhưng có nhiều loại khủng hoảng

không có chuyên gia thích hợp. Ai sẽ giúp gia đình hay cá nhân đối diện với nhu cầu chuyển nhà đến thành phố mới lần thứ ba trong 5 năm? Ai sẽ cố vấn cho một người lãnh đạo bị thay đổi chức vụ lên lên xuống xuống do tổ chức lại cơ quan? v.v... Những người như thế này không phải là bệnh hoạn. Họ không cần sự chú ý về tâm lý, thế nhưng không có bộ máy tư vấn nào để giúp họ.

Khi xã hội tiến về sự không đồng nhất thì nhiều vấn đề sẽ xảy ra. Trong những xã hội thay đổi chậm, kiểu khủng hoảng mà cá nhân gặp phải là đồng đều hơn và những nguồn khuyên bảo đặc biệt được xác định dễ dàng hơn. Người bị khủng hoảng có thể đến với linh mục, bác sĩ, hoặc người lãnh đạo địa phương. Ngày nay các dịch vụ tư vấn cá nhân trong các quốc gia công nghiệp cao trở thành chuyên môn hoá đến nỗi chúng ta phải phát triển một loại dịch vụ khác là dịch vụ hướng dẫn người gặp khủng hoảng nên đến đâu để tìm lời khuyên.

Những dịch vụ chỉ dẫn này tạo thêm thói quan liêu và sự chậm trễ giữa cá nhân và sự giúp đỡ họ cần đến. Khi có được sự giúp thì có thể họ đã lấy quyết định chủ yếu và thực hiện nó một cách đồ tể hại. Chẳng nào mà chúng ta còn quan niệm rằng sự khuyên bảo phải đến từ nơi chuyên môn cao cấp, chúng ta còn phải chịu nhiều khóa khăn lớn hơn. Hơn thế nữa, chẳng nào mà chúng ta còn dựa trên cái mà con người “đang là” thay vì cái mà họ “sẽ trở thành”, chúng ta sẽ không có được nhiều

254

vấn đề thích nghi thực sự. Hệ thống dịch vụ xã hội thông thường sẽ không bao giờ theo kịp.

Câu trả lời là một tổ chức tương ứng với hệ thống hợp thành nhóm tình hình, một dịch vụ tư vấn không phải chỉ gồm các chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp, mà còn gồm nhiều tầng lớp chuyên gia khác nhau. Chúng ta phải thừa nhận rằng có những người trở thành chuyên gia trong một kiểu khủng hoảng không phải là do được đào tạo chính thức, mà chính kinh nghiệm đã trải qua khủng hoảng tương tự làm cho họ trở thành chuyên gia.

Để giúp hàng triệu người vượt qua những giai đoạn chuyển tiếp khó khăn mà họ dường như sẽ gặp phải, chúng ta bắt buộc phải “nâng chức” một số lớn những người nghiệp dư trong cộng đồng - nhà kinh doanh, sinh viên, giáo sư, công nhân.v.v...để phục vụ như là “cố vấn về khủng hoảng”. Các nhà cố vấn về khủng hoảng ngày mai sẽ là các chuyên gia không phải trong những ngành truyền thống như tâm lý học hoặc y tế, mà là chuyên gia trong các giai đoạn chuyển tiếp đặc biệt như: dời vị trí ở, nâng chức trong công việc, ly dị v.v...với kinh nghiệm gần đây của họ, làm việc trên cơ sở tự nguyện hoặc được trả lương tối thiểu, họ sẽ bỏ một ít thời gian để nghe những người gặp khủng hoảng nói về vấn đề của những người này. Đáp lại, họ cũng được sự giúp đỡ của những người khác trong quá trình phát triển thích nghi của riêng họ.

Chẳng có gì mới về việc người ta tìm lời khuyên của người khác. Cái mới là khả năng của chúng ta thông qua việc sử dụng hệ thống máy tính điện tử để tổng hợp nhanh các nhóm tình hình, để kết hợp cá nhân với người tư vấn, và thực hiện cả hai việc đó trong sự tôn trọng đời riêng và bí mật.

NHÀ NỬA ĐƯỜNG

“Bộ hấp thụ cú sốc tương lai” với dạng khác là khái niệm “nhà nửa đường” đã được các nhà chức trách trại giam tiến bộ sử dụng để tạo điều kiện cho phạm nhân trở lại cuộc sống bình thường. Tính chất rõ ràng nhất của các trại cải tạo trong tương lai sẽ là khái niệm “thả dần dần”.

Thay vì đưa một phạm nhân đang bị kích thích quá thấp theo chế độ nhà tù và đẩy họ ra mà không có sự chuẩn bị trước để trở lại xã hội, họ sẽ được di chuyển dần dần ra các loại khu vực trung gian cho phép họ làm việc ban ngày với cộng đồng xã hội, ban đêm quay trở lại trại. Dần dần giới hạn sẽ được huỷ bỏ cho đến khi họ điều chỉnh hoàn toàn với thế giới bên ngoài. Cùng một nguyên lý đã được các viện thần kinh khác nhau khai thác.

Tương tự như thế, vấn đề nông dân thành lĩnh bị chuyển đến thành phố cũng có thể được giảm đi nếu nguyên tắc nhà nửa đường được sử dụng để giúp người nông dân hoà nhập vào cuộc sống mới.

Theo lý thuyết này, các thành phố cần những nhà tiếp đón nơi mà những người mới đến sống một khoảng thời gian dưới những điều kiện một nửa giống như ở nông thôn mà họ bỏ lại phía sau, và một nửa giống như thành phố mà họ sẽ thâm nhập vào. Như thế họ sẽ thích nghi với môi trường dễ dàng hơn và thành công hơn.

Tư tưởng cơ bản của nguyên tắc trên là cung cấp thay đổi theo từng giai đoạn dần dần và có kiểm soát, hơn là sự chuyển tiếp đột ngột, là quan trọng cho bất kỳ xã hội nào muốn đối phó với sự biến động nhanh về công nghiệp hoặc xã hội. thí dụ, chiến binh được phục viên dần dần. Sinh viên ở vùng nông thôn có thể ở vài tuần tại một trường đại học ở thành phố lớn. Bệnh nhân điều trị dài hạn ở bệnh viện có thể về nhà một tuần một hai lần dần dần đến trước khi về hẳn nhà. Người về hưu nghỉ việc dần dần hơn là đột ngột nghỉ ngay. Người nhập ngũ, ly thân trước khi ly dị hẳn, hôn nhân tạm thời... tất cả đều được tiến hành từ từ theo cùng nguyên lý trên để họ dễ hoà nhập vào môi trường mới. Nói tóm lại, bất kỳ nơi nào sự thay đổi trạng thái có thể thể hiện trước được, khả năng làm dần dần phải được xem xét.

VÙNG ĐẤT ĐEM CỦA QUÁ KHỨ

Không xã hội nào đi qua sự rối loạn của vài thập kỷ sắp đến sẽ có thể làm được điều đó mà

không có các trung tâm chuyên môn trong đó tốc độ thay đổi bị giảm một cách nhân tạo. Nói một cách khác, chúng ta cần một vùng đất đệm của quá khứ, tức là các cộng đồng trong đó sự chuyển giao, cái mới và sự chọn lựa được giới hạn một cách có dụng ý. Vùng đất đệm của quá khứ cho ngày mai phải là nơi mà người ta đối diện với cú sốc tương lai có thể trốn áp lực kích thích quá độ hàng tuần, hàng tháng, hoặc hàng năm.

Trong những cộng đồng nhịp điệu chậm như thế, cá nhân muốn nghỉ ngơi thoải mái hoặc ít bị kích thích hơn đều có thể tìm được chỗ đó. Những cộng đồng đó phải được bọc phủ một cách có ý thức, cắt đứt một cách có chọn lọc từ xã hội chung quanh. Ôtô qua lại phải được giới hạn để tránh giao thông đông đúc. Báo chí phải là tuần báo chứ không phải nhật báo. Radiô và tivi chỉ được phát vài giờ một ngày. Chỉ những dịch vụ khẩn cấp đặc biệt như y tế được duy trì với hiệu quả tối đa nhờ nền công nghiệp tiên tiến.

Không được chế nhạo những cộng đồng như thế, chúng phải được xã hội lớn hơn trợ cấp như là một dạng bảo hiểm xã hội và tinh thần. Vào thời kỳ thay đổi cực nhanh, có khả năng xã hội lớn hơn phạm một số sai lầm tai hại không đảo ngược được. Thí dụ, hãy tưởng tượng việc phân phối rộng rãi một chất cho thêm vào thức ăn tình cờ lại có hậu quả như Halidomide. Người ta có thể nhận thức tai họa trên có thể làm mất khả năng sinh sản của cả

258

một giống dân.

Bằng cách tăng nhanh các vùng đất dẽm của quá khứ, hoặc là bảo tàng sống, chúng ta làm tăng khả năng vẫn còn có giống người ở đấy trong trường hợp có thiên tai tập thể. Những cộng đồng như thế cũng có thể có được làm mô hình giảng dạy thực tế. Như thế trẻ con thế giới bên ngoài có thể ở vài tháng trong một phỏng thời phong kiến, sống và làm việc giống như trẻ con cách đây vài thế kỷ. Thanh niên có thể ở vài tuần trong một cộng đồng tiên công nghiệp, làm việc trong nhà máy như trước đây. Cách giáo dục sống như thế sẽ cho chúng một bối cảnh lịch sử mà không có cách nào dạy được.

Nói tóm lại, mỗi xã hội sẽ cần một cộng đồng như thế mà trong đó các thành viên tránh xa những trò kỳ cục mới nhất. Ngay cả chúng ta có thể trả tiền cho người quen dùng những hàng hoá mới nhất để họ đừng hưởng thụ những phương tiện phức tạp và tự động nhất.

VÙNG ĐẤT DẼM CỦA TƯƠNG LAI

Giống như chúng ta tạo ra điều kiện cho một số người sống với nhịp điệu chậm hơn của quá khứ, chúng ta cũng phải tạo ra điều kiện cho một số người sống vào thời tương lai. Do đó, chúng ta phải tạo ra vùng đất dẽm của tương lai.

Theo nghĩa hẹp, chúng ta đã làm việc này.

Các nhà du hành vũ trụ, phi công và những chuyên gia khác thường được huấn luyện bằng cách đặt họ trong những mô hình mô phỏng tương đương trong tương lai khi họ đang tham gia vào một nhiệm vụ. Cảnh sát, nhân viên tình báo, cảm tử quân và các chuyên gia quân sự khác đã được huấn luyện trước bằng cách cho họ xem phim về những nhà máy họ phải thâm nhập, vùng đất họ phải bảo vệ. Bằng cách này họ được chuẩn bị để đối phó với những ngẫu nhiên trong tương lai.

Trước khi đưa một người lao động đến một chỗ mới, cả gia đình họ phải được cho xem video toàn bộ nơi họ sẽ sống, trường con em họ sẽ theo học, cửa hàng họ sẽ mua sắm, ngay cả thầy giáo, người bán hàng và láng giềng họ sẽ gặp. Bằng cách giúp cho họ thích nghi như thế, chúng ta có thể làm giảm bớt sự lo lắng cho họ về những gì họ không biết và chuẩn bị cho họ đối phó với nhiều vấn đề mà họ dường như sẽ gặp.

Ngày mai, khi công nghiệp mô phỏng kinh nghiệm phát triển, chúng ta có thể đi xa hơn. Cá nhân được chuẩn bị trước để thích nghi không chỉ nghe và xem, mà còn có thể sờ, đếm và ngửi môi trường họ sẽ ở. Họ có thể tác động qua lại với người trong tương lai của họ, và chịu những kinh nghiệm được thiết kế cẩn thận để làm tăng khả năng đối phó của họ.

Các tập đoàn tâm lý trong tương lai sẽ tìm thấy một thị trường màu mỡ trong việc thiết kế và

vận hành những phương tiện tiền thích ứng như thế. Toàn bộ gia đình có thể đến vùng đất “làm việc - học - chơi” là vùng sẽ gồm các viện bảo tàng tương lai, chuẩn bị cho họ đối phó với tương lai cá nhân của chính họ.

RƯỚC LỄ VŨ TRỤ

Theo lý thuyết về phạm vi thích ứng, rõ ràng sự khẳng định về tính liên tục trong kinh nghiệm của chúng ta không nhất thiết là “phản động”, giống như yêu cầu thay đổi đứt đoạn không nhất thiết là “tiến bộ”. Trong những xã hội đình trệ, có một nhu cầu tâm lý sâu đậm cho cái mới và sự kích thích. Trong một xã hội gia tốc, nhu cầu có thể là sự duy trì một số liên tục.

Trong quá khứ, nghi lễ cung cấp một bộ đệm thay đổi quan trọng. Các nhà nhân chủng học nói với chúng ta rằng một vài hình thức nghi lễ lặp đi lặp lại như nghi lễ xung quanh cái chết, việc sinh nở, tuổi dậy thì, hôn nhân v.v... đã giúp cho cá nhân trong các xã hội nguyên thủy thành lập sự cân bằng sau khi một số biến cố thích nghi chính đã xảy ra.

Thí dụ ở các xã hội phương Tây, việc gửi bưu thiếp chúc mừng Noel là một nghi lễ làm cho tình bạn bền trở nên gắn bó hơn. Lễ sinh nhật, ngày nghỉ và những ngày kỷ niệm là những thí dụ khác.

Khi chúng ta gia tốc và đưa những dạng

không có nhịp điệu vào tốc độ thay đổi, chúng ta cần đánh dấu một vài tính đều đặn để bảo tồn, giống như bây giờ chúng ta đánh dấu một vài khu rừng, di tích lịch sử, hoặc các giống chim cần bảo vệ. Ngay cả chúng ta cũng cần sản xuất nghi lễ.

Không còn thời kỳ bất sao phải chịu như vậy nữa, không còn bóng tối của đêm hoặc sương mù buổi sáng, không còn cảnh phải đứng yên trong một môi trường vật lý không thay đổi, chúng ta đang được giúp đỡ để định hướng theo thời gian bởi sự đều đặn xã hội.

Khi thời gian nhàn rỗi tăng lên, chúng ta có cơ hội để đưa những điểm ổn định và nghi lễ vào xã hội, như những ngày nghỉ mới, rước lễ và trò chơi. Những cơ chế như thế không chỉ cung cấp cái phong cho sự liên tục trong cuộc sống hàng ngày, mà còn được dùng để hợp nhất xã hội, và làm chúng nhẹ bớt để chống lại tác động từng phần của nền siêu công nghiệp. Thí dụ, chúng ta có thể tạo ra ngày nghỉ để tưởng nhớ Galileo, Mozart, Einstein, v.v... Chúng ta có thể tạo ra việc rước lễ vũ trụ dựa trên sự chinh phục vũ trụ của con người.

Bằng cách điều chỉnh những biến cố và bằng cách thêm các cuộc rước lễ tưởng nhớ những biến cố đó, chúng ta có thể kết chúng thành nghi lễ của xã hội mới và sử dụng chúng như là điểm bảo tồn lành mạnh.

Chúng ta sẽ còn tồn tại khi và chỉ khi chúng ta vượt qua khỏi những chiến thuật cá nhân để

đến chiến lược xã hội, cung cấp những dịch vụ yểm trợ mới cho cá nhân bị thay đổi quá rầy, xây dựng sự liên tục và bộ đệm thay đổi vào văn minh đang nổi lên của ngày mai.

Chương 18

GIÁO DỤC TRONG THỜI TƯƠNG LAI

Ngày nay một tỉ con người, toàn bộ dân số của các quốc gia giàu công nghiệp, đang tăng tốc hướng về cuộc gặp gỡ với nền siêu công nghiệp. Chúng ta có cần phải chịu cú sốc tương lai tập thể không? Hoặc chúng ta có thể thực hiện “đổ bộ nhẹ nhàng” không? Chúng ta đang tăng tốc nhanh chóng cách đặt vấn đề của chúng ta. Những nét phác họa lờ mờ của xã hội mới đang nổi lên từ giữa ngày mai. Thế nhưng nếu chúng ta đến gần hơn, bằng chứng cho thấy một trong những hệ thống nguy kịch nhất - giáo dục đang vận hành không đúng một cách nguy hiểm.

Những gì đang diễn ra cho giáo dục ngày nay, ngay cả trong những trường học và đại học tốt nhất của chúng ta, là sự lỗi thời tuyệt vọng. Cha mẹ tìm nền giáo dục phù hợp với con cái của họ cho cuộc sống tương lai. thấy giáo cảnh cáo rằng việc thiếu một nền giáo dục sẽ làm hỏng những cơ hội cho trẻ con trong thế giới ngày mai. Các bộ trưởng chính phủ, các nhà thờ, các phương tiện thông tin

đại chúng - tất cả đều cổ vũ thanh niên ở lại trường, nhấn mạnh rằng tương lai của con người hoàn toàn phụ thuộc vào giáo dục.

Thế nhưng dù có tất cả những lời hùng biện về tương lai, trường học của chúng ta đang hướng về phía sau, hệ thống đã chết, hơn là hướng tới phía trước: xã hội mới đang nổi lên. Những năng lượng to lớn của chúng được sử dụng để quay người công nghiệp - người được trao cho những công cụ để tồn tại trong một hệ thống sẽ chết trước khi người bị chết.

Để ngăn chặn cú sốc tương lai, chúng ta phải tạo ra hệ thống giáo dục siêu công nghiệp. Và để làm điều này, chúng ta phải tìm ra mục tiêu và phương pháp trong tương lai chứ không phải trong quá khứ.

TRƯỜNG HỌC KỸ NGUYÊN CÔNG NGHIỆP

Mỗi xã hội đều có thái độ riêng về quá khứ, hiện tại và tương lai. Sự thiên về thời gian này, được thành lập để đáp lại tốc độ thay đổi, là một trong những điều ít được để ý đến nhất, thế nhưng đó là tác nhân xác định mạnh nhất về cách xử thế xã hội, và nó phản ánh rõ ràng trong cái cách mà xã hội chuẩn bị cho thanh thiếu niên vào đời.

Trong những xã hội đình trệ, quá khứ đi vào hiện tại và tự nó lặp lại trong tương lai. Trong một xã hội như thế, việc chuẩn bị cho một đứa trẻ là trang bị cho nó những kỹ xảo của quá khứ, những

kỹ xảo này nó sẽ cần trong tương lai. Người cha truyền cho con trai tất cả các loại phương pháp thực tiễn cùng với những giá trị truyền thống cao và rõ ràng. Kiến thức được truyền không phải từ các chuyên gia tập trung ở trường học, mà thông qua gia đình, các thể chế tôn giáo, và sự học nghề. Người học và thầy dạy phân tán khắp cộng đồng. Tuy nhiên, chìa khoá của hệ thống là sự tận tâm tuyệt đối cho quá khứ. Chương trình giảng dạy của quá khứ là quá khứ.

Thời đại cơ khí đã phá tan tất cả điều đó, vì nền công nghiệp yêu cầu loại người mới. Nó đòi hỏi những kỹ xảo mà cả gia đình và nhà thờ đều không thể đáp ứng. Nó bắt buộc một sự biến đổi trong hệ thống giá trị. Trên hết, nó yêu cầu con người phát triển một nhận thức mới về thời gian. Giáo dục quần chúng là một cái máy tài tình do công nghiệp chế tạo để sản xuất một loại người mà nó cần đến. Vấn đề phức tạp, không bình thường. Làm thế nào để trẻ con có thể thích nghi trước một thế giới mới, một thế giới của công việc cực nhọc, khói, tiếng ồn, máy móc, điều kiện sống chật hẹp, kỹ thuật tập thể, một thế giới mà thời gian không phải do chu kỳ mặt trăng, mặt trời quyết định, mà do tiếng còi nhà máy và đồng hồ quyết định.

Giải pháp đã là một hệ thống giáo dục mà chính ngay trong cấu trúc của nó đã mô phỏng thế giới mới này. Hệ thống này không phải nổi lên ngay tức thì. Ngay cả ngày nay nó giữ những yếu

tổ lại giống như xã hội tiền công nghiệp. Toàn bộ tư tưởng của việc tập hợp số đông sinh viên (nguyên liệu) được thầy giáo xử lý (công nhân) trong một ngôi trường đặt ở trung tâm (nhà máy) đã là một thiên tài công nghiệp. Toàn bộ hệ thống cấp bậc hành chính của giáo dục đều theo mô hình quan liêu công nghiệp. Chính việc tổ chức kiến thức vào trong những ngành cố định được dựa trên những thừa nhận công nghiệp. Trẻ con đi bộ từ nơi này sang nơi khác và ngồi trong các ngôi nhà được chỉ định. Chuông reo báo thay đổi giờ.

Cuộc sống bên trong của trường học trở thành cái gương, một sự giới thiệu hoàn hảo về xã hội công nghiệp. Những tính chất hay bị phê bình nhất của nền giáo dục ngày nay như sự tập hợp lại thành đoàn, thiếu sự cá nhân hoá, hệ thống cứng nhắc về cơ sở học đường, điểm số, phân loại và cho điểm, vai trò quyền hành của thầy giáo, là những tính chất đã tạo cho nền giáo dục đại chúng trở thành một công cụ thích nghi với vị trí và thời gian của nó.

Thanh niên đi qua guồng máy giáo dục này để đi vào xã hội người lớn mà cấu trúc về công việc, vai trò và thể chế giống như của trường học. Đứa trẻ đi học không phải chỉ học những việc nó sẽ sử dụng sau này, mà nó sống và học theo cách sống đã được lập thành mô hình trong tương lai. Thí dụ, trường học đã làm thấm nhuần tinh tế khái niệm thiên về thời gian mới rất cần thiết cho công nghiệp. Đối diện với những điều kiện chưa bao giờ

266

có trước đây, con người phải dành hết năng lượng cho việc hiểu được hiện tại. Như thế sự tập trung giáo dục tự nó bắt đầu dịch chuyển ra khỏi quá khứ và hướng về hiện tại.

Như thế hệ thống giáo dục của chúng ta tự nó chưa thích nghi hoàn toàn với kỷ nguyên công nghiệp khi nhu cầu cho một cuộc cách mạng mới, cuộc cách mạng siêu công nghiệp - chợt xuất hiện trước nó. Và giống như những người tiến bộ hôm qua bị kết tội là theo “chủ nghĩa ngày nay”, thì dường như những nhà cải cách giáo dục ngày mai sẽ bị kết tội là theo “chủ nghĩa tương lai”. Chúng ta phải tìm một nền giáo dục siêu công nghiệp thật sự nếu chúng ta một lần nữa dịch chuyển sự thiên về thời gian của chúng ta tiến về phía trước.

CUỘC CÁCH MẠNG GIÁO DỤC MỚI

Trong hệ thống công nghiệp của ngày mai - nhanh, linh hoạt và tự điều chỉnh - máy móc sẽ xử lý dòng tin tức và sự vật. Máy móc sẽ thực hiện những công việc hàng ngày, con người sẽ thực hiện những công việc tri thức và sáng tạo. Máy móc và con người thay vì tập trung trong các nhà máy khổng lồ và các thành phố công nghiệp, sẽ phân tán khắp trái đất, nối với nhau bằng hệ thống thông tin cực nhanh. Công việc do con người làm sẽ đi ra khỏi nhà máy và văn phòng, sẽ là ở cộng đồng và ở nhà.

Máy móc sẽ được đồng bộ hoá với tốc độ một

phân tử giấy; con người sẽ được huỷ bỏ đồng bộ hoá. Tiếng còi nhà máy sẽ biến mất. Ngay cả đồng hồ, chiếc máy then chốt của kỷ nguyên công nghiệp hiện đại, sẽ mất một số quyền lực của nó đối với công việc và con người. Đồng thời lúc đó, các tổ chức cần kiểm soát công nghiệp sẽ chuyển từ chế độ quan liêu sang chế độ lâm thời, từ bất biến sang nhất thời, và từ sự quan tâm đến hiện tại sang sự tập trung về tương lai.

Trong một thế giới như thế, những vật tượng trưng có giá trị nhất kỷ nguyên công nghiệp trở thành những bất lợi. Công nghiệp ngày mai không yêu cầu hàng triệu người ngồi đọc giấy tờ, không yêu cầu con người sẵn sàng làm các việc lặp đi lặp lại vô tận, và tuân lệnh mù quáng chỉ vì miếng cơm manh áo, mà nó yêu cầu con người có thể phán đoán quyết định, có thể kết hợp các cách của họ qua những môi trường mới lạ, nhanh chóng phát hiện những mối quan hệ mới trong thực tế thay đổi nhanh. Nó yêu cầu con người phải có tương lai trong xương thịt của họ.

Sau cùng, trừ phi chúng ta kiểm soát được sức đẩy gia tăng, con người tương lai sẽ phải đối phó với thay đổi cuồng nhiệt hơn chúng ta ngày nay. Đối với giáo dục, bài học rất rõ ràng: mục tiêu đầu tiên của nó là phải làm tăng khả năng đối phó của con người - tốc độ thay đổi càng nhanh bao nhiêu thì sự chú ý phân biệt các biến cố tương lai càng nhiều bấy nhiêu.

Để tạo ra một nền giáo dục siêu công nghiệp, đầu tiên chúng ta phải đưa ra những hình ảnh liên tiếp khác nhau của tương lai, như những loại công việc, nghề nghiệp, dạy nghề mà từ 20 đến 50 năm sắp tới sẽ cần đến; như những hình thức gia đình và mối quan hệ con người sẽ chiếm ưu thế: như loại công nghiệp sẽ bao quanh chúng ta và cấu trúc tổ chức.

Chỉ bằng việc tạo ra những điều trên, định nghĩa chúng, tranh luận chúng, hệ thống hoá chúng và liên tục làm mới chúng, thì chúng ta mới có thể rút ra được tính chất những kỹ xảo nhận thức và tình cảm mà con người ngày mai sẽ cần đến để đối phó với sức đẩy gia tăng.

TẤN CÔNG TỔ CHỨC

Một hội đồng tương lai như thế phải theo đuổi ba mục tiêu: biến đổi cơ cấu tổ chức về hệ thống giáo dục của chúng ta, cách mạng hoá chương trình giảng dạy, khuyến khích sự định hướng tập trung về tương lai hơn.

Chúng ta đã thấy sự tương quan giữa tổ chức cơ bản của hệ thống trường học hiện nay và tổ chức cơ bản của nhà máy. Từ lâu nay, chúng ta đã đơn giản cho rằng chỗ phù hợp nhất cho giáo dục là trường học. Thế nhưng nếu một nền giáo dục mới sẽ mô phỏng xã hội ngày mai, thì có cần giáo dục được thực hiện ở trường không?

Khi trình độ giáo dục tăng lên, càng ngày càng có nhiều bậc cha mẹ có khả năng dạy một số môn học cho con họ hơn là thầy giáo ở trường. Với sự tiến về một nền công nghiệp dựa trên kiến thức và thời gian nhàn rỗi đã lên, chúng ta có thể tạo ra một hệ thống giáo dục trong đó các bậc cha mẹ có bằng cấp cao dạy cho con họ học ở nhà một phần chương trình khoa giáo. Khuynh hướng này sẽ được khuyến khích bằng việc cải tiến hệ thống máy tính phục vụ giáo dục, hệ thống giáo dục bằng viđêô v.v... Cha mẹ và sinh viên có thể ký hợp đồng học ngắn hạn với trường học để sinh viên chỉ học vài môn học mà thôi. Sinh viên có thể tiếp tục đến trường tham gia những hoạt động xã hội và thể dục hoặc học những môn mà chúng không thể tự học hoặc cha mẹ và những người thân của gia đình không thể dạy được.

Sự phân tán trong không gian xã hội và địa lý phải đi cùng với sự phân tán trong thời gian. Sự lỗi thời nhanh của kiến thức và tuổi thọ kéo dài làm cho nghề nghiệp học lúc còn trẻ sẽ không còn như cũ khi tuổi già đến. Do đó nền giáo dục siêu công nghiệp phải dự phòng cho sự giáo dục suốt đời trên cơ sở thường xuyên đào tạo lại. Nếu việc học được kéo dài cho cả cuộc đời, thì trẻ con không cần đi học ở trường theo cách chính khoá. Như thế đối với nhiều thanh niên, vừa học vừa làm sẽ là cách phù hợp hơn và mang tính chất giáo dục hơn.

Các cải tiến như thế sẽ gây ra những thay đổi

lớn trong phương pháp giảng dạy. Phương pháp lên lớp là biểu tượng cơ chế cấp bậc của công nghiệp. Trong khi vẫn còn có ích cho những mục đích có giới hạn, lên lớp phải nhường chỗ cho các phương pháp giảng dạy mới. Những thay đổi như thế cùng với công nghiệp sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho sự thay đổi cơ bản trong dạng tổ chức.

Cơ cấu hành chính hiện nay của nền giáo dục dựa trên hệ thống quan liêu công nghiệp, sẽ không thể đối phó với những phức tạp và tốc độ thay đổi gắn với hệ thống nói trên. Cơ cấu hành chính bắt buộc phải tiến về dạng tổ chức lâm thời. Nền giáo dục siêu công nghiệp phải chuẩn bị cho con người hoạt động trong các tổ chức tạm thời của ngày mai.

Ngày nay trẻ con đi học và nhanh chóng phát hiện chúng là một bộ phận của một cơ cấu tổ chức không thay đổi và theo tiêu chuẩn: một lớp học có thầy giáo làm chủ nhiệm. Một thầy giáo và một số học trò để bảo ngồi ngay những hàng ghế đầu trong lớp là mô hình kiểu mẫu của trường học kỷ nguyên công nghiệp. Khi học trò tiến lên từng cấp, chúng vẫn nằm trong khuôn khổ tổ chức cố định này. Chúng không có tí kinh nghiệm gì về những dạng tổ chức khác, hoặc về những vấn đề gây ra bởi sự dịch chuyển từ một hình thức tổ chức này sang một hình thức tổ chức khác. Chúng không được đào tạo cho sự linh hoạt về nhiệm vụ

Các trường học trong tương lai phải thí nghiệm những cách sắp xếp khác nhau như lớp học

nhiều thầy giáo và một học sinh; lớp học nhiều thầy giáo và một nhóm học sinh; học sinh được tổ chức vào các nhóm đặc nhiệm và đề án tạm thời, học sinh chuyển từ làm việc theo nhóm sang làm việc cá nhân hoặc công việc độc lập và quay trở lại làm việc theo nhóm; tất cả những điều trên và sự hoán vị học sinh sẽ được sử dụng để giúp cho học sinh có kinh nghiệm trước khi chúng đi vào tổ chức tạm thời của nền siêu công nghiệp.

Những mục tiêu tổ chức cho Hội đồng tương lai sẽ rất rõ ràng: phân tán, phân quyền, nhập sâu vào cộng đồng, hành chính tạm thời, đoạn tuyệt với hệ thống giờ học và số lượng học sinh. Khi những mục tiêu này được thực hiện thì bất kỳ sự giống nhau nào về tổ chức giữa nền giáo dục và nhà máy kỷ nguyên công nghiệp chỉ là sự ngẫu nhiên đơn thuần.

CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY NGÀY NAY CỦA QUÁ KHỨ

Nếu một phần chương trình giảng dạy ngày nay không phù hợp với xã hội siêu công nghiệp ngày mai thì cần phải xoá bỏ ngay. Đây không phải là một lời phát biểu “chống văn hoá” hoặc lời biện hộ cho sự phá huỷ hoàn toàn về quá khứ. Cũng không phải là chúng ta có thể quên những môn cơ bản như đọc, viết, và toán. Điều muốn nói là hàng triệu học sinh ngày nay bị luật pháp bắt buộc phải tốn một số giờ quý báu của cuộc đời để

272

nhai những môn mà ích lợi phải xem xét lại. Chúng có cần phải tốn nhiều thời gian để học tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha hoặc tiếng Đức không? Những giờ học tiếng Anh thật sự có ích tối đa không? Có phải tất cả trẻ con bắt buộc phải học môn số học không? Học xác suất hoặc logic có thể có ích hơn không? Lập chương trình Computer? Triết học? Mỹ học? Thông tin đại chúng?

Bất kỳ ai nghĩ rằng chương trình giáo dục hiện nay là hợp lý thì phải trả lời cho một học sinh thông minh 14 tuổi rằng tại sao số học hoặc tiếng Pháp hoặc bất kỳ môn học nào khác là thiết yếu cho nó. Các câu trả lời của người lớn hầu như luôn luôn lẫn tránh. Lý do rất đơn giản: chương trình giảng dạy hiện nay là sự bảo lưu ngu xuẩn của quá khứ.

Thí dụ tại sao phải dạy những môn bắt buộc như tiếng Anh, kinh tế, toán học hoặc sinh học? Tại sao không dạy những môn nói về các giai đoạn của chu kỳ cuộc sống con người như sinh đẻ, thời kỳ trẻ nhỏ, thời kỳ trưởng thành, hôn nhân, nghề nghiệp, về hưu, chết. Hoặc tại sao không dạy những vấn đề xã hội, hiện đại? Hoặc tại sao không dạy những công nghiệp có ý nghĩa của quá khứ và tương lai?...

Chương trình giảng dạy hiện nay không dựa trên khái niệm về nhu cầu nhân loại hiện đại, mà nó dựa trên sự trì trệ. Chương trình lỗi thời này áp đặt những tiêu chuẩn vào các trường phổ thông cơ sở cấp 1 và cấp 2. Những đứa trẻ không có sự chọn

lựa trong việc xác định chúng muốn học gì. Sự khác nhau giữa trường này với trường nọ hầu như không có. Chương trình giảng dạy bắt buộc để thi vào đại học phản ánh nhu cầu xã hội và nghề nghiệp của một xã hội đang biến mất.

Trong cuộc đấu tranh đổi mới nền giáo dục, có thể duy trì một số lĩnh vực của giáo trình giảng dạy hiện nay và đưa dần thay đổi vào. Chúng ta cần cách đặt vấn đề có hệ thống để giải quyết tổng thể vấn đề. Sự cân bằng giữa tiêu chuẩn hóa và tính đa dạng trong chương trình giảng dạy cũng phải được xem xét. Sự đa dạng khi đạt đến cực đại có thể tạo ra tính phi xã hội mà trong đó không có điểm tham khảo chung sẽ tạo ra việc thông tin giữa con người với nhau có thể khó khăn hơn ngày nay, vì giáo dục thiên về đồng nhất trong khi xã hội lại thiên về không đồng nhất trong tương lai. Một cách để giải quyết mâu thuẫn giữa nhu cầu cho đa dạng và nhu cầu cho điểm tham khảo chung là phân biệt giữa “số liệu” và “kỹ năng” trong giáo dục.

SỰ ĐA DẠNG CỦA SỐ LIỆU

Học sinh phổ thông cơ sở cấp 1 và cấp 2 hiện nay đều phải học những môn cơ bản như lịch sử, toán, sinh học, văn học, ngữ pháp, ngoại ngữ, v.v.... Thay cho những chương trình giảng dạy như thế, các nhà giáo dục tương lai phải tạo ra những môn

274

học đa dạng rộng lớn hơn. Trẻ con phải được phép chọn lựa nhiều hơn ngày nay; chúng sẽ được khuyến khích học những môn ngắn hạn trước khi chọn những môn dài hạn.

Phạm vi các môn học cũng phải rộng lớn để làm thế nào vừa có thể đối phó với những yếu tố đã biết của tương lai siêu công nghiệp, lại vừa có thể đối phó với những yếu tố không biết của nó. Chúng ta có thể làm điều này bằng cách thiết kế chương trình giảng dạy về các việc bất ngờ. Đó là chương trình giáo dục nhằm đào tạo con người xử lý những vấn đề có thể hoặc không có thể xảy ra, thí dụ: liên lạc với cuộc sống ngoài vũ trụ, quái thai do thí nghiệm về gen sinh ra v.v...

Chúng ta có thể đào tạo thanh thiếu niên về cuộc sống dưới biển như dạy học lặn, giới thiệu các vật liệu xây nhà dưới biển, vấn đề nguồn năng lượng dưới biển, nguy hiểm và triển vọng trong cuộc chinh phục của con người dưới đáy biển... Mặt khác, chúng ta phải giới thiệu về cuộc sống ngoài vũ trụ cho các nhóm thanh thiếu niên khác như cho sống gần các nhà du hành vũ trụ, học về các môi trường hành tinh, làm quen với công nghiệp vũ trụ v.v... Những thí nghiệm như thế được thực hiện dưới sự giám sát có trách nhiệm, phải được xem như là một bộ phận của một nền giáo dục thích hợp, chứ không phải là sự gián đoạn hoặc phủ nhận quy trình học tập.

Nguyên lý của sự đa dạng sẽ giúp làm giảm

bớt các môn học bắt buộc nhưng sẽ làm tăng sự chọn lựa trong các chuyên ngành.

HỆ THỐNG KỸ NĂNG

Việc đa dạng hoá số liệu sẽ làm vấn đề chọn lựa quá nhiều nặng thêm trong cuộc sống của chúng ta. Bất kỳ chương trình đa dạng hoá nào cũng phải đi cùng với việc tạo ra những điểm tham khảo chung trong con người thông qua một hệ thống hợp nhất về kỹ năng. Trong khi tất cả sinh viên không cần phải học cùng một môn học hoặc chứa cùng một bộ số liệu, nhưng tất cả sinh viên phải có cùng một số kỹ năng cần thiết cho sự thông tin giữa con người với con người và sự hợp nhất xã hội.

Những người sống trong xã hội siêu công nghiệp sẽ cần những kỹ năng mới trong 3 lĩnh vực: học, liên hệ và chọn lựa.

Học: Nếu gia tốc tăng mạnh lên, chúng ta có thể kết luận rằng kiến thức sẽ lỗi thời nhanh chóng. “Sự kiện” ngày nay trở thành “tín tức sai” ngày mai. Không có lý luận nào chống lại việc học sự việc hoặc số liệu, nhưng một xã hội mà trong đó cá nhân thay đổi liên tục công việc, nơi ở, mối quan hệ xã hội v.v... thì xã hội phải khuyến khích nhiều về việc học tập. Do đó các trường học ngày mai không phải chỉ dạy số liệu mà còn dạy cách xử lý nó. Sinh viên phải học cách bỏ những tư tưởng cũ, làm thế nào và khi nào thay thế chúng. Nói tóm lại

276

họ phải học cách học như thế nào.

Các Computer thế hệ trước gồm một bộ nhớ hoặc ngân hàng dữ liệu và một chương trình để bảo máy xử lý số liệu như thế nào. Các hệ thống Computơ thế hệ sau không những chỉ chứa nhiều số liệu hơn, mà còn là các đa chương trình; nhờ đó mà người sử dụng có thể áp dụng các chương trình khác nhau với cùng một cơ sở dữ kiện. Các hệ thống như thế đều có “chương trình chủ” nhằm bảo máy chương tình nào sẽ áp dụng và áp dụng khi nào. Việc tăng số chương trình và chương trình chủ đã làm tăng khả năng của máy tính. Một chiến lược tương tự có thể được sử dụng để làm tăng khả năng thích nghi của con người. Bằng việc dạy sinh viên học, không học và học lại như thế nào, một phương pháp mới rất có hiệu quả được đưa thêm vào nền giáo dục.

Liên hệ: Nếu nhịp điệu cuộc sống tiếp tục gia tốc, chúng ta cũng có thể liệu trước sự khó khăn trong việc tạo ra và duy trì các mối quan hệ con người. Một khi nhân tố nhất thời được thừa nhận như là lý do của sự xa lạ, một số thái độ hời hợt kỳ lạ của thanh niên có thể hiểu được nhằm đẩy nhanh việc kết bạn với ai đó, thí dụ như tình dục, phương pháp tâm lý, cuộc sống công xã...

Tất cả những hoạt động này giúp người tham gia có sự tiếp xúc thân mật mà không cần chuẩn bị trước hoặc không cần quen biết trước. Trong nhiều trường hợp các mối quan hệ rất ngắn ngủi, mục

đích của nó chỉ nhằm tăng cường các mối quan hệ tình cảm những điều kiện rất tạm thời. Bằng việc nhanh chóng thay thế người quen biết trong cuộc sống của chúng ta, chúng ta không cần nhiều thời gian để tin tưởng, không cần nhiều thời gian để tình bạn chín muồi.

Người ta có thể nghi ngờ tính hiệu quả của những phương pháp trên, nhưng cho đến khi tốc độ chuyển giao con người bị chậm lại, nền giáo dục phải giúp đỡ con người chấp nhận không có tình bạn lâu bền, chấp nhận sự cô đơn và ngờ vực, hoặc nó phải tìm những cách mới để đẩy nhanh việc tạo ra tình bạn. Nói tóm lại, giáo dục sẽ phải dạy chúng ta cách liên hệ.

Chọn lựa: Nếu chúng ta giải thiết rằng sự di chuyển hướng về nền siêu công nghiệp sẽ làm tăng các loại và độ phức tạp của các quyết định mà cá nhân gặp phải, thì rõ ràng nền giáo dục phải xử lý trực tiếp vấn đề chọn lựa quá nhiều.

Sự thích nghi liên quan đến việc tạo ra những chọn lựa nối tiếp nhau. Đối diện với những khả năng khác nhau, cá nhân phải chọn khả năng phù hợp với giá trị của họ. Do việc chọn lựa quá nhiều nặng nề thêm, nên cá nhân nào không nắm được giá trị riêng của họ sẽ bị làm tê liệt dần dần. Thế nhưng vấn đề giá trị càng quan trọng bao nhiêu thì các trường học hiện nay của chúng ta càng ít muốn đối phó với nó bấy nhiêu.

Trong xã hội tiền công nghiệp, giá trị tương

đổi ổn định và không có vấn đề đối với việc người lớn áp đặt giá trị cho thế hệ trẻ. Nền giáo dục chỉ quan tâm đến việc nhồi nhét những giá trị đạo đức và việc truyền bá kỹ năng. Khi các làn sóng của cuộc cách mạng công nghiệp phá tan kiến trúc giá trị cũ và những điều kiện mới đòi hỏi những giá trị mới, thì các nhà giáo dục ủng hộ.

Các nhà giáo siêu công nghiệp không nên áp đặt giá trị cho sinh viên; nhưng họ phải tổ chức một cách có hệ thống những hoạt động chính thức và bán chính thức nhằm giúp sinh viên xác định, phát triển và thử nghiệm những giá trị của sinh viên dù chúng là gì đi nữa. Các trường học của chúng ta sẽ tiếp tục sản xuất ra những con người công nghiệp cho đến khi chúng ta dạy thanh niên những kỹ năng cần thiết để xác định và làm rõ ràng những xung đột trong hệ thống giá trị riêng của họ.

CHIẾN LƯỢC TUỞNG LAI

Trong hầu hết mọi tình huống, chúng ta có thể giúp cá nhân thích nghi tốt hơn nếu chúng ta cung cấp trước cho họ những tin tức về những gì sẽ xảy ra. Tương tự dù giải quyết bất kỳ vấn đề gì, năng suất của cá nhân sẽ cải thiện nếu họ biết phải mong chờ việc gì sắp đến. Việc xử lý trí tuệ trước những số liệu về bất kỳ chủ đề nào sẽ làm giảm số lượng xử lý và thời gian phản ứng trong khoảng thời gian thích ứng hiện nay.

Tuy nhiên thói quen liệu trước còn quan trọng hơn bất kỳ tin tức được biết trước nào. Khả năng liệu trước có điều kiện này giữ một vai trò then chốt trong việc thích nghi. Thực vậy, một trong những đầu mối để đối phó thành công có thể nằm trong nhận thức của cá nhân về tương lai. Trong số chúng ta, những người theo kịp thay đổi và thích ứng tốt dường như có nhận thức phong phú và phát triển tốt về những gì sẽ xảy ra phía trước hơn là những người thích nghi kém. Việc liệu trước tương lai đã trở thành một thói quen của họ.

Số lượng tư tưởng mà con người dành cho tương lai rất lớn nếu so với số lượng dành cho quá khứ và hiện tại. Một số đầu tư vào việc tưởng tượng, phân tích và đánh giá những khả năng và xác suất tương lai nhiều hơn người khác. Một số có thói quen nghĩ về tương lai gần. Do đó, chúng ta có ít nhất hai chiều tương lai - nhiều bao nhiêu và xa bao nhiêu. Có bằng chứng cho thấy rằng thiếu niên hiện nay rất quan tâm đến những biến cố tương lai xa. Điều này cho thấy con người với độ tuổi khác nhau sẽ dành số lượng thời gian khác nhau để nghĩ về tương lai. "Chân trời thời gian" của họ cũng có thể khác nhau. Nhưng tuổi tác không phải là nguồn ảnh hưởng độc nhất về tương lai của chúng ta. Môi trường văn hoá ảnh hưởng tương lai, và một trong những ảnh hưởng văn hóa quan trọng nhất là tốc độ thay đổi trong môi trường.

Đây là lý do tại sao nhận thức của cá nhân về

tương lai giữ vai trò quan trọng trong khả năng đối phó của họ. Nhịp điệu cuộc sống càng nhanh bao nhiêu thì môi trường hiện nay càng rời xa khỏi chúng ta nhanh bấy nhiêu, và những khả năng tương lai biến thành hiện thực càng nhanh bấy nhiêu. Khi môi trường thay đổi nhanh, chúng ta bị áp lực dành nhiều trí tuệ để nghĩ về tương lai và mở rộng chân trời thời gian của chúng ta để thăm dò càng ngày càng xa hơn. Nói tóm lại, môi trường thay đổi nhiều bao nhiêu thì nhu cầu cho tương lai càng nhiều bấy nhiêu.

Một số người nghĩ quá xa về tương lai đến nỗi sự liệu trước của họ biến thành hình ảnh tưởng tượng thoát ly thực tế. Một số người khác lại nghĩ quá gần nên họ luôn luôn ngạc nhiên với những thay đổi. Những người thích nghĩ được thường nghĩ về tương lai đúng khoảng cách cần thiết, họ nghiên cứu và đánh giá những khả năng khác nhau mở ra cho họ trước khi đi đến quyết định cuối cùng.

Liên quan với việc phát triển cá nhân và việc tăng khả năng thích ứng nền giáo dục cần phải giúp đỡ trẻ con phát triển sự thiên về thời gian thích hợp, hoặc mức độ phù hợp về tương lai. Thí dụ, chúng ta cùng xem sự tương phản giữa cái cách mà trường học hiện nay dạy về không gian và thời gian. Chúng ta dạy đứa trẻ vị trí không gian nó đang ở trên trái đất, chúng ta chỉ rõ cho nó biết về thành phố, khu vực, đất nước của nó ở đâu, chúng ta còn giảng cho nó rất rõ về mối quan hệ khăng khít của trái

dắt trong thái dương hệ và trong vũ trụ.

Nhưng khi nói về vị trí của nó trong thời gian thì tất cả mọi việc đều chấm dứt. Chúng ta dạy nó học về nước Hy Lạp Cổ đại, sự nổi lên của chế độ phong kiến, cuộc cách mạng Pháp v.v... Nó được nhồi nhét lịch sử về chiến tranh, cách mạng và biến động với thời gian rõ ràng trong quá khứ. Đôi khi chúng được thưởng thức những biến cố hiện nay. Và rồi tất cả chấm dứt tại đó. Trường học im lặng hoàn toàn về tương lai. Không phải chỉ lịch sử của chúng ta chấm dứt với năm trẻ con được dạy, mà còn có các môn như chính trị, kinh tế, tâm lý và sinh học cũng chịu cùng số phận. Thời gian dừng lại đột ngột. Học sinh được tập trung chú ý về quá khứ chứ không phải về tương lai. Tương lai bị cấm chỉ trong lớp học cũng như bị cấm chỉ trong nhận thức của học sinh. Điều này giống như là không có tương lai.

Nếu con cháu của chúng ta muốn thích nghi thành công đối với sự thay đổi nhanh thì sự bóp méo về thời gian này phải này phải được chấm dứt. Chúng ta phải làm cho chúng nhạy cảm về những khả năng và xác suất của ngày mai. Chúng ta phải làm tăng nhận thức của chúng về tương lai.

Xã hội có nhiều khoảng thời gian có sẵn nhằm giúp liên kết thế hệ hiện nay với quá khứ. Nhận thức của chúng ta về quá khứ được phát triển bằng sự tiếp xúc với thế hệ già, bằng kiến thức lịch sử của chúng ta, bằng tài sản kế thừa tích lũy về

nghệ thuật, nhạc, văn chương và khoa học. Nhận thức này được tăng cường bằng những tiếp xúc trực tiếp với đồ vật xung quanh chúng ta, mỗi thứ đều có nguồn gốc của nó trong quá khứ, đều cho ta biết về nét đồng nhất của nó trong quá khứ.

Không có khoảng thời gian nào như thế làm tăng nhận thức của chúng ta về tương lai. Chúng ta không có đồ vật, không có bạn bè, không có người thân, không có nghệ thuật, nhạc hoặc văn chương bắt nguồn trong tương lai. Chúng ta không có tài sản kế thừa của tương lai.

Có những cách để đưa trí óc con người đi về tương lai cũng như lui lại quá khứ. chúng ta bắt đầu bằng cách tạo ra sự nhận thức tương lai để tập trung về những vấn đề cá nhân và xã hội của tương lai, chứ không phải chỉ tập trung về công nghiệp tương lai. Nếu một người hiện tại sẽ phải đối phó với hàng nghìn thay đổi trong vòng khoảng thời gian cuộc sống của họ, thì họ phải mang trong đầu họ những hình ảnh tương đối chính xác về tương lai.

Như thế chúng ta cần phải tuyên truyền những hình ảnh sống động và không phải hình ảnh siêu tự nhiên về cuộc sống tạm thời sẽ giống như thế nào, nó sẽ nghe, ngửi, nếm và cảm thấy như thế nào trong tương lai. Để tạo ra những hình ảnh như thế và để làm nhẹ bớt ảnh hưởng của cú sốc tương lai, chúng ta phải bắt đầu bằng việc làm cho những suy đoán về tương lai phải được tôn trọng.

Việc này được thực hiện bằng nhiều cách như khuyến khích mọi người dự đoán những gì sẽ xảy ra cho họ trong tuần, trong tháng. Khuyến khích đọc sách khoa học viễn tưởng, xem phim khoa học viễn tưởng. Chơi những trò chơi chọn lựa những khả năng xã hội và công nghiệp khác nhau trong tương lai. Đối với trẻ con, có thể đề nghị chúng viết về tiểu sử của chúng trong 10, 20 hoặc 30 năm sắp đến v.v...

Nền giáo dục phải dịch chuyển vào thời tương lai.

Chương 19

THUẦN HOÁ CÔNG NGHIỆP

Cú sốc tương lai - căn bệnh về sự thay đổi - có thể được ngăn ngừa, nhưng phải có hành động quyết liệt về xã hội và chính trị. Dù cá nhân cố gắng điều chỉnh nhịp điệu cuộc sống của họ như thế nào, dù chúng ta có tạo ra các giải pháp tâm lý gì đi nữa, dù chúng ta thay đổi giáo dục như thế nào đi nữa, toàn bộ xã hội vẫn sẽ bị kẹt vào cái cối xay cho đến khi chúng ta kiểm soát được sức đẩy gia tăng.

Tốc độ thay đổi cao có thể do nhiều nhân tố. Dân số tăng, đô thị hoá, tỉ lệ giữa người già và thanh niên, tất cả đều có vai trò của chúng. Thế nhưng sự tiến bộ công nghiệp rõ ràng là điểm mấu chốt của tất cả các lý do; và đó có thể là điểm khởi

động của tất cả mọi vấn đề. Do đó một chiến lược quan trọng trong công cuộc đấu tranh ngăn chặn cú sốc tương lai tập thể có liên quan đến sự điều chỉnh có ý thức về sự tiến bộ công nghiệp.

Chúng ta không thể ngăn chặn sự tiến bộ công nghiệp. Chỉ những kẻ điên rồ mới đòi quay lại trạng thái thiên nhiên, đó là trạng thái mà trẻ con teo quắt lại và chết vì thiếu thuốc men, đó là trạng thái mà sự suy dinh dưỡng làm bộ óc mất hiệu lực, đó là trạng thái mà cuộc sống tiêu biểu sẽ là nghèo, bẩn thỉu, thô bạo và chết non. Quay lưng lại với công nghiệp không chỉ là ngu xuẩn mà còn là vô đạo đức.

Giả sử đa số nhân loại sống trở lại thế kỷ XII, ai sẽ dám nói sự dùng xong vút đi là chìa khoá của sự tiến bộ kinh tế? Những ai nói huyền thiên điều vô nghĩa chống lại công nghiệp nhân danh một “giá trị nhân loại” mơ hồ nào đó cần phải được hỏi “nhân loại nào?” Quay ngược lại đồng hồ có nghĩa là kết án hàng tỉ người sống trong cực khổ thường xuyên vào đúng lúc mà thời điểm giải phóng họ trở thành hiện thực. Rõ ràng chúng ta cần nhiều công nghiệp hơn. Nhưng đúng là chúng ta thường áp dụng nền công nghiệp mới một cách ngu xuẩn và ích kỷ. Trong sự vội vàng của chúng ta nhằm khai thác công nghiệp để có được lợi nhuận kinh tế ngay tức khắc, chúng ta đã biến môi trường của chúng ta thành cái môi lửa vật lý và xã hội.

Sự tăng tốc về phổ biến, tính chất tự củng cố

của tiến bộ công nghiệp, sự gắn bó chặt chẽ giữa công nghiệp và cách sắp xếp xã hội, tất cả những điều đó đã tạo ra một hình thức ô nhiễm tâm lý, một sự gia tốc dường như không dừng được về nhịp điệu cuộc sống. Sự ô nhiễm tâm lý này sánh được với những thứ mà kỹ nghệ thải ra trong không khí và biển của chúng ta. Thêm vào đó là những bãi rác khổng lồ đầy xe ô tô cũ, lon nhôm, vỏ chai, plastic tổng hợp v.v... Chúng ta không biết phải làm gì với rác phóng xạ, chôn sâu nó trong lòng đất, đưa vào vũ trụ hoặc đổ chúng xuống biển.

Sức mạnh công nghiệp của chúng ta tăng lên, nhưng những hiệu quả phụ và những mối nguy hiểm tiềm tàng cũng gia tăng. Chúng ta có khả năng làm ô nhiễm đại dương; làm đại dương nóng lên, tiêu diệt vô số sinh vật biển, và có thể làm chảy các khối nước đá ở hai cực. Trên mặt đất, chúng ta tập trung dân số đông đúc trong những hòn đảo công nghiệp - thành phố đến nỗi sử dụng hết ôxy nhanh hơn là nó được thay thế. Thông qua sự phá vỡ sinh thái học tự nhiên, chúng ta hầu như đang tiêu diệt hành tinh này như là một nơi ở thích hợp cho nhân loại.

PHẢN ỨNG TRÁI NGƯỢC VỀ CÔNG NGHIỆP

Khi hậu quả của nền công nghiệp được áp dụng vô trách nhiệm trở thành rõ ràng, thì sự phản ứng đối kháng về chính trị tăng lên. Chúng

ta đã thấy có những đốm lửa đầu tiên về sự nổi loạn thế giới sẽ làm rung chuyển quốc hội và chính phủ trong những thập kỷ sắp đến. Sự phản đối này chống lại những tàn phá của nền công nghiệp được sử dụng vô trách nhiệm có thể kết tinh dưới dạng bệnh lý giống như chủ nghĩa phát-xít ghét tương lai với các nhà khoa học thay thế cho người Do Thái trong các trại tập trung. Nhưng xã hội bệnh hoạn cần những kẻ bung xung. Khi các áp lực về thay đổi tác động nặng nề hơn lên cá nhân và sự lưu hành cú sốc tương lai tăng lên, thì kết quả ác mộng này trở thành sự thật.

Phong trào thế giới đòi kiểm soát công nghiệp không được rơi vào tay của những người ghét công nghiệp vô trách nhiệm, những nhà theo chủ nghĩa hư vô và những nhà lãng mạn thời cách mạng Pháp. Vì sức mạnh của sự tiến triển công nghiệp quá lớn để có thể bị dừng lại bởi những cực đoan của Ladaítơ (Luddite). Những cố gắng liêu lĩnh để dừng nền công nghiệp lại sẽ sinh ra những kết quả phá hoại giống như những cố gắng liêu lĩnh đẩy nó tiến bộ.

Bị vướng vào hai mối nguy hiểm này, chúng ta cần một phong trào cho nền công nghiệp có trách nhiệm. Chúng ta cần một sự nhóm họp chính trị rộng lớn ràng buộc với sự nghiên cứu khoa học xa hơn và với sự tiến bộ công nghiệp. Thay vì hao tổn năng lượng trong việc chối bỏ công nghiệp hoặc trong việc phê bình tiêu cực về chương trình vũ

trụ, cần phải phát biểu có hệ thống các mục tiêu công nghiệp tích cực cho tương lai. Những mục tiêu như thế, nếu dễ hiểu và được thực hiện tốt, có thể mang lại trật tự cho lĩnh vực mà hiện nay hoàn toàn hỗn loạn.

Các nhà cấp tiến thường tố cáo giai cấp lãnh đạo về việc kiểm soát xã hội theo những cách thù địch với hạnh phúc của nhân dân. Thế nhưng ngày nay chúng ta đối diện với một thực tế nguy hiểm hơn: nhiều căn bệnh xã hội là hậu quả của việc thiếu kiểm soát áp bức hơn là kiểm soát áp bức. Không có ai chịu trách nhiệm về sự thật hãi hùng này.

CHỌN CÁC KIỂU VĂN HOÁ

Chừng nào mà một quốc gia đang công nghiệp hoá vẫn còn nghèo thì nó có khuynh hướng đón chào không cần bàn cãi bất kỳ sự đổi mới kỹ thuật nào có thể cải thiện nền kinh tế hoặc phúc lợi vật chất. Đây là một chính sách công nghiệp ngấm, và nó có thể làm cho kinh tế phát triển nhanh chóng. Tuy nhiên đây là một chính sách vô cùng đơn giản, kết quả là tất cả các loại máy mới và quy trình được đưa vào xã hội mà không chú ý đến những hậu quả trước mắt hoặc lâu dài.

Một khi xã hội bắt đầu tăng tốc tiến về nền siêu công nghiệp, thì chính sách trên trở thành khiếm khuyết một cách nguy hiểm. Ngoài việc làm

tăng sức mạnh và phạm vi công nghiệp thì những khả năng chọn lựa cũng tăng lên. Nền công nghiệp tiên tiến tạo ra sự chọn lựa quá nhiều đối với hàng hoá, sản phẩm văn hoá, dịch vụ và lối sống. Đồng thời sự chọn lựa quá nhiều mô tả đặc tính của nền công nghiệp.

Những sự đổi mới khác nhau được bày ra trước xã hội và vấn đề chọn lựa trở thành càng ngày càng khó khăn hơn. Chính sách đơn giản cũ và sự chọn lựa được thực hiện theo quyền lợi kinh tế ngắn hạn, cho thấy là nguy hiểm, nhầm lẫn và không ổn định.

Ngày nay chúng ta cần những tiêu chuẩn phức tạp hơn cho sự chọn lựa trong số các nền công nghiệp. Chúng ta cần những tiêu chuẩn chính sách như thế không phải chỉ ngăn chặn những tai hoạ có thể tránh được mà còn giúp chúng ta phát hiện những cơ hội của ngày mai. Đối diện lần đầu với sự chọn lựa công nghiệp quá nhiều, xã hội phải chọn máy móc, quy trình, kỹ thuật và hệ thống theo nhóm và cụm, chứ không phải chọn từng cái một. Xã hội phải chọn theo cách mà cá nhân chọn lối sống của họ, xã hội phải thực hiện siêu quyết định về tương lai của nó.

Hơn thế nữa, giống như cá nhân có thể thực hiện sự chọn lựa có ý thức trong số các lối sống khác nhau, một xã hội ngày nay, cũng có thể chọn một cách có ý thức trong số các kiểu văn hóa khác nhau. Đây là một sự kiện mới trong lịch sử. Trong

quá khứ, văn hoá đã nổi lên mà không có sự chú tâm. Ngày nay, lần đầu tiên chúng ta có thể nâng qui trình đó lên thành sự hiểu biết. Bằng việc áp dụng chính sách công nghiệp có ý thức cùng với những biện pháp khác, chúng ta có thể đi vòng quanh nền văn hoá tương lai.

Trong cuốn sách *Năm 2000* có liệt kê 100 sáng kiến kỹ thuật dường như sẽ xảy ra trong một phần ba cuối cùng của thế kỷ. Những sáng kiến này gồm việc áp dụng lade cho vật liệu mới, nguồn năng lượng mới, máy bay và tàu ngầm mới, ảnh ba chiều, trong thông tin, trong giao thông v.v... khắp mọi lĩnh vực chúng ta đối diện với sự tràn ngập sáng kiến. Do đó độ phức tạp về chọn lựa đang làm choáng người.

Rõ ràng là một xã hội chọn lựa máy tính thông minh, năng lượng nguyên tử, chuyên chở siêu âm, kỹ thuật vĩ mô trên phạm vi lục địa, cùng với chất LSD và máy dò sở thích, sẽ phát triển một nền văn hóa khác với nền văn hoá chọn việc làm tăng sự thông minh, phổ biến thuốc chống hiệu chiến và cung cấp tim nhân tạo giá thấp.

Những khác nhau rõ ràng sẽ nổi lên giữa xã hội đẩy sự tiến bộ công nghiệp một cách có chọn lọc và xã hội tóm lấy bất kỳ công nghiệp nào khi có cơ hội. Thậm chí cũng có cả sự khác nhau rõ ràng giữa xã hội có nhịp điệu phát triển công nghiệp vừa phải, có hướng dẫn để ngăn chặn cú sốc tương lai, với xã hội trong đó quần chúng nhân dân bình

thường bị bắt lức trong việc lấy quyết định hợp lý. Trong một xã hội, nền dân chủ chính trị và sự tham gia quy mô rộng lớn là có thể thực hiện được; trong xã hội kia, các áp lực mạnh mẽ sẽ dẫn đến sự cai trị chính trị của một nhóm nhỏ quản trị công nghiệp. Nói tóm lại, sự chọn lựa của chúng ta về các nền công nghiệp sẽ định hình kiểu văn hoá của tương lai.

Đó là lý do tại sao những vấn đề công nghiệp không thể được trả lời chỉ bằng công nghiệp. Đó là những vấn đề chính trị. Thực vậy, chúng ảnh hưởng đối với chúng ta sâu đậm hơn hầu hết những vấn đề chính trị hời hợt hiện nay. Đó là lý do tại sao. Chúng ta không thể lấy quyết định theo may rủi, hoặc quyết định này độc lập với quyết định kia. chúng ta không thể cho phép chúng được lấy theo những yêu cầu kinh tế ngắn hạn. Chúng ta không thể cho phép chúng được lấy trong sự trống rỗng chính sách. Và không thể chuyển giao trách nhiệm về những quyết định như thế cho các nhà kinh doanh, các nhà khoa học, các kỹ sư hoặc các nhà quản trị không biết gì tới hậu quả nghiêm trọng về những hành động của họ.

BẢN DẪN VÀ TÌNH DỤC

Để kiểm soát công nghiệp và có ảnh hưởng đến sức đẩy gia tăng, chúng ta phải thử nghiệm nền công nghiệp mới trước khi đưa nó vào xã hội.

Chúng ta phải đặt một loạt câu hỏi về bất kỳ sự phát minh nào trước khi đưa nó vào sử dụng.

Đầu tiên, kinh nghiệm cay đắng đã dạy chúng ta phải xem xét cẩn thận những hậu quả vật lý tiềm tàng của bất kỳ nền công nghiệp mới nào. Dù chúng ta đang đề nghị một nguồn năng lượng mới, một vật liệu mới, một hoá chất mới, chúng ta phải xác định nó thay đổi sự cân bằng sinh thái như thế nào. Hơn thế nữa, chúng ta phải liệu trước ảnh hưởng gián tiếp của nó trong lâu dài theo thời gian và không gian. Rác rưởi công nghiệp đổ xuống sông có thể kéo dài hàng nghìn cây số trong đại dương. Chất DDT sau khi dùng một năm cho thấy ngay hậu quả của nó.

Thứ hai, chúng ta phải hỏi tác động dài hạn của một sáng kiến kỹ thuật đối với môi trường xã hội, văn hoá và tâm lý. Xe ô tô được tin rộng rãi là đã thay đổi hình dáng các thành phố của chúng ta, dịch chuyển việc sở hữu nhà cửa và phương thức bán lẻ, thay đổi thói quen tình dục và làm lỏng lẻo mối quan hệ gia đình. Ở Trung Đông, sự lan nhanh máy thu thanh bán dẫn được gán cho việc nổi lên của chủ nghĩa dân tộc Ả Rập. Thuốc hạn chế sinh đẻ, Computer, công nghiệp vũ trụ, cũng là sự phát minh và phổ biến những công nghiệp “mềm” như phân tích hệ thống, tất cả đều mang sự thay đổi xã hội có ý nghĩa trong tác động của chúng.

Chúng ta không thể để những hậu quả phụ về văn hoá và xã hội xảy ra. Chúng ta phải liệu

trước chúng, đánh giá tính chất, cường độ và thời gian tính của chúng. Nếu những hậu quả này dường như sẽ gây tác hại nghiêm trọng, chúng ta phải sẵn sàng ngăn chặn công nghiệp mới ngay. Đôi khi phải thử nghiệm công nghiệp mới trong các vùng giới hạn, trong các nhóm giới hạn, nghiên cứu tác động phụ của nó trước khi phổ biến nó.

Thứ ba, ngoài những thay đổi hiện nay trong cấu trúc xã hội, một công nghiệp mới được thực nghiệm sẽ ảnh hưởng tới hệ thống giá trị của xã hội như thế nào? Chúng ta biết rất ít về cấu trúc giá trị và sự thay đổi của chúng, nhưng có lý do để tin rằng chúng cũng bị công nghiệp tác động nặng. Tôi đề nghị chúng ta phải phát triển một nghề mới gọi là “những người dự báo tác động giá trị”, gồm một số người được đào tạo để sử dụng những phương pháp khoa học tiên tiến nhất nhằm đánh giá những tác động về giá trị của công nghiệp được đề nghị.

Thứ tư, đối với mỗi sáng kiến công nghiệp chủ yếu, chúng ta phải hỏi: Tác động gia tăng của nó là gì? Những vấn đề thích nghi đã vượt quá xa những khó khăn về việc đối phó với sự phát minh này hay kỹ thuật kia. Vấn đề của chúng ta không còn là sáng kiến nữa mà là một dây sáng kiến với cái mới mà chúng tràn ngập vào xã hội.

Sáng kiến được đề nghị có giúp chúng ta kiểm soát tốc độ và phương hướng của những tiến bộ tiếp theo không? Nó có khuynh hướng gia tốc qui

trình chủ lực mà chúng ta không kiểm soát nổi không? Nó ảnh hưởng mức độ nhất thời, tỉ lệ cái mới và sự đa dạng chọn lựa như thế nào? Cho đến khi chúng ta trả lời những câu hỏi này, những cố gắng của chúng ta chế ngự công nghiệp cho các mục tiêu xã hội vẫn còn là không rõ ràng và vô ích.

Chúng ta đã tự dạy cho mình cách tạo ra và tổng hợp sức mạnh của các nền công nghiệp. Chúng ta chưa đau khổ để biết về những hậu quả của chúng. Ngày nay những hậu quả này hăm dọa tiêu diệt chúng ta. Chúng ta phải biết và biết nhanh.

CƠ QUAN KIỂM TRA CÔNG NGHIỆP

Sự thách đố không phải chỉ là tri thức mà còn là chính trị. Trong việc thiết kế cách mới để hiểu được môi trường của chúng ta, chúng ta cũng phải thiết chế các cơ quan chính trị sáng tạo mới để đảm bảo những vấn đề này được điều tra, và để nâng lên hoặc cấm chỉ một số công nghiệp đã được đề nghị. Thực vậy, chúng ta cần một guồng máy để sàng lọc các loại máy.

Nhiệm vụ chính trị then chốt của thập kỷ sắp đến sẽ là tạo ra guồng máy này. Chúng ta phải chấm dứt sự sợ hãi về việc kiểm tra xã hội có hệ thống trên công nghiệp. Trách nhiệm phải được chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước và các công ty và các phòng thí nghiệm là nơi mà sáng kiến công nghiệp đã được sinh ra.

Việc kiểm soát công nghiệp không cần phải ẩn giấu những giới hạn về tự do tiến hành nghiên cứu. Vấn đề có liên quan không phải là phát minh mà là phổ biến, không phải là sáng chế mà là áp dụng. Những lời cảnh cáo về kiểm soát quá độ cũng không thể được xem nhẹ. Thế nhưng hậu quả của việc không kiểm soát có thể còn tệ hơn khoa học và công nghiệp chưa bao giờ tự do theo nghĩa tuyệt đối. Những phát minh và tốc độ áp dụng nó đều bị ảnh hưởng bởi những giá trị và thể chế của xã hội đã nâng chúng lên. Mỗi xã hội đều sàng lọc những sáng kiến kỹ thuật trước khi đưa chúng vào sử dụng rộng rãi.

Cần phải thay đổi cách ngẫu nhiên được làm như ngày nay và tiêu chuẩn để chọn lựa. Trong các nước phương Tây, những tiêu chuẩn cơ bản để chọn lọc một số phát minh công nghiệp và áp dụng những phát minh phải đóng góp vào sự phát triển kinh tế tổng thể và sức mạnh quốc gia. Ở các nước phương Tây, quyết định là riêng biệt và được phân quyền một cách đa nguyên. Ở các nước cộng sản, quyết định là tập thể và được tập trung quyền chặt chẽ.

Cả hai hệ thống giờ đây đều lỗi thời, không thể đối phó với sự phức tạp của xã hội siêu công nghiệp. Cả hai có khuynh hướng quên tất cả trừ những hậu quả rõ ràng và ngay tức thì của công nghiệp. Thế nhưng chính những tác động không tức thì và không rõ ràng này liên quan đến chúng ta.

Như thế chúng ta cần tạo ra cơ quan kiểm tra công nghiệp với nhiệm vụ thu thập, điều tra và hành động về những lời than phiền đối với những áp dụng vô trách nhiệm của công nghiệp. Ai sẽ chịu trách nhiệm sửa chữa những hậu quả tai hại của công nghiệp?

Những người đóng thuế và cộng đồng phải trả giá cho sự ô nhiễm môi trường, mặc dù nguồn ô nhiễm đến từ các công ty, kỹ nghệ hoặc cơ quan nhà nước. Có thể giá làm giảm ô nhiễm phải do nhân dân chịu dưới dạng tổng phí xã hội hơn là do các công ty phải chịu. Có nhiều cách chỉ định giá thành phải trả cho việc làm giảm ô nhiễm. Nhưng dù cách gì đi nữa, thì ranh giới trách nhiệm phải được làm rõ ràng.

Cơ quan kiểm tra công nghiệp có thể được dùng như là hội đồng chính thức tiếp nhận những lời than phiền. Bằng cách đưa ra báo chí về những công ty hoặc cơ quan nhà nước đã áp dụng công nghiệp mới một cách vô trách nhiệm, một cơ quan như thế có thể gây áp lực để việc sử dụng công nghiệp mới tốt hơn. Được giao cho quyền khởi tố khi cần thiết, nó có thể trở thành lực cản có ý nghĩa đối với sự vô trách nhiệm công nghiệp.

BỘ SÀNG LỌC MÔI TRƯỜNG

Nếu chỉ điều tra và quy trách nhiệm sau khi sự việc xảy ra thì rõ ràng là không đủ. Chúng ta

phải tạo ra bộ sàng lọc môi trường để bảo vệ chúng ta chống lại những thâm nhập nguy hiểm cũng như là hệ thống khuyến khích thúc đẩy công nghiệp đã cho rằng công nghiệp là an toàn và cần thiết cho xã hội. Điều này có nghĩa là các guồng máy tư và của chính phủ phải xem xét những tiến bộ công nghiệp trước khi chúng được đưa vào xã hội.

Các công ty có thể thành lập “Ban phân tích hậu quả” để nghiên cứu những hậu quả tiềm tàng của những sáng kiến mà họ ủng hộ. Họ có thể được yêu cầu không chỉ thử nghiệm công nghiệp mới ở các vùng mẫu, mà còn phải công bố rộng rãi báo cáo về tác động của công nghiệp đó trước khi được cho phép phổ biến sáng kiến ra xã hội. Những trách nhiệm phải được giao cho các công ty công nghiệp. Càng ít tập trung bao nhiêu thì kiểm soát càng tốt hơn. Việc để cho các công ty tự quản về kiểm soát công nghiệp tốt hơn là giao việc kiểm soát đó cho bên ngoài. Tuy nhiên nếu việc tự quản về kiểm soát công nghiệp thất bại, thì sự can thiệp công cộng có thể là cần thiết và chúng ta không được lẩn trốn trách nhiệm.

Xã hội cũng phải đặt một số nguyên tắc tổng quát cho sự tiến bộ công nghiệp. Thí dụ khi áp dụng sáng kiến mới kéo theo những nguy hiểm quá mức, có thể cần phải có quỹ tiền để cơ quan có trách nhiệm sửa chữa những hậu quả tai hại. Một số sự can thiệp sinh thái quy mô lớn có thể bị hoãn lại hoặc bị cấm trước khi hậu quả của sự can thiệp

đó trở thành tai hoạ khủng khiếp.

Ở mức độ hậu quả xã hội, một công nghiệp mới phải được xem xét bởi các nhà tâm lý học, xã hội học, kinh tế học, khoa học chính trị, họ sẽ xác định cường độ có thể của tác động xã hội của công nghiệp mới vào những thời điểm khác nhau. Nơi nào mà sáng kiến dường như kéo theo những hậu quả phá vỡ, hoặc gây ra những áp lực gia tăng không bị hạn chế, những sự việc này cần được cân nhắc theo thủ tục xã hội cần thiết. Trong trường hợp một số sáng kiến có tác động cao, cơ quan đánh giá công nghiệp phải được giao quyền luật pháp để công bố lệnh hoãn thi hành cho đến khi sự trao đổi rộng rãi và nghiên cứu hoàn thành. Trong những trường hợp khác, những sáng kiến như thế có thể loại bỏ những hậu quả tiêu cực của chúng. Theo cách này, xã hội không cần phải đợi tai hoạ trước khi đối phó với những vấn đề do công nghiệp gây ra.

Bằng việc xem xét không phải chỉ các công nghiệp đặc biệt mà còn xem xét mối quan hệ giữa khoảng thời gian cách biệt giữa chúng, tốc độ phổ biến và những nhân tố tương tự, chúng ta có thể có được một số kiểm soát công nghiệp sẽ gây ra xung đột trong những ngày sắp đến. Nhưng có xung đột hay không, công nghiệp phải được thuần hoá nếu muốn kiểm soát sức đẩy gia tăng. Và sức đẩy gia tăng phải được kiểm soát nếu muốn ngăn chặn cú sốc tương lai .

Chương 20

CHIẾN LƯỢC CỦA CHỦ NGHĨA VỊ LAI XÃ HỘI

Nếu chỉ là công nghiệp không được kiểm soát, các vấn đề của chúng ta cũng đủ nghiêm trọng. Thế nhưng sự việc chết người là nhiều qui trình xã hội khác cũng bắt đầu chạy tự do, dao động dữ dội, chống lại những cố gắng tốt nhất của chúng ta nhằm hướng dẫn chúng.

Đô thị hoá, xung đột chủng tộc, di dân, dân số, tội ác, và hàng nghìn vấn đề khác nổi lên trong bãi chiến trường mà những cố gắng của chúng ta định hình sự thay đổi dường như vô vãn và vô ích. Một số cố gắng này không liên quan đến công nghiệp, số khác chỉ liên quan một phần. Tốc độ nhanh và không đều nhau về thay đổi, sự dịch chuyển và bước ngoặt trong hướng đi, bắt buộc chúng ta phải đặt câu hỏi phải chăng những xã hội công nghiệp, ngay cả những nước tương đối nhỏ như Thụy Điển và Bỉ đã phát triển quá phức tạp và quá nhanh để có thể quản lý được?

Làm thế nào chúng ta ngăn chặn cú sốc tương lai tập thể, điều chỉnh một cách có chọn lọc nhịp điệu thay đổi, tăng hoặc giảm mức độ kích thích, khi các chính phủ dường như không thể chỉ ra được sự thay đổi theo hướng đúng? Tại sao những chương trình phúc lợi thường làm hỏng hơn là giúp đỡ khách hàng của chúng? Tại sao sinh viên nào

động và nổi loạn? Tại sao các đường cao tốc giao thông ùn tắc thêm thay vì làm giảm bớt ùn tắc? Tại sao nhiều chương trình có ý đồ tốt trở thành vô dụng và gây ra những hậu quả phụ huỷ hết tác dụng chính.

Xã hội đang đi bừa bãi. Bừa bãi nghĩa là những kết quả của chính sách xã hội trở thành lầm lẫn và khó đoán được. Như thế đây là ý nghĩa chính trị của cú sốc tương lai. Vì giống như cú sốc tương lai của cá nhân do từ việc không có khả năng theo kịp tốc độ thay đổi, các chính phủ cũng chịu một loại cú sốc tương lai tập thể, sự phá vỡ các qui trình quyết định của họ.

CÁI CHẾT CỦA NỀN CÔNG NGHIỆP

Những gì chúng ta đang chứng kiến là sự bắt đầu của sự sụp đổ cuối cùng của hệ thống công nghiệp quy mô lớn, và cùng với nó là sự sụp đổ của việc lập kế hoạch nền công nghiệp. Nói về lập kế hoạch nền công nghiệp, tôi không muốn nói đến hệ thống lập kế hoạch quốc gia trung ương đã mô tả đặc điểm về Liên Xô, mà tôi muốn nói đến những cố gắng không chính thức và phân tán nhiều hơn ở cách quản lý một cách có hệ thống sự thay đổi của tất cả các quốc gia công nghiệp cao mà không để ý đến chế độ chính trị của họ. Ngay cả trong bối cảnh của một nền kinh tế tư bản, các công ty lớn đã đi một quãng đường dài để hợp lý hoá sản xuất

300

và phân phối, để lập kế hoạch cho tương lai của họ một cách tốt nhất mà họ có thể. Các chính phủ cũng bận rộn trong việc lập kế hoạch. Ở Thụy Điển, Italia, Đức và Nhật, các chính phủ tích cực can thiệp vào khu vực kinh tế để bảo vệ một số công nghiệp, để cấp vốn cho các công nghiệp khác, và để thúc đẩy sự phát triển. Ở Mỹ và Anh, ngay cả chính quyền địa phương cũng lập ra các sở kế hoạch. Do đó, mặc dù có tất cả những cố gắng này, tại sao hệ thống đang nhẹ nhàng ra khỏi sự kiểm soát? Vấn đề không phải là chúng ta lập kế hoạch quá ít; mà còn là chúng ta lập kế hoạch quá kém. Một phần của vấn đề là ngay chính tiền đề ẩn ngầm trong việc lập kế hoạch của chúng ta.

Đầu tiên, việc lập kế hoạch nền công nghiệp, tự nó là sản phẩm của nền công nghiệp quy mô lớn, phản ánh giá trị của kỷ nguyên biến mất nhanh chóng. Trong cả hai hệ thống tư bản và cộng sản, nền công nghiệp quy mô lớn là một hệ thống tập trung vào việc tối đa hoá phúc lợi vật chất. Như thế đối với một nhà công nghiệp chủ nghĩa ở Detroit cũng như ở Kiép, sự tiến bộ kinh tế là mục tiêu chính; công nghiệp là công cụ chủ yếu. Sự việc là trong một hệ thống sự tiến bộ kinh tế mang lại tư lợi và trong hệ thống kia mang lại quyền lợi tập thể, không thay đổi được cốt lõi vấn đề chung cho cả hai. Lập kế hoạch công nghiệp là trung tâm kinh tế.

Thứ hai, lập kế hoạch công nghiệp phản ánh

sự thiên về thời gian của hệ thống công nghiệp quy mô lớn. Đấu tranh để thoát khỏi sự định hướng khó thở của các xã hội trước, hệ thống công nghiệp quy mô lớn tập trung nhiều vào hiện tại. Trong thực tế, điều này có nghĩa là việc lập kế hoạch có quan hệ với tương lai gần nhất. Sáng kiến kế hoạch 5 năm làm cho thế giới chú ý như sự vị lai điên cuồng khi lần đầu nó được Liên Xô công bố vào năm 1920. Ngay cả ngày nay, trừ trong các tổ chức tiên tiến nhất ở cả hai phía của bức màn ý thức hệ, những dự báo một hoặc hai năm được xem như là kế hoạch dài hạn. Một số ít các công ty và cơ quan chính phủ đã bắt đầu quan tâm đến chân trời 10, 20 hoặc 50 năm trong tương lai. Tuy nhiên, đa số các công ty và cơ quan chính phủ chỉ quan tâm đến kế hoạch vài ngày. Việc lập kế hoạch công nghiệp là ngắn hạn.

Thứ ba, phản ánh hệ thống tổ chức quan liêu của nền công nghiệp quy mô lớn, lập kế hoạch công nghiệp đặt tiền đề trên hệ thống cấp bậc. Thế giới đã được chia ra thành người quản lý và người lao động, người lập kế hoạch và người bị lập kế hoạch, bên này lấy quyết định cho bên kia. Hệ thống này phù hợp với nhịp điệu công nghiệp, thì sẽ bị sụp đổ khi nhịp điệu đạt đến tốc độ siêu công nghiệp. Môi trường không ổn định đòi hỏi càng ngày càng phải có nhiều quyết định không được chương trình hoá ở cấp thấp; nhu cầu cho việc hồi tiếp ngay tức khắc làm mờ sự phân biệt giữa các đường ranh giới; và

302

hệ thống cấp bậc lung lay. Các nhà lập kế hoạch ở quá xa, không biết gì về các điều kiện địa phương, quá chậm đáp ứng lại sự thay đổi. Khi sự kiểm soát từ trên xuống dưới không có hiệu quả, những người bị lập kế hoạch bắt đầu phản đối âm ỉ để được quyền tham gia vào việc lấy quyết định. Tuy nhiên các nhà lập kế hoạch chống lại, vì giống như hệ thống quan liêu, lập kế hoạch công nghiệp thiết yếu là không dân chủ.

Những lực đẩy chúng ta về hệ thống siêu công nghiệp quy mô lớn không thể dựa vào những phương pháp phá sản của kỷ nguyên công nghiệp nữa... Vì chúng có thể tiếp tục hoạt động trong các công nghệ hoặc cộng đồng lạc hậu, chuyển động chậm. Nhưng việc áp dụng sai của chúng trong công nghiệp tiên tiến, trong trường đại học, trong thành phố chỉ có thể làm tăng sự mất ổn định, dẫn đến sự diao động càng ngày càng dữ dội hơn. Hơn thế nữa, khi các bằng chứng thất bại tích lũy, các luồng tâm lý, văn hoá và chính trị được thả lỏng.

Một trong những phản ứng về việc mất kiểm soát là sự thay đổi đột ngột chống lại tri thức. Đầu tiên khoa học cho con người ý thức làm chủ môi trường của họ, và sau đấy là làm chủ tương lai. Bằng cách làm cho tương lai dễ uốn chú không thể thay đổi được, nó làm tan vỡ những tôn giáo tuyên truyền cho sự thụ động và thần bí. Ngày nay, bằng chứng cho thấy xã hội không thể kiểm soát được làm sinh ra sự mất ảo tưởng về khoa học. Do đó,

chúng ta đang chứng kiến sự sống lại của thuyết thần bí. Chiêm tinh học đột ngột trở thành một phổ biến. Đạo Zen, Yoga, phép phù thủy và cầu cơ trở thành trò tiêu khiển phổ biến. Chúng ta được bảo rằng “cảm thấy” quan trọng hơn “suy nghĩ”, làm như là có mâu thuẫn giữa 2 điều đó. Các nhà tiên tri hiện sinh chủ nghĩa đi theo các nhà thần bí công giáo, các nhà tâm lý học thuyết Jung, và các nhà truyền giáo Ấn Độ giáo trong việc tán dương thần bí và tình cảm chống lại khoa học và lý trí.

Sự trở lại thái độ tiền khoa học được đi theo bởi một làn sóng dữ dội về nỗi luyến tiếc quá khứ trong xã hội. Đồ gỗ xưa, hình ảnh từ kỷ nguyên cũ kỹ, trò chơi dựa trên sự hồi tưởng của tam đoạn luận ngày xưa, sự sống lại của trường phái nghệ thuật mới, sự phổ biến một thời Edward, v.v.... kinh doanh về nỗi luyến tiếc quá khứ trở thành kỹ nghệ phát triển mạnh.

Sự thất bại về việc lập kế hoạch công nghiệp và ý thức mất kiểm soát cũng làm sinh ra triết lý “hiện nay”. Những bài hát và quảng cáo tán dương sự xuất hiện của “thế hệ hiện nay”. Sự hành động ngay và đòi thưởng phạt ngay được khuyến khích. Sự tự phát cá nhân là mô hình thu nhỏ của sự không có kế hoạch xã hội, được nâng lên thành đức hạnh tâm lý cốt yếu.

Tất cả những điều đó có sự tương đương chính trị trong sự liên minh kỳ lạ của những người khuynh hữu và những người khuynh tả mới để ủng

hộ cái có thể được coi là cách đặt vấn đề “nói lỏng cách làm” đối với tương lai. Như thế chúng ta nghe những lời kêu gọi liên tục về “chống lại kế hoạch” hoặc “không làm kế hoạch”. Nó được xem không những chỉ là không cần thiết hoặc không khôn ngoan để thực hiện các kế hoạch dài hạn cho tương lai của thể chế hoặc xã hội mà họ muốn lật đổ, mà đôi khi nó còn được xem như là không phù hợp để làm kế hoạch cho cuộc hội họp trong một giờ rưỡi sắp đến. Sự vô kế hoạch được tán dương.

Lý luận rằng lập kế hoạch áp đặt giá trị vào tương lai, những người chống lại kế hoạch xem sự việc là không có kế hoạch cũng tương tự và thường dẫn đến hậu quả tệ hại hơn nhiều. Họ tức giận vì đặc tính kinh tế trung tâm hẹp hòi của việc lập kế hoạch công nghiệp, họ kết án việc phân tích hệ thống, kế toán làm lợi giá, và những phương pháp tương tự, họ cố tình quên rằng những phương pháp này nếu được sử dụng khác đi thì chúng có thể được biến thành những phương pháp rất mạnh để nhân đạo hoá tương lai.

Khi các nhà phê bình tố cáo rằng lập kế hoạch công nghiệp là chống lại nhân loại, theo nghĩa là nó xem thường các giá trị xã hội, văn hoá và tâm lý trong sự chạy đua để tối đa hoá lợi nhuận kinh tế, thì họ thường đúng. Khi họ tố cáo rằng lập kế hoạch công nghiệp là thiên cận và không dân chủ, thì họ thường đúng. Khi họ cho rằng nó không phù hợp, thì họ thường đúng.

Nhưng khi họ muốn quay trở lại sự phi lý, thái độ chống khoa học, sự luyến tiếc quá khứ bệnh hoạn, và tăng bốc “tính hiện tại”, thì họ không chỉ sai mà còn là nguy hiểm.

Không có gì nguy hiểm hơn là thích nghi không đúng. Dù là lý thuyết gì đi nữa, những lực tàn bạo đang được thả lỏng trên thế giới. Dù chúng ta muốn ngăn chặn cú sốc tương lai, thì chúng ta không thể cho phép những quyết định quan trọng được lấy một cách không có kế hoạch, một cách không chú ý, một cách dân đen. Thả lỏng là tự sát tập thể.

Chúng ta không cần trở lại sự phi lý của quá khứ, sự chấp nhận thay đổi thụ động, sự hư vô hoặc sự tuyệt vọng. Thay vào đó chúng ta cần một chiến lược mới. Tôi đặt tên cho chiến lược này là “chủ nghĩa vị lai xã hội”. Với chiến lược này, chúng ta có thẩm quyền trong việc quản lý sự thay đổi, chúng ta phát minh ra một dạng lập kế hoạch nhân đạo hơn, nhìn xa hơn, dân chủ hơn bất kỳ sự lập kế hoạch nào đang được dùng. Nói tóm lại, chúng ta có thể vượt quá nền công nghiệp .

NHÂN ĐẠO HOÁ NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Các nhà công nghiệp đau khổ vì tư tưởng kinh tế. Trừ trong thời gian chiến tranh và khẩn cấp, họ thường bắt đầu từ tiền đề là ngay cả những vấn đề không kinh tế cũng có thể được giải quyết

306

bằng bài thuốc kinh tế .

Chủ nghĩa vị lai xã hội thách đố tiền đề trên của các nhà quản lý tư bản và cộng sản. Trong thời gian và không gian lịch sử của nó, sự theo đuổi đơn giản của xã hội công nghiệp về sự tiến bộ vật chất đã phục vụ tốt cho nhân loại. Tuy nhiên khi chúng ta tiến về nền siêu công nghiệp, đặc tính mới nổi lên với những mục tiêu khác cân bằng với những mục tiêu về phúc lợi kinh tế. Đối với cá nhân, sự tự hoàn thành, trách nhiệm xã hội, sự thực hiện mỹ học, chủ nghĩa cá nhân khoái lạc, và những mục tiêu khác thường làm lu mờ cuộc chạy đua cho sự thành công vật chất. Sự thịnh vượng là cơ sở từ đó con người bắt đầu thực hiện những mục tiêu hậu - kinh tế khác nhau.

Cùng lúc đó, trong các xã hội đang tiến về hệ thống siêu công nghiệp quy mô lớn, các biến cố kinh tế như: lương, cân cân chi trả, sức sản xuất , trở thành nhạy cảm với những thay đổi trong môi trường phi kinh tế. Các vấn đề kinh tế rất nhiều, nhưng một loạt các vấn đề chỉ là kinh tế thứ yếu giờ đây đột nhiên trở thành nổi bật. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, xung đột giữa các thế hệ, tội ác, quyền tự quyết văn hoá, bạo động, tất cả những điều đó đều có ý nghĩa kinh tế; thế nhưng chẳng có điều nào được chữa trị bằng các biện pháp trung tâm kinh tế

Sự di chuyển từ sản xuất hàng hoá sang sản xuất dịch vụ, sự tâm lý hoá của cả hàng hoá và

dịch vụ, sự dịch chuyển tiến về sản xuất kinh nghiệm, tất cả đều gắn liền với kinh tế chặt chẽ hơn với các lực lượng phi kinh tế. Thị hiếu của người tiêu dùng thay đổi theo sự thay đổi nhanh về lối sống, nên sự nổi lên và biến mất của các nền văn hoá thứ cấp phản ánh trong sự biến động kinh tế. Sản xuất siêu công nghiệp đòi hỏi người làm việc có kỹ năng trong việc thao tác biểu tượng, do đó những gì nằm trong đầu họ trở thành quan trọng hơn so với quá khứ, và phụ thuộc nhiều hơn vào các nhân tố văn hoá. Hệ thống tài chính đang trở thành đáp ứng hơn đối với những áp lực xã hội và tâm lý. Chỉ trong một xã hội thịnh vượng đang tiến về nền siêu công nghiệp quy mô lớn mới có sự phát minh những phương tiện truyền bá mới về đầu tư như quỹ tương trợ được thúc đẩy một cách có ý thức bởi những lý do phi kinh tế. Những điều này chỉ muốn nhấn mạnh mối liên quan mật thiết đang tăng lên giữa khu vực kinh tế và các lực lượng văn hoá, tâm lý và xã hội.

Tuy nhiên, trong khi các lực lượng này đang trở thành hiện thực thì hầu hết các nhà lập kế hoạch công nghiệp và quản lý hành động như là không có gì xảy ra. Họ tiếp tục hành động giống như khu vực kinh tế bị tách ra khỏi ảnh hưởng xã hội và tâm lý văn hoá. Thực vậy, các tiền đề kinh tế trung tâm được chôn sâu và được áp dụng rộng rãi ở các nước tư bản và cộng sản đến nỗi chúng làm méo mó chính hệ thống tin tức cần thiết cho

308

sự quản lý về thay đổi.

Thí dụ, tất cả các quốc gia tiên tiến duy trì một hệ thống phức tạp để đo năng suất kinh tế. Hàng ngày hầu như chúng ta biết hướng thay đổi đối với sức sản xuất, giá cả, đầu tư và những nhân tố tương tự. Nhờ các chỉ số kinh tế, chúng ta đánh giá sức mạnh tổng thể của nền kinh tế, tốc độ thay đổi của nó, và hướng thay đổi: Nếu không có những phép đo này, sự kiểm soát của chúng ta về nền kinh tế sẽ kém hiệu quả nhiều.

Ngược lại, chúng ta không có phép đo nào như thế, không có chỉ số xã hội nào cho chúng ta biết xã hội đang khoẻ hay không, chúng ta không có phép đo nào cho chất lượng cuộc sống. Chúng ta không có chỉ số nào cho biết con người xa lánh nhau ít hay nhiều; giáo dục có hiệu quả không? Nghệ thuật, nhạc và văn chương đang như thế nào? Phép lịch sự, lòng hào hiệp hoặc sự tử tế đang tăng hay không? Đây là những vấn đề có ý nghĩa chính trị nghiêm trọng nhất, vì việc thiếu những phép đo như thế sẽ gây ra sự khó khăn nối kết các chính sách quốc gia hoặc địa phương với những mục tiêu xã hội dài hạn thích hợp.

Sự nguy hiểm của cú sốc tương lai chỉ rõ nhu cầu cho các phép đo xã hội chưa được đề cập trong văn chương nói về các chỉ số xã hội. Chúng ta cần những phương pháp để đo mức độ nhất thời trong những cộng đồng khác nhau, trong các nhóm dân số khác nhau, và trong kinh nghiệm cá nhân. Theo

nguyên tắc thì có thể thiết kế một “chỉ số nhất thời” cho phép đo được tốc độ việc tạo ra và cắt đứt các mối quan hệ với đồ vật, nơi chốn con người, tổ chức và cấu trúc tin tức nằm trong môi trường của chúng ta.

Tương tự như thế, chúng ta cần chỉ số sự mới lạ trong môi trường. Cộng đồng, tổ chức hoặc cá nhân phải đối phó với tình hình lần đầu tiên mới gặp có thường xuyên không? Có bao nhiêu đồ vật trong nhà một gia đình trung lưu thực sự là mới (theo chức năng hoặc theo hình dáng); có bao nhiêu là cực kỳ cũ? Mức độ nào của cái mới, theo nghĩa đồ vật, con người hoặc bất kỳ chiều nào khác, được đòi hỏi để kích thích mà không cần đến sự kích thích quá độ? Trẻ con hấp thụ cái mới nhiều hơn cha mẹ chúng bao nhiêu? Tuổi tác nào vẫn còn có thể chấp nhận được cái mới? Làm thế nào những sự khác nhau như thế về tuổi tác lại tương quan với xung đột chính trị và hợp nhất đang chia rẽ các xã hội công nghiệp? Bằng việc nghiên cứu và do sự xâm nhập của cái mới, chúng ta có thể kiểm soát luồng thay đổi đang đi vào cấu trúc xã hội và cuộc sống của cá nhân.

Còn vấn đề chọn lựa và chọn lựa quá nhiều như thế nào? Chúng ta có thể xây dựng các phép đo mức độ chọn lựa có ý nghĩa trong cuộc sống con người không? Có chính phủ nào tự cho là dân chủ lại không quan tâm đến vấn đề đó không? Vì đối với sự tự do chọn lựa, chẳng có cơ quan chính phủ

nào trên thế giới cho rằng đã làm cái gì đó để đo nó. Giả thiết đơn giản là việc tăng thu nhập hoặc thịnh vượng có nghĩa là càng nhiều chọn lựa, và cái càng nhiều chọn lựa này có nghĩa là tự do. Đây có phải là thời điểm xem xét lại những giả thuyết cơ bản của các hệ thống chính trị của chúng ta không? Việc lập kế hoạch hậu - công nghiệp phải đối phó với những vấn đề như thế, nếu chúng ta muốn ngăn chặn cú sốc tương lai và xây dựng một xã hội siêu công nghiệp nhân tạo.

Một hệ thống chỉ số dùng để đo sự thực hiện các mục tiêu xã hội và văn hoá, cùng với chỉ số kinh tế, là một bộ phận của thiết bị kỹ thuật mà bất kỳ xã hội nào cũng cần đến trước khi nó có thể đạt đến giai đoạn tiếp theo của sự phát triển kinh tế - công nghiệp. Đó phải là một điều kiện tiên quyết tuyệt đối cho việc lập kế hoạch hậu công nghiệp và quản lý sự thay đổi.

Sự nhân đạo hoá này của việc lập kế hoạch cũng phải được phản ánh trong cơ cấu chính trị của chúng ta. Để liên kết hệ thống xã hội siêu công nghiệp thông minh với các trung tâm quyết định của xã hội, chúng ta phải thể chế hoá mối quan tâm cho chất lượng cuộc sống. Như thế việc chỉ định các cơ quan giám sát chỉ số thay đổi trong chất lượng cuộc sống sẽ đưa chúng ta đi được một quãng đường dài tiến về sự nhân đạo hoá cho người lập kế hoạch là giai đoạn thiết yếu của chiến lược về chủ nghĩa vị lai xã hội.

CHÂN TRỜI THỜI GIAN

Bản năng của nhà công nghiệp là nghĩ về sự trở lại ngay, hiệu quả ngay. Họ là những thành viên đi trước của thế hệ hiện nay.

Nếu một vùng cần điện, họ lập kế hoạch nhà máy điện. Sự việc là một nhà máy như thế có thể thay đổi dạng lao động, và trong vòng một thập kỷ nó có thể sa thải công nhân, bắt buộc đào tạo lại công nhân và làm phình chi phí phúc lợi xã hội của thành phố cạnh đó, những việc đó quá xa để họ phải quan tâm đến. Sự việc là nhà máy có thể gây ra hậu quả tàn phá sinh thái cho thế hệ sau không làm họ bận tâm tí nào.

Trong một thế giới gia tăng thay đổi, năm sắp đến là gần chúng ta hơn tháng sắp đến và điều đó đánh dấu một kỷ nguyên nhiều thời gian rồi rã hơn. Sự biến đổi cơ bản về sự kiện cuộc sống này phải được nội tâm hoá bởi những nhà lấy quyết định trong công nghiệp, trong chính phủ và ở những nơi khác. Chân trời thời gian của họ phải được mở rộng.

Lập kế hoạch cho tương lai xa không có nghĩa là gắn chặt với những chương trình giáo điều. Các kế hoạch phải được xem đi xem lại, sự linh hoạt không có nghĩa là thiên cận. Để vượt qua khỏi hệ thống công nghiệp, chân trời thời gian xã hội của chúng ta phải đạt đến hàng thập kỷ, hàng thế hệ trong tương lai. Điều này đòi hỏi nhiều hơn là việc

kéo dài bản kế hoạch chính thức của chúng ta. Nó có nghĩa phải truyền cho toàn bộ xã hội từ trên xuống dưới một ý thức tương lai xã hội mới. Một trong những hiện tượng đã xảy ra trong những năm gần đây là việc thành lập các tổ chức chuyên nghiên cứu về tương lai để đáp lại sự tăng tốc thay đổi.

Mỗi xã hội đối diện không những chỉ với sự kế tiếp nhau của tương lai có khả năng xảy ra, mà còn đối diện với một dãy của tương lai có thể xảy ra và cuộc xung đột về tương lai thích đáng hơn. Quản lý sự thay đổi là cố gắng biến đổi một số có thể xảy ra thành có khả năng xảy ra trong sự theo đuổi cái thích đáng hơn đã được đồng ý. Xác định những lời yêu cầu có khả năng xảy ra cho khoa học chủ nghĩa vị lai. Phác hoạ những lời yêu cầu có thể xảy ra cho nghệ thuật vị lai. Định nghĩa những lời yêu cầu thích đáng hơn cho một chính trị về chủ nghĩa vị lai.

Ngày nay phong trào vị lai toàn thế giới chưa làm khác biệt rõ ràng những nhiệm vụ này. Tầm quan trọng của nó dựa trên sự định giá về những khả năng xảy ra. Như thế trong các trung tâm vị lai, các nền kinh tế học, xã hội học, toán học, sinh học, vật lý, nghiên cứu hoạt động và nhiều người khác đang phát minh và áp dụng các phương pháp để dự báo những khả năng xảy ra cho tương lai. Trong khi nhấn mạnh những mối quan hệ qua lại của các biến cố và khuynh hướng riêng biệt, các

nhà vị lai khoa học cũng tập trung sự chú ý về những hậu quả xã hội của nền công nghiệp

Lý do cơ bản về việc nghiên cứu tương lai có khả năng xảy ra là rất cấp bách. Cá nhân không thể sống một ngày mà không đặt ra hàng nghìn giả thiết về tương lai có khả năng xảy ra. Xã hội cũng xây dựng một loạt các tiền đề về ngày mai. Những người lấy quyết định trong kỹ nghệ, chính phủ, chính trị và trong những lĩnh vực khác của xã hội không thể hoạt động được nếu không có các tiền đề đó. Tuy nhiên, trong những giai đoạn thay đổi hỗn loạn, những hình ảnh được định hình theo xã hội này của tương lai có khả năng xảy ra trở thành ít chính xác. Sự thất bại về kiểm soát xã hội ngày nay được gắn trực tiếp với những hình ảnh không đủ của chúng ta về tương lai có khả năng xảy ra.

Dĩ nhiên, không ai có thể “biết” tương lai theo nghĩa tuyệt đối. Chúng ta chỉ có thể hệ thống hoá và đào sâu những giả thuyết của chúng ta, và cố gắng chỉ định xác suất cho chúng. Ngay cả điều này cũng khó khăn. Cố gắng dự đoán tương lai là không tránh được việc thay đổi nó. Tương tự như thế, một khi sự dự đoán được phổ biến thì hành động phổ biến cũng sinh ra sự rối loạn. Những dự báo có khuynh hướng trở thành tự hoàn thành và tự tiêu tan. Khi chân trời thời gian được mở rộng cho tương lai xa hơn, chúng ta bắt buộc phải dựa vào linh cảm và đoán. Hơn thế nữa, một số biến cố

314

đơn nhất như ám sát là không đoán trước được, dù đã biết được tất cả ý đồ và mục đích. Mặc dù tất cả những điều trên, đã đến lúc phải xoá huyền thoại phổ biến rằng tương lai là “không biết được”. Những khó khăn phải được chế ngự và thách đố, chứ không phải làm tê liệt.

Ngoài những phương pháp của khoa học xã hội, chúng ta đang thí nghiệm những công cụ mới để thăm dò tương lai. Nói tóm lại, chúng ta đang chứng kiến một sức đẩy phi thường tiến tới sự đánh giá khoa học về những khả năng xảy ra trong tương lai. Đòi hỏi quá đáng khoa học phải dự báo chính xác những biến cố rất đại đột. Mỗi nguy hiểm ngày nay không phải là chúng ta đánh giá quá cao khả năng của chúng ta, mà chính là chúng ta sử dụng nó thấp quá. Vì ngay cả khi những cố gắng vẫn còn thô sơ về việc dự báo khoa học trở thành sai lầm to lớn, chính cố gắng đó giúp chúng ta xác định những biến cố then chốt trong thay đổi, nó giúp làm rõ mục đích, và nó buộc phải đánh giá cẩn thận hơn về khả năng chính sách khác nhau.

Tuy nhiên, liệu trước tương lai có khả năng xảy ra chỉ là một phần của những gì cần phải làm nếu chúng ta muốn dịch chuyển chân trời thời gian của người lập kế hoạch và đưa vào toàn bộ xã hội ý thức nhiều hơn về ngày mai. Do đó chúng ta phải mở rộng khái niệm của chúng ta về tương lai có thể xảy ra, nghĩa là chúng ta phải thêm vào trí tưởng tượng nghệ thuật đang bốc lửa.

Ngày nay chúng ta cần tăng ảo tưởng, giấc mơ và tiên tri. Sự phỏng đoán, sự ước đoán và sự nhìn mộng ảo phải trở thành điều tất yếu thực tế. Đó là lý do tại sao các công ty lớn nhất trên thế giới hiện nay đều thuê các nhà vị lai trực giác, các nhà văn khoa học viễn tưởng và những nhà tiên tri làm cố vấn. Các công ty không phải nhờ các vị “ngồi trên mây” này dự báo khoa học về những khả năng có thể xảy ra mà chỉ để dự đoán về những gì có thể xảy ra.

Để thực hiện việc trên, chúng ta có thể tạo ra các “trung tâm hình ảnh động lực” ở tất cả các cấp của xã hội, quy tụ các nhà nghệ sĩ, các nhà điêu khắc, các nhà khiêu vũ, các nhà thiết kế nội thất v.v... Cộng tác chặt chẽ với nhóm người trên là các chuyên gia kỹ thuật đủ mọi ngành nghề.

Trong khi các trung tâm hình ảnh động lực tập trung trên một phần hình ảnh của ngày mai, định nghĩa tương lai có thể xảy ra cho một công nghiệp, một tổ chức, một thành phố, thì chúng ta cũng cần những tư tưởng tưởng tượng về xã hội như là một thực thể. Việc làm tăng những hình ảnh này cần được tổ chức, kết tinh thành dạng được cấu trúc. Trong quá khứ, văn chương không tưởng đã làm việc này cho chúng ta. Nó đã giữ vai trò thực tế và quan trọng trong việc giúp cho sự mơ tưởng của con người về tương lai khác nhau. Ngày nay chúng ta thiếu những tư tưởng không tưởng để tổ chức những hình ảnh cạnh tranh nhau về tương

316

lai có thể xảy ra. Chúng ta cần những khái niệm không tưởng và chống không tưởng mới nhìn về hệ thống siêu công nghiệp quy mô lớn hơn là nhìn lại phía sau về một xã hội đơn giản. Tuy nhiên những khái niệm này không thể sản xuất theo cách cũ. Chúng ta cần một cuộc cách mạng trong việc sản xuất không tưởng: đó là chủ nghĩa không tưởng hợp tác. Nếu chúng ta muốn những thí nghiệm của chúng ta dựa trên công nghiệp và xã hội của ngày mai hơn là của quá khứ thì chúng ta có thể sử dụng chủ nghĩa không tưởng như là một dụng cụ hơn là một lối trốn thoát.

Chỉ khi nào những người lấy quyết định được trang bị với những dự báo tốt hơn về các biến cố tương lai, khi với phương pháp phỏng chừng nối tiếp chúng ta làm tăng độ chính xác dự báo, thì những cố gắng của chúng ta để quản lý thay đổi sẽ được cải thiện một cách có nhận thức. Vì những giả thiết tương đối chính xác về tương lai là điều kiện tiên quyết để hiểu được hậu quả tiềm tàng của các hành động riêng của chúng ta. Và nếu không có sự hiểu biết đó, thì sự quản lý thay đổi là không thể thực hiện được.

Nếu việc nhân đạo hoá người lập kế hoạch là giai đoạn đầu tiên trong chiến lược của chủ nghĩa vị lai xã hội, thì việc mở rộng chân trời thời gian của chúng ta là giai đoạn thứ hai. Để vượt qua khỏi hệ thống công nghiệp, chúng ta cần không những chỉ vượt qua chủ nghĩa vật chất kinh tế, mà còn là để

mở rộng đầu óc của chúng ta vào tương lai xa hơn, kể cả trường hợp xảy ra và có thể xảy ra.

DÂN CHỦ ĐƯỢC LIỆU TRƯỚC

Để kiểm soát sự thay đổi, chúng ta sẽ yêu cầu sự thoát khỏi cơ bản từ truyền thống công nghiệp, chúng ta cần một cuộc cách mạng theo đúng chính cái cách mà chúng ta phát biểu có hệ thống những mục tiêu xã hội của chúng ta.

Việc làm tăng cái mới trở nên không thích hợp đối với các mục tiêu truyền thống của các tổ chức của chúng ta - Nhà nước, nhà thờ, công ty, quân đội và đại học. Việc gia tốc tạo ra sự chuyển giao nhanh hơn về mục tiêu, một sự nhất thời lớn hơn về mục đích. Sự đa dạng đưa đến sự gia tăng liên tục về mục tiêu. Bị vướng trong môi trường với mục tiêu lộn xộn, chúng ta do dự, bị cú sốc tương lai, từ khủng hoảng đến khủng hoảng, theo đuổi một mớ hỗn độn các mục tiêu xung đột và tự huỷ diệt lẫn nhau.

Không nơi nào cho bằng chứng rõ ràng hơn về những cố gắng cảm động của chúng ta trong việc quản lý thành phố. Các kế hoạch công nghiệp lớn nhỏ thì nhau đổ ra cho thành phố. Chúng đưa ra những đường cao tốc mới, đường đi mới, nhà máy điện mới, trường học mới. Chúng hứa hẹn: bệnh viện, nhà ở, trung tâm sức khỏe, chương trình phúc lợi. Nhưng những kế hoạch huỷ bỏ, mâu

318

thuần và tăng cường lẫn nhau do ngẫu nhiên; chỉ rất ít kế hoạch liên quan với nhau, và không có kế hoạch nào trình bày hình ảnh tổng thể của thành phố được ưa thích trong tương lai. Không có kế hoạch nào kích thích những cố gắng của chúng ta. Cũng không có kế hoạch nào với các mục tiêu hợp nhất có lý lại đưa trật tự thành rối loạn. Ở cấp quốc gia và quốc tế, việc thiếu chính sách chặt chẽ cũng được thấy rõ ràng và ngay hiểm gấp bội.

Không phải là chúng ta không biết mục tiêu nào cần theo đuổi, cũng giống như một thành phố hoặc một quốc gia, vấn đề còn nằm sâu hơn. Vì sự thay đổi gia tăng đã làm các phương pháp trở thành lỗi thời, mà nhờ những phương pháp này chúng ta đạt đến các mục tiêu xã hội. Các nhà công nghiệp không hiểu được điều này, và họ đối phó với các cuộc khủng hoảng mục tiêu bằng sự phản xạ theo từng việc, họ sử dụng các phương pháp thử và tìm ra của quá khứ.

Người ta cố gắng giải thích khái niệm rằng các mục tiêu quốc gia cho tương lai của xã hội phải được thành lập ở cấp trên. Tiền đề công nghiệp này phản ánh hoàn hảo các dạng quan liêu cũ của tổ chức trong đó các đường ranh giới được chia rõ ràng, trong đó hệ thống cấp bậc cứng nhắc, không dân chủ đã phân biệt lãnh đạo và người bị lãnh đạo, người quản lý và người bị quản lý, người lập kế hoạch.

Thế nhưng những mục tiêu thật của bất kỳ

xã hội nào trên con đường tiến về hệ thống siêu công nghiệp quy mô lớn đã quá phức tạp, quá nhất thời và quá phụ thuộc cho sự thực hiện của chúng dựa vào sự tham gia đầy thiện chí của người bị lãnh đạo, để có thể được nhận thức và được định nghĩa dễ dàng. Không thể hy vọng chế ngự được những lực thay đổi do những người già hoặc do ban tham mưu kỹ thuật cao cấp đặt mục tiêu cho chúng ta. Một cách đặt vấn đề mới về sự quyết định mục tiêu là cần thiết.

Cách đặt vấn đề này cũng không thể đến từ những người già vờ cách mạng. Một nhóm cấp tiến thấy tất cả mọi vấn đề như là sự biểu hiện của việc tối đa hoá lợi nhuận để lộ ra chủ nghĩa kinh tế trung tâm hẹp hòi như của những nhà công nghiệp. Một nhóm khác hy vọng đẩy chúng ta trở lại thời kỳ quá khứ tiền công nghiệp. Một nhóm khác nữa xem cách mạng hoàn toàn theo nghĩa chủ quan và tâm lý. Chẳng có nhóm nào có thể làm chúng ta hướng về dạng hậu công nghiệp để quản lý sự thay đổi.

Bằng việc kêu gọi chú ý về sự bất lực của các nhà công nghiệp và bằng việc thách đố công khai không những chỉ là phương tiện mà còn là mục tiêu của xã hội công nghiệp, những thanh niên tiến bộ ngày nay đã làm rất nhiều việc có ích, nhưng họ không biết làm thế nào đối phó với các cuộc khủng hoảng mục tiêu giống như các nhà công nghiệp mà họ khinh bỉ.

Điều mỉa mai là các thanh niên cấp tiến ngày nay lại chia sẻ với các nhà công nghiệp khái niệm chủ nghĩa tình hoa. Trong khi chê bai hệ thống quan liêu và đòi hỏi “dân chủ tham gia”, họ thường cố gắng thao túng chính các nhóm công nhân, người da đen và sinh viên mà nhân danh những nhóm đó họ yêu cầu tham gia. Nói tóm lại, các mục tiêu xã hội phải do nhóm tình hoa đặt ra. Các nhà công nghiệp và chống công nghiệp thường trở thành anh em.

Thế nhưng những hệ thống tạo ra mục tiêu dựa trên tiền đề nhóm tình hoa đơn giản là không còn hiệu quả nữa. Trong cuộc chiến đấu để kiểm soát những lực thay đổi, chúng càng ngày càng chống lại sản xuất. Vì dưới hệ thống siêu công nghiệp quy mô lớn, dân chủ không phải là hàng xa xỉ chính trị, mà là sự cần thiết đầu tiên.

Những dạng dân chủ chính trị nổi lên ở phương Tây không phải là do một nhóm thiên tài muốn như thế hoặc do con người có bản năng mãnh liệt cho tự do. Các dạng dân chủ nổi lên bởi vì áp lực lịch sử hướng về sự khác biệt xã hội và hướng về những hệ thống nhịp điệu nhanh đòi hỏi sự hồi tiếp xã hội nhạy cảm. Trong những xã hội phức tạp và khác biệt, số lượng tin tức lớn phải chảy với tốc độ chưa bao giờ nhanh hơn giữa các tổ chức chính thức và các nền văn hoá thứ cấp, giữa các tầng lớp và cơ cấu phụ trong các tổ chức đó.

Bằng cách hợp thành tổ chức số lượng càng

ngày càng lớn trong việc lấy quyết định xã hội, nên dân chủ chính trị đã làm dễ dàng sự hồi tiếp. Và chính sự hồi tiếp này cần phải được kiểm soát. Để có thể kiểm soát sự thay đổi gia tốc, chúng ta sẽ cần nhiều những cơ chế hồi tiếp tiên tiến và dân chủ hơn.

Tuy nhiên các nhà công nghiệp vẫn nghĩ theo cách từ trên xuống, thường làm kế hoạch mà không biết gì về kế hoạch được thực hiện như thế nào. Khi họ hỏi về kết quả thì họ thường hỏi về kinh tế chứ không hỏi gì về xã hội, tâm lý hoặc văn hoá. Tệ hơn nữa, họ lập những kế hoạch này mà không chú ý gì đến những nhu cầu thay đổi nhanh và muốn những người tham gia làm cho kế hoạch thành công. Họ cho họ có quyền đặt ra mục tiêu xã hội hoặc họ chấp nhận mù quáng các mục tiêu do cấp trên áp đặt cho họ.

Họ không thừa nhận rằng nhịp điệu thay đổi nhanh đòi hỏi và tạo ra một loại mối về hệ thống tin tức trong xã hội: đường vòng, thay vì đường bậc thang. Tin tức chạy qua đường vòng này với tốc độ gia tăng, với đầu ra một nhóm trở thành đầu vào của nhiều nhóm khác, do đó không có nhóm nào đủ chính trị mạnh như thế nào lại có thể độc lập đặt mục tiêu cho tất cả.

Khi số thành phần xã hội tăng lên, và thay đổi làm mất ổn định toàn bộ hệ thống, thế lực của nhóm nhỏ nhằm trút tàn phá cho cả xã hội được tăng cường dữ dội. Nói tóm lại, trong chính trị,

trong công nghiệp, trong giáo dục, các mục tiêu được tạo ra mà không có sự tham gia của những người bị ảnh hưởng sẽ rất khó thực hiện. Sự tiếp tục quy trình đặt mục tiêu công nghiệp từ trên xuống sẽ dẫn đến càng ngày càng mất ổn định xã hội nhiều hơn, càng ít kiểm soát trên những lực thay đổi, dẫn đến sự biến động tiêu diệt nhân loại.

Để làm chủ thay đổi, chúng ta sẽ cần cả việc làm rõ những mục tiêu xã hội dài hạn quan trọng và sự dân chủ hoá cái cách chúng ta có được những mục tiêu đó. Muốn thực hiện việc này chúng ta phải thành lập "hội đồng xã hội tương lai" trong mỗi quốc gia, mỗi thành phố, mỗi cộng đồng với các nhóm đơn vị xã hội như công nghiệp, lao động, tôn giáo, tri thức, nghệ thuật, phụ nữ, thiểu số, sinh viên v.v... Hội đồng xã hội tương lai này có tất cả các đặc tính như đã nói ở các phần trước như lâm thời, đa dạng v.v...

Đây là mục tiêu tối hậu của chủ nghĩa vị lai xã hội, không phải chỉ là vượt qua hệ thống công nghiệp và thay thế việc lập kế hoạch nhân đạo hơn, nhìn xa hơn và dân chủ hơn, mà còn là sự áp đặt quy trình tiến triển dưới sự hướng dẫn có ý thức của con người.

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	5
Lời nhà xuất bản	7
PHẦN MỘT: Cái chết của sự vĩnh cửu	15
Chương 1:	
Quãng đời thứ 800 của lịch sử nhân loại	15
Người khách không được chuẩn bị để tiếp đón	17
Cắt đứt với quá khứ	19
Chương 2:	
Sức đẩy gia tăng	26
Thời gian và thay đổi	27
Những thành phố dưới lòng đất	29
Động cơ công nghiệp	32
Kiến thức như là nhiên liệu	36
Dòng tình hình	37
Chương 3:	
Nhịp điệu cuộc sống	39
Những người tương lai	40
Mong chờ theo thời gian	43

Khái niệm về tính nhất thời	45
PHẦN HAI: Tính nhất thời	47
Chương 4:	
Đồ vật: xã hội dùng xong vứt đi.	47
Áo cưới giấy	48
Siêu thị mất tích	49
Kinh tế chính trị học	
về tính tạm thời	50
Sân chơi di chuyển được.	51
Sân khấu giải trí môđun	52
Cách mạng thuê mướn	54
Những nhu cầu tạm thời	56
Giường máy - trò thích thú kỳ cục	58
Chương 5:	
Nơi chốn Những người du mục mới.	59
Hội 3 triệu dặm	60
Nhạc Flamenco ở Thụy Điển	61
Di trú về tương lai	62
Tự tử và đi nhờ xe ô tô	64
Những người di chuyển buồn thảm	65
Bản năng trở về nhà.	67
Chuyển nhượng về địa lý	68
Chương 6:	
Con người: Người môđun	70

Cái giá dính líu	70
Khoảng thời gian những mối quan hệ con người	72
Đón chào nhanh lên	74
Tình bạn trong tương lai	76
Bạn từ thứ hai đến thứ sáu	77
Những người được tuyển mộ và những người đào ngũ	78
Thuê - một người	80
Làm thế nào để mất bạn?	81
Bao nhiêu bạn?	82
Đào tạo trẻ con cho việc thay đổi	83
Chương 7:	
Tổ chức: Hệ thống lâm thời sắp đến	83
Công giáo, bè phái và giờ nghỉ giải lao	84
Sự biến động tổ chức	87
Ban lâm thời mới	89
Sự sụp đổ của hệ thống cấp bậc	92
Vượt qua hệ thống quan liêu	95
Chương 8:	
Tin tức: Hình ảnh động lực	101
Twiggy và Mezon K.	103
Làn sóng Freud	105

Trận bão tuyết của những cuốn sách bán chạy nhất	107
Bản tin được thiết kế	108
Mozart đang chạy	109
Shakespeare chỉ biết một nửa	111
Nghệ thuật: Các nhà hoạ sĩ lập thể và các nhà động lực học	112
Đầu tư tinh thần	114
PHẦN BA: Những việc mới lạ	117
Chương 9:	
Quý đạo khoa học	117
Quần đảo Atlantis mới	120
Ánh sáng mặt trời và cá tính	122
Tiếng nói của cá heo Dolphin	123
Phân xưởng sinh học	123
Cơ thể tiền thiết kế	125
Bộ phận cơ thể tạm thời	126
Người cyborga trong số chúng ta	126
Từ chối sự thay đổi	127
Chương 10:	
Những người sáng tạo kinh nghiệm	130
Tâm lý về bánh ngọt trộn trứng	132
“Cô gái phục vụ” trên không trung	135
Công nghiệp về kinh nghiệm	137

Môi trường mô phỏng	138
Môi trường hoạt động	139
Kinh tế chính trị học về sự đúng mực	141
Chương 11:	
Gia đình bị bể gãy	144
Huyền thoại về tình mẫu tử	145
Gia đình được tổ chức hợp lý	147
Nhu cầu tự do	148
PHẦN BỐN: Sự đa dạng	151
Chương 12:	
Nguồn gốc sự lựa chọn quá nhiều	151
Thiết kế xe ô tô Mustang	152
Máy tính và lớp học	156
Phim ảnh “Nữ hoàng đường phố”	161
Chương 13:	
Sự chán ngấy các nền văn hoá thứ cấp	165
Nhà khoa học và người mua bán	
cổ phần chứng khoán	167
Các chuyên viên giải trí	169
Khu ổ chuột thanh niên	171
Bộ lạc hôn nhân	173
Hippi, hợp thành bộ lạc	174
Chuyển giao bộ lạc	175
Người hoang dã ti tiện	177

Chương 14:

Đa dạng các cách sống	180
Người đi xe máy và nhà trí thức	181
Người dựng một và tiểu anh hùng	183
Các nhà máy sản xuất cách sống	185
Quyền lực của cách sống	187
Siêu dư thừa cá tính	190
Xã hội tự do	193

PHẦN NĂM: Những giới hạn của khả năng thích nghi

Chương 15:

Cú sốc tương lai: Chiều vật lý	195
Đời sống - thay đổi và bệnh tật	198
Phản ứng sự mới lạ	204
Phản xạ thích nghi	209

Chương 16:

Cú sốc tương lai: Chiều tâm lý	284
Cá nhân bị kích thích quá độ	216
Giác quan bị tấn công	221
Lượng tin tức quá tải	223
Stress về quyết định	228
Nạn nhân của cú sốc tương lai	232
Xã hội bị cú sốc tương lai	238

PHẦN SÁU: Chiến lược tồn tại

240

Chương 17:

Đối phó với ngày mai	240
Đối phó trực tiếp	243
Những vùng ổn định cá nhân	246
Hợp thành nhóm tình hình	251
Tư vấn về khủng hoảng	253
Nhà nửa đường	256
Vùng đệm của quá khứ	257
Vùng đất đệm của tương lai	259
Rước lễ vũ trụ	261

Chương 18:

Giáo dục trong thời tương lai	263
Trường học kỹ nguyên công nghiệp	264
Cuộc cách mạng giáo dục mới	267
Tấn công tổ chức	269
Chương trình giảng dạy ngày nay của quá khứ	272
Sự đa dạng của số liệu	274
Hệ thống kỹ năng	276
Chiến lược tương lai	279

Chương 19:

Thuần hoá công nghiệp	284
Phản ứng trái ngược về công nghiệp	286
Chọn các kiểu văn hoá	288

Bán dẫn và tình dục	291
Cơ quan kiểm tra công nghiệp	294
Bộ sàng lọc môi trường	296
Chương 20:	
Chiến lược của chủ nghĩa vị lai xã hội	299
Cái chết của nền công nghiệp	300
Nhân đạo hoá người lập kế hoạch	306
Chân trời thời gian	312
Dân chủ được liệu trước.	318

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (84.04) 9430219. Fax:
04.8229078 Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu -
Quận II TP Hồ Chí Minh - ĐT: (08)9303262

CÚ SỐC TƯƠNG LAI CỦA ALVIN TOFFLER

Chịu trách nhiệm xuất bản:

MAI THỜI CHÍNH

Phụ trách bản thảo:

PHẠM ĐỨC

Biên tập: **NGUYỄN VIỆT**

Bìa: **TRẦN ĐẠI THẮNG**

Sửa bản in: **MINH CHI**

In 800 cuốn.. Tại Công ty in Ba đình Thanh hoá.
Giấy trích ngang kế hoạch xuất bản số: 33/1681
CXB. In xong và nộp lưu chiểu năm 2002

A L V I N
T O F F L E R

CÚ SỐC TƯƠNG LAI

F U T U R E S H O C K



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

